

**Khảo Cứu**  
**về**  
**Tâm Thức**  
**(Study In Consciousness)**

**ANNIE BESANT**

**Một đóng góp vào môn**  
**Tâm Lý Học**  
**(A contribution to the Science of Psychology)**

1959

Sửa chữa xong ngày 21/10/2019  
The Theosophical Publishing House  
Adyar – Madras 20 – India

*Dành cho những ai đi tìm đạo...*

## Lời nói đầu

Dụng ý của sách này là giúp cho các đạo sinh nghiên cứu về sự tăng trưởng và phát triển của tâm thức, đưa ra các gợi ý có thể giúp ích cho nhà nghiên cứu. Sách này không có kỳ vọng là một giải thích tỉ mỉ đầy đủ, mà đúng hơn, theo như tựa đề phụ của nó, chỉ là một đóng góp thêm cho khoa Tâm Lý Học mà thôi.

Trong tầm với của tôi có biết bao tài liệu cần thiết cho bất cứ một giải thích tỉ mỉ đầy đủ nào dành cho một khoa học có tầm quan trọng lớn lao bàn về việc khai mở tâm thức. Các tài liệu này từ từ được tích lũy trong tay của các đạo sinh thành tâm và cần mẫn, nhưng cho đến nay vẫn chưa có một nỗ lực nào để sắp xếp và hệ thống hóa các tài liệu đó thành một tổng thể có mạch lạc cả.

Trong quyển sách nhỏ này, tôi chỉ sắp xếp một phần nhỏ các tài liệu đó với hy vọng rằng bây giờ nó có thể hữu ích đối với một số người làm việc cần cù trong lĩnh vực rộng lớn này của Công Cuộc Tiến Hóa Tâm Thức, và trong tương lai, có thể dùng như là một viên đá trong việc xây dựng hoàn hảo hơn.

Cần có được một đại kiến trúc sư để dựng nên đền đài tri thức đó, và cần có được các tay thợ hồ kiệt xuất tài ba để điều khiển việc xây dựng. Hiện giờ, chúng ta chỉ đủ sức để làm công việc tập sự và chuẩn bị các hòn đá chưa được gọt dũa để cho những tay thợ thành thạo hơn nhiều sử dụng.

**Annie Besant**

# NỘI DUNG

<b>LỜI NÓI ĐẦU .....</b>	<b>3</b>
<b>PHẦN I .....</b>	<b>9</b>
Tâm Thức.....	9
<b>DẪN NHẬP .....</b>	<b>9</b>
1- Các cội nguồn .....	9
2- Cội nguồn của Chân Thần .....	18
<b>CHƯƠNG I .....</b>	<b>21</b>
<b>Chuẩn bị lãnh vực .....</b>	<b>21</b>
1- Tạo thành nguyên tử .....	21
2- Tinh thần – Vật chất .....	24
3- Các Cõi Phụ (The sub-planes) .....	26
4- Năm cõi.....	29
<b>CHƯƠNG II.....</b>	<b>32</b>
<b>Tâm Thức.....</b>	<b>32</b>
1- Ý nghĩa của từ ngữ.....	32
2- Các Chân Thần .....	42
<b>CHƯƠNG III .....</b>	<b>52</b>
<b>Cư dân thuộc lĩnh vực.....</b>	<b>52</b>
1- Chân Thần giáng hạ .....	52
2- Sự Đan Kết (weaving) .....	60

3- Bảy Luồng Thần Lực.....	65
4- Các Đấng Quang Minh .....	68
<b>CHƯƠNG IV .....</b>	<b>72</b>
<b>Nguyên tử thường tồn.....</b>	<b>72</b>
1- Sự Gắn Kết của các nguyên tử.....	72
2- Lưới Sự Sống.....	76
3- Việc chọn lựa các nguyên tử thường tồn .....	78
4- Công dụng của các nguyên tử thường tồn .....	80
5- Tác động của Chân Thần trên vi tử thường tồn .....	89
<b>CHƯƠNG V.....</b>	<b>94</b>
<b>Hồn – Khóm .....</b>	<b>94</b>
1- Định nghĩa danh từ.....	94
2- Sự Phân chia Hồn-Khóm .....	98
<b>CHƯƠNG VI .....</b>	<b>108</b>
<b>Sự Đồng Nhất Của Tâm Thức .....</b>	<b>108</b>
1- Một đơn vị Tâm thức.....	108
2- Tính đồng nhất của tâm thức hồng trần.....	110
3- Ý nghĩa của tâm thức hồng trần .....	116
<b>CHƯƠNG VII .....</b>	<b>122</b>
<b>Cơ Cấu của Tâm Thức .....</b>	<b>122</b>
1- Sự phát triển của cơ cấu.....	122
2- Thể cảm dục .....	129
3- Sự tương ứng trong các căn chủng (Root-Races) .....	133
<b>CHƯƠNG VIII .....</b>	<b>135</b>
<b>Các bước đầu của nhân loại.....</b>	<b>135</b>
1- Làn sóng sinh hoạt thứ ba .....	135
2- Sự phát triển của con người .....	138

3- Những linh hồn và thể xác thiếu hài hòa.....	142
4- Hé mở tâm thức trên cõi cảm dục.....	145

## **CHƯƠNG IX..... 152**

<b>Tâm thức và ngã thức.....</b>	<b>152</b>
1- Tâm thức .....	152
2- Ngã thức .....	156
3- Chân và giả.....	159

## **CHƯƠNG X..... 163**

<b>Các trạng thái tâm thức con người() .....</b>	<b>163</b>
1- Tiềm thức.....	163
2- Tâm thức tỉnh thức.....	166
3- Tâm thức siêu phàm .....	170

## **CHƯƠNG XI..... 184**

<b>Chân thần hoạt động .....</b>	<b>184</b>
1- Kiến tạo các hiện thể .....	184
2- Người tiến hóa.....	191
3- Tuyến yên và tuyến tùng quả .....	193
4- Con đường của tâm thức.....	196

## **CHƯƠNG XII ..... 198**

<b>Bản chất của ký ức.....</b>	<b>198</b>
1- Đại ngã và các tiểu ngã .....	198
2 – Những thay đổi trong các hiện thể và trong tâm thức. ....	202
3- Ký ức .....	204
4- Ký ức là gì?.....	206
5- Nhớ và quên .....	210
6- Sự chú ý .....	215
7- Tâm thức duy nhất .....	217

## **PHẦN II ..... 219**

Ý Chí, Dục Vọng và Tình Cảm..... 219

## **CHƯƠNG I ..... 219**

Ý muốn linh hoạt ..... 219

## **CHƯƠNG II..... 224**

**Dục vọng..... 224**

- 1- Bản chất của dục vọng..... 224
- 2- Việc đánh thức Dục Vọng ..... 228
- 3- Mối quan hệ của Dục Vọng với Tư Tưởng ..... 230
- 4- Dục Vọng, Tư Tưởng, Hành Động ..... 233
- 5- Bản chất ràng buộc của Dục Vọng ..... 234
- 6- Cắt đứt những ràng buộc ..... 236

## **CHƯƠNG III ..... 240**

**Dục Vọng (tiếp theo)..... 240**

- 1- Hiện thể của dục vọng ..... 240
- 2- Mâu thuẫn giữa Dục Vọng với Tư Tưởng ..... 245
- 3- Giá trị của một lý tưởng..... 248
- 4- Thanh luyện Dục Vọng..... 251

## **CHƯƠNG IV ..... 255**

**Xúc động..... 255**

- 1- Nguồn gốc xúc động ..... 255
- 2- Tác động của xúc động trong gia đình..... 259
- 3- Nguồn gốc đức tính ..... 264
- 4- Điều Phải và Điều Quấy ..... 266
- 5- Đức Hạnh và Chí Phúc ..... 267
- 6- Chuyển hóa xúc động thành đức hạnh và tật xấu ..... 269
- 7- Áp dụng lý thuyết này cho hạnh kiểm ..... 272
8. Các công dụng của xúc cảm ..... 273

## **CHƯƠNG V..... 279**

<b>Xúc cảm (tiếp theo)</b> .....	<b>279</b>
1- Huấn luyện xúc cảm.....	279
2. Sức mạnh lệch lạc của xúc cảm.....	283
3- Phương pháp chế ngự cảm xúc .....	285
4- Cách dùng xúc cảm .....	291
5- Giá trị của xúc cảm trong cơ tiến hóa.....	295

## **CHƯƠNG VI ..... 299**

<b>Ý Chí</b> .....	<b>299</b>
1- Ý Chí Giành Lại Sự Tự Do của Nó .....	299
2- Lý do có quá nhiều đấu tranh.....	309
3- Quyền năng của Ý Chí .....	314
4- Huyền linh thuật và Hắc thuật.....	321
3- Tiến vào cõi an bình.....	322



Khảo cứu về Tâm Thức



# Phần I

## Tâm Thức

### Dẫn Nhập

Chủ đề về việc khai mở tâm thức trong các sinh linh đang tiến hóa trong một Thái Dương Hệ là một chủ đề rất khó hiểu. Hiện tại, không một ai trong chúng ta có thể hy vọng làm gì nhiều hơn là hiểu được một phần nhỏ về sự phức tạp của việc đó, tuy nhiên chúng ta có thể nghiên cứu nó theo cách nào để cho chúng ta có thể lấp đầy một số lỗ hổng trong việc suy tư của chúng ta, đồng thời cũng có thể tạo được cho chúng ta một đường nét khá rõ ràng để hướng dẫn việc tu tập sau này của chúng ta.

Tuy nhiên, chúng ta không thể phác thảo được đường nét này theo bất cứ cách nào để làm thỏa mãn được trí óc chúng ta mà trước tiên không xem Thái Dương Hệ chúng ta như một tổng thể, đồng thời cố gắng để hiểu một ý tưởng nào đó, dù ý tưởng đó có thể mơ hồ đi nữa, về “các điều kiện ban đầu” (“the beginnings”) trong một hệ thống như thế.

#### **1- Các cội nguồn (origins)**

Chúng ta biết rằng vật chất (matter) trong một Thái Dương Hệ tồn tại dưới bảy biến thái lớn (great modifications) hay là cõi (planes). Trong số các cõi này có ba cõi thường được nói đến như là “ba cõi thấp” (“three worlds”), đó là cõi hồng trần, cõi tình cảm (cảm dục) và cõi trí, gọi theo thuyết

nguồn gốc vũ trụ của Ấn giáo là Triloki hay là Tribhuvanam, là nơi diễn ra cuộc tiến hóa bình thường của nhân loại.

Trên hai cõi kế tiếp, là cõi tinh thần – cõi của minh triết và quyền năng, đó là cõi Bồ đề và Niết bàn – diễn ra cuộc tiến hóa đặc thù của vị điểm đạo đồ <sup>(1)</sup>, sau lần điểm đạo thứ nhất của các Cuộc Điểm Đạo. Năm cõi này hợp thành trường tiến hóa của tâm thức, cho đến khi con người hòa nhập vào thiêng liêng.

Hai cõi vượt ngoài năm cõi trên tượng trưng cho lãnh vực hoạt động thiêng liêng, vây quanh và bao trùm tất cả, từ đó, mọi năng lượng thiêng liêng tuôn đổ ra để làm linh hoạt và bảo dưỡng toàn thể Thái Dương Hệ. Hiện giờ, hai cõi này hoàn toàn vượt ra ngoài sự hiểu biết của chúng ta, và một vài gợi ý được đưa ra liên quan đến hai cõi này có lẽ cũng đủ để cho thấy khả năng hiểu biết hạn chế của chúng ta. Chúng ta được dạy rằng hai cõi này là cõi của Tâm Thức thiêng liêng, trong đó Thượng Đế, hay Thượng Đế Ba Ngôi thiêng liêng biểu lộ, và từ nơi đó Ngài tỏa chiếu với cương vị là Đấng Sáng Tạo (Creator), Đấng Bảo Tồn (Preserver) và Đấng Hủy Diệt (Dissolver), phát triển một vũ trụ, duy trì vũ trụ đó trong chu kỳ sinh hóa của nó, thu hồi vũ trụ đó vào chính Ngài vào lúc kết thúc chu kỳ sinh hóa. Chúng ta được biết tên của hai cõi này như sau: cõi thấp là Anupadaka (Đại Niết Bàn), trong cõi đó “chưa có hiện thể nào được tạo thành”<sup>(2)</sup>, cõi cao là Adi (Tối Đại Niết Bàn), “cõi thứ nhất”, nền tảng của

---

<sup>1</sup> Đạo đồ: Đệ tử được điểm đạo - Initiate.(ND)

<sup>2</sup> Xuất phát từ Pranava-vada, một thủ bản Samskrit chưa xuất bản. (Nay đã được xuất bản dưới tên “Khoa học về Thánh Ngữ” hay Pranava-vada của Gargyayana).

một vũ trụ, nơi chống đỡ và cội nguồn (fount) của sự sống vũ trụ.

Như vậy, bảy cõi của một vũ trụ, tức Thái Dương Hệ, mà, như chúng ta thấy theo cách mô tả vắn tắt này, có thể được xem như tạo thành ba nhóm:

I- Trường biểu lộ của riêng Thượng Đế;

II- Trường tiến hóa siêu thường của nhân loại, tức trường tiến hóa của bậc điểm đạo;

III- Trường tiến hóa của giới hành khí, khoáng vật, thực vật, động vật và nhân loại bình thường. Chúng ta có thể thiết lập bảng sau:

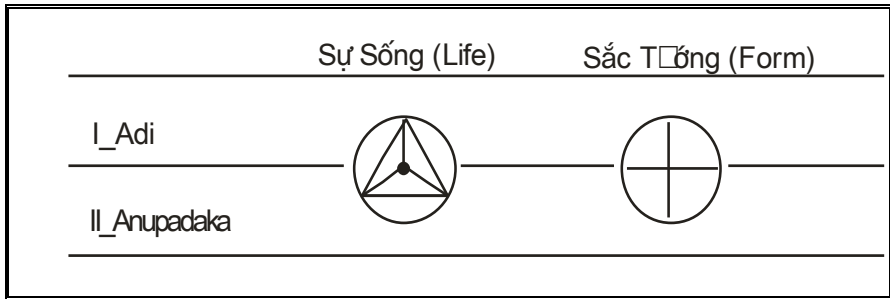
I- Adi	}	I- Trường biểu lộ của riêng Thượng Đế
II- Anupadaka		
III- Atmic	}	II- Trường tiến hóa siêu thường của nhân loại
IV- Buddhic		
V- Cõi trí	}	III- Trường tiến hóa của hành khí, khoáng vật, thực vật, động vật và nhân loại bình thường
VI- Cõi tình cảm		
VII- Cõi hồng trần		

[3] Hai cõi cao nhất có thể được nhận thức như là hiện hữu trước khi Thái Dương Hệ được tạo thành, và chúng ta có thể tưởng tượng, cõi cao nhất, tức cõi Tối Đại Niết Bàn (Adi), như là gồm có rất nhiều chất liệu không gian (matter of space) – được tượng trưng bằng các dấu chấm – khi Thượng Đế đánh dấu để tạo thành nền tảng vật chất của các hệ thống mà Ngài sắp sanh hóa (produce). Giống như một công nhân chọn ra vật liệu mà y sắp nắn tạo thành sản phẩm của mình, Thượng Đế cũng chọn vật liệu và vị trí (place) cho vũ trụ của Ngài.

Một cách tương tự, chúng ta có thể tưởng tượng cõi Đại Niết Bàn (Anupadaka) – được tượng trưng bằng các đường gạch ngang – như là gồm có cùng loại vật chất này được biến

đổi bằng sự sống cá biệt của Thượng Đế, được nhuộm màu (coloured) – dùng một ẩn dụ có ý nghĩa – bằng Tâm Thức làm linh hoạt vạn hữu của Thượng Đế, và như vậy theo một cách nào đó không giống với cõi tương ứng trong một Thái Dương Hệ khác.

Chúng ta được dạy rằng các sự kiện tối cao của công việc chuẩn bị này có thể được hình dung thêm bằng các biểu tượng. Trong số các biểu tượng này, chúng ta có được hai [4] nhóm (sets), một nhóm thể hiện một cách tượng trưng (images) cho sự biểu lộ tam phân của Tâm Thức Thượng Đế (Logic Consciousness), nhóm kia là sự thay đổi tam phân trong vật chất tương ứng với Sự Sống tam phân – tức trạng thái sự sống và trạng thái sắc tướng của Ba ngôi Thượng Đế. Chúng ta có thể đặt chúng cạnh nhau như là các diễn biến đồng thời :



Ở đây, chúng ta có, dưới Sự Sống, Điểm nguyên thủy trong tâm của Vòng Tròn, Thượng Đế với tư cách là Đấng Duy Nhất bên trong khối cầu bao quanh do Ngài tự đặt ra bằng vật chất tinh anh nhất, trong đó, Thượng Đế tự giới hạn Ngài cho mục đích biểu lộ, tỏa chiếu từ Bóng Tối (Darkness).

Một câu hỏi tức khắc nảy sinh: Tại sao có Ba Ngôi Thượng Đế? Ở đây chúng ta động chạm đến vấn đề sâu xa nhất của siêu hình học mà muốn giải thích ra, thậm chí không

được đúng lắm, cũng cần đến cả một quyển sách, đầu vậy chúng ta cũng phải nêu ra câu hỏi để được giải đáp bằng việc suy gẫm cật lực.

Khi phân tích mọi vật đang hiện hữu, chúng ta đi đến nét khái quát lớn như sau: [5] “Tất cả đều có thể chia thành “cái Ta” (“I”) và “Không Ta” (“Not I”), tức là “Ngã” (“Self”) và “Phi-Ngã” (“Not-Self”). Mọi vật riêng rẽ được cho là ở dưới mặt này hay mặt khác của đề mục Ngã hoặc Phi-Ngã. Không có gì mà không thể được đặt dưới một trong hai hình thức đó. “Ngã là Sự Sống, Tâm Thức; Phi-Ngã là Vật Chất, Hình Tướng (Form)”. Vậy thì, ở đây chúng ta có một nhị nguyên (duality). Nhưng Cặp Đôi (Twain) không phải là hai cái riêng biệt, cô lập và không có liên quan. Luôn luôn có mối liên hệ nằm giữa chúng, chúng luôn luôn tiến tới gần rồi tách ra xa, nhập lại và rời ra, sự tương tác này tự biểu lộ dưới hình thức vũ trụ hằng chuyển (ever-changing universe). Như vậy chúng ta có một Tam Nguyên (Trinity) chớ không phải một Nhị Nguyên, đó là Ngã, Phi-Ngã và Mối Liên Quan (Relation) giữa chúng. Nơi đây, tất cả đều được gộp chung, mọi vật và mọi mối liên hệ, đang có và có thể có, và do đó Ba (Three), không nhiều hơn mà cũng không ít hơn, là nền tảng của mọi vũ trụ trong toàn thể của chúng và của mỗi vũ trụ nói riêng<sup>(1)</sup>. Sự kiện căn bản này đặt lên trên mỗi Thượng Đế một tam bộ biểu lộ (triplicity of manifestation) trong một Thái Dương Hệ, và Cái Duy nhất (the One), tức Điểm (the Point), đi ra theo ba hướng đến chu vi của Vòng Vật Chất và quay trở về trên chính nó, biểu lộ một trạng thái khác ở mỗi chỗ

---

<sup>1</sup> Đạo sinh nên nghiên cứu kỹ “The Science of Peace” của Bhagavan Das, trong đó các vấn đề siêu hình học có liên quan được trình bày tỉ mỉ với sự khôn khéo hiếm có.

tiếp xúc với Vòng Tròn – ba biểu lộ căn bản của Tâm Thức: tức là Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động – Tam Bộ thiêng liêng hay Ba Ngôi (divine Triad or Trinity)<sup>(1)</sup>. Vì BẢN NGÃ Đại Đồng, tức Pratyag-atma, tức “Nội Ngã” (“Inner Self”), nghĩ đến Phi Ngã, nên đồng hóa chính Ngài với nó, do đó chia sẻ Bản Thể của Ngài với nó. Đây là Hoạt Động thiêng liêng, tức Sat, Sự Hiện Tồn được thêm vào cái Phi Hiện Tồn, Toàn Linh Trí. BẢN NGÃ, nhận thức chính Ngài là Minh Triết, là Chit, nguyên lý bảo tồn. BẢN NGÃ tự triệt thoái ra khỏi Phi Ngã dưới bản chất thuần khiết của chính Ngài, ấy là Bliss (Chí Phúc), [7] Ananda, thoát khỏi sắc tướng.

Mỗi Thượng Đế của một vũ trụ đều lặp lại Ngã Thức vũ trụ này: trong Hoạt Động của Ngài, Ngài là Trí sáng tạo, Kriya – tương ứng với Sat vũ trụ (universal Sat) – là Brahma của Ấn giáo, Chúa Thánh Thần của Thiên Chúa Giáo, Chochmah của Kabbalist (tín đồ Do Thái Bí Giáo). Trong sự Minh Triết của Ngài, Ngài là Lý Trí sắp xếp, bảo tồn, Jnana – tương ứng với Chit vũ trụ – là Vishnu của Ấn giáo, Chúa Con của Cơ Đốc giáo, Binah của Kabbalist. Trong sự Chí Phúc của Ngài, Ngài là Đấng Hủy Diệt (Dissolver) hình tướng, là Ý Chí, Ichchha – tương ứng với Ananda Vũ trụ – là Shiva của

---

1 Còn một cách thích hợp khác để diễn tả tam bộ này, đó là “Quyền Năng, Minh Triết và Bác Ái” (“Power, wisdom and Love”); nhưng tam bộ này lại thiếu mất Hoạt động (Activity) và nhân đôi Bác Ái, trừ phi Bác Ái được xem như cái tương đương của nó, vì về mặt bản thể, Bác ái là hoạt động (active). Theo tôi, Minh Triết và Bác Ái dường như là cùng một trạng thái tâm thức. Những gì biểu lộ bên trên như là Minh Triết, nhận thức về sự Hợp nhất, thì sẽ biểu lộ trong cõi sắc tướng như là Bác Ái, mãnh lực thu hút vốn mang lại sự Hợp nhất trong một thế giới có các thực thể riêng biệt.

Ấn giáo, Chúa Cha của Cơ đốc giáo, Kephher của Kabbalist. Như vậy, trong mỗi vũ trụ xuất hiện Thượng Đế Ba Ngôi, Ba Đấng sáng tạo, bảo tồn và hủy diệt vũ trụ của các Ngài, mỗi Đấng chủ yếu bộc lộ trong hoạt động của Ngài trong vũ trụ một trạng thái (Ngôi) chi phối, hai ngôi kia phụ thuộc vào Ngôi này, dù cho tất nhiên luôn luôn hiện hữu. Vậy thì mỗi Thượng Đế biểu lộ (manifested God) được nói đến như là Tam Vị Nhất Thể (Trinity). Việc nối kết (joining) của Ba Ngôi này, hay các giai đoạn biểu lộ, ở nơi các điểm tiếp xúc bên ngoài của chúng với [8] vòng tròn, tạo ra Tam Giác căn bản tiếp xúc với Vật Chất, mà, với ba Tam giác được làm bằng các đường thẳng được kẻ bởi Điểm (the Point), như vậy tạo thành Tứ Linh Diệu (Tetractys) thiêng liêng, đôi khi được gọi là Tứ Nguyên (Quaternary) Vũ trụ, Ba Ngôi thiêng liêng tiếp xúc với Vật Chất, sẵn sàng để sáng tạo. Toàn bộ các Ngôi này là Đại Hồn (Oversoul) của vũ trụ đang hiện tồn.

Trước tiên, chúng ta có thể xem qua các hiệu quả của các Ngôi (Trạng Thái) này dưới hình thức Sắc Tướng khi được đáp ứng với từ khóa cạnh vật chất. Dĩ nhiên, các hiệu quả này không do Thượng Đế của một Thái Dương Hệ, mà là do các tương ứng trong Vật Chất vũ trụ với Các Trạng Thái của Bản Ngã vũ trụ. Trạng thái Chí Phúc (Bliss), hay Ý Chí, áp đặt trên Vật Chất tính chất Tĩnh (Inertia) – là Tamas, năng lực đề kháng, sự ổn định, yên tĩnh. Trạng thái Hoạt Động mang lại cho Vật Chất tính chất đáp ứng của nó đối với hành động – là Rajas, tức tính chuyển động (mobility). Trạng thái Minh Triết mang lại cho nó tính chất Nhịp Nhàng (Rhythm) – là Satva, sự rung động, hài hòa. Chính nhờ sự trợ giúp của Vật Chất được chuẩn bị như thế nên các Trạng Thái của Tâm Thức Thượng Đế có thể tự biểu lộ dưới hình thức các Bản Thể (Beings). [9]

Thượng Đế – chưa phải là Ngôi Một, vì chưa có Ngôi Hai – được thấy như là một Điểm (Point) xạ ra một hình cầu Vật Chất, vẽ ra quanh Ngài như là lãnh vực của vũ trụ tương lai, tỏa sáng với vẻ huy hoàng không thể tưởng tượng, một Khối Ánh Sáng đích thực (true Mountain of Light) theo cách nói của Đức Bàn Cổ (Manu), nhưng Ánh Sáng đó vô hình, ngoại trừ trên các cõi tinh thần. Khối cầu vĩ đại này đã được nói đến như là Chất Liệu nguyên thủy (primary Substance): đó là Thượng Đế tự qui định (Self-conditioned Logos), bất phân ly ở mọi điểm với Vật chất mà Ngài dành riêng cho vũ trụ của Ngài, trước khi Ngài đích thân lấy ra khỏi đó một ít trong lần biểu lộ thứ hai: đó là Khối cầu của Thiên Ý tự qui định (Self-conditioning Will), vốn sẽ đưa đến Hoạt động sáng tạo: “Tôi là Cái Này” (“This”), khi “Cái Này”, tức Phi-Ngã, được nhận biết. Nói một cách tượng trưng – để đưa ra gợi ý về Sắc Tướng khi được thấy từ khía cạnh bên ngoài – Huyền Điểm (Point) rung động giữa tâm với chu vi, như vậy tạo thành Đường Thẳng (Line) đánh dấu việc tách rời của Tinh Thần và Vật Chất<sup>(1)</sup>, [10] làm cho việc nhận thức có thể xảy ra, và như vậy sinh ra Hình Hai cho Trạng Thái thứ hai, là Đấng (Being) mà chúng ta gọi là Thượng Đế Ngôi Hai, về mặt biểu tượng là Đường Thẳng hay Đường Kính của vòng tròn. Trong một câu nói huyền bí có nói đến Đường Kính

---

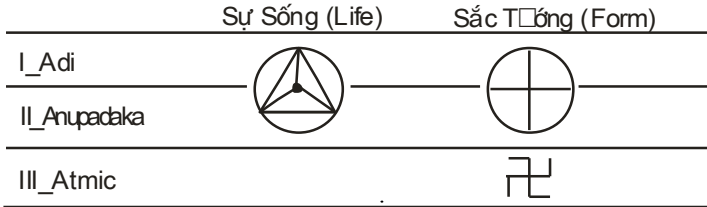
<sup>1</sup> Ở đây cần nhớ kỹ rằng việc “tách rời” (“drawing apart”) này là tách rời chỉ trong tâm thức mà thôi: ý tưởng về Tinh thần tách rời khỏi ý tưởng về vật chất. Trong vũ trụ hiện tượng, không có Tinh thần nào mà không bị chi phối (unconditioned) bởi vật chất, không có một phần tử vật chất nào mà không được làm linh hoạt (uninformed) bằng Tinh thần. Mọi hình tượng đều có tâm thức, mọi tâm thức đều có hình tượng (forms).



này: “Ngươi là Con Ta; ngày nay Ta đã sinh Ngươi” (Psalms, ii, 7) mối liên hệ của Cha và Con này nằm trong sự hợp nhất của Sự Sống Thiêng Liêng (Divine Existence) của Thượng Đế Ngôi Một và Ngôi Hai, dĩ nhiên thuộc về Ngày Biểu Lộ, tức chu kỳ sinh hoạt (Life-period) của một vũ trụ. Chính việc khai sinh ra Đấng Con (Son), tức sự xuất hiện của Thượng Đế Ngôi Hai, là Minh Triết, được ghi dấu trong thế giới Sắc Tướng bằng sự phân hóa, tức tách ra, của Tinh Thần và Vật chất, tức là hai cực mà giữa hai cực đó, mạng lưới của một vũ trụ được dệt nên. Cứ như là sự phân ly của Dòng Điện trung tính bất động – có thể tượng trưng cho Thượng Đế Ngôi Một – thành hình thức kép của dương và âm – tượng trưng cho Thượng Đế Ngôi Hai – như vậy tạo ra sự biểu lộ vô hiện (the unmanifest manifest). Sự phân ly này [11] bên trong Thượng Đế Ngôi Một được mô tả một cách sinh động cho chúng ta trong việc chuẩn bị cho việc sinh sản của tế bào (cell-multiplication) mà chúng ta có thể nghiên cứu trên cõi trần, trong đó chúng ta thấy các tiến trình dẫn đến sự xuất hiện của một vách phân chia, nhờ đó một tế bào duy nhất trở thành hai. Vì tất cả những gì xảy ra ở dưới đây (cõi trần) chỉ là phản ảnh trong vật chất thô trực của các diễn biến trên các cõi cao, và chúng ta có thể thường tìm thấy một cây nạng chống cho sự tưởng tượng khập khiểng của chúng ta trong các nghiên cứu của chúng ta về sự phát triển vật chất. “Trên sao, dưới vậy”. Cõi trần là phản ảnh của cõi tinh thần.

Kế đến, Huyền Điểm, với Đường Thẳng xoay quanh theo nó tạo ra rung động nơi các góc vuông theo với rung động trước, và như vậy tạo thành chữ Thập (Cross) vẫn ở trong vòng tròn, như thế chữ Thập “xuất phát từ Cha và Con”, biểu tượng của Thượng Đế Ngôi Ba, tức Thiên Trí Sáng Tạo Hoạt Động thiêng liêng bây giờ sẵn sàng để biểu lộ dưới

hình thức Đấng Sáng Tạo (Creator). Kế đến, Ngài tự biểu lộ như là Thập Giá Linh Hoạt hay là Svastika (chữ Vạn), Ngôi Một trong Ba Ngôi biểu lộ bên ngoài hai cõi cao nhất, đó là giai đoạn thứ ba của khai mở thiêng liêng.



## 2- Cội nguồn của Chân Thần

Trước khi nghiên cứu Hoạt Động sáng tạo của Thượng Đế Ngôi Ba, chúng ta phải xem xét cội nguồn của Chân Thần, tức là các Đơn vị Tâm Thức, vì sự tiến hóa của các Chân Thần trong vật chất mà trường tiến hóa của một vũ trụ phải được chuẩn bị. Chúng ta sẽ trở lại nghiên cứu Chân Thần một cách đầy đủ hơn trong chương II. Vô số các Đơn Vị Tâm Thức như thế cần được phát triển trong vũ trụ tương lai được sinh ra trong Sự Sống thiêng liêng, giống như các tế bào mầm trong cơ thể, trước khi lãnh vực dành cho sự tiến hóa của chúng được tạo ra. Về sự ban phát ra ngoài này, người ta đọc thấy: “CÁI ẤY muốn rằng: Tôi sẽ sinh sôi nảy nở và sẽ được sinh ra”. (“THAT willed: I shall multiply and be born”) (Chhandogyopanishat, ii, 3) và Vạn Thù (the Many) xuất phát trong Nhất Bản (the One) bằng tác động của Ý Chí. Ý Chí có hai trạng thái hút và đẩy, hút vào (inbreathing) và thở ra (outbreathing), khi trạng thái đẩy mạnh hơn (energize) thì có sự phân ly, tách rời.

Việc tăng bội bên trong Cái Duy Nhất bằng tác động của Ý Chí đánh dấu vị trí cội nguồn – Thượng Đế Ngôi Một,

Đấng bất phân ly, Từ Phụ Vĩnh Cửu. Đây là các tia linh quang (sparks) của Tối Thượng Hỏa (supreme Fire), “Các Mảnh thiêng liêng” (“divine Fragments”) ( Trích “Ánh Sáng trên Thánh Đạo”) thường được gọi là “Chân Thần” (“Monads”). Một Chân Thần là một mảnh nhỏ (fragment) của Sự Sống thiêng liêng, tách ra dưới hình thức một thực thể cá biệt bằng một màng mỏng bằng vật chất loãng nhất, vật chất trong đó loãng đến nỗi trong khi mang lại một hình hài riêng biệt cho mỗi thực thể, vật chất đó không gây một chướng ngại nào cho việc liên giao tự do của một sự sống được đóng khung trong đó với các sự sống tương tự ở chung quanh.

Như vậy, sự sống của Chân Thần là sự sống của Thượng Đế Ngôi Một, và do đó có ba trạng thái, đó là Tâm Thức hiện hữu với tư cách Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động. Sự sống này hình thành trên cõi Biểu lộ thiêng liêng, tức cõi thứ nhì, hay Anupadaka, các con của Từ Phụ (Father) chẳng khác nào Thượng Đế Ngôi Hai, nhưng là những Đứa Con trẻ trung không có được quyền năng thiêng liêng nào để có thể hoạt động trong loại vật chất trọng trực hơn là vật chất của các cõi riêng của chúng. Trong khi Thượng Đế với bao kỳ nguyên tiến hóa đằng sau, Ngài dễ dàng thực hiện các quyền năng thiêng liêng của Ngài, “Đứa con cả trong số nhiều anh em” (Romans, VIII, 29).

Chân Thần ngự tại cõi Đại Niết Bàn (Anupadaka plane), còn cội nguồn sự sống của Chơn Thần ở cõi Tối Đại Niết Bàn (Adi), cho đến nay không có các hiện thể để Chân Thần có thể tự biểu lộ trong đó, trông chờ ngày “biểu lộ của các Con Đức

Chúa Trời” (Romans, VIII, 19)<sup>(1)</sup>. Chân Thần chờ ở đây trong khi Thượng Đế Ngồi Ba bắt đầu công việc biểu lộ bên ngoài, tức công cuộc nắn tạo vũ trụ ngoại cảnh. Ngài sẽ dốc hết sự sống của Ngài vào vật chất, để nắn tạo nó thành các chất liệu thích hợp cho việc kiến tạo các hiện thể mà các Chân Thần cần dùng cho công cuộc tiến hóa của Chân Thần. Nhưng Ngài sẽ không bị kết hợp (merged) vào trong công việc của Ngài, vì công việc đó dường như bao la đối với chúng ta, nhưng đối với Ngài, đó chỉ là một điều nhỏ bé: “Sau khi đã thấm nhuần toàn thể vũ trụ này với một phần của chính Ta, Ta vẫn còn nguyên như cũ”. (Bhagavad-Gita, X, 42). Cá tính kỳ diệu đó không mất đi, và chỉ một phần trong đó cũng đủ cho sự sống của một vũ trụ. Thượng Đế, tức Đại Hồn, vẫn còn như cũ, vị Chúa của vũ trụ Ngài.




---

<sup>1</sup> Nguyên văn: “awaiting the day of “manifestation of the Sons of God”. Bản dịch của Thánh Kinh 2003: “trông đợi con cái Đức Chúa Trời được tỏ ra””(trang 157, phần Tân Ước).

## Chương I **Chuẩn bị lãnh vực**

### **1- Tạo thành nguyên tử**

Thượng Đế Ngôi Ba, tức Toàn Linh Trí, bắt đầu Hoạt động sáng tạo của Ngài bằng cách tác động trên vật chất được rút ra từ không gian vô tận theo mọi phía để tạo ra Thái Dương Hệ chúng ta. Vật chất này tồn tại trong không gian dưới những dạng thức mà ta không thể hiểu được, nhưng rõ ràng là đã được định hướng cho các Thái Dương Hệ to lớn hơn. Bà H.P. Blavatsky đã dạy chúng ta rằng các cõi phụ nguyên tử (atomic subplanes) thuộc các cõi của Thái Dương Hệ chúng ta tạo thành cõi vũ trụ thấp nhất hay là cõi vũ trụ thứ nhất. Nếu chúng ta hình dung các nguyên tử của cõi vũ trụ đó như được tượng trưng bằng [17] một nốt nhạc, thì các nguyên tử của vũ trụ chúng ta, do Thượng Đế Ngôi Ba tạo ra, có lẽ nên được tượng trưng bằng các âm bội (overtones) trong một nốt như thế. Điều có vẻ rõ rệt là các nguyên tử đó có liên quan chặt chẽ với “các nguyên tử không gian”, tương ứng với các nguyên tử không gian này, nhưng ở dạng thức hiện nay của các nguyên tử này thì lại không đồng nhất với các nguyên tử không gian. Nhưng bảy loại vật chất vốn trở thành “các nguyên tử” của chúng ta, được biểu thị trong vật chất được rút ra từ không gian để tạo thành Thái Dương Hệ, và cuối cùng được thu giảm (reducible) lần nữa để trở thành các nguyên tử của chúng ta. Bà Blavatsky ám chỉ đến việc phân chia thất phân được lặp lại để thành các nguyên tử ở cấp độ ngày càng thấp khi bà viết: “Nguyên tử Vũ Trụ Duy Nhất trở

thành bảy nguyên tử trên cõi vật chất, và mỗi nguyên tử này được biến đổi thành một trung tâm năng lượng. Cùng một nguyên tử này trở thành bảy tia (rays) trên cõi tinh thần ... riêng biệt nhau cho đến cuối thiên kiếp (kalpa), và tuy thế vẫn trong sự bao gồm mật thiết (in close embrace) “ (GLBN I, 696, ấn bản London 1928).

Bên ngoài các ranh giới của một vũ trụ, vật chất này ở trong một trạng thái rất đặc biệt; ba tính chất của vật chất là tịnh (inertia), động (mobility) và nhịp nhàng (rhythm)<sup>(1)</sup> được cân bằng với [18] nhau và ở trạng thái quân bình. Chúng có thể được hình dung như là đang nằm yên tĩnh trong một vòng tròn khép kín. Thực ra, theo một vài cổ thư, trong toàn bộ của nó, vật chất được mô tả ở vào trạng thái như là tịnh. Nó cũng còn được nói đến như là còn trinh nguyên (virgin); đó là Mary Đồng Trinh trên trời, đại dương vật chất nguyên trinh, nghĩa là với tác động của Thượng Đế Ngôi Ba sẽ trở thành Mẹ. Việc bắt đầu Hoạt Động sáng tạo này là việc phá vỡ vòng tròn khép kín đó, đưa các tính chất ra khỏi trạng thái ổn định thành trạng thái quân bình không ổn định (unstable equilibrium). Sự sống là chuyển động (motion) và Sự Sống của Thái Dương Thượng Đế – gọi một cách thi vị là Hơi Thở (Breath) của Ngài – chạm vào vật chất yên tĩnh này, đưa các tính chất của nó vào tình trạng quân bình không ổn định, và do đó ở vào tình trạng liên tục chuyển động liên quan với nhau. Trong chu kỳ sinh hoạt của một vũ trụ, vật chất bao giờ cũng ở vào tình trạng chuyển động không ngừng ở bên trong. Bà Blavatsky có nói: “Vũ trụ năng (Fohat) làm cứng lại và phân tán bảy Huynh Đệ... nạp điện vào sự sống và tách biệt (separate) chất liệu nguyên thủy (primordial stuff) hay vật

---

<sup>1</sup> Tịnh: tamas, động: rajas, nhịp: satva.

chất hỗn mang (pregenetic matter) thành các nguyên tử” (GLBN I, 105).

Việc tạo lập (formation) nguyên tử có ba [19] giai đoạn. Thứ nhất, ấn định ranh giới trong đó sự sống phú linh (ensouling life) – tức Sự Sống của Thượng Đế trong nguyên tử – sẽ rung động; việc hạn chế và qui định này đối với độ dài sóng của rung động, về mặt kỹ thuật được gọi là “số đo thiêng liêng” (“divine measure”)(<sup>1</sup>) việc này mang lại cho các nguyên tử của một cõi tính chất đặc thù riêng biệt của chúng.

Thứ hai, theo “số đo thiêng liêng” này, Thượng Đế vạch ra các đường (lines), để xác định sự sắp xếp (shape) của nguyên tử, các trục tăng trưởng (axes of growth) căn bản, mối quan hệ về góc (angular relation) của các trục này xác định hình thức (form), vốn là hình thức của nguyên tử vũ trụ tương ứng (<sup>2</sup>); sự tương đồng gần nhất với các trục này là các trục của các tinh thể.

Thứ ba, do mức độ rung động và mối quan hệ góc của các trục tăng trưởng với nhau, kích cỡ và hình dạng của bề mặt, nên chúng ta có thể nói bề mặt hay vách của nguyên tử đã được quyết định.

Như vậy, trong mỗi nguyên tử, chúng ta có phạm vi của sự sống phú linh của nó, các trục tăng trưởng của nó, và bề mặt (surface) hay vách bao bọc của nó.

[20] Trong số các nguyên tử như vậy, Thượng Đế Ngôi ba tạo ra năm loại khác nhau, năm “số đo” khác nhau ngụ ý năm sự rung động khác nhau, và mỗi loại tạo thành vật liệu cơ bản của một cõi; tuy nhiên, mỗi cõi với các đối tượng

---

<sup>1</sup> Tanmatra, tức số đo (the measure) của Cái Đó - “Cái Đó” (“That”) là Đấng Thiêng Liêng (Divine Spirit)

<sup>2</sup> Một cách tổng hợp (collectively), một Tattva.

(objects) khác nhau trong đó thì có loại nguyên tử cơ bản riêng của nó, mà cuối cùng bất kỳ đối tượng nào của nó đều có thể bị hạn chế vào loại nguyên tử đó.

## 2- Tinh thần – Vật chất

Có lẽ hình dung từ Tinh thần–Vật chất sẽ được hiểu rõ hơn nếu chúng ta tạm ngưng một lúc trên phương pháp tạo ra nguyên tử của các cõi kế tiếp.

Vật chất của không gian chung quanh mỗi Thái Dương Hệ là Cội Rễ của Vật chất [Root of Matter, tức Hồn nguyên khí (Mulaprakriti) của Thái Dương Hệ đó] theo cách gọi sinh động của Ấn giáo. Vật chất của mỗi Thái Dương Hệ đều lấy chất liệu bao quanh đó làm căn cội hay nền tảng của nó, và vật chất đặc biệt của chính nó nảy sinh từ đó. Thượng Đế, hay Đại Hồn (Oversoul), của Thái Dương Hệ, thu hút lại quanh Ngài vật chất cần thiết từ không gian, làm cho vật chất đó sinh động (ensoul) bằng chính sự sống của Ngài, và sự sống bên trong [21] vật chất tinh anh này, hay Hồn nguyên khí này, là Atma, là SELF, là Tinh Thần (spirit), trong mỗi hạt (particle). Bà Blavatsky nói: “Fohat – là năng lượng của Thượng Đế – xoi các lỗ (holes) trong không gian”, quả không còn cách mô tả nào có thể tinh tế và chính xác hơn nữa. Năng lượng xoay tít này tạo thành vô số lốc xoáy (vortices), mỗi lốc xoáy được hình thành bằng năng lượng thiêng liêng và các trục tăng trưởng, rồi mỗi trục được phủ bọc (shelled) bằng vật chất không gian, Atma ở trong một lớp vỏ Hồn nguyên khí, tinh thần ở trong một lớp vỏ vật chất, là “các nguyên tử” của cõi Tối Đại Niết Bàn, hay cõi cao nhất, là cõi thứ nhất.

Một số các nguyên tử này vẫn đóng vai trò “các nguyên tử”; một số khác nhập chung lại với nhau và hợp thành “các



phân tử”, “các phân tử” cũng nhập chung lại và tạo thành các kết hợp phân tử phức tạp hơn; và cứ thế tiếp tục cho đến khi sáu cõi phụ dưới cõi nguyên tử được tạo thành. [Điều này là do sự tương đồng với những gì có thể được quan sát ở cõi dưới, vì các cõi cao nhất này đều không thể nhận thức được].

Bây giờ nói đến việc tạo lập nguyên tử ở cõi thứ nhì: Số đo và các trục tăng trưởng của chúng cũng được Thượng Đế Ngôi Ba ấn định như mô tả ở trên. Một số nguyên tử của cõi Tối Đại Niết Bàn (Adi), hay cõi thứ nhất, thu hút lại chung quanh chúng một cái vỏ gồm các kết hợp của cõi phụ thấp nhất của chính chúng. Tinh Thần *cộng thêm với lớp vỏ nguyên thủy của nó* [22] *bằng chất vũ trụ* (Hỗn nguyên khí), hay là nguyên tử của cõi thứ nhất, là tinh thần của cõi thứ hai và thẩm nhuần lớp vỏ mới, được làm bằng các kết hợp ở cấp thấp nhất của chính nó. Các vỏ này khi được làm cho linh hoạt như thế, trở thành các nguyên tử của cõi Đại Niết Bàn (Anupadaka plane), hay cõi thứ nhì. Bằng các tập hợp càng lúc càng phức tạp hơn của các nguyên tử này, sáu cõi phụ còn lại cũng xuất hiện. Một số các Nguyên tử của cõi Đại Niết Bàn, với cách thức giống như thế, cũng được bao bọc với các tập hợp của cõi phụ thấp nhất của chính chúng, và như thế trở thành các nguyên tử cõi Niết Bàn (atmic atoms). Bây giờ Tinh Thần được bọc với hai lớp vỏ, bên trong vách nguyên tử của nó gồm các tập hợp thuộc cõi phụ thấp nhất của cõi Đại Niết Bàn, và cái Tinh Thần nguyên thủy, hay Sự Sống, *cộng với hai lớp vỏ của nó*, được gọi là tinh thần của cõi Niết Bàn (Atmic plane), trong khi vách nguyên tử của nó được xem như là vật chất.

Một lần nữa, nguyên tử này được bọc trong các tập hợp của cõi phụ thấp nhất của cõi Niết Bàn, lại trở thành nguyên tử của cõi Bồ Đề. Như vậy, Tinh Thần trên cõi Bồ Đề có ba

màng mỏng bao bọc, bên trong lớp vỏ nguyên tử của nó bằng các tập hợp thấp nhất của cõi Niết Bàn.

Trên cõi trí, tinh thần có bốn lớp vỏ bên trong [23] vách nguyên tử, trên cõi cảm dục, Tinh thần có năm lớp vỏ, và trên cõi trần là sáu lớp vỏ, với vách nguyên tử trong mỗi trường hợp phụ thêm.

Nhưng Tinh Thần *cộng với tất cả các vỏ bọc của nó* (trừ lớp ngoài cùng) luôn luôn được xem là Tinh Thần, còn lớp vỏ ngoài chỉ được xem là sắc tướng (form) hay là xác thân (body). Chính sự tiến hóa hướng hạ (involution) này của Tinh Thần làm cho sự tiến hóa thăng thượng (evolution) có thể xảy ra, và sự mô tả này có thể nghe như phức tạp, chứ nguyên lý thì đơn giản và có thể hiểu được dễ dàng. Như thế quả thật chúng ta có thể nói là “tinh thần-vật chất” có ở khắp nơi.

### 3- Các Cõi Phụ (The sub-planes)

Các cực vi tử (ultimate atoms) của cõi trần không phải là các “nguyên tử” (“atoms”) của nhà hóa học hiện đại. Các cực vi tử này được tập hợp thành các nhóm điển hình liên tục (successive typical groups), tạo thành “các trạng thái của vật chất” (“states of matter”), còn các nguyên tử hóa học có thể thuộc vào trạng thái thứ năm, thứ sáu hoặc thứ bảy trong số các trạng thái này, là một chất hơi, một chất lỏng hoặc một chất đặc. Các trạng thái hơi, lỏng và đặc của vật chất thì quen thuộc, hoặc, như chúng thường được gọi là các cõi phụ hơi, lỏng và đặc; [24] và trên trạng thái hơi là bốn trạng thái ít quen thuộc, là ba trạng thái dĩ thái (etheric states) của vật chất, hay ba cõi phụ dĩ thái, và cõi phụ nguyên tử thực sự. Các nguyên tử thực sự này được tập hợp thành các nhóm, khi đó tác động như là các đơn vị, và các nhóm này được gọi là các phân tử. Các nguyên tử trong một phân tử được giữ



Điều quan trọng cần nhớ là các cõi đều xuyên thấu vào nhau và các cõi phụ tương ứng đều trực tiếp liên quan nhau chứ không thực sự tách rời nhau bởi các lớp nằm giữa bằng vật chất trọng trực. Như vậy chúng ta đừng nên nghĩ rằng các cõi phụ nguyên tử (atomic sub-planes) bị tách rời với nhau bởi sáu cõi phụ có độ trọng trực luôn tăng lên, mà thực ra chúng có liên hệ trực tiếp với nhau. Chúng ta hình dung được điều này trong giản đồ trên.

Cần phải hiểu rằng đây là một giản đồ (diagram) chứ không phải là một hình ảnh (picture), nghĩa là nó tượng trưng cho các liên hệ, chứ không phải là các sự kiện cụ thể – các liên hệ hiện có giữa các cõi do sự xuyên thấu vào nhau của chúng, chứ không phải là 49 viên gạch riêng biệt được đặt thành bảy dãy, cái này trên đỉnh cái kia.

Đây là mối liên hệ rất quan trọng vì nó hàm ý rằng sự sống có thể chuyển từ cõi này đến cõi khác bằng con đường ngắn của các cõi phụ nguyên tử thông thương nhau, và tất nhiên không cần chạy vòng qua sáu cõi phụ phân tử trước khi nó có thể đạt tới cõi phụ nguyên tử kế tiếp để tiếp tục con đường đi xuống của nó. Quả vậy, ngay sau đây chúng ta sẽ thấy rằng các luồng sinh khí (life-streams) từ Chân Thần rõ ràng là đi theo con đường nguyên tử này để xuống cõi trần. Nếu bây giờ chúng ta xem xét một nguyên tử vật chất, nhìn nó như một tổng thể, chúng ta sẽ thấy một xoáy sinh lực (vortex of life), là sự sống của Thượng Đế Ngôi Ba, xoay với sự nhanh chóng không thể tưởng tượng. Do lực hút giữa các xoáy đang xoay tròn này mà các phân tử được tạo nên, các cõi cùng với các cõi phụ của nó được thành lập. Nhưng ở bề mặt giới hạn của xoáy xoay tròn này là các loa tuyến (spirillae), tức là các luồng xoắn (whirling currents), mỗi luồng thẳng góc với luồng bên trong nó và luồng bên ngoài

nó. Các luồng xoắn này được tạo ra bằng sự sống của Chân Thần, chứ không phải bằng sự sống của Thượng Đế Ngôi Ba, và không ở vào giai đoạn đầu mà chúng ta đang xem xét. Chúng phát triển hết cái này đến cái khác vào hoạt động đầy đủ trong diễn trình tiến hóa, thông thường có một đường trong mỗi Cuộc Tuần Hoàn (Round). Thực ra các phần chưa phát triển đầy đủ (rudiments) của chúng được hoàn thành ở Cuộc Tuần Hoàn Thứ Tư [28] bởi tác động của Thượng Đế Ngôi Hai, nhưng luồng sinh lực của Chân Thần chỉ luân lưu trong bốn đường xoắn mà thôi, còn ba đường kia chỉ cho thấy còn yếu ớt.

Các nguyên tử thuộc các cõi cao được tạo thành theo cùng kế hoạch chung, về phần xoáy lực trung ương của Thượng Đế và các luồng đang bao quanh của nó, nhưng hiện nay chúng ta không biết được mọi chi tiết. Nhiều cách thực hành Yoga là nhằm vào việc mang lại sự tiến hóa nhanh hơn cho các nguyên tử bằng cách đẩy mạnh công việc làm sinh động loa tuyến này của Chân Thần lên nguyên tử. Khi các luồng sự sống Chân Thần được đưa thêm vào xoáy lực của Thượng Đế, thì nốt sự sống (note of life) trở nên ngày càng phong phú hơn. Chúng ta có thể so sánh xoáy trung ương với nốt căn bản, còn các luồng xoáy tròn như là các họa âm (overtones). Khi đưa thêm vào mỗi họa âm có nghĩa là gia thêm sự phong phú cho nốt căn bản. Như vậy các mảnh lực mới, các nét đẹp mới luôn luôn được đưa thêm vào bảy hợp âm của sự sống.

#### 4- Năm cõi

Các đáp ứng khác nhau mà vật chất của các cõi (planes, cảnh giới) sẽ mang lại sau đó dưới [29] xung lực của tâm thức, tùy thuộc vào công việc của Thượng Đế Ngôi Ba, tùy

thuộc vào “số đo thiêng liêng” (“measure”) mà Thượng Đế đặt giới hạn cho nguyên tử. Như chúng ta đã thấy, nguyên tử của mỗi cõi đều có số đo riêng của nó, và điều này làm hạn chế khả năng đáp ứng của nó, tác động rung động của nó và đem lại cho nó tính chất đặc thù của nó. Giống như con mắt được cấu tạo sao cho nó có thể đáp ứng được với các rung động của chất dĩ thái trong một chừng mực nào đó, cũng thế, do cấu tạo của nó mà mỗi loại nguyên tử có thể đáp ứng với các rung động trong một chừng mực nào đó. Một cõi được gọi là cõi làm bằng “chất trí” (“mind-stuff”) bởi vì “số đo” của các nguyên tử của cõi ấy làm cho sự đáp ứng chủ yếu của chúng với những gì đáp ứng được với một mức độ các rung động nào đó đối với Trạng Thái Tri Thức của Thượng Đế khi được điều chỉnh (modified) bởi Hoạt Động Sáng Tạo<sup>(1)</sup>.

Một cõi khác được gọi là cõi của “chất dục vọng” (“desire-stuff”) bởi vì “số đo” của các nguyên tử của cõi đó làm cho sự đáp ứng chủ yếu của chúng với những gì đáp ứng với một mức độ các rung động nào đó của Trạng Thái Ý Chí (Ichchha) của Thượng Đế.

Như vậy mỗi loại nguyên tử [30] có năng lực đáp ứng đặc biệt của riêng nó, được định đoạt bởi mức độ rung động của riêng nó. Trong mỗi nguyên tử có hàm tàng vô số khả năng (possibilities) đáp ứng với ba trạng thái tâm thức, và các khả năng này bên trong nguyên tử sẽ được làm lộ ra ngoài nguyên tử dưới hình thức các mãnh lực (powers) trong diễn trình tiến hóa. Nhưng khả năng (capacity) đáp ứng của vật chất và bản chất của sự đáp ứng đều được quyết định bởi tác động ban đầu (original action) của Bản Ngã tam phân (triple

---

<sup>1</sup> Chit tác động trên Kriya, nghĩa là Minh Triết tác động trên Hoạt Động tạo ra Manas, Trí Tuệ (Mind)

Self) lên trên nó, và bởi “số đo” mà Thượng Đế Ngôi Ba áp đặt lên các nguyên tử đó. Bằng quyền năng vô hạn của vô số năng lực rung động của chính Ngài, Thượng Đế Ngôi Ba ban một phần nào đó năng lực này cho vật chất của một Thái Dương Hệ đặc biệt trong một chu kỳ tiến hóa đặc biệt. Năng lực này được in sâu vào vật chất bởi Thượng Đế Ngôi Ba và bao giờ cũng được duy trì trong vật chất bởi sự sống của Ngài được đưa vào (infolded) trong nguyên tử. Năm trường tiến hóa để cho tâm thức phát triển được tạo thành như thế đó.

Công việc này của Thượng Đế Ngôi Ba thường được nói đến như là Luồng Sóng Sinh Hoạt Thứ Nhất (First Life-Wave).



[31]

## Chương II Tâm Thức

### 1- Ý nghĩa của từ ngữ

Bây giờ chúng ta hãy xét xem tâm thức (consciousness) có ý nghĩa là gì và xem coi việc nghiên cứu này có bắc được cho chúng ta “nhịp cầu” được mong đợi nhiều (vốn là nỗi thất vọng của tư tưởng hiện đại) giữa tâm thức với vật chất, để cho chúng ta có thể san bằng được “hố ngăn cách” (“gulf”) lúc nào cũng bị cho là hiện hữu giữa tâm thức với vật chất.

Bắt đầu bằng việc định nghĩa các thuật ngữ: tâm thức và sự sống đều là một (identical), hai danh xưng dành cho một sự việc duy nhất khi được xét từ bên trong lẫn từ bên ngoài. Không một sự sống nào mà không có tâm thức, không có tâm thức nào mà không có sự sống. Khi chúng ta tách biệt chúng một cách mơ hồ trong tư tưởng và phân tích những gì mà chúng ta đã làm, chúng ta thấy rằng chúng ta đã gọi tâm thức được chuyển vào trong bằng cái tên sự sống, còn sự sống [32] được chuyển ra ngoài bằng cái tên tâm thức. Khi sự chú tâm của chúng ta được gắn chặt vào tính đồng nhất (unity) thì chúng ta gọi là sự sống; còn khi sự chú ý đó đặt vào cái đa tạp (multiplicity) thì chúng ta gọi đó là tâm thức, chúng ta quên mất rằng cái đa tạp là do bởi vật chất và là tinh túy (essence) của vật chất, tức là bề mặt phản chiếu, trong đó Nhất Bản (the One) trở thành Vạn Thủ (the Many).



Khi nói rằng sự sống “hữu thức ít hoặc nhiều”, thì đó không phải là nghĩ đến sự sống trừu tượng, mà là “một vật sống” (“a living thing”) có ý thức nhiều hay ít về chung quanh nó. Việc tri thức được ít hay nhiều tùy thuộc vào độ dày đặc, độ trọng trực (density) của tấm màn bao phủ vốn làm cho nó thành một vật sống, tách biệt với đồng bào của nó. Tiêu hủy tấm màn che ấy trong tư tưởng, là bạn cũng tiêu hủy luôn sự sống trong tư tưởng, và TẤT CẢ (the ALL) ở trong CÁI ĐÓ (THAT), trong đó, mọi đối cực (opposites) đều được phân giải.

Điều này đưa chúng ta tới quan điểm kế tiếp của chúng ta: sự hiện hữu của tâm thức hàm ý có một sự chia rẽ thành hai trạng thái của cái Đơn Nhất (unity) căn bản nằm dưới vạn hữu. Danh xưng hiện đại của tâm thức (consciousness) là “tri thức” (“awareness”) cũng hàm ý điều này. Vì bạn không thể treo tri thức vào chỗ trống không; tri thức hàm ý một điều gì đó được người ta nhận biết, sau rốt đó là một nhị nguyên (a duality), bằng không tri thức không hiện hữu. Nhị nguyên này nằm dưới hình thức trừu tượng cao nhất của tâm thức, của tri thức; tâm thức sẽ không còn nếu ý thức giới hạn không có, vì tâm thức dựa vào giới hạn mới tồn tại được. Về mặt thực chất, tri thức là tri thức về *cái giới hạn* (awareness of *limitation*), còn tri thức về *những cái khác* (*others*) chỉ là tri thức thứ yếu. Tri thức về những cái khác xuất hiện cùng với cái mà chúng ta gọi là Ngã thức (self-consciousness, self-awareness). Hai-trong-Một (Twain-in-One) trừu tượng này, như tâm thức-giới hạn (consciousness-limitation), tinh thần-vật chất, sự sống-sắc tướng (life-form) bao giờ cũng bất khả phân ly, chúng cùng xuất hiện và cùng biến mất; chúng chỉ tồn tại nhờ liên kết với nhau; chúng tan hòa thành một Nhất

Nguyên (Unity) tất nhiên không dễ nhận thấy, là sự tổng hợp tối thượng ( the supreme synthesis).

“Trên sao, dưới vậy”. Lần nữa hãy để cho “cái dưới” (“the below”) giúp chúng ta; chúng ta hãy xem tâm thức lúc nó xuất hiện khi xét từ khía cạnh sắc tướng, khi chúng ta gặp nó trong một vũ trụ có các sự vật được nhận biết. Dòng điện chỉ biểu lộ dưới hình thức điện dương và điện âm. Khi cả hai trung hòa nhau, thì dòng điện biến mất. Trong mọi vật đều có [34] điện, ở dạng trung hòa, không hiện ra. Điện có thể xuất hiện từ mọi vật, nhưng không chỉ dưới hình thức điện dương hoặc dưới hình thức điện âm; luôn luôn số lượng của cả hai quân bình, đối lập nhau, và cả hai luôn có khuynh hướng tái nhập (re-enter) vào nhau thành cái hư không bề ngoài (apparent nothingness), vốn không phải là hư không mà là cội nguồn như nhau của cả hai (the source equally of both).

Nhưng nếu điều này là thế thì cái gì trở thành “hố ngăn cách” (“gulf”)? “Nhịp cầu” cần để làm gì? Tâm thức và vật chất ảnh hưởng lẫn nhau bởi vì chúng là hai thành phần của một tổng thể, cả hai xuất hiện khi chúng tách ra, cả hai biến đi khi chúng hợp nhất, và khi chúng tách ra thì luôn luôn có mối liên hệ tồn tại giữa chúng<sup>(1)</sup>. Không có cái gì gọi là một đơn vị hữu thức mà không bao gồm lưỡng nguyên bất phân ly này, một nam châm có hai cực luôn luôn có liên quan với nhau.

---

<sup>1</sup> Mối liên hệ đó là từ điển, nhưng từ điển ấy thuộc loại tinh tế nhất, gọi là Fohat hay Daiviprakriti, tức “Diệu Quang của Thượng Đế” (“The Light of the Logos”). Đó là Chất Liệu (Substance) và trong đó, tinh hoa của tâm thức và tinh hoa của vật chất hiện hữu, được phân cực (polarized) nhưng không tách rời.

Chúng ta nghĩ đến một cái gì đó riêng biệt mà chúng ta gọi là Tâm Thức, và thắc mắc làm sao mà nó tác động lên một [35] cái riêng biệt khác mà chúng ta gọi là vật chất. Không hề có hai điều riêng biệt như thế đâu, tuy cả hai được tách riêng nhưng lại là các trạng thái bất phân ly của CÁI ĐÓ (THAT), ở bên ngoài cả hai, vô hiện (unmanifest), nên không thể biểu lộ một mình dưới trạng thái này hoặc trạng thái kia, mà đồng thời biểu lộ trong cả hai. Không khi nào có mặt trước mà không có mặt sau, có trên mà không có dưới, có ngoài mà không có trong, có tinh thần mà không có vật chất. Chúng tác động với nhau vì là các phần không thể phân ly của một cái hợp nhất, biểu lộ như là một lưỡng nguyên trong không gian và thời gian. “Hố ngăn cách” chỉ xuất hiện khi chúng ta nghĩ đến một “tinh thần” hoàn toàn phi vật chất (immaterial) và một “thể” (“body”) hoàn toàn vật chất – nghĩa là nghĩ đến hai sự việc mà không cái nào tồn tại cả. Không có tinh thần nào mà không bị bao bọc bằng vật chất, không có vật chất nào mà không được tinh thần làm cho linh hoạt. Bản Ngã tách rời (1) cao nhất cũng có lớp mỏng vật chất của nó, và dù cho một Bản Ngã như thế được gọi là “một tinh thần” bởi vì trạng thái-tâm thức chiếm ưu thế, ít nhất cũng đúng rằng nó có lớp vỏ vật chất đang rung động của nó và rằng từ lớp vỏ này phát ra mọi xung lực, xung lực đó tác động liên tiếp vào tất cả các lớp vỏ vật chất trọng trực khác. Nói như vậy không phải là để vật chất hóa (materialize) tâm thức [36] mà chỉ là để nhận thức sự kiện rằng hai đối cực nguyên thủy, tức tâm thức và vật chất, được ràng buộc chặt chẽ vào nhau, không bao giờ tách ra cho dù ở trong Bản thể (Being) cao nhất. Vật chất là sự giới hạn, và không có sự giới hạn này thì tâm thức

---

<sup>1</sup> Separated Self: Bản Ngã đã tách rời Chân Thần (ND).

cũng không có nốt. Thế nên thay vì vật chất hóa tâm thức, ta nên xem tâm thức *như là một ý niệm* tương phản rõ rệt với vật chất, nhưng nên nhận thức thêm một sự thực rằng *trong một thực thể*, không có cái này thì cũng không có cái kia. Vật chất trọng trọc nhất, chất hồng trần, cũng có hạt nhân tâm thức của nó. Chất hơi, hòn đá, kim loại đều sống động, đều có ý thức, có hiểu biết. Như thế, ở một nhiệt độ nào đó, dưỡng khí (oxygen) trở nên biết được khinh khí (hydrogen) và lao vào kết hợp với khinh khí.

Bây giờ chúng ta hãy nghiên cứu tâm thức từ bên trong và xem xét ý nghĩ của câu “Vật chất là sự giới hạn” (Matter is limitation), Tâm thức là Thực Tại duy nhất (one Reality) theo ý nghĩa đầy đủ nhất của câu nói được dùng nhiều đó; theo câu này thì bất cứ thực tại nào được thấy ở bất cứ nơi đâu cũng đều được rút ra từ tâm thức. Vậy thì, mọi điều được suy tưởng, thì tồn tại (is). Tâm thức, mà trong đó *mọi vật* (ở đây, *mọi vật* hiểu theo sát nghĩa) “có thể có” (“possible”) cũng như “có thực” (“actual”) – “có thực” là những gì [37] được nghĩ đến như là đang tồn tại bởi một tâm thức riêng biệt trong thời gian và không gian, còn “có thể có” là tất cả những gì không được nghĩ đến như thế vào bất cứ thời kỳ nào trong thời gian, và bất cứ điểm nào trong không gian – thì chúng ta gọi là Tâm Thức Tuyệt Đối. Đó là cái TỔNG THỂ (the All), cái VĨNH HẰNG, cái VÔ BIÊN, cái BẤT BIẾN (Changeless).

Tâm thức, khi nghĩ đến thời gian và không gian, và nghĩ đến mọi hình tướng như đang tồn tại trong chúng, lần lượt và ở nhiều nơi, thì đó là Tâm Thức Phổ Quát (Universal Consciousness), Đấng Duy Nhất, mà Ấn Giáo gọi là Saguna Brahman – Đấng Vĩnh Hằng với các thuộc tính – Pratyag-Atma-Inner Self (Nội Ngã); Cơ đốc giáo gọi là Đức Chúa Trời

(God); Hỏa giáo gọi là Hormuzd; Hồi giáo gọi là Allah. Tâm thức, khi có liên quan với một thời gian rõ rệt, dù ngắn hay dài, với một không gian nhất định, dù rộng lớn hoặc có giới hạn, thì đó là tâm thức cá nhân, tâm thức của một Đấng cụ thể, một vị Chúa Tể (Lord) của nhiều vũ trụ hoặc một số vũ trụ, hoặc một vũ trụ, hoặc của bất cứ cái gọi là một phần của một vũ trụ, do đó, phần của Ngài và đối với Ngài là một vũ trụ – các thuật ngữ này thay đổi về qui mô với sức mạnh của tâm thức; chừng nào mà tư tưởng đại đồng có thể hoàn toàn tư duy như một tâm thức riêng biệt, nghĩa là, y có thể [38] áp đặt lên đó thực tại của riêng y, có thể nghĩ đến như là tồn tại giống y, thì đó là vũ trụ của y.

Đối với mỗi vũ trụ, Đấng vốn là Chúa Tể của vũ trụ đó, ban ra một phần đóng góp của Thực Tại vĩnh viễn riêng của Ngài; nhưng Ngài luôn luôn bị giới hạn và kiểm soát bởi tư tưởng của vị cấp trên của Ngài, là vị Chúa Tể của vũ trụ mà trong đó Ngài hiện hữu như một sắc tướng. Như vậy, chúng ta là những con người tồn tại trong một Thái Dương Hệ, được bao quanh bởi vô số các hình tướng vốn là các hình tư tưởng của Thái Dương Thượng Đế của chúng ta, là Đấng Ishvara hay Đấng Cai Quản (Ruler) của chúng ta; “số đo thiêng liêng” và “các trục phát triển” do Thượng Đế Ngôi Ba nghĩ ra, chi phối hình dạng của các nguyên tử của chúng ta, và cái bề mặt (surface) do Ngài nghĩ ra là giới hạn của nguyên tử và cung cấp sức đề kháng cho tất cả các nguyên tử tương tự. Như thế chúng ta thu nhận vật liệu của chúng ta và không thể biến đổi nó, trừ phi bằng cách dùng những phương pháp cũng được làm bằng tư tưởng của Thượng Đế. Chỉ chừng nào tư tưởng của Thượng Đế còn tiếp tục, thì các nguyên tử cùng với mọi thứ được tạo từ chúng mới tiếp tục tồn tại, vì chúng không có Thực Tại nào cả, ngoại trừ cái Thực

Tại đã được tư tưởng của Thượng Đế ban cho. Bao lâu mà Thượng Đế còn lưu giữ các nguyên tử lại dưới hình thức thân thể của Ngài bằng cách phán rằng: “Ta là cái này (This); các nguyên tử này là thân thể Ta; chúng chia sẻ sự sống của Ta”, thì [39] chừng đó các nguyên tử sẽ áp đặt chính chúng như là thực tại lên trên mọi sinh linh trong Thái Dương Hệ này, với tâm thức được khoác trong vỏ ngoài giống nhau.

Vào cuối Ngày Biểu Lộ, Thượng Đế phán: “Ta không phải là cái này; các nguyên tử này không còn là thân thể Ta nữa; chúng không còn chia sẻ sự sống của Ta” thì bấy giờ các nguyên tử sẽ tan biến như con mơ, những gì sẽ còn lại chỉ là hình tư tưởng của Đấng Tối Cao của một Thái Dương Hệ bao la hơn.

Như vậy, giống như các Tinh Quân (Spirits), chúng ta vốn đã mang tính chất thiêng liêng không thể phủ nhận, với mọi vẻ huy hoàng và khoáng đạt mà thuật ngữ đó hàm chứa. Nhưng chúng ta được khoác trong loại vật chất vốn không phải là vật chất của chúng ta, mà là hình tư tưởng của Đấng Cai Quản (Rulers) Thái Dương Hệ của chúng ta – rồi lại bị chi phối bởi các Đấng Cai Quản của các hệ thống rộng lớn hơn mà Thái Dương Hệ chúng ta nằm trong đó – và chúng ta chỉ đang từ từ học cách chế ngự và sử dụng nó. Khi chúng ta hiểu được chúng ta vốn là một với Đấng Cai Quản chúng ta, thì bấy giờ vật chất sẽ không còn quyền lực gì đối với chúng ta nữa, chúng ta sẽ xem vật chất như là phi thực tại (unreality, không có thực), nó tùy thuộc vào ý chí Thượng Đế, mà bấy giờ chúng ta sẽ biết đó cũng là ý chí chúng ta. Bấy giờ chúng ta có thể “chơi với” (“play with”) nó, vì chúng ta không thể làm điều đó khi nó làm mờ mắt chúng ta bằng cái Thực Tại vay mượn của nó.

[40] Vậy, khi từ bên trong tâm thức nhìn ra, chúng ta còn thấy rõ hơn là khi xem xét nó từ cõi sắc tướng, đó là vì không còn “hỗ ngăn cách” nữa, và cũng không cần có một “nhịp cầu”. Tâm thức thay đổi, và mỗi thay đổi xuất hiện trong vật chất đang bao quanh nó như là một rung động, bởi vì Thượng Đế đã nghĩ các rung động của vật chất như là sự việc đi đôi bất biến của các thay đổi trong tâm thức; và vì vật chất chỉ là kết quả của tâm thức, còn các thuộc tính của vật chất được áp đặt lên nó bằng tư tưởng linh hoạt (của Thượng Đế - ND), nên bất cứ thay đổi nào trong tâm thức Thượng Đế cũng làm thay đổi các thuộc tính của vật chất trong Thái Dương Hệ, và bất cứ thay đổi nào trong một tâm thức phát xuất từ Thượng Đế cũng tự hiển lộ trong vật chất đó như là một thay đổi; thay đổi này trong vật chất là một rung động, là một chuyển động nhịp nhàng bên trong các giới hạn do Thượng Đế đặt ra cho tính chất động (mobility) của các khối vật chất trong mỗi liên hệ đó.

“Thay đổi trong tâm thức và rung động của vật chất giới hạn nó” là một “cặp” do tư tưởng của Thượng Đế áp đặt lên trên tất cả các tâm thức được nhập thể trong vũ trụ của Ngài. Sự hiện hữu của mỗi liên hệ không thay đổi như thể được chứng tỏ bằng sự kiện là một rung động trong [41] lớp vỏ vật chất kèm theo một thay đổi trong tâm thức đang linh hoạt, và gây ra một rung động tương tự trong lớp vỏ được làm linh hoạt bởi một tâm thức khác, được thấy là sẽ kèm theo bởi một thay đổi trong tâm thức thứ hai đó, tương tự với thay đổi trong tâm thức thứ nhất.

Trong loại vật chất tinh anh hơn vật chất hồng trần – như chất trí chẳng hạn – năng lực sáng tạo của tâm thức dễ nhận ra hơn là trong vật chất dày đặc của cõi trần. Vật chất trở nên dày đặc hoặc thưa loãng và thay đổi các kết hợp và

hình thái của nó tùy theo các tư tưởng của một tâm thức linh hoạt trong đó. Trong khi các nguyên tử căn bản – do bởi tư tưởng Thượng Đế tạo ra – vẫn không thay đổi, chúng có thể được kết hợp hoặc phân tán tùy ý. Các kinh nghiệm như thế mở ra cho thể trí quan niệm siêu hình về vật chất, và cho phép thể trí hiểu được tức khắc cái thực tại được vay mượn (borrowed reality) và tính không có thật (the nonentity) của vật chất.

Một lời cảnh báo có thể là hữu ích liên quan đến các câu nói thường được lặp lại, đó là “Tâm thức *trong* một hữu thể” (“Consciousness *in* a body”), “Tâm thức làm linh hoạt (ensouling) một hữu thể” và đại loại như thế. Đạo sinh hơi có khuynh hướng hình dung tâm thức [42] như là một loại khí loãng bị nhốt trong một bình bằng vật chất, một thứ chai lọ gì đó. Nếu đạo sinh suy nghĩ cẩn thận thì sẽ hiểu được rằng cái vẻ ngoài bền chắc (resistant surface) của hữu thể đó chỉ là một hình tư tưởng của Thượng Đế, và nó *hiện hữu* nơi đó bởi vì *tư tưởng* (của Thượng Đế - ND) có nơi đó. Tâm thức xuất hiện như là những thực thể hữu thức (conscious entities), bởi vì Thượng Đế suy tưởng đến những trường hợp tách biệt như thế, nghĩ đến các vách bao bọc, tạo ra các giới hạn tư tưởng như thế. Và các tư tưởng này của Thượng Đế là do bởi sự hợp nhất của Ngài với Đại Ngã Vũ trụ và chỉ là việc lặp lại bên trong khu vực của một vũ trụ đặc biệt của Ý Chí muốn tăng bội.

Nhờ nghiên ngẫm kỹ trong trí về các phân biệt được vạch ra ở trên giữa Tâm Thức Tuyệt Đối, Tâm thức Vũ Trụ với Tâm Thức Cá Nhân, đạo sinh sẽ không còn có những thắc mắc thường thấy: Tại sao có vũ trụ? Tại sao Toàn -Thức (All-Consciousness) lại tự giới hạn? Tại sao cái Hoàn Thiện (the Perfect) trở thành bất toàn (the imperfect), Toàn Năng (All-



Power) trở thành vô năng (powerless), Thượng Đế trở thành khoáng thạch (mineral), thú vật (brute), con người? Dưới hình thức này, câu hỏi là không thể giải đáp được (unanswerable) vì nó được dựa trên các tiền đề giả tạo (false premises).

Cái Hoàn Thiện là Tổng Thể (the All), Toàn Thể (Totality), Tổng Số Sự Tồn Tại (Sum of Being). Như đã nói trên, bên trong [43] cái vô hạn của nó có hàm chứa mọi vật, mọi tiềm năng, cũng như thực tại, của sự sống. Tất cả những gì đã có, đang có, sắp có, có thể có, thì bao giờ cũng Hiện Hữu trong cái Viên Mãn (Fullness), cái Vĩnh Hằng đó. Chỉ có Chính Cái Đó (Itself) biết được Chính Cái Đó trong sự phong phú vô biên không thể tưởng tượng của Bản Thể (Being). Bởi vì Cái Đó (It) chứa mọi cặp đối hợp (pairs of opposites), và trước con mắt của lý trí, trong khi tự xác định mình, mỗi cặp đối hợp tự hủy diệt và tan biến, Cái Đó dường như là Thái Hư (Void). Nhưng các vũ trụ vô tận xuất phát trong Cái Đó chứng tỏ Cái Đó là một Thái Cực (a Plenum). Cái Hoàn Thiện này không bao giờ trở nên cái bất toàn; nó *trở thành* hư không (nothing); Cái Đó là tất cả: Tinh Thần và Vật Chất, Cương Cường và Nhu Nhược (Strength and Weakness), Hiểu Biết và Vô Minh, An Bình (Peace) và Xung Đột (strife), Chí Phúc (Bliss) và Đau Khổ (Pain), Hữu Lực (Power) và Vô Lực (Impotence); vô số các đối cực của biểu lộ hòa lẫn vào nhau và tan biến trong phi-biểu lộ (non-manifestation).

Tổng Thể (the All) bao hàm cái biểu lộ và phi biểu lộ, tâm trương (diastole) và tâm thu (systole) của Quả Tim vốn tượng trưng cho Hiện Tồn (Being). Cái này không đòi hỏi giải thích nhiều hơn cái kia; cái này không thể hiện hữu mà không có cái kia. Sở dĩ nan đề xuất hiện là vì con người đứng riêng biệt về một phía của cặp đối hợp không thể tách riêng –

chẳng hạn đứng về phía Tinh Thần, Sức Mạnh (strength), Tri Thức (Knowledge), Hòa Bình (Peace), Lạc Phúc (Bliss), Quyền Năng (Power) – rồi thắc mắc: “Tại sao những thuộc tính này lại sinh ra (become) các đối cực (opposites) của chúng?” *Chúng nó không sinh ra gì hết.* Không một thuộc tính (attribute) nào tồn tại mà không có đối cực của nó; chỉ có một cặp mới có thể biểu lộ được mà thôi; mỗi mặt tiền (front) đều có một mặt hậu (back); tinh thần và vật chất cùng xuất hiện với nhau; chẳng phải tinh thần có trước, và rồi bằng cách huyền diệu nào đó, tạo ra vật chất để giới hạn và che lấp chính nó, mà tinh thần và vật chất xuất hiện cùng một lúc trong Vĩnh Hằng (Eternal) như là một phương cách Hiện Tồn của Nó (a mode of Its Being), một hình thức tự biểu hiện của Tổng Thể, Pratyagatma và Mulaprakriti, biểu hiện trong thời gian và không gian cái Phi Thời Gian (Timeless) và Phi Không Gian (Spaceless).

## 2- Các Chân Thần

Chúng ta đã thấy rằng do hoạt động của Thượng Đế Ngôi Ba mà năm cõi đã được tạo ra cho các Đơn Vị Tâm Thức phát triển. Mỗi Đơn Vị Tâm Thức là một mảnh, một phần nhỏ của Tâm Thức Vũ Trụ, được tưởng tượng chia tách thành một thực thể cá biệt bị che lấp trong vật chất, một Đơn Vị chứa chất liệu của Thượng Đế Ngôi Một, được đưa xuống cõi thứ nhì dưới hình thức một Bản Thể (Being) riêng biệt. [45] Các Đơn Vị như thế được gọi theo chuyên môn là các Chân Thần. Đây là các Đấng Con tồn tại từ vô thủy, từ lúc bắt đầu của một kỷ nguyên sáng tạo, trong sự che chở của Từ Phụ, chưa “được trở thành hoàn thiện qua đau khổ” (Hebrews, II, 10). Thật ra, mỗi Chân Thần đều “ngang bằng với Chúa Cha về tính chất thiêng liêng của mình (his Godhead), nhưng kém

hơn Chúa Cha về tính trưởng thành (manhood)” (Tín điều Athanas). Mỗi Chân Thần đều phải đi sâu vào vật chất để làm cho muôn vật phục mình (I Corinthians, XV, 28); mỗi Chân Thần “còn yếu ớt khi được gieo xuống” (“sown in weakness”) để có thể “nổi lên mạnh mẽ” (“raised in power”) (I Corinthians, XV, 43). Từ một vị Thượng Đế tĩnh tại (static Logos) hàm tàng mọi tiềm năng thiêng liêng, Chân Thần sẽ trở thành một Thượng Đế năng động (dynamic Logos), khai mở mọi quyền năng thiêng liêng. Trên cõi thứ nhì, Chơn Thần toàn tri, toàn hiện, nhưng trên tất cả các cõi khác (1), Chân Thần vẫn vô tri (unconscious), “vô cảm” (“senseless”), Chân Thần phải che đậy vẻ huy hoàng của mình trong vật chất vốn làm nó mù quáng, ngõ hầu có thể trở nên toàn tri, toàn hiện trên mọi cõi, có thể đáp ứng với mọi rung động thiêng liêng trong cả vũ trụ thay vì đáp ứng với các rung động chỉ trên cõi cao nhất mà thôi.

[46] Ý nghĩa của lối mô tả đơn sơ này về một đại chân lý có thể được đạo sinh lướt qua bằng việc xem xét các sự kiện về sự sống phôi thai và lúc sinh ra. Khi một Chân Ngã (Ego) đang đi tái sinh, nó suy ngẫm về người mẹ mà thân xác tương lai của nó sẽ được tạo ra trong đó, cái hiện thể mà linh hồn dùng làm trú sở sau này. Thể xác đó từ từ được kiến tạo bằng chất liệu của người mẹ, và Chân Ngã chỉ có thể tác động chút ít vào việc nắn tạo đó. Ấy là một cái phôi, không biết gì về tương lai của nó, chỉ biết lò mò về luồng sinh khí của người mẹ, được ghi khắc bởi các hy vọng, và sợ hãi, các tư tưởng và các ham muốn của người mẹ. Không có một chút gì từ Chân Ngã tác động đến bào thai đó cả, ngoại trừ một ảnh

---

1 H.P.Blavatsky, “Chìa Khóa đưa tới Minh Triết Thiêng Liêng” (The Key to Theosophy), trang 41.

hường yếu ớt đi đến xuyên qua vi tử thường tồn hồng trần, và bào thai không chia sẻ các tư tưởng có phạm vi rộng lớn, các tình cảm khao khát của Chân Ngã, như được Chân Ngã biểu lộ trong thể nguyên nhân của mình, bởi vì nó không thể đáp ứng với những điều này. Cái phôi đó phải phát triển, phải từ từ khoác lấy một hình người, phải đi vào một đời sống độc lập, riêng biệt với đời sống người mẹ, phải trải qua bảy năm – theo cách tính thời gian của con người – với đời sống độc lập như thế, trước khi Chân Ngã có thể ban cho thân xác đó sự sống linh hồn đầy đủ. Nhưng trong thời kỳ tiến hóa chậm chạp đó, với [47] sự bơ vơ lúc ấu thơ của nó, với các khờ khạo thời thơ ấu, các vui sướng và sầu khổ của nó, Chân Ngã, mà thể xác đó phụ thuộc vào, đang trông nom sự sống riêng của nó ngày càng rộng lớn hơn, phong phú hơn, và ngày càng tiếp xúc gần hơn với xác thân này, mà chỉ ở trong đó, linh hồn mới có thể hoạt động trên cõi trần, việc tiếp xúc của linh hồn được biểu lộ như là sự tăng trưởng của ý thức não bộ (brain-consciousness).

Tình trạng của Chân Thần liên quan với việc tiến hóa tâm thức của nó trong một vũ trụ, giống với tình trạng của Chân ngã liên quan với thể xác mới của nó. Cõi riêng của Chơn Thần là cõi thứ nhì, tức cõi Đại Niết Bàn, nơi đó Chân Thần, với Ngã-thức-bao-hàm-tất-cả, có ý thức hoàn toàn về thể giới của Chân Thần; nhưng lúc đầu Chân Thần không biết về các bản ngã (selves) mà nó tồn tại riêng rẽ trong đó, không biết về “các Chân Thần khác”.

Chúng ta thử cố gắng xem xét các giai đoạn mà Chân Thần chuyển qua. Trước tiên Chân Thần là một tia trong một ngọn lửa (flame): “Hỡi Thiên Thần cao cả (Gurudeva), tôi cảm nhận Ngọn Lửa duy nhất (Flame); tôi thấy vô số các tia sáng không tách rời đang tỏa chiếu trong đó” (*Giáo Lý Vấn*

*Đáp Huyền Linh*, trích dẫn trong GLBN 1, 145). Ngọn Lửa là Thượng Đế Ngôi Một, các tia sáng không tách rời là các Chân Thần. Ý Muốn biểu lộ của Thượng Đế cũng là ý muốn biểu lộ của các Chân Thần, vì Chân Thần là các tế bào mầm mống trong [48] cơ thể Thượng Đế, mà không bao lâu nữa sẽ có một sự sống riêng biệt trong vũ trụ sắp tới của Ngài. Bị kích thích bởi Ý Muốn này, các tia sáng chia sẻ sự thay đổi được gọi là “việc sinh ra Con” (“the begetting of the Son”), và chuyển vào Thượng Đế Ngôi Hai rồi an trú trong Ngài. Bấy giờ, với sự “hoạt động” của Ngôi Ba, “sự biệt lập ngã tính tinh thần” (“spiritual individuality”) mà bà Blavatsky nói đến, là việc phân ly lúc ban đầu, từ Ngôi Ba, xảy ra với các Chân Thần. Nhưng vẫn không có cảm nhận về “các Chân Thần khác” được cần đến để phản ứng như là cảm nhận về “Cái Ngã” (“I”). Ba trạng thái của tâm thức, vốn chia sẻ sự sống Thượng Đế, vẫn còn (dùng một hình thái ngôn ngữ thì là) “bị quay vào bên trong”, tác động lên nhau, còn ngủ mê, không tri thức về cái “bên ngoài”, chia sẻ Toàn Ngã thức (all-SELF-consciousness). Các Đấng Cao Cả, được gọi là các Đấng Sáng Tạo (Creative Orders)<sup>(1)</sup> khuấy động các Chân Thần để thức tỉnh với sự sống “bên ngoài”. Ý Chí, Minh Triết, Hoạt Động thức tỉnh để có ý thức về “cái bên ngoài”, một cảm thức lơ mờ về “các Chân Thần khác” nổi lên, cho đến lúc các “Chân Thần khác” có thể ở trong một thế giới mà nơi đó mọi “hình hài” trộn lẫn vào nhau và xâm nhập vào nhau, mỗi Chân Thần trở thành “một vị Dhyana Chohan riêng biệt, phân biệt với các vị khác” (GLBN I, 285).

---

<sup>1</sup> Xem “Phổ hệ con người” (Pedigree of Man), trang 11, 12 của A. Besant.

[49] Như đã nói trên, ở giai đoạn đầu, khi các Chân Thần, theo ý nghĩa đầy đủ nhất <sup>(1)</sup> của thuật ngữ đó, chưa được tách rời, với tư cách “các tế bào mầm mống trong cơ thể Thượng Đế”, thì các trạng thái Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động trong Chân Thần còn tiềm tàng, không hiển lộ. Ý Chí biểu lộ của Thượng Đế cũng là ý chí của các Chân Thần, nhưng một cách vô thức. Nhờ có Ngã thức (Self-conscious), Thượng Đế, có ý thức về Bản Ngã, biết rõ mục tiêu và đường lối của Ngài; còn các Chân Thần chưa có Ngã thức, với tư cách là các phần của cơ thể Thượng Đế, có trong chúng năng lượng hoạt động (moving energy) của Ý Chí Thượng Đế, vốn chẳng mấy chốc sẽ trở thành Ý Chí Muốn Sống thuộc riêng cá nhân của các Chân Thần, và thúc đẩy các Chân Thần vào các tình trạng mà trong đó một sự sống có Ngã thức riêng biệt, thay vì một sự sống trong Toàn Ngã Thức, có thể xảy ra. Việc này đưa các Chân Thần đến giai đoạn hai ở trong sự sống của Thượng Đế Ngôi Hai và đến giai đoạn trong sự sống của Thượng Đế Ngôi Ba. Bấy giờ, một cách tương đối riêng biệt, việc khai hoạt của các Huyền Giai Sáng Tạo mang lại các ý thức lơ mơ về “những kẻ khác” (“others”) và về “Cái Tôi”, và kèm với cái này là một háo hức muốn có được ý thức xác định rõ rệt hơn về “Cái Tôi” và về “tha nhân”, đây là “Ý Muốn Sống riêng lẻ”, và ý muốn này đưa các Chân Thần đi [50] vào các cõi trọng trực hơn, mà trong đó một mình sự định nghĩa rõ ràng hơn mới có thể xảy ra.

Điều quan trọng cần hiểu rõ là sự tiến hóa của “Cái Tôi” riêng lẻ là một hoạt động tự chọn. Chúng ta ở đây bởi vì

---

<sup>1</sup> “Ý nghĩa đầy đủ nhất”, nghĩa là không có cá tính riêng, thực ra là không tách rời, vẫn ở bên trên, bao giờ cũng chiếu rọi trong Linh Hóa.

chúng ta Muốn Sống ( we Will to Live) chứ “không ai khác ép buộc cả”. Khía cạnh tâm thức này, tức Ý Chí, sẽ được bàn đến trong các chương sau của sách này, còn ở đây, chúng ta chỉ cần nhấn mạnh sự kiện rằng các Chân Thần tự hành động, tự định đoạt khi chúng tiến vào các cõi vật chất thấp, là lĩnh vực biểu lộ, vũ trụ ngũ phân. Đối với các hiện thể của chúng trong đó, Chân Thần vẫn là Chân Ngã (Ego) đối với thể xác của nó, với sự sống thiêng liêng tỏa chiếu của các hiện thể trong các cõi cao quý, nhưng nghiên ngẫm về các hiện thể thấp của chúng, và biểu lộ ngày càng nhiều trong các hiện thể này khi chúng trở nên ngày càng dễ uốn nắn hơn. Bà Blavatsky nói đến điều này như sau: “Chân Thần tiếp tục theo chu kỳ đi xuống nhập vào vật chất”. (GLBN, 1, 267).

Khắp nơi trong Thiên Nhiên, chúng ta đều thấy có cùng nỗ lực tìm cách biểu lộ sự sống sung mãn hơn, đây là Ý-muốn-linh-hoạt hằng có (constant will to live). Khi bị chôn trong đất thì hạt giống sẽ đẩy điếm tăng trưởng của nó hướng lên phía ánh sáng. Mâm hoa, bị nhốt kín trong đài hoa bọc ngoài sẽ phá vỡ cái nhà ngục của nó và mở rộng ra dưới ánh nắng. Gà con bên trong quả trứng sẽ tách cái vỏ giam nhốt nó làm đôi. Khắp nơi nơi, sự sống đều đang tìm cách biểu lộ, năng lực tìm cách tự phát huy. Hãy xem nhà họa sĩ, nhà điêu khắc, nhà thi sĩ, với sự đấu tranh sáng tạo thiên tài bên trong họ; sáng tạo mang lại niềm vui tinh tế nhất, hương vị mãnh liệt nhất của sự thích thú tuyệt vời. Trong đó chỉ là một thí dụ khác về bản chất toàn hiện của sự sống, dù là trong Thượng Đế, trong kẻ siêu tài hay là trong sinh vật phù du chỉ sống một ngày cũng thế. Vạn vật vui mừng trong sự phúc lạc của việc sinh tồn, và cảm thấy sinh động nhất khi chúng tự sinh sôi nảy nở bằng sự sáng tạo. Cảm thấy sự sống tự biểu lộ, nở rộ, mở rộng, ngày càng tăng, đây đồng thời là

kết quả của Ý Chí-Muốn-Sống (Will-To-Live) và sự toại nguyện trong Niềm Phúc Lạc của sự sinh tồn.

Một số Chân Thần, tự nguyện trải qua các cạm bẫy (toils) của năm cõi nhân loại để chế ngự vật chất, và lần lượt sáng tạo ra một vũ trụ trong đó, nhập vào đó để trở thành một Thượng Đế đã được phát triển nơi đó, một Cây Sự Sống (Tree Of Life), một Nguồn Sống (Fount of Being) khác. Việc tạo hình một vũ trụ là [52] Dịp Tiến Tới Trước (Day of Forth-going); cuộc sống đang biến dịch; sự sống tự biết chính nó bằng sự thay đổi.

Những Chân Thần không muốn trở thành những kẻ chế ngự vật chất, các đấng sáng tạo nên vẫn ở lại trong phúc lạc yên tĩnh của họ, bị ngăn khỏi năm cõi thấp của nhân loại, không ý thức về các hoạt động của năm cõi thấp đó.

Cần nên nhớ rằng tất cả bảy cõi đều thấu nhập vào nhau và Tâm thức trên bất cứ cõi nào hàm ý là năng lực để đáp ứng với các rung động của cõi đặc biệt đó. Giống như con người có thể có ý thức trên cõi trần bởi vì thể xác con người được cấu tạo để tiếp nhận và truyền đạt cho con người các rung động của cõi này, nhưng con người hoàn toàn không có ý thức đối với các cõi cao, mặc dù rung động của các cõi đó vẫn đang tác động vào con người, bởi vì con người chưa sắp đặt các thể cao của mình một cách đầy đủ để tiếp nhận và chuyển cho con người các rung động của các cõi đó; cũng thế Chân Thần, là Đơn Vị Tâm Thức, có khả năng ý thức trên cõi thứ nhì, nhưng hoàn toàn không có ý thức trên năm cõi thấp hơn.

Chân Thần sẽ phát triển tâm thức của mình trên các cõi này bằng cách lấy từ mỗi cõi một số chất liệu của cõi đó, che giấu mình trong chất liệu này, và tạo hình chất liệu đó thành một cái vỏ mà nhờ đó Chân Thần có thể đi vào tiếp xúc với [53] cõi đó, lần lần sắp đặt lớp vỏ vật chất này thành một thể



(body) có thể hoạt động trên cõi của chính nó như một biểu lộ của Chân Thần, thu nhận các rung động từ cõi đó và chuyển rung động đó đến cho Chân Thần, nhận các rung động từ Chân Thần và chuyển chúng đến cho cõi đó. Khi Chân Thần tự che đậy mình trong chất liệu của lần lượt mỗi cõi nên Chân Thần đóng mất đi một số tâm thức, tâm thức đó quá đối tình anh để thu nhận hay tạo nên các rung động trong vật chất của cõi đó. Chân Thần có được trong chính mình bảy năng lực rung động điển hình – mỗi năng lực có thể tạo ra một số rung động phụ không hạn định thuộc loại riêng của nó – và bảy năng lực này lần lượt bị đóng lại từng cái một khi Chân Thần khoác vào hết bức màn này đến bức màn khác bằng chất liệu thô hơn. Các năng lực trong tâm thức biểu lộ tâm thức theo vài cách điển hình – dùng từ ngữ “năng lực” theo ý nghĩa toán học, tâm thức đối với “chiều đo thứ ba”, tâm thức đối với “chiều đo thứ tư” v.v...– được nhìn thấy trong vật chất dưới hình thức những gì mà chúng ta gọi là các chiều đo (dimensions).

Ở cõi trần, năng lực tâm thức biểu lộ trong “vật chất ba chiều đo” (“three-dimensional matter”), trong khi năng lực tâm thức cõi cảm dục, cõi trí, và các năng lực [54] tâm thức khác cần các chiều đo khác của vật chất cho sự biểu lộ của chúng.

Khi nói như thế về Chơn Thần, chúng ta có thể cảm thấy cứ như là chúng ta đang bàn đến một cái gì xa xôi. Tuy nhiên, Chân Thần rất gần với chúng ta, là Bản Ngã (SELF) của chúng ta, là chính căn nguyên hiện tồn của chúng ta, nguồn cội sâu thẳm của sự sống chúng ta, Thực Tại duy nhất. Ẩn tàng, vô hiện, bị bao trùm trong im lặng và bóng tối là Bản Ngã (Self) của chúng ta, nhưng tâm thức chúng ta là sự biểu lộ có giới hạn của Bản Ngã đó, là Thượng Đế biểu lộ trong vũ

trụ (kosmos) của các thể của chúng ta, các thể này là trang phục của Ngài. Như Đấng Vô Hiện (the Unmanifest) biểu lộ một phần trong Thượng Đế, dưới hình thức Tâm Thức Thiêng Liêng, và trong vũ trụ dưới hình thức Cơ Thể (Body) của Thượng Đế, cũng thế, Bản Ngã vô hiện của chúng ta biểu lộ một phần trong tâm thức chúng ta, với tư cách là Thượng Đế của hệ thống cá nhân của chúng ta, và trong cơ thể chúng ta dưới hình thức vũ trụ (kosmos) bao bọc tâm thức. “Trên sao, dưới vậy”.

Chính Bản Ngã ẩn tàng này, được gọi là Chân Thần, thực ra là Đấng Duy Nhất. Chính điều này, vốn cung cấp ý nghĩa tinh tế của sự hợp nhất, [55] luôn luôn tồn tại trong chúng ta giữa mọi đổi thay; ý thức về thực tướng (sense of identity) có cội nguồn của nó nơi đây, vì đây là cái Vĩnh Hằng trong chúng ta. Ba tia sáng tuôn ra vốn xuất phát từ Chân Thần – sẽ được bàn đến ngay sau đây – là ba trạng thái của Chân Thần, hay các phương thức hiện tồn (modes of being), hay ba ngôi (hypostases), tái sản sinh Thượng Đế của một vũ trụ, Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động vốn là ba biểu lộ căn bản của tâm thức tiêu biểu, là Atma-Buddhi-Manas quen thuộc của nhà nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng (Theosophist).

Tâm thức này luôn luôn hoạt động như một đơn vị trên các cõi khác nhau, nhưng thể hiện ra ba trạng thái của nó trên mỗi cõi. Khi chúng ta nghiên cứu tâm thức hoạt động trên cõi trí, chúng ta thấy Ý Chí hiện ra dưới hình thức sự chọn lựa (choice), Minh Triết hiện ra dưới hình thức tính phân biệt (discrimination), Hoạt Động lộ ra dưới hình thức sự nhận thức (cognition). Trên cõi cảm dục, chúng ta thấy Ý Chí xuất hiện dưới hình thức dục vọng (desire), Minh Triết dưới hình thức tình yêu thương (love), còn Hoạt Động xuất hiện dưới

hình thức cảm giác (sensation). Trên cõi trần, Ý Chí có các cơ quan vận động (karmendriyas) cho các khí cụ của nó, Minh Triết có các bán cầu não (cerebral hemispheres), Hoạt Động có các cơ quan cảm giác (jnanendriyas)<sup>(1)</sup>.

[56] Biểu lộ đầy đủ của ba trạng thái tâm thức này dưới các hình thức cao nhất của chúng xảy ra trong con người theo cùng thứ tự như sự biểu lộ của Thượng Đế Ba Ngôi trong vũ trụ. Ngôi Ba, tức Hoạt Động, được tiết lộ như là trí sáng tạo, là tác nhân tập trung kiến thức, là khía cạnh đầu tiên để hoàn thiện các hiện thể của nó, và cho thấy các năng lượng sung mãn của nó. Ngôi Hai, tức Minh Triết, được tiết lộ như là Lý Trí Thuần Túy và Từ Bi, là khía cạnh thứ hai để làm tỏ rạng Đức Krishna, Đức Phật, Đức Christ, nơi con người. Ngôi Một, tức Ý Chí, là khía cạnh cuối cùng để tiết lộ chính nó, Quyền năng thiêng liêng của Bản Ngã, cái vốn là sự viên mãn vững chắc của nó, là sự Chí Phúc (Beatitude), là sự An Bình.




---

<sup>1</sup> Việc nêu ra này chỉ có tính cách thăm dò. Vì vật chất là khía cạnh âm, Sarasvati, thuộc về Brahma, dường như để chỉ cơ quan cảm giác, và Durga, cơ quan phát động.

## Chương III

### Cư dân thuộc lĩnh vực

#### 1- Chân Thần giáng hạ

Khi năm lĩnh vực đã sẵn sàng, khi năm cõi, mỗi cõi với bảy cõi phụ của nó được hoàn tất, trong chừng mực liên quan đến cấu tạo sơ khởi của chúng, thì bấy giờ bắt đầu hoạt động của Thượng Đế Ngôi Hai, là Đấng Kiến Tạo (Builder) và Đấng Bảo Tồn (Preserver) hình tướng. Hoạt động của Ngài được nói đến như là Làn Sóng Sinh Hoạt Thứ Hai, tuôn đổ từ Minh Triết và Bác Ái. Minh Triết, là mãnh lực hướng dẫn, cần cho sự tổ chức và tiến hóa của các hình tướng, còn Bác Ái, là mãnh lực thu hút, cần cho việc nắm giữ các hình tướng lại với nhau cho vững chắc dẫu cho các tổng thể (wholes) có phức tạp đến đâu đi nữa.

Khi luồng sinh lực vĩ đại này của Thượng Đế tuôn đổ vào năm lĩnh vực biểu lộ, nó mang theo với nó các Chân Thần vào hoạt động, là các Đơn Vị Tâm Thức, sẵn sàng để bắt đầu [58] công việc tiến hóa của chúng, để tự bao bọc chúng trong vật chất.

Tuy nhiên, câu nói rằng các Chân Thần tiến ra thì có phần không được chính xác; nói rằng Chân Thần tỏa chiếu, phóng ra các tia sự sống thì sẽ đúng hơn. Vì Chân Thần luôn luôn “ở trong lòng của Từ Phụ”, trong khi các tia sự sống (life rays) của Chân Thần mới tuôn ra vào trong đại dương vật chất, và chiếm lấy các chất liệu nơi đó cần cho hoạt động

manh mẽ của chúng trong vũ trụ. Vật chất phải được chiếm hữu, được làm cho mềm dẻo, được tạo hình thành các hiện thể thích hợp.

Bà Blavatsky có mô tả việc tỏa chiếu của Chân Thần bằng các thuật ngữ bóng gió sinh động, khi dùng một biểu tượng học nhiều diễn cảm hơn là những từ theo sát nghĩa: “Tam giác nguyên thủy – ngay khi nó đã phản chiếu chính nó trong “Thiên Nhân” ( “Heavenly Man”), vị cao nhất trong bảy vị thấp – biến mất, trở lại vào “sự Tịch Lặng và Thâm U”; và con người mô hình cõi cảm dục (astral paradigmatic man), mà Chân Thần (Atma) của người này cũng được tiêu biểu bằng một tam giác, khi nó phải trở thành một tam bộ (ternary) trong các thời kỳ chuyển tiếp hữu thức ở Devachan”. (GLBN III, 444). Tam giác nguyên thủy, hay Chân Thần tam diện gồm Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động, “tự phản ánh chính nó” trong “Thiên Nhân” dưới hình thức Atma-Buddhi-Manas, và kể đó “trở lại vào Tịch Lặng và Thâm U”. Atma – thường được nói đến như là Chân thần của con người hạ đẳng (lower) hay con người cảm dục (astral) – phải trở thành một tam bộ, tức là một đơn vị có ba mặt bằng cách đồng hóa Buddhi và Manas. Từ ngữ “phản chiếu” (“reflexion”) ở đây cần được giải thích. Nói chung, thuật ngữ “phản chiếu” được dùng khi một mãnh lực được biểu lộ trên một cõi cao rồi tự hiện lại (shows itself again) trên một cõi thấp hơn và bị chi phối bởi một loại vật chất thô hơn trong sự biểu lộ thấp đó, sao cho một ít hiệu năng (effective energy) của mãnh lực đó bị mất đi, và lực đó tự hiện ra dưới một hình thức yếu hơn. Khi được dùng bây giờ trong một trường hợp đặc biệt, thì từ ngữ đó hàm ý rằng một luồng sự sống của Chân Thần tuôn ra, lấy dạng như là cái bình để chứa đựng một nguyên tử từ mỗi một trong ba cõi cao của năm cõi tiến

hóa – đó là cõi thứ ba, thứ tư và thứ năm – như thế tạo ra “Thiên Nhân”, “Chủ Thể Sinh Động, Bất Tử” (“Living Ruler, Immortal”), Khách Hành Hương vốn sẽ tiến hóa, mà vì sự tiến hóa đó mà Thái Dương Hệ được đưa vào hiện tồn.

“Giống như các rung động phi thường của Mặt Trời đưa vật chất vào các rung động mà chúng ta gọi là [60] các tia sáng mặt trời (các tia này biểu lộ nhiệt năng, điện năng và các năng lượng khác nữa của mặt trời), cũng thế, Chân Thần làm cho vật chất vi tử (atomic matter)<sup>(1)</sup> của các cõi Niết Bàn, Bồ Đề và cõi trí – bao quanh Chân Thần giống như là dĩ thái không gian bao quanh Mặt Trời – rung động, và như vậy làm cho Chân Thần trở thành một Tia Sáng (Ray), gồm ba phần giống y như bản chất tam phân của chính Chân Thần. Trong công việc này, Chân Thần được sự trợ giúp của các Thiên Thần (Devas) từ một vũ trụ trước, các vị này đã trải qua một kinh nghiệm tương tự trước đây. Các Thiên Thần này hướng dẫn làn sóng rung động từ trạng thái Ý Chí đến vi tử Niết Bàn (atomic atom), và vi tử Niết Bàn này, khi rung động theo trạng thái Ý Chí, thì được gọi là Linh Thể (Atma). Các Thiên Thần nói trên cũng hướng dẫn làn sóng rung động từ trạng thái Minh Triết đến vi tử Bồ Đề (buddhic atom), và vi tử Bồ Đề, khi rung động theo trạng thái Minh Triết, được gọi là Tuệ giác thể (Buddhi). Các Thiên thần trên cũng lại hướng dẫn làn sóng rung động từ trạng thái Hoạt Động đến vi tử cõi trí (manasic atom), và vi tử cõi trí, khi rung động theo trạng thái Hoạt Động, được gọi là Thượng Trí (Manas). Như vậy Atma-Buddhi-Manas, là Chân Thần trong thế giới biểu lộ, được tạo thành, là Tia Sáng của Chân Thần, vượt qua năm cõi của vũ

---

<sup>1</sup> Vật chất vi tử là vật chất ở cõi phụ cao nhất của tất cả 7 cõi trong Thái Dương Hệ. (ND)

trụ (1). Đây là bí mật của Đấng Quán Sát (Watcher), Vị Khán Quan (Spectator), Atma bất động (actionless Atma), Đấng luôn ngự trong bản chất tam phân [61] của ngài trên cõi riêng của ngài, và sinh hoạt trong thế giới con người bằng Tia Sáng của ngài, Tia Sáng này đang làm sinh động các hình bóng của ngài, là các kiếp sống phù du trên cõi trần... Các hình bóng này đảm trách công việc trên các cõi thấp và được Chân Thần thúc đẩy qua Hình Ảnh (Image) hay là Tia Sáng của Chân Thần, lúc đầu sự thúc đẩy này quá yếu ớt đến nỗi ảnh hưởng của Chân Thần hầu như không thể nhận ra được, về sau thì được thúc đẩy với năng lực ngày càng mạnh mẽ”(2)

Atma-Buddhi-Manas là Thiên Nhân (Heavenly Man), Con Người Tinh Thần, và là hình thức biểu lộ của Chân Thần, mà trạng thái Ý Chí được phản chiếu của Chân Thần là Atma, trạng thái Minh Triết được phản chiếu của Chân Thần là Buddhi, trạng thái Hoạt Động được phản chiếu của Chân Thần là Manas. Do đó chúng ta có thể xem Atma của con người là trạng thái Ý Chí của Chân Thần, làm linh hoạt một vi tử tiên thiên khí (akashic atom); Buddhi của con người là trạng thái Minh-triết của Chân Thần, làm linh hoạt một vi tử khí (air atom)(ngọn lửa thiêng); Manas của con người là trạng thái Hoạt Động của Chân Thần, làm linh hoạt một vi tử lửa (fiery atom).

Như vậy trong Atma-Buddhi-Manas, tức Tam Thượng Thể Tinh Thần, hay Thiên [62] Nhân, chúng ta có ba trạng thái hay năng lượng, của Chân thần, được hiện thân trong vật

---

<sup>1</sup> Vũ trụ này chỉ là Thái Dương Hệ của chúng ta - (ND)

<sup>2</sup> “Phả Hệ Của Con Người”, trang 25,27; sửa đổi một cách sơ sài, theo trong sách, đoạn trên chỉ đề cập đến Dây hành tinh thứ tư thôi.

chất nguyên tử, và đây là “Tinh Thần” trong con người, là Jivatma hay Life-Self, Bản Ngã tách biệt (separated Self) <sup>(1)</sup>. Đó là Tinh Thần phôi thai, và trong trạng thái thứ ba của nó, đó là “Chân Ngã thơ ấu” (“baby Ego”). Về bản chất, thì nó giống với Chân Thần, là *Chân Thần*, nhưng sức mạnh và hoạt động bị giảm thiểu do các bức màn vật chất bao quanh nó. Việc giảm thiểu năng lực này không làm cho chúng ta không nhìn thấy sự đồng nhất về bản chất. Chúng ta phải luôn luôn nhớ rằng tâm thức con người là một đơn vị, và rằng, mặc dù những biểu lộ của nó thay đổi thì các biến đổi này chỉ là do tính ưu thế của trạng thái này hoặc trạng thái kia của nó, và do mật độ tương đối của các chất liệu mà trong đó một trạng thái đang hoạt động. Các biểu lộ của nó, khi bị chi phối như thế, có thay đổi, nhưng chính nó lúc nào cũng là một.

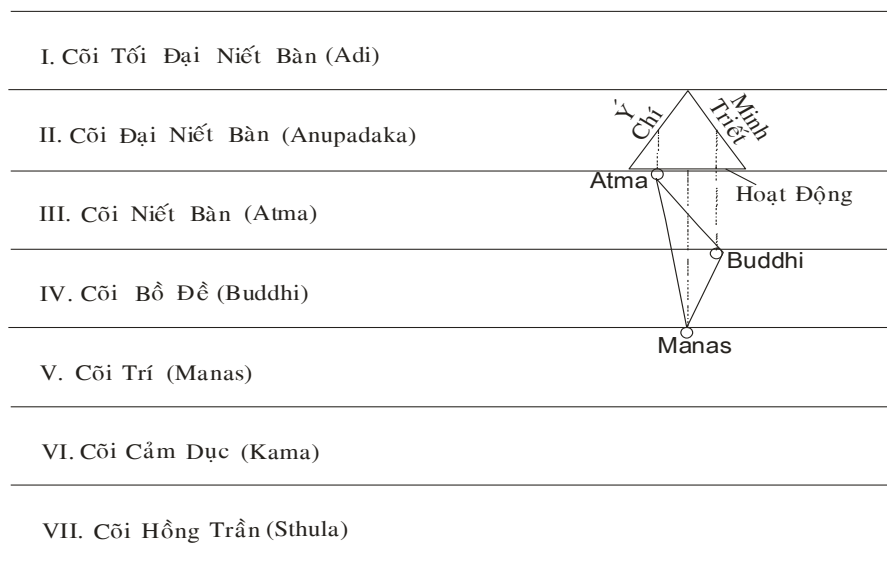
Khi đó, phần tâm thức như thế của Chân Thần, khi có thể tự biểu lộ trong một vũ trụ ngũ phân, trước tiên nhập vào chất liệu cao của vũ trụ này, tự hiện thân trong một nguyên tử của mỗi một trong [63] ba cõi cao này; như thế sau khi Chân Thần đã chiếu sáng và chiếm lấy các nguyên tử này để sử dụng, Chân Thần đã bắt đầu công việc của mình. Trong bản chất tinh anh của riêng nó, cho đến nay, Chân Thần không thể giáng xuống dưới cõi Đại Niết Bàn (Anupadaka plane) được, do đó người ta nói Chân Thần ở trong “sự Tịch Lặng và Thâm U”, nghĩa là không biểu lộ. Nhưng Chân thần sống và hoạt động bên trong và nhờ vào các nguyên tử bị chiếm hữu này, vốn hợp thành lớp vỏ ngoài của sự sống

---

<sup>1</sup> Dĩ nhiên thuật ngữ Jivatma cũng có thể được dùng chỉ Chân Thần, nhưng thường được dùng nhiều hơn để chỉ phản ảnh (reflection) của Chân Thần



Chân Thần trên các cõi gần nhất với cõi riêng của mình. Chúng ta có thể hình dung hoạt động này như sau:



[64] Tam Thượng Thể Tinh Thần này, như nó thường được gọi, là Atma-Buddhi-Manas, là Jivatma, được mô tả như là một hạt giống, một cái mầm, của Sự Sống thiêng liêng chứa các tiềm năng của Cha trên trời của nó, là Chân Thần của nó, để được khai mở thành các quyền năng trong diễn trình tiến hóa. Đây là “tính chất trưởng thành” (“manhood”) của Đứa Con Thiêng Liêng của Thượng Đế Ngôi Một, được làm sinh động bởi “Chúa ba ngôi” (“Godhead”), là Chân Thần – thật ra là một bí nhiệm, mà là bí nhiệm được lặp lại dưới nhiều hình thức chung quanh ta.

Và giờ đây cái bản thể, vốn đã tự do trong vật chất tinh anh thuộc cõi riêng của nó, trở nên bị ràng buộc bởi vật chất trọng trược hơn, và các quyền năng ý thức của Chân Thần, cho đến nay, vẫn không thể hoạt động trong bức màn làm

cho mù quáng này. Trong đó, Chân Thần chỉ như một cái mầm, một cái phôi, bất lực, vô cảm, không có sự giúp đỡ, trong khi ở trên cõi riêng của mình, Chân Thần mạnh mẽ, có ý thức, có năng lực trong chừng mực liên quan đến sự sống bên trong của Chân Thần. Một đàng là Chân Thần trong Vĩnh Cửu, đàng kia là Chân Thần trong thời gian và không gian. Nội dung của Chân Thần vĩnh cửu sẽ trở thành mức độ (extent) của Chân Thần thuộc thời gian và không gian. Sự sống phôi thai hiện nay sẽ tiến hóa thành một thực thể phức tạp, là sự biểu lộ của [65] Chân Thần trên mỗi cõi của vũ trụ. Chân Thần có toàn năng nội tại trên cõi tinh anh của riêng mình, nhưng lúc đầu Chân Thần lại là bất lực (powerless), bị kiềm chế, không có sự giúp đỡ nào, khi bị bao phủ bên ngoài trong vật chất trọng trược, không thể thu nhận hay phát ra các rung động qua lớp vật chất đó. Nhưng lần lần Chân Thần sẽ chế ngự được vật chất mà lúc đầu đã bắt Chân Thần làm nô lệ. Một cách chậm chạp nhưng chắc chắn, Chân Thần sẽ uốn nắn vật chất đó cho sự biểu lộ Bản Ngã (Self-expression). Chân Thần được sự trợ giúp và trông nom của Thượng Đế Ngôi Hai hàng duy trì và bảo tồn, cho đến khi Chân Thần có thể sinh hoạt trong đó một cách đầy đủ như khi sinh hoạt ở cõi trên, và đến phiên Chân Thần trở thành một Thượng Đế sáng tạo, và khai sinh ra một vũ trụ của chính mình. Quyền năng để sáng tạo một vũ trụ chỉ đạt được, nhờ vào Minh Triết, bằng cách thu hút vào trong Bản Ngã tất cả những gì mà sau này sẽ được phát huy ra. Một Thượng Đế không sáng tạo từ cái trống không, mà tiến hóa vạn vật từ chính Ngài; và từ các kinh nghiệm mà hiện giờ chúng ta đang trải qua, chúng ta đang thu thập các chất liệu mà từ đó chúng ta có thể kiến tạo một Thái Dương Hệ trong tương lai.

Nhưng Tam Thượng Thể Tinh Thần này, Jivatma này, vốn là Chân Thần trong năm cõi biểu lộ, không thể tự mình bắt đầu [66] ngay tức thì bất cứ hoạt động tự quản lý riêng biệt nào. Cho đến nay Chân Thần không thể gom lại quanh chính mình bất cứ các tập hợp chất liệu nào, mà chỉ có thể ở trong y phục nguyên tử (atomic vesture) của nó mà thôi. Đối với Chân Thần, sự sống của Thượng Đế Ngôi Hai như là tử cung của bà mẹ đối với bào thai, và chính ở nơi đây mà việc kiến tạo bắt đầu. Thật ra, chúng ta có thể xem xét giai đoạn tiến hóa này, trong đó Thượng Đế tạo hình, bảo dưỡng và phát triển sự sống đang nảy mầm cho vị Thiên Nhân, hay đúng hơn cái Thiên Phôi (Heavenly Embryo), một giai đoạn tương ứng với đời sống trước khi sinh ra của một con người, trong đó con người từ từ có được một thân xác, vốn được nuôi dưỡng trong lúc đó bằng các luồng sinh khí của người mẹ và được tạo hình bằng chất liệu của mẹ. Cũng y như thế đối với Jivatma đang bao bọc sự sống của Chân Thần; Jivatma phải chờ kiến tạo các thể của mình trên các cõi thấp, và không thể xuất hiện từ sự sống tiền sinh và được “ra đời”, cho đến khi có một thể xác được kiến tạo trên các cõi thấp. Việc “ra đời” xảy ra vào lúc thành lập thể nguyên nhân, khi vị Thiên Nhân được biểu lộ dưới hình thức một Chân Ngã ấu thơ, một Biệt Ngã đích thực, ngự trong một thân xác trên cõi trần. Một chút [67] suy tư cẩn thận sẽ cho thấy sự tương đồng mật thiết như thế nào giữa sự tiến hóa của Khách Hành Hương với sự tiến hóa của mỗi lần tái sinh kế tiếp. Trong trường hợp sau, Jivatma chờ tạo thành thể xác để làm trú sở; trong trường hợp trước, các Tam Thượng Thể Tinh Thần, với tư cách một Tập Hợp (Collectivity), chờ kiến tạo Tứ hạ thể (Quaternary) của hệ thống.

Cho đến khi hiện thể trên cõi thấp nhất đã sẵn sàng, nếu không thì tất cả chỉ là một sự chuẩn bị cho công cuộc tiến hóa, hơn là chính cuộc tiến hóa – nó thường được gọi là sự tiến hóa giáng hạ (involution).

Sự tiến hóa của tâm thức phải bắt đầu bằng các tiếp xúc do hiện thể ngoài cùng của nó nhận được, nghĩa là nó phải bắt đầu trên cõi trần. Nó chỉ có thể trở nên ý thức về một thế giới bên ngoài bởi các tác động lên bên ngoài của chính nó. Cho đến lúc đó, nó chỉ mơ màng bên trong chính nó, khi các rung động nội tại yếu ớt luôn luôn tuôn ra từ Chân Thần, tạo nên những sức ép nhẹ hướng ra ngoài vào Jivatma, giống như một suối nước dưới đất tìm một lối thoát ra.

## 2- Sự Đan Kết (weaving)

Trong lúc ấy, việc chuẩn bị cho việc đánh thức, việc cung cấp các đặc tính cho [68] vật chất những gì vốn có thể được so sánh với việc hình thành các mô của cơ thể tương lai, được thực hiện bởi quyền năng sinh hóa (life-power) của Thượng Đế Ngôi Hai – thì Làn Sóng Sinh Hoạt Thứ Hai tuôn đổ qua hết cõi này đến cõi khác, truyền chuyển các tính chất riêng của nó cho tiền-vật chất thất-phân đó.

Như đã nói trên, Làn Sóng Sinh Hoạt mang các Jivatmas đi theo với nó đến tận cõi phụ nguyên tử<sup>(1)</sup> của cõi thứ năm, tức cõi của Hỏa, cõi của mãnh lực sáng tạo đã được biệt ngã hóa, cõi của trí tuệ. Ở đây, mỗi Jivatma đã có một nguyên tử, bức màn manas, hay bức màn trí tuệ của Chân Thần, Thượng Đế làm tràn ngập các Jivatmas và các nguyên tử còn lại của cõi thứ năm bằng sự sống của Ngài. Tất cả các nguyên tử này,

---

<sup>1</sup> Xin nhắc lại “cõi phụ nguyên tử” (atomic subplane) là cõi phụ cao nhất của một cõi chính. (ND).

tạo thành toàn thể cõi phụ nguyên tử, dù ở trạng thái tự do hay ở trạng thái được gắn liền vào các Jivatmas, cũng đều có thể được gọi rất đúng là Tinh Chất Chân Thần (Monadic Essence). Nhưng khi trong diễn trình tiến hóa, sẽ được giải thích ngay sau đây, các dị biệt giữa các nguyên tử được gắn liền và các nguyên tử không được gắn liền với các Jivatmas, thì thuật ngữ Tinh Chất Chân Thần thường được dùng cho nguyên tử ở trạng thái không gắn liền, trong khi các nguyên tử ở trạng thái gắn liền được gọi là các “vi tử thường tồn” (vì các lý do sẽ được giải thích sau). Vậy thì chúng ta có thể định nghĩa Tinh Chất Chân Thần là vật chất vi tử được làm linh hoạt bằng Sự Sống của [69] Thượng Đế Ngôi Hai. Đó là y phục của Ngài để làm linh hoạt và giữ các hình hài chung lại với nhau; Ngài được bọc trong vật chất vi tử. Với cương vị Thượng Đế, Sự Sống của chính Ngài tách biệt với sự sống của Atma-Buddhi-Manas trong con người, tách biệt với bất cứ sự sống nào trên cõi giới đó – mặc dầu Ngài truyền sức mạnh, thấm nhuần, và bao gồm tất cả các sự sống kia – chỉ được bao bọc trong vật chất vi tử, và chính điều này mới được nói đến bằng thuật ngữ Tinh Chất Chân Thần. Vật chất của cõi đó (tức cõi trí – ND), do bản chất của các nguyên tử của cõi đó (1), có khả năng đáp ứng bằng các rung động với các thay đổi linh hoạt của tư tưởng, được Làn Sóng Sinh Hoạt Thứ Hai đưa vào các kết hợp vật chất thích hợp để biểu lộ các tư tưởng – các tư tưởng trừu tượng ở trong vật chất tinh anh hơn, còn tư tưởng cụ thể ở trong vật chất thô thiên hơn. Các kết hợp vật chất của cõi phụ cao thứ hai và thứ ba tạo ra Giới Hành Khí (Elemental Kingdom) Thứ Nhất. Các kết hợp vật chất trên bốn cõi phụ thấp (cũng thuộc cõi trí – ND) tạo ra

---

<sup>1</sup> Bởi Tanmatras, các Số Đo thiêng Liêng (divine Measures).

Giới Hành Khí Thứ Hai. Vật chất được giữ lại trong các phức hợp vật chất như thế được gọi là Tinh Chất Hành Khí (Elemental Essence) và dễ nhạy cảm để được tạo hình thành các hình tư tưởng. Đạo sinh dừng nên nhằm lẫn Tinh Chất Hành Khí với Tinh Chất Chân Thần (Monadic Essence); một bên [70] có cấu tạo nguyên tử, bên kia có cấu tạo phân tử.

Làn Sóng Sinh Hoạt Thứ Hai lúc đó mới tuôn đổ vào cõi thứ sáu, cõi của Thủy (water), hoặc cõi của cảm giác được cá nhân hóa, cõi của dục vọng. Các Thiên Thần, được nói ở trước, liên kết Jivatma – các nguyên tử được gắn kết hay các nguyên tử thường tồn của cõi thứ năm, với một số các nguyên tử tương ứng trên cõi thứ sáu, và Thượng Đế Ngôi Hai làm tràn ngập các nguyên tử này và các nguyên tử còn lại bằng Sự Sống của chính Ngài – nhờ thế các nguyên tử này trở thành Tinh Chất Chân Thần như đã giải thích ở trên.

Làn sóng sinh hoạt tiếp tục hướng tới, tạo ra trên mỗi cõi phụ các phức hợp vật chất (combinations) thích hợp để biểu lộ các cảm giác. Các phức hợp vật chất này tạo thành Giới Hành Khí Thứ Ba, và vật chất được giữ trong phức hợp như thế được gọi là Tinh Chất Hành Khí, như lúc trước, và trên cõi thứ sáu này, dễ nhạy cảm để được nắn tạo thành các hình-dục vọng (desire-forms).

Như thế ta thấy Tinh Chất Hành Khí gồm có các tập hợp vật chất ở trên mỗi một trong số sáu cõi phụ phi-nguyên tử (non-atomic) của cõi trí và cõi cảm dục, các tập hợp này chính chúng không dùng như các hình hài cho bất cứ thực thể nào trú ngụ, mà như [71] các vật chất mà từ đó, các hình hài như thế có thể được kiến tạo.

Kế đó, làn sóng sinh hoạt đi vào cõi thứ bảy, tức cõi trần, cõi của các hoạt động được cá thể hóa, cõi của hành động. Giống như trước, các nguyên tử gắn với Jivatma hay

nguyên tử thường tồn của cõi thứ sáu, được liên kết với một số nguyên tử tương ứng trên cõi thứ bảy, và Thượng Đế Ngôi Hai tràn ngập các nguyên tử này và các nguyên tử còn lại với sự sống của chính Ngài – như thế tất cả các nguyên tử này trở thành Tinh Chất Chân Thần. Làn sóng sinh hoạt lại tiến tới, tạo ra trên mỗi cõi phụ các kết hợp vật chất thích hợp để tạo thành thể xác, các nguyên tố hóa học trong tương lai, như chúng được gọi thể trên ba cõi phụ thấp.

Nhìn vào công việc này của Làn Sóng Sinh Hoạt thứ hai nói chung, chúng ta thấy rằng việc đi xuống của làn sóng này có liên quan đến những gì có thể được gọi một cách gần đúng là việc tạo ra các mô (tissues) đầu tiên, từ đó các thể tinh anh và các thể trọng trực sẽ được tạo thành tiếp theo đó. Trong một số cổ thư, việc đó đã được gọi rất đúng là một “việc đan dệt” (“weaving”) (1), là nghĩa đen của nó. Thượng Đế Ngôi Ba chuẩn bị vật liệu cho Thượng Đế Ngôi Hai dệt thành sợi [72] và thành vải để sẽ làm ra bộ y phục sau này – tức các thể tinh anh và trọng trực. Cũng như một người có thể tách riêng những sợi lanh, bông vải, tơ lụa – chính các kết hợp thuộc một loại đơn giản hơn – và dệt những sợi này thành vải lanh, thành vải bông hoặc tơ lụa, các vải vóc này lần lượt được cắt may thành trang phục, cũng thế, Thượng Đế Ngôi Hai dệt các sợi vật liệu này, dệt chúng lần nữa thành vải, và kể đó tạo hình cho chúng thành hình tướng. Ngài là Thọ Dệt Vĩnh Cửu (Eternal Weaver), trong khi đó, chúng ta có thể nghĩ đến Thượng Đế Ngôi Ba như là nhà Hóa Học Vĩnh Cửu (Eternal Chemist). Trong thiên nhiên, Thượng Đế Ngôi Ba làm công việc như trong một phòng thí nghiệm, còn Thượng Đế Ngôi

---

<sup>1</sup> Tổ: nối lại, kết lại. Chức: dệt lại. Nghĩa đen của “tổ chức”: nối và dệt lại. Nghĩa bóng: xếp đặt công việc.

Hai làm việc như trong một nhà máy. Những sự ví von này tuy có tính vật chất, nhưng không được coi thường, vì chúng là những cái nặng để giúp chúng ta cố gắng đi khắp khiêng trên con đường hiểu biết.

“Việc đan dệt” này cung cấp cho vật chất các đặc điểm của nó, cũng như các đặc điểm của sợi vải khác với các đặc điểm của nguyên liệu thô, cũng như các đặc điểm của vải khác với các đặc điểm của sợi vải. Thượng Đế dệt hai loại vải bằng chất thượng trí (manasic matter), và bằng chất trí (mind-stuff), để rồi từ hai loại này về sau sẽ được làm ra thể nguyên nhân và thể hạ trí. [73] Ngài dệt vải bằng chất cảm dục (astral matter), tức chất dục vọng (desire-stuff), và sau này thể dục vọng sẽ được tạo ra từ đó. Nghĩa là, các kết hợp vật chất, được tạo ra và được giữ lại với nhau bởi Làn Sóng Sinh Hoạt Thứ Hai, có các tính chất vốn sẽ tác động lên Chân Thần khi Chân Thần tiếp xúc với các kết hợp vật chất khác và sẽ cho phép Chân Thần tác động lên chúng. Thế nên Chân Thần có thể tiếp nhận mọi loại rung động thuộc trí tuệ, thuộc cảm giác v.v...

Các tính chất này tùy thuộc vào bản chất của các tập hợp vật chất (aggregations). Có bảy loại tập hợp vật chất lớn do bản chất của nguyên tử ấn định, và trong các loại này có vô số loại phụ. Tất cả đều dùng vào việc tạo ra các chất liệu cho bộ máy tâm thức, bộ máy này sẽ bị chi phối bởi tất cả các cấu trúc, các sắc thái, các mật độ này.

Trong lượt đi xuống của làn sóng sinh hoạt xuyên qua cõi thứ năm, thứ sáu và thứ bảy, xuống đến vật chất trọng trước nhất, ở điểm đó làn sóng bắt đầu trở lên; như vậy chúng ta phải nghĩ đến công việc của nó như là công việc tạo ra các kết hợp vật chất vốn sẽ biểu lộ các tính chất, và như thế đôi khi chúng ta nói đến công việc này như là việc mang lại

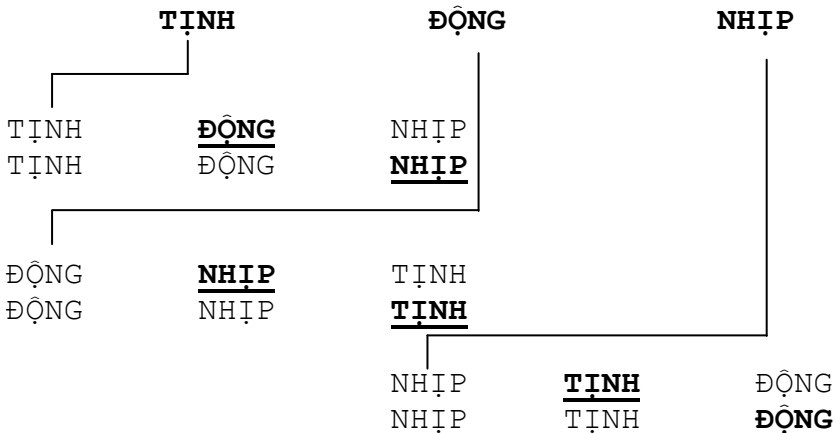


cá tính (qualities). Trên con đường đi lên, chúng ta sẽ [74] thấy rằng các thể (bodies) được kiến tạo bằng vật liệu đã được chuẩn bị như thế. Nhưng trước khi nghiên cứu việc nắn tạo các thể này, chúng ta phải xét cách phân chia thất phân của làn sóng sinh hoạt này trên đường đi xuống của nó và việc đi lên của các “Đấng Quang Minh”, các “Thiên Thần”, các “Tinh Linh” vốn cũng thuộc về làn sóng đi xuống này. Đây là các “Tiểu Thần” (“Minor Gods”) mà Plato nói đến, từ các Ngài mà con người mới có được các thể bất hoại (perishable bodies).

### 3- Bảy Luồng Thần Lực

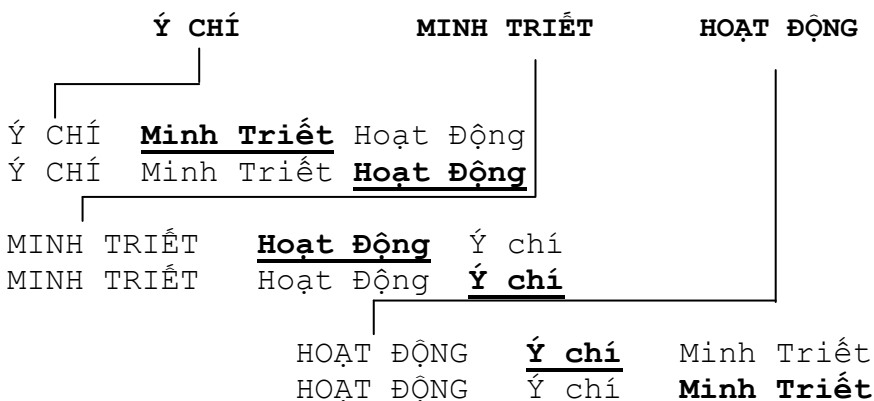
Câu hỏi thường được đưa ra: Tại sao các nhà nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng luôn luôn đề cập đến con số bảy? Chúng ta trả lời rằng số bảy là “số căn nguyên (root-number) của Thái Dương Hệ chúng ta”, và có một lý do hiển nhiên giải thích tại sao con số này sẽ đóng một vai trò tích cực trong việc phân nhóm (grouping) các sự việc, khi chúng ta quan tâm tới các nhóm ba (triplicities) được đề cập và giải thích trước đây. Một bộ ba (triad) đương nhiên tạo ra một bộ bảy (septenate) bởi các mối liên quan bên trong của chính nó, vì ba yếu tố của nó có thể tự tập hợp thành bảy cách và không thêm gì nữa. Như chúng ta đã nói về [75] vật chất, ở ngoài các ranh giới của một vũ trụ, thì vật chất (matter) có ba tính chất – tĩnh (tính trì trệ), động (chuyển động, hay thay đổi), và nhị nhàng – trong một trạng thái quân bình. Khi Sự Sống của Thượng Đế khởi động, tức khắc chúng ta có khả năng của bảy nhóm, vì trong bất cứ nguyên tử hoặc nhóm nguyên tử cụ thể nào, một trong các tính chất này có thể nhận được nhiều năng lượng hơn các tính chất kia, và như thế một tính chất chiếm ưu thế sẽ hiện ra. Như thế, chúng ta có thể có

ba nhóm; ở một trong các nhóm này, tính chất Tĩnh (inertia) sẽ chiếm ưu thế, tính chất Động (mobility) sẽ chiếm ưu thế, hay tính chất Nhịp (rhythm) sẽ chiếm ưu thế. Ngoài ra, mỗi một trong ba nhóm này lại chia nhỏ nữa tùy theo tính ưu thế trong đó của một trong hai tính chất còn lại; như vậy ở một trong hai nhóm Tĩnh, tính chất Động có thể vượt trội hơn tính Nhịp, và trong nhóm Tĩnh còn lại, tính chất Nhịp vượt trội hơn tính động, cũng y như thế đối với hai nhóm Động và nhóm Nhịp còn lại. Do đó phát sinh các kiểu mẫu đã được biết rõ, được phân loại theo tính chất ưu thế, thường được chỉ định bằng tên Bắc Phạn (Sanskrit) của chúng là satvic, rajasic và tamasic, nghĩa là tính chất nhịp, động và tĩnh, và chúng ta cũng có các thức ăn, động vật, con người có tính chất nhịp, động, tĩnh nữa v.v... Và chúng ta có bảy nhóm trong vạn vật: sáu tế phân của ba tính chất, và một nhóm thứ bảy trong đó cả ba tính chất này đều linh hoạt ngang nhau. (Các biến thái của kiểu mẫu được dự tính một cách đơn giản để đánh dấu trong mỗi bộ ba các năng lượng tương đối của các tính chất).



Sự Sống của Thượng Đế xạ vào vật chất này, tự biểu lộ thành bảy luồng thần lực hay bảy cung (seven streams or rays).

Một cách tương tự, bảy cung này xuất phát từ ba Trạng Thái Tâm Thức có trong Thượng Đế, cũng như trong tất cả mọi tâm thức, vì tất cả đều là các biểu lộ của Đại Ngã (Universal Self). Ba Trạng Thái Tâm Thức này là Toàn Phúc (Bliss) hay Ichchha, Ý Chí; Hiểu Biết (Cognition) hay Jnanam, Minh Triết; [77] Hiện Tồn (Existence) hay Kriya, Hoạt Động. Thế nên ta có bảy luồng thần lực hay bảy cung của Sự Sống Thượng Đế:



Mọi vật có thể được xem như được tập hợp dưới bảy nhóm này, tức bảy luồng thần lực của sự sống Thượng Đế, tạo nên Làn Sóng Sinh Hoạt Thứ Nhì, và chúng ta có thể nghĩ đến nó như là đang tuôn đổ qua bảy cõi, đi xuống qua bảy cõi này. Thế nên, nếu chúng ta vẽ các cõi theo chiều ngang, thì Làn Sóng sinh hoạt sẽ xạ xuống các cõi theo chiều thẳng đứng. Ngoài ra, trong mỗi luồng thần lực chính sẽ có bảy luồng thần lực phụ cấp một, tùy theo loại vật chất có liên quan, và bên trong các luồng thần lực phụ cấp hai này, tùy

theo tỷ lệ của các tính chất trong mỗi loại, và cứ thế tiếp tục trong [78] vô số các biến thể. Chúng ta không cần đi vào các điều này. Chỉ cần ghi nhớ là có bảy loại vật chất và bảy loại tâm thức. Bảy luồng thần lực của Sự Sống Thượng Đế hiện ra dưới hình thức bảy loại tâm thức, và trong mỗi luồng này có bảy loại kết hợp vật chất (matter-combinations). Người ta thấy có bảy loại riêng biệt thuộc mỗi một trong ba Giới Hành Khí và trên cõi trần.

Trong bộ *Giáo Lý Bí Nhiệm*, bà Blavatsky, khi bàn đến con người, trích dẫn từ các câu kinh của *Thiên Kinh (Book of Dzyan)*, sự thật rằng có “Bảy Đấng Sáng Tạo (Creators) mỗi Đấng ở khu vực của Ngài” tạo ra bảy mẫu người và bảy mẫu người này được chia nhỏ ra: “Bảy lần bảy cái bóng của con người tương lai được sinh ra” (Sách đã dẫn, 11, 18,81,95). Đây là nguồn gốc các khí chất khác nhau của con người.

#### 4- Các Đấng Quang Minh

Bây giờ chúng ta phải nghiên cứu kết quả khác của Làn Sóng Sinh Hoạt đi xuống. Chúng ta đã thấy Làn Sóng này mang lại các đặc tính (qualities) cho [79] các tập hợp vật chất trên cõi thứ năm và thứ sáu, và chúng ta có trong Giới Hành Khí thứ nhất các vật chất sẵn sàng bao bọc các tư tưởng trừu tượng; trong Giới Hành Khí thứ hai, các vật chất sẵn sàng bao bọc các tư tưởng cụ thể; trong Giới Hành Khí thứ ba, các vật chất sẵn sàng bao bọc các dục vọng.

Nhưng ngoài việc ban phát các đặc tính cho các tập hợp vật chất; trong giai đoạn đi xuống, Thượng Đế Ngôi Hai còn sinh ra các sinh linh tiến hóa, thuộc các giai đoạn phát triển khác nhau, hợp thành các cư dân bình thường và điển hình của ba giới hành khí nói trên. Các sinh linh này đã được Thượng Đế mang đến từ một chu kỳ tiến hóa trước, và được

gửi ra từ kho Sự Sống của Ngài, để cư trú ở cõi thích hợp với trình độ phát triển của các sinh linh đó; và để cộng tác với Ngài, và sau đó với con người, trong việc thể hiện kế hoạch tiến hóa của Ngài. Các sinh linh này đã nhận các tên khác nhau trong các tôn giáo khác nhau, nhưng mọi tôn giáo đều nhận biết sự thật về sự hiện hữu cùng với công việc của các vị này. Danh xưng theo Bắc Phạn là Devas – tức Các Đấng Quang Minh (Shining Ones) – là tên gọi thông dụng nhất, mô tả một cách thích hợp đặc điểm nổi bật nhất về [80] ngoại diện của các vị này, một sự tỏa sáng rực rỡ khác thường (<sup>1</sup>). Do Thái Giáo, Cơ Đốc Giáo và Hồi Giáo gọi các Ngài là Nhất Đẳng Thiên Thần (Archangels) và Thiên Thần (Angels). Nhà nghiên cứu Minh Triết Thiên Linh – muốn tránh các ngụ ý có tính phe phái – nên gọi tên các vị này, theo trú sở của các Ngài, là các Tinh Linh Thiên Nhiên (Elementals). Tên gọi này có thêm cái lợi là nó nhắc nhở môn sinh về mối quan hệ của các vị này với năm “Hành Tố” (“Elements”) của thế giới xưa, đó là Hậu thiên khí (Ether), Phong (Air), Hỏa (Fire), Thủy (Water) và Thổ (Earth). Vì có các sinh linh tương tự thuộc loại cao trên cõi Niết Bàn và Bồ Đề, cũng như các Hỏa Tinh Linh và Thủy Tinh Linh của cõi trí và cõi cảm dục, và các Tinh Linh dĩ thái của cõi trần. Các thực thể này có cơ thể (bodies) được làm từ tinh chất hành khí của giới mà chúng thuộc về, là các cơ thể có nhiều màu sắc chớp lóe, hình dạng thay đổi

---

<sup>1</sup> Nếu diễn dịch thuật ngữ này là “God” sẽ đưa đến nhiều sai lầm trong tư tưởng Đông Phương. “330 triệu Vị Thần” không phải là các Vị Thần (Gods) theo nghĩa Phương Tây của thuật ngữ, mà là tương đương của Bản Ngã Đại Đồng (Universal Self) và đứng sau các Thượng Đế (the Logoi), mà là các Thiên Thần, Các Đấng Quang Minh.

theo ý muốn của thực thể bên trong. Chúng hợp thành một tập đoàn lớn, luôn luôn làm việc một cách tích cực, cần cù lao động với tinh chất hành khí để cải thiện [81] phẩm tính của nó, dùng nó để tạo ra các cơ thể của chính chúng, thải bỏ nó đi và lấy các phần khác của nó, để làm cho nó dễ đáp ứng hơn. Chúng cũng luôn luôn bận rộn trong việc nắn tạo hình hài, trong việc giúp Linh hồn con người trên đường luân hồi bằng cách kiến tạo các thể mới cho họ, mang lại các vật liệu thuộc loại cần thiết, và giúp sắp xếp vật liệu đó. Linh hồn càng ít tiến hóa thì công việc chỉ huy của Thiên thần càng lớn hơn. Với loài vật, các Thiên thần làm hầu hết mọi công việc, còn với thực vật và khoáng vật thì các ngài hoàn toàn làm hết mọi việc.

Các ngài là các vị thừa hành tích cực trong công việc của Thượng Đế, thi hành mọi chi tiết trong thiên cơ của Thượng Đế, và giúp cho vô số sinh linh đang tiến hóa tìm được các vật liệu mà chúng cần cho y phục của chúng. Mọi người thời xưa đều nhận biết công việc rất cần thiết mà các Ngài đã làm trong các cõi, và Trung Hoa, Ai Cập, Ấn Độ, Ba Tư <sup>(1)</sup>, Hy Lạp, La Mã có kể các câu chuyện tương tự. Niềm tin vào sự cao cả của các vị này không chỉ có trong mọi tôn giáo, mà các ký ức về những vị này của cõi cảm dục và cõi dĩ thái của cõi trần vẫn còn tồn tại trong văn hóa dân gian, trong các câu chuyện về các “Tinh linh thiên nhiên” (Nature-spirits), các “Tiểu Tiên” (“Fairies”), “các thổ thần” (Gnomes), các “chú lùn tinh ranh” (“Trolls”), và dưới nhiều tên gọi khác nữa, các ký ức về những thời mà con người [82] ít bị bao bọc sâu trong các lợi ích vật chất, và nhạy cảm hơn với các ảnh hưởng tác động lên họ từ các cõi tinh anh tinh anh. Sự tập trung này vào

---

<sup>1</sup> Nay là nước Iran. (ND)

các lợi ích vật chất, cần cho sự tiến hóa, đã che giấu hoạt động của các Tinh Linh khỏi tâm thức tỉnh thức của con người. Nhưng dĩ nhiên, điều này không ngăn được hoạt động của các Tinh Linh, mặc dù thường làm cho công việc đó trở nên ít hiệu quả hơn trên cõi trần.

Tuy nhiên, ở giai đoạn mà chúng ta đang xem xét đây, toàn bộ việc này, ngoại trừ việc cải thiện tinh chất hành khí, còn nằm trong tương lai xa xăm, nhưng các Đấng Quang Minh đã lao động cần mẫn với công việc cải thiện đó.

Như vậy, đã có một công cuộc chuẩn bị to tát được hoàn thành, trước khi bất cứ điều gì theo con đường của các hình hài thể chất, như chúng ta có thể nhận biết, có thể xảy ra; một sự lao động nặng nhọc bao la ở khía cạnh Hình Tượng của vạn vật trước khi các tâm thức được nhập vào, ngoại trừ Thượng Đế và các Thiên Thần của Ngài, thì không thể làm được chút gì cả. Những gì là tâm thức con người ở lúc đó đã chỉ là một hạt giống, được gieo trên các cõi cao, vô tri thức đối với tất cả những gì bên ngoài nó. Dưới hơi ấm thôi thúc của Sự Sống Thượng Đế, nó đưa ra ngoài [83] một rễ con bé nhỏ hướng xuống dưới, tìm đường đi vào các cõi thấp, một cách dò dẫm, vô tri thức, và cái rễ con này là đề tài nghiên cứu sắp tới của chúng ta.



[84]

## Chương IV Nguyên tử thường tồn

### 1- Sự Gắn Kết của các nguyên tử

Chúng ta hãy nghiên cứu Tam Thượng Thể Tinh Thần, là Atma-Buddhi-Manas có ba nguyên tử, là Jivatma, hạt giống của tâm thức, được hơi ấm của luồng sự sống của Thượng Đế bao quanh, hơi ấm này đang tạo ra trong hạt giống này các rung động yếu ớt đáp ứng với sự sống. Đây là các rung động nội tại, chuẩn bị cho các hoạt động bên ngoài. Sau sự chuẩn bị lâu dài, một tuyến (thread) bé nhỏ, giống như một rễ con tí xíu xuất hiện, xuất phát từ phân tử có ba nguyên tử này, bọc lấy tâm thức, là một tuyến sự sống (thread of life) màu vàng kim, được bọc trong lớp vỏ bằng chất Bồ Đề. Có vô số tuyến như thế xuất hiện từ vô số Jivatmas, lúc đầu phát phơ một cách vô định trong bảy luồng sống vĩ đại, và kể đó trở nên được neo chặt lại – nếu cách diễn tả này có thể được [85] phép – bằng cách gắn chặt vào một phân tử hay đơn vị đơn lẻ trên cõi phụ thứ tư của cõi trí. Việc bám trụ này – giống như việc bám trụ trước kia vào ba nguyên tử cao, và giống như các lần bám sau này vào các nguyên tử cảm dục và hồng trần – xảy ra do tác động của các Thiên Thần (Đấng Quang Minh). Tụ tập chung quanh đơn vị được liên kết này là các tập hợp tạm thời của tinh chất hành khí thuộc Giới Thứ Hai, phát tán ra rồi tụ tập trở lại, lặp đi lặp lại nhiều lần, luôn luôn với đơn vị được kết gắn với vai trò là trung tâm. Trung tâm ổn định này, dùng cho một chuỗi



vô tận gồm các hình hài phức tạp luôn thay đổi, được đánh thức dần bởi các rung động của các hình hài này, thành các đáp ứng yếu ớt, các đáp ứng này lại rung động một cách yếu ớt hướng lên đến hạt giống của tâm thức, và tạo ra trong đó các chuyển động nội tại rất mơ hồ. Không thể nói rằng mỗi trung tâm luôn luôn có chung quanh nó một hình thức của riêng nó; vì một tập hợp tinh chất hành khí có thể có một vài, hay rất nhiều các trung tâm này bên trong nó, hoặc mặt khác, có thể chỉ có một, hoặc không có trung tâm nào cả. Như vậy với sự chậm chạp không thể tưởng tượng, các đơn vị được gắn kết này trở thành các chủ sở hữu của một số tính chất; nghĩa là có khả năng [86] rung động theo một vài cách, vốn được gắn liền với việc suy tư, và trong tương lai sẽ làm cho các tư tưởng có thể xuất hiện. Các Thiên Thần của Giới Hành Khí Thứ Nhì cũng tác động lên chúng, hướng vào chúng các rung động mà chúng từ từ bắt đầu đáp ứng lại, và bao quanh chúng bằng loại tinh chất hành khí được phóng phát ra từ chính các thể của các Ngài (1). Ngoài ra, mỗi một trong bảy nhóm điển hình được phân cách với các nhóm khác bằng một bức vách tinh tế làm bằng tinh chất Chân Thần (vật chất nguyên tử được làm linh hoạt bằng Sự Sống của Thượng Đế Ngôi Hai), là sự khởi đầu cho vách của Hồn Khóm (Group-Soul) sau này.

Toàn bộ tiến trình này được lặp lại khi Giới Hành Khí Thứ Ba đã được tạo thành. Tuyến sự sống cực nhỏ được bọc bằng lớp vỏ bồ đề, được gắn với nguyên tử thường tồn hạ trí của nó, bây giờ đâm ra ngoài tới cõi cảm dục, và gắn nó với một nguyên tử cảm dục đơn lẻ, thêm vào nó nguyên tử này,

---

<sup>1</sup> Xem quyển “Tiến hóa của Sự Sống và Sắc Tướng” (Evolution of Life and Form), tác giả Annie Besant, trang 132-133.

tạo thành trung tâm ổn định của nó trên cõi cảm dục. Giờ đây, chung quanh nguyên tử này là các tập hợp tạm của tinh chất hành khí thuộc Giới Thứ Ba, phân rải ra và tái tập hợp như trước kia. [87] Các kết quả tương tự tiếp theo sau dưới hình thức vô số chuỗi các hình hài bao bọc lấy trung tâm ổn định này, đánh thức nó với các đáp ứng yếu ớt tương tự, mà đến phiên chúng rung động một cách yếu ớt hướng lên tới hạt giống của Tâm thức, một lần nữa tạo ra trong đó các chuyển động nội tại rất mơ hồ. Như vậy, một lần nữa, các nguyên tử được gắn kết này dần dần trở nên sở hữu một số tính chất; nghĩa là có khả năng rung động theo một vài cách liên quan đến cảm giác, và từ đây về sau sẽ làm cho các cảm giác có thể xảy ra. Ở đây, các Thiên Thần của Giới Hành Khí Thứ Ba cũng hợp tác vào công việc, bằng cách sử dụng các năng lực rung động phát triển cao hơn của các ngài, tạo ra trong các nguyên tử chưa phát triển này một khả năng đáp ứng nhờ tính đồng cảm, và, như trước đây, cung cấp cho chúng vật chất riêng của các ngài. Vách ngăn cách của mỗi một trong bảy nhóm có một lớp thứ hai, được làm bằng tinh chất Chân Thần của cõi cảm dục, như vậy đang tiến một giai đoạn gần hơn với vách của Hòn Khóm tương lai.

Một lần nữa, tiến trình được lặp lại khi làn sóng vĩ đại tiến vào cõi trần. Tuyến sự sống bé nhỏ [88] được bọc bằng chất bồ đề, với các nguyên tử thường tồn hạ trí và cảm dục được gắn vào, đẩy ra một lần nữa và chiếm lấy một nguyên tử cõi trần, thêm nguyên tử này vào nó, như là trung tâm ổn định của nó trên cõi trần. Các phân tử dĩ thái tập hợp lại chung quanh trung tâm này, nhưng vật chất hồng trần nặng hơn nên dính chặt hơn vật chất tinh anh hơn của các cõi cao, và có một kỳ hạn sống lâu hơn nhiều. Bấy giờ – khi các kiểu mẫu tinh anh của các tiền-kim loại (proto-metals), và sau đó

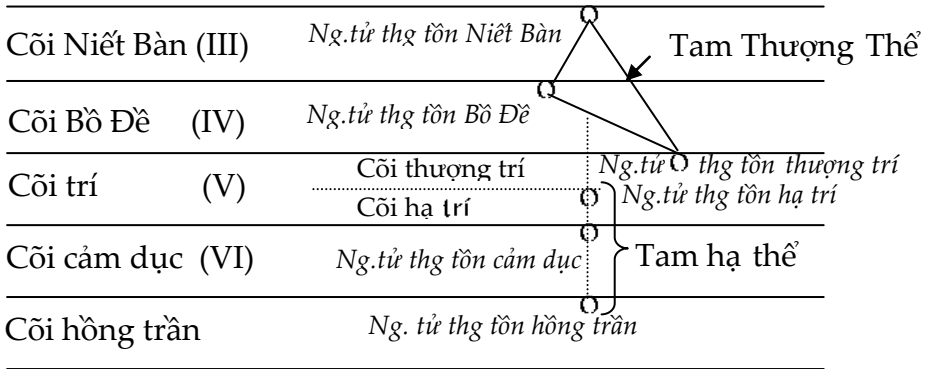
là các tiền-kim loại, các kim loại, các nguyên tố phi-kim loại (non-metallic elements), và các khoáng chất được thành hình – các Thiên Thần thuộc Giới Dĩ Thái Hồng Trần (Ethereal Physical Kingdom) nhấn chìm các nguyên tử được gắn kết này trong các lớp vỏ dĩ thái của các Ngài vào trong một trong bảy loại dĩ thái mà chúng lần lượt thuộc vào, và chúng bắt đầu công cuộc tiến hóa vật chất lâu dài của chúng.

Trước khi có thể đi sâu vào việc khảo cứu này, chúng ta phải xem xét các Hồn Khóm (Group-Souls), các Hồn Khóm này tiếp nhận lớp bọc thứ ba của chúng trên cõi phụ nguyên tử. Nhưng sẽ là tốt để tạm ngừng trong chốc lát để bàn về bản chất và chức năng của các nguyên tử thường tồn này, là các đơn vị gồm ba phần, hay các bộ ba (triads), vốn có vai trò như là một hình ảnh trên các cõi thấp của các Tam Thượng Thể Tinh Thần trên cõi cao, và mỗi bộ ba này được liên kết với [89] một Tam Thượng Thể Tinh Thần, là Jivatma của nó. Mỗi bộ ba gồm có một nguyên tử thường tồn hồng trần, một nguyên tử thường tồn cảm dục và một nguyên tử thường tồn hạ trí, thường xuyên được gắn kết vào Tam Thượng Thể Tinh Thần bởi một tuyến bằng chất Bồ đề. Sợi chỉ này đôi khi được gọi là Sutratma, là Chân Ngã Tuyến (Thread-Self), bởi vì các nguyên tử thường tồn được xoắn vào nhau trên đó như là “các hạt chuỗi trên một sợi dây”<sup>(1)</sup>.

---

<sup>1</sup> Thuật ngữ này được dùng để chỉ nhiều điều khác nhau nhưng luôn luôn có cùng ý nghĩa: đó là sợi dây nối liền các phần tử riêng biệt. Nó được dùng để chỉ Chân Ngã luân hồi, giống như sợi dây được gắn vào nhiều kiếp sống riêng biệt; đối với Thượng Đế Ngôi Hai thì đó là Linh Tuyến (Thread) mà các sinh linh trong vũ trụ của Ngài được xoắn vào, và v...v... Thuật ngữ này chỉ một chức năng (function) hơn là một thực thể đặc biệt hoặc một hạng thực thể nào.

Một lần nữa, chúng ta có thể nhờ vào một biểu đồ để chỉ mối liên hệ này:



[90]

## 2- Lưới Sự Sống

Như đã nói, việc nối kết (của Tam Hạ Thể – ND) với Tam Thượng Thể Tinh Thần là nhờ chất bồ đề, và sự liên lạc này được biểu thị trong biểu đồ bằng đường chấm nối liền các nguyên tử thường tồn, đi xuống từ đường nối trong cõi Bồ Đề, chớ không phải từ nguyên tử thường tồn thượng trí. Chính chất bồ đề được dùng dệt nên lưới sự sống kỳ diệu này để nâng đỡ và đem sinh lực đến cho tất cả các thể của chúng ta. Nếu các thể này được quan sát bằng nhãn thông bồ đề, thì tất cả chúng đều biến mất, và ở vị trí của chúng, người ta chỉ thấy một lưới màu vàng lung linh, có độ tinh xảo khó tưởng tượng và một vẻ đẹp tinh tế, một mảng họa tiết ở mọi phần của chúng, trong một mạng lưới có các mắt lưới rất nhỏ. Lưới này được làm bằng chất bồ đề, và bên trong các mắt lưới này có các nguyên tử thô hơn được kết lại cùng nhau. Xem xét kỹ hơn thì thấy toàn thể mạng lưới này được làm bằng một sợi duy nhất, đó là phần nối dài của Sutratma. Lúc

đưa bé chưa ra đời, thì tuyến này phát triển ra khỏi nguyên tử thường tồn thể xác và phân nhánh ra mọi hướng, sự tăng trưởng này tiếp tục cho đến khi thể xác phát triển đầy đủ. Trong đời sống cõi trần, thì prana, tức sinh khí (life-breath) luôn luôn chạy dọc theo sợi đó, đi theo tất cả các nhánh và các mắt lưới (meshes) của nó. Vào lúc chết, tuyến này bị rút ra, bỏ mặc cho các hạt của xác thân phân tán ra. Người ta có thể thấy nó từ từ tự tháo ra khỏi chất hồng trần trọng trực, sinh khí đi cùng với nó, và đồng thời tự rút vào tâm chung quanh nguyên tử thường tồn. Khi nó rút đi thì tứ chi bị bỏ trống trở nên lạnh – sự vắng mặt của nó tạo ra hiện tượng “lạnh như chết”. Ngọn lửa tím vàng của sinh khí được thấy chiếu sáng chung quanh nó ở trái tim, còn ngọn lửa và lưới sự sống màu vàng, cùng với nguyên tử thường tồn đi lên theo từ-lực-đạo trung hỏa kỳ kinh (sushumna-nadi) thứ nhì<sup>(1)</sup> lên đầu, đi vào não thất thứ ba. Đôi mắt trở nên đỏ đẫm khi lưới sự sống rút ra, và toàn bộ lưới được gom lại chung quanh nguyên tử thường tồn trong não thất thứ ba; kể đó toàn bộ đi lên một cách chậm chạp vào điểm giáp nối của đường khớp của xương đỉnh (parietal) và xương chẩm (occipital), và rời bỏ thể xác – [92] đó là cái chết. Như vậy tuyến này bao quanh nguyên tử thường tồn giống như cái vỏ vàng (golden) – gọi nhớ đến ổ kén được dệt một cách khít khao của con tằm – vẫn cứ bọc nó lại cho đến khi việc kiến tạo một thể xác mới lại yêu cầu nó mở ra.

---

<sup>1</sup> Trong tiếng Anh không có tên gọi để chỉ lối đi (passage) này. Đó là mạch (vessel) hay con kênh (canal), chạy từ tim đến não thất thứ ba (third ventricle). Tất cả những người nghiên cứu yoga đều quen thuộc với tên gọi này. Trung hỏa kỳ kinh nguyên sơ là ống xương sống (spinal canal).

Các nguyên tử của thể cảm dục và thể hạ trí cũng theo cùng tiến trình như trên, để cho, khi các thể này tan rã, thì tam hạ thể (lower-triad) có thể được nhìn thấy như là một hạt nhân sáng lấp lánh bên trong thể nguyên nhân, một vẻ ngoài được ghi nhận từ lâu trước khi một sự quan sát tỉ mỉ đã tiết lộ ý nghĩa của nó.

### 3- Việc chọn lựa các nguyên tử thường tồn

Chúng ta hãy trở lại việc chiếm hữu ban đầu các nguyên tử thường tồn ở ba cõi cao của Chân Thần, và tìm hiểu đôi điều về công dụng của chúng, về mục đích của việc chiếm hữu các nguyên tử đó. Các nguyên tắc này cũng được áp dụng đối với các nguyên tử thường tồn của mỗi cõi.

Trước tiên, cần nhớ rằng vật chất (matter) của mỗi cõi đưa ra bảy loại chính, thay đổi tùy theo ưu thế của thuộc tính này hoặc thuộc tính khác trong số [93] ba thuộc tính lớn của vật chất: tịnh, động và nhịp. Do đó, các nguyên tử thường tồn có thể được chọn trong số bất cứ một trong các loại này, nhưng dường như một Chân Thần duy nhất chỉ chọn cùng một loại các nguyên tử thường tồn. Hơn nữa, dường như là trong khi sự ràng buộc hiện tại của các vi tử thường tồn vào tuyến sự sống (life-thread) trên ba cõi cao là công việc của các Huyền Giai được nói đến trước đây, thì việc chọn lựa vốn chi phối việc chiếm hữu được chính Chân Thần thực hiện. Bản thân Chân Thần thuộc về một trong bảy nhóm Sự Sống đã được nói đến. Đứng đầu của mỗi nhóm là một Hành Tinh Thượng Đế, Ngài “nhuộm màu” toàn thể nhóm, và các Chân Thần được phân thành nhóm bởi các sắc thái này, mỗi Chân Thần được nhuộm màu bởi “Ngôi Sao Từ Phụ” (“Father

Star”) của mình <sup>(1)</sup>. Đây là đặc điểm quyết định quan trọng thứ nhất của mỗi người chúng ta, là “sắc thái” (“colour”) căn bản, hay là “chủ âm” (“key-note”) hay “khí chất” (“temperament”) của chúng ta. Chân Thần có thể chọn sử dụng cuộc hành hương mới của mình để làm mạnh thêm và gia tăng đặc điểm đặc biệt này; trong trường hợp đó, các Huyền Giai (Hierarchies) sẽ gắn vào tuyến sự sống của nó các nguyên tử thuộc về [94] nhóm có chất liệu tương ứng với nhóm sự sống của Chân Thần. Việc lựa chọn này sẽ đưa đến “sắc thái”, hay “chủ âm” hay “tính khí” thứ yếu, và nhấn mạnh và tăng cường khí chất thứ nhất, để rồi, trong cuộc tiến hóa sau này, các quyền năng và các khuyết điểm của khí chất kép đó sẽ tự biểu lộ một cách thật mạnh mẽ. Hoặc Chân Thần có thể chọn cách dùng cuộc hành hương mới của mình để khai mở khía cạnh khác của bản chất mình. Lúc bấy giờ các Huyền Giai sẽ gắn vào tuyến sự sống các nguyên tử thuộc về nhóm vật chất tương ứng với một nhóm sự sống (life-group) khác, trong đó khía cạnh mà Chân Thần muốn phát triển chiếm ưu thế. Việc chọn lựa này đưa đến kết quả là Chân Thần có được “sắc thái” hay “chủ âm” hay “khí chất” thứ yếu biến cải cái thứ nhất với kết quả tương ứng trong lần tiến hóa sau này. Sự lựa chọn sau rất rõ ràng là sự lựa chọn thường hơn, và nó hướng đến sự phức tạp rất nhiều về tính cách, nhất là trong các giai đoạn tiến hóa cuối cùng của con người, khi ảnh hưởng của Chân Thần được cảm nhận mạnh mẽ hơn nhiều.

Như đã nói ở trên, dường như là tất cả các vi tử thường tồn đều được lấy ra từ cùng [95] nhóm vật chất, sao cho các nguyên tử của Tam hạ thể đều tương ứng với các nguyên tử

---

<sup>1</sup> Xem “Phả Hệ Của Con Người”, của Annie Besant, trang 24.

của Tam thượng thể. Nhưng trên các cõi thấp, ảnh hưởng của các nguyên tử này trong việc quyết định loại của các vật chất được dùng trong các thể mà chúng là các trung tâm phát sinh – vấn đề mà bây giờ chúng ta phải chuyển sự chú ý của chúng ta vào đó – lại rất giới hạn và bị các nguyên nhân khác chen vào. Trên các cõi cao, các thể tương đối lâu dài một khi thành lập, và mô phỏng rõ rệt chủ âm (keynote) của các vi tử thường tồn của chúng, tuy nhiên nốt (note) đó có thể được làm cho phong phú thêm bằng các họa âm (overtones) luôn luôn làm tăng thêm mức tinh tế của hòa âm (harmony). Nhưng trên các cõi thấp, trong khi chủ âm của các vi tử thường tồn đều như nhau, thì nhiều nguyên nhân khác nhau xuất hiện để quyết định việc lựa chọn các chất liệu cho các thể, như sẽ được thấy rõ hơn bây giờ.

#### **4- Công dụng của các nguyên tử thường tồn**

Có thể tóm lược công dụng này trong một câu: Công dụng (use) của các vi tử thường tồn là để bảo tồn trong chính chúng, dưới hình thức các khả năng rung động, các kết quả của tất cả mọi kinh nghiệm [96] mà chúng đã trải qua. Có lẽ hay hơn hết là chọn vi tử thường tồn hồng trần làm thí dụ minh họa, vì vi tử này có thể giải thích dễ dàng hơn là các vi tử ở các cõi cao.

Một tác động ở cõi trần thuộc bất cứ loại nào cũng sẽ tạo nên các rung động tương ứng với tác động của nó trên thể xác mà nó tiếp xúc. Các rung động này có thể có tính cục bộ (local) hay lan rộng (general) tùy theo bản chất và sức mạnh của tác động. Nhưng dù cục bộ hoặc lan rộng, các rung động đó cũng sẽ đến được vi tử thường tồn thể xác, được truyền đi bằng lưới sự sống trong mọi trường hợp, còn trong các tác



động mãnh liệt thì cũng được truyền đi chỉ bằng sự chấn động .

Được thúc đẩy lên nguyên tử từ bên ngoài, rung động này trở thành một khả năng rung động trong nguyên tử – một khuynh hướng lặp lại rung động nơi đó.

Qua toàn bộ kiếp sống của xác thân, có vô số các va chạm (impacts) tác động vào xác thân; nhưng không có một va chạm nào chỉ để lại dấu vết của nó trên vi tử thường tồn, không một va chạm nào chỉ để lại nó với một khả năng rung động mới. Tất cả các kết quả của các kinh nghiệm ở cõi trần vẫn được lưu giữ trong vi tử thường tồn này dưới hình thức các năng lực rung động. Vào lúc kết thúc một kiếp sống hồng trần, vi tử thường tồn này đã tích chứa vô số năng lực rung động như thế, nghĩa là nó đã [97] học cách đáp ứng theo vô số đường lối với thế giới bên ngoài, học tái tạo lại trong chính nó các rung động được áp đặt lên nó bởi các đối tượng xung quanh. Vào lúc chết, thể xác tan rã, các hạt của thể xác phân tán ra, tất cả đều mang theo với chúng kết quả của các kinh nghiệm mà chúng đã trải qua – vì thật ra tất cả các hạt của xác thân chúng ta đang luôn luôn làm ngày này qua ngày khác, trong việc không ngừng chết đi trong một thể (body) này và không ngừng sinh ra vào một thể khác. Nhưng vi tử thường tồn của xác thân vẫn còn nguyên. Nó là nguyên tử duy nhất đã trải qua tất cả các kinh nghiệm của khối kết hợp (conglomerations) hằng thay đổi mà chúng ta gọi là thân xác chúng ta, và nó đã thu thập tất cả các kết quả của mọi kinh nghiệm nói trên. Được bao phủ trong cái ổ kén vàng của nó, nó ngủ yên qua bao năm dài mà trong lúc đó Jivatma, là chủ nó, đang sống qua các kinh nghiệm khác trong các cõi giới khác. Nó vẫn không bị ảnh hưởng bởi các kinh nghiệm này,

không có khả năng đáp ứng với chúng, và nó ngủ suốt đêm dài của nó trong giấc ngủ không bị khuấy rối. (1)

Khi đến giờ phút tái sinh, [98] và sự hiện diện của vi tử thường tồn làm cho việc thụ tinh của noãn (ovum) có thể xảy ra, từ noãn này, một thân xác mới được phát triển (2), chủ âm của vi tử đó ngậm lên, và là một trong các mãnh lực hướng dẫn nhà kiến tạo dĩ thái (ethereal builder), là tinh linh (elemental) phụ trách việc kiến tạo thể xác, chọn các vật liệu thích hợp cho công việc của nó, vì tinh linh này không thể sử dụng những gì không có được một mức độ điều hợp nào đó với vi tử thường tồn. Nhưng đó chỉ là *một* trong các lực mà thôi. Nghiệp quả của các tiền kiếp, về mặt trí tuệ, tình cảm và trong mối liên hệ với những kẻ khác, đòi hỏi các chất liệu có khả năng biểu lộ đa dạng nhất. Do bởi karma đó, các Nghiệp Quả Tinh Quân đã chọn lựa những gì có tính chất thích hợp, nghĩa là những gì có thể được biểu lộ qua một thể xác có một nhóm chất liệu đặc biệt; khối nghiệp quả thích hợp này quyết định nhóm chất liệu, trên cả vi tử thường tồn, và từ nhóm đó tinh linh chọn ra các chất liệu có thể rung động [99] hài hòa với vi tử thường tồn, hoặc khi không hài hòa thì không phá vỡ trong sự mãnh liệt của chúng. Do đó như đã nói, vi tử thường tồn chỉ là một trong các mãnh lực quyết định “sắc

---

<sup>1</sup> Bà Blavatsky có đưa ra một ám chỉ về các “nguyên tử ngủ” (“sleeping atoms”) này trong GLBN II, 710.

<sup>2</sup> Bà Blavatsky gọi các nhân thường tồn (permanent nucleus) của hai côi rươi (2 một phần hai) thấp là “nguyên tử sống” (“life atoms”); bà nói: “Các nguyên tử sống của nguyên khí sống (life-principle) của chúng ta (prana) không bao giờ mất hoàn toàn khi con người chết”; chúng “được truyền từ cha đến con”. (GLBN, II, 709).

thái”, hoặc “chủ âm”, hoặc “tính khí” thứ ba, vốn đặc trưng cho mỗi người trong chúng ta. Tùy theo “tính khí” này mà thân xác chúng ta được ấn định thời điểm lúc ra đời. Thân xác phải được sinh ra vào lúc mà các ảnh hưởng vật chất của hành tinh trở nên thích hợp với tính khí thứ ba của nó, và như vậy thân xác đó được sinh ra “dưới Ngôi Sao” chiêm tinh của nó. Không cần nói, không phải Ngôi Sao chiêm tinh áp đặt tính khí, mà là chính tính khí mới ấn định thời kỳ để ra đời dưới Ngôi Sao đó. Nhưng ở đây có ẩn tàng cách giải thích về các tương ứng giữa các Ngôi Sao – hay là các vị Tinh Tú Thiên Thần – và các tính cách, và sự hữu ích nhằm các mục đích giáo dục của một lá số tử vi được lấy (drawn) có kỹ năng và cẩn thận, như là một sự hướng dẫn cho tính khí cá nhân của một đứa trẻ.

Những kết quả phức tạp đó, là khả năng ghi khắc các tính chất đặc biệt của chúng lên vật chất chung quanh, có thể tồn tại trong một không gian vô cùng nhỏ như một nguyên tử, thật ra có vẻ không thể tưởng tượng được – tuy nhiên, nó là như thế. Và điều [100] đáng lưu ý là khoa học thông thường lại cho phép một ý tưởng tương tự, vì các mầm sống cực nhỏ trong tế bào mầm của Weismann được cho là nhờ đó đem lại cho con cháu các đặc điểm của dòng giống tổ tiên. Trong khi một bên thì mang lại cho thể xác các tính chất riêng biệt về thể xác của nó từ các tổ tiên của nó, thì bên kia lại cung cấp các tính chất mà con người tiến hóa đã thu hoạch được trong cuộc tiến hóa riêng của mình. Bà Blavatsky có nói về điều này một cách rõ ràng như sau:

“Nhà triết học kiêm phôi sinh học (embryologist-philosopher) người Đức – vượt qua khỏi Hippocrates (1) và Aristotle (2) của Hy Lạp, hoàn toàn quay lại các giáo lý của người Arya thời cổ – cho thấy một tế bào vô cùng nhỏ trong số hàng triệu tế bào khác đang hoạt động để tạo thành một cơ thể, chỉ một mình và không có sự trợ giúp nào, bằng cách luôn luôn phân cắt (segmentation) và tăng bội, là hình ảnh chính xác của con người hoặc con vật tương lai, theo các đặc tính thể chất, trí tuệ và tâm linh của người hay con vật đó.... Hãy bỏ tấc sinh chất vật lý (physical plasm), đã nói ở trên, là “tế bào mầm” (“germinal cell”) của con người với mọi tiềm năng vật chất của nó, với “sinh chất tâm linh” (“spiritual plasm”), tạm gọi như thế, hay lưu chất (fluid) có chứa năm nguyên khí thấp của Vị Thiên Quân có sáu nguyên khí (six-principled Dhyani) – thì bạn sẽ có được cái bí mật, nếu bạn đủ phát triển tâm linh để hiểu được điều đó”. (GLBN I,243, 244)

Một nghiên cứu nhỏ về sự di truyền thể chất dưới ánh sáng của các học thuyết của Weismann sẽ đủ để thuyết phục đạo sinh về các khả năng của một thể (body) như là vi tử thường tồn. Một người tái tạo lại các nét đặc biệt của một tổ tiên lâu đời, đưa ra một tính chất riêng biệt về thể xác được đặc trưng cho một tổ tiên cách đây nhiều thế kỷ. Chúng ta có thể truy ra mũi (nose) của Stuart qua một chuỗi dài các chân dung, và vô số các trường hợp giống nhau như thế có thể

---

<sup>1</sup> Hippocrates (460 ? - ? 377 trước TC) thầy thuốc Hy Lạp, được xem như là “Tổ của y học” (“Father of Medicine”) (Từ Điển Tiểu Sử Webster- ND).

<sup>2</sup> Aristotle (384-322 trước T.C.) triết gia Hy Lạp (ND).

được tìm thấy. Thế thì tại sao có thể có chuyện lạ thường trong ý tưởng rằng một nguyên tử lại có thể tập hợp vào chính nó không phải các mầm sống như trong tế bào mầm, mà là các khuynh hướng lặp lại vô số các rung động đã được trải qua. Không có khó khăn nào về mặt không gian phát sinh, không có gì khác hơn là trong trường hợp của một dây đàn (string) mà từ đó, nhiều nốt nhạc có thể phát ra nếu bấm dây đàn ở các điểm khác nhau, mỗi nốt chứa nhiều họa âm (overtones, bội âm). Chúng ta không được nghĩ đến cái không gian bé nhỏ của một nguyên tử như là tràn đầy vô số các vật thể đang rung động, mà hãy nghĩ đến [102] một số giới hạn các vật thể (bodies), mỗi cái có khả năng tạo nên vô số rung động.

Tuy thế, thật ra ngay cả sự khó khăn về không gian cũng là ảo tưởng, vì không có bất cứ ranh giới nào đối với cái nhỏ, cũng không nhiều hơn đối với cái lớn. Hiện nay khoa học hiện đại thấy trong nguyên tử có một hệ thống các thế giới đang quay, mỗi thế giới ở trong quỹ đạo riêng của nó, toàn thể giống như một Thái Dương Hệ. Bậc thầy (master) của ảo tưởng, là Không Gian, giống như huynh đệ bậc thầy của nó, là Thời Gian, không thể làm chúng ta ngã lòng ở điểm này. Không có giới hạn nào đối với các khả năng phân chia nhỏ trong tư tưởng, và do đó không có giới hạn nào trong sự biểu lộ tư tưởng (thought-expression) mà chúng ta gọi là vật chất.

Số đường xoắn ốc bình thường đang hoạt động trong các vi tử thường tồn trong Cuộc Tuần Hoàn này là bốn, giống như trong các nguyên tử vật chất thông thường gắn liền với Jivatma nói chung ở giai đoạn tiến hóa này. Nhưng chúng ta hãy xét vi tử thường tồn trong thể xác của một người tiến hóa rất cao, một người tiến hóa xa hơn các huynh

đệ của mình. Trong trường hợp người đó, ta thấy vi tử thường tồn có năm vòng xoắn ốc đang hoạt động, và có thể tìm cách học hỏi mối quan hệ của sự kiện này với các chất liệu chung của xác thân người ấy. Trong thai nhi trước khi sinh, việc có mặt của vi tử thường tồn có năm vòng xoắn hoạt động này sẽ [103] khiến cho tinh linh kiến tạo <sup>(1)</sup> phải chọn lựa các vật liệu nào cho hài nhi có hội đủ các nguyên tử giống như thế để tạo ra thân xác đứa bé. Phần nhiều, tiểu thần kiến tạo này buộc lòng phải dùng bất cứ nguyên tử nào mà ngài có thể tìm thấy, nghĩa là các nguyên tử tạm thời có liên quan với bất cứ cơ thể (body) nào có trung tâm là một vi tử thường tồn có năm vòng xoắn ốc đang hoạt động. Sự hiện diện của nguyên tử này có khuynh hướng khơi dậy trong các nguyên tử đó một hoạt động tương ứng, nhất là – có lẽ mới đây – nếu chúng đã tạo ra một phần của bộ não hoặc dây thần kinh của chủ thể tiến hóa cao của thể xác này. Vòng xoắn ốc thứ năm trở nên linh hoạt ít nhiều nơi các nguyên tử này, và mặc dù nó sẽ rơi trở lại vào trạng thái bất động sau khi rời bỏ một cơ thể như thế, hoạt động tạm thời của nó đã khiến cho nó đáp ứng dễ dàng hơn trong tương lai với dòng sự sống Chân Thần. Bấy giờ, các nguyên tử như thế sẽ được tinh linh kiến tạo tìm kiếm cho công việc của ngài khi nào có thể được. Nếu có cơ hội thì ngài cũng lấy từ cơ thể của người cha hoặc người mẹ, nếu cha mẹ thuộc về hạng tiến hóa cao, bất cứ các nguyên tử nào có tính chất như thế, và dùng các nguyên tử đó vào trong nhiệm vụ của ngài. Sau khi sinh ra và suốt trọn kiếp sống, một cơ thể như thế sẽ thu hút vào chính nó bất cứ [104] các nguyên tử tương tự nào lọt vào trong trường thu hút của nó. Trong nhóm người tiến hóa cao, một cơ thể như

---

<sup>1</sup> Building elemental: tinh linh kiến tạo hay là tiểu thần xây dựng.

thể sẽ hưởng được lợi ích đến một mức phi thường, nhờ sự gần gũi mà cơ thể này chiếm hữu được bất cứ nguyên tử có năm vòng xoắn đang linh hoạt nào vốn hiện hữu trong các hạt được phóng như mưa ra khỏi cơ thể của những người tiến hoá cao, và như thế có lợi về mặt thể chất cũng như về mặt trí tuệ và đạo đức nhờ gần gũi với nhóm người tiến hóa cao đó.

Vi tử thường tồn cảm dục có đúng cùng mối quan hệ với thể cảm dục như vi tử thường tồn xác thân có liên hệ với xác thân vậy. Vào cuối kiếp sống ở cõi cảm dục (Kamaloka) – cõi luyện ngục (purgatory) – lưới sự sống màu vàng rút ra khỏi thể cảm dục để cho thể này tan rã, giống như sự việc đã xảy ra cho người bạn thể xác của nó trước kia, và lưới này bọc lấy vi tử thường tồn cảm dục trong giấc ngủ dài của nó. Một mối quan hệ tương tự cũng xảy ra với thể hạ trí do vi tử thường tồn hạ trí trong kiếp sống ở cõi trần, cõi cảm dục và cõi trí. Trong các giai đoạn tiến hóa ban đầu của con người, ít có sự cải thiện trong vi tử thường tồn hạ trí bởi các kiếp sống ngắn ngủi ở Devachan, không chỉ vì thời gian ngắn ngủi của nó, mà còn vì các hình tư tưởng yếu ớt được tạo ra bởi [105] trí thông minh chưa phát triển rất ít ảnh hưởng đến vi tử thường tồn. Nhưng khi năng lực tư tưởng phát triển cao hơn, đời sống ở Devachan là một thời gian cải thiện quan trọng, và vô số năng lượng rung động được dự trữ, và cho thấy giá trị của chúng khi đến lúc tạo ra một thể hạ trí mới cho chu kỳ luân hồi sắp tới. Vào cuối đời sống của thể trí ở Devachan, tấm lưới vàng rút ra khỏi thể hạ trí để cho thể này cũng tan rã, trong khi đó tấm lưới bọc lấy vi tử thường tồn hạ trí; tam hạ thể chỉ còn lại có các vi tử thường tồn làm kẻ đại diện cho ba hạ thể. Như đã nói trước kia, các vi tử này được giữ lại để làm thành một hạt nhân rực rỡ bên trong thể nguyên nhân.

Như vậy chúng là tất cả những gì còn lại của các thể trong các cõi thấp cho Chân Ngã, khi chu kỳ kinh nghiệm đó được hoàn tất, vì chúng là phương tiện giao tiếp của Chân Ngã với các cõi thấp trong kiếp sống của các thể này.

Khi đến chu kỳ tái sinh, một rung động của sự sống từ Chân Ngã đánh thức nguyên tử thường tồn hạ trí; lưới sự sống bắt đầu lại mở ra, và nguyên tử thường tồn đang rung động tác động như một nam châm, kéo về phía nó các chất liệu có các năng lực rung động tương tự, hoặc phù hợp với, rung động của chính nguyên tử thường tồn. Các Thiên Thần thuộc Giới Hành Khí Thứ Hai mang các chất liệu như thế vào trong tâm với của nó. Trong các giai đoạn tiến hóa ban đầu, các ngài nắn tạo chất liệu đó thành đám mây rời rạc chung quanh vi tử thường tồn, nhưng khi sự tiến hóa tiếp diễn, thì Chân Ngã tác động lên việc nắn tạo đó một ảnh hưởng ngày càng tăng thêm. Khi thể hạ trí được tạo ra một phần, thì rung động sự sống đánh thức nguyên tử thường tồn cảm dục và một phương thức tương tự được tiếp theo. Sau cùng sự đưng chạm của sự sống đạt tới vi tử thường tồn hồng trần, và nó tác động theo cùng cách đã được mô tả nơi trang 98-100. (sổ trang trong bản Anh ngữ-ND).

Đôi khi có người hỏi: làm sao mà các vi tử thường tồn này có thể được chứa trong thể nguyên nhân, mà không mất đi bản chất hồng trần, cảm dục và hạ trí của chúng, vì thể nguyên nhân tồn tại trên một cõi cao, nơi mà bản chất hồng trần như thế xác không thể ở được? Kẻ đưa ra câu hỏi đó nhất thời quên rằng tất cả các cõi đều xuyên thấu vào nhau, và thể nguyên nhân sẽ không gặp khó khăn gì nhiều hơn khi bao bọc ba nguyên tử thường tồn của các cõi dưới so với việc nó bao bọc [107] hàng trăm triệu nguyên tử hợp thành thể hạ trí, thể cảm dục và thể xác thuộc về nó trong chu kỳ sống ở



trần thể. Tam hạ thể tạo thành một hạt rất nhỏ bên trong thể nguyên nhân; mỗi thành phần cấu tạo của nó thuộc về cõi riêng của nó, nhưng, vì các cõi đều có các điểm gặp gỡ khắp nơi, nên không có khó khăn nào xảy ra trong việc phải đặt gần nhau. Tất cả chúng ta đều luôn luôn ở trên mọi cõi.

### 5- Tác động của Chân Thần trên vi tử thường tồn

Ở đây chúng ta có thể nêu ra câu hỏi: Liệu có điều gì đó có thể thích hợp được gọi là tác động của Chân Thần (monadic action) – là tác động của Chân Thần trên cõi Đại Niết Bàn – lên trên vi tử thường tồn không? Không có tác động trực tiếp nào, cũng như không thể có, cho tới khi Tam Thượng Thể Tinh Thần còn phôi thai đã đạt đến một giai đoạn tiến hóa cao. Có việc diễn ra liên tục tác động gián tiếp, nghĩa là tác động trên Tam Thượng Thể Tinh Thần, mà lần lượt, ba thể cao sẽ tác động lên ba thể thấp. Nhưng đối với các mục đích thực tiễn, chúng ta có thể xem việc đó như là tác động của Tam Thượng Thể Tinh Thần, mà, như chúng ta đã thấy, vốn là Chân Thần bị che lấp [108] trong vật chất trọng trọng hơn là vật chất của cõi quê quán của Chân Thần.

Tam Thượng Thể Tinh Thần đang rút phần lớn năng lượng của Chân Thần, và mọi khả năng điều khiển năng lượng đó từ Thượng Đế Ngôi Hai, được bao bọc như Chân Thần trong luồng Sự Sống đó. Những gì có thể được gọi là hoạt động đặc thù của chính Tam Thượng Thể thì không liên quan đến mọi hoạt động tạo hình và kiến thiết của Làn Sóng Sinh Hoạt thứ hai, mà được hướng đến sự tiến hóa của chính nguyên tử, trong sự kết hợp với Thượng Đế Ngôi Ba. Năng lượng này từ Tam Thượng Thể Tinh Thần tự giới hạn vào các

cõi phụ nguyên tử<sup>(1)</sup>, và cho đến cuộc Tuần Hoàn thứ tư, thì năng lượng đó dường như hầu hết được dùng cho các vi tử thường tồn. Trước tiên nó được hướng đến việc tạo hình (shaping), và kể đó đến việc làm sinh động các vòng xoắn ốc vốn đang tạo ra vách của nguyên tử. Xoáy lực (vortex), vốn là nguyên tử, là sự sống của Thượng Đế Ngôi Ba; nhưng vách của đường xoắn ốc được từ từ tạo thành trên mặt ngoài của xoáy lực này trong khi Thượng Đế Ngôi Hai giáng xuống, không được Thượng Đế Ngôi Hai làm cho sinh động, mà chỉ vạch ra một cách yếu ớt trên bề mặt của xoáy lực đang xoay này của sự sống. Trong phạm vi liên quan đến Thượng Đế Ngôi Hai, thì các xoáy lực này vẫn chỉ như là các vận hà mỏng manh vô dụng, nhưng ngay sau đó, khi sự sống của Chân Thần tuôn đổ xuống, thì sự sống đó tác động vào vận hà thứ nhất trong các vận hà này, làm cho vận hà đó sinh động và biến đổi nó trở thành một phần hoạt động của nguyên tử thường tồn. Sự việc này cứ tiếp tục qua các Cuộc Tuần Hoàn kế tiếp, và vào lúc chúng ta đạt đến Cuộc Tuần Hoàn thứ tư, thì chúng ta có bốn luồng sinh lực rõ rệt từ mỗi Chân Thần, lưu chuyển qua bốn nhóm vòng xoắn ốc (sets of spirillae) trong các vi tử thường tồn của riêng nó. Hiện nay trong khi Chân Thần hoạt động trong nguyên tử thường tồn, và nó được đưa ra như là cái nhân của một cơ thể, thì Chân Thần bắt đầu hoạt động một cách tương tự trong các nguyên tử được rút về chung quanh nguyên tử thường tồn đó, và lần lượt làm sinh động loa tuyến (vòng xoắn ốc) của chúng, nhưng đó là sự sinh động tạm thời chớ không liên tục như trong trường hợp của nguyên tử thường tồn. Như vậy Chân

---

<sup>1</sup> The atomic sub-planes: cõi phụ nguyên tử, tức là cõi phụ cao nhất của mỗi cõi chính (ND)

Thần đưa vào hoạt động các lớp mỏng (films) yếu ớt và lò mờ này, do Làn Sóng Sinh Hoạt thứ nhì tạo ra, và khi sự sống của cơ thể kết thúc, các nguyên tử được kích thích như thể trở về với đại khối của vật chất nguyên tử, được cải thiện và được tác động lên bởi sự sống mà, trong sự liên quan của chúng với vi tử thường tồn, đã truyền sức sống cho chúng. Nhờ được [110] phát triển như thế, các vận hà có khả năng nhiều hơn để dễ dàng tiếp nhận luồng sinh lực khác giống như thế, khi chúng đi vào một cơ thể khác, và ở đó, tiếp xúc với một vi tử thường tồn thuộc về một Chân Thần khác nào đó. Như thế công việc này tiếp diễn không ngừng, trên cõi trần và cõi cảm dục, và trong hạt của chất trí trên cõi trí, cải tiến các vật chất mà các Chân Thần thường xuyên hoặc tạm thời được liên kết với, và cuộc tiến hóa này của các nguyên tử luôn luôn diễn ra dưới ảnh hưởng của các Chân Thần. Các vi tử thường tồn tiến hóa nhanh chóng hơn, vì sự liên tục kết nối của chúng với Chân Thần, trong khi các nguyên tử khác chỉ được hưởng lợi bằng sự kết hợp tạm thời được lặp lại lặp lại của chúng với các nguyên tử thường tồn mà thôi.

Trong cuộc Tuần Hoàn thứ nhất của Dây Địa Cầu, nhóm loa tuyến thứ nhất của các nguyên tử cõi trần trở nên linh hoạt do sự sống của Chân Thần tuôn đổ qua Tam Thượng Thể Tinh Thần. Đây là nhóm loa tuyến được sử dụng bởi các dòng sinh lực (pranic) hay sinh khí (life-breath) tác động lên phần trọng trực của thể xác.

Tương tự như vậy, trong Cuộc Tuần Hoàn thứ hai, nhóm loa tuyến thứ hai trở nên linh hoạt, và ở nơi đây, tác động [111] vào các dòng sinh lực được liên kết với thể dĩ thái.

Trong cả hai Cuộc Tuần Hoàn này, người ta không nhận thấy có điều gì, liên quan đến bất cứ hình thức nào, có thể được gọi là cảm giác vui sướng và đau khổ cả.

Trong Cuộc Tuần Hoàn thứ ba, nhóm loa tuyến thứ ba trở nên linh hoạt, và ở đây lần đầu tiên xuất hiện cái được gọi là khả năng cảm giác (sensibility), vì, qua các loa tuyến này, mà năng lượng kama hay dục vọng mới có thể tác động vào thể xác, prana cảm dục (kamic prana) có thể tác động vào các loa tuyến và như vậy làm cho thể xác giao tiếp trực tiếp với thể cảm dục.

Trong Cuộc Tuần Hoàn thứ tư, nhóm loa tuyến thứ tư trở nên linh hoạt, prana trí cảm (kama-manasic prana) tác động lên các loa tuyến đó, và làm cho chúng thích hợp để được dùng cho việc kiến tạo một bộ óc sẽ hoạt động như là dụng cụ cho tư tưởng.

Khi một người vượt ra khỏi giai đoạn tiến hóa bình thường của nhân loại, và bắt đầu cuộc tiến hóa khác thường của nhân loại, bao hàm việc chuẩn bị và tiến nhập vào Thánh Đạo vốn nằm ngoài con đường tiến hóa bình thường, thì bấy giờ, liên quan với các vi tử thường tồn của y, y có một nhiệm vụ cực kỳ khó khăn. Y phải làm linh hoạt nhiều nhóm loa tuyến hơn là các loa tuyến đã được làm linh hoạt nơi nhân loại vào thời của y. [112] Bốn nhóm loa tuyến đã sẵn sàng giúp đỡ y với cương vị là người của Cuộc Tuần Hoàn thứ tư. Y bắt đầu làm linh hoạt nhóm loa tuyến thứ năm và như vậy đưa vào biểu lộ nguyên tử thuộc Cuộc Tuần Hoàn thứ năm, trong khi y vẫn còn hoạt động trong một thể xác thuộc Cuộc Tuần Hoàn thứ tư. Trong một số sách Minh Triết Thiêng Liêng thuở ban đầu có nói bóng gió đến điều này, ấy là “Người của Cuộc Tuần Hoàn thứ Năm” (“Fifth Rounders”) và “Người của Cuộc Tuần Hoàn Thứ Sáu” (“Sixth Rounders”) đang xuất hiện trong nhân loại chúng ta hiện nay. Những người được chỉ định như thế đã phát triển nhóm loa tuyến thứ năm và thứ sáu trong các nguyên tử thường tồn

của họ, như vậy họ có được một dụng cụ hữu hiệu cho việc sử dụng cho tâm thức đã phát triển cao của họ. Việc thay đổi đó được mang lại bởi vài cách thực hành yoga, mà khi tập luyện như thế, cần phải đề phòng thật cẩn thận, vì sợ có thể xảy ra việc gây tổn hại cho não bộ, nơi mà công việc này đang được thực hiện. Khi xảy ra chuyện như thế thì việc tiến bộ xa hơn theo con đường đặc biệt đó bị chấm dứt trong luân hồi hiện tại.



[113]

## Chương V Hồn – Khóm

### 1- Định nghĩa danh từ

Nói một cách tổng quát, một Hồn-Khóm (Group-Soul, Hồn Tập Thể) là một tập hợp các bộ ba nguyên tử thường tồn (permanent triads) trong một vỏ bọc gồm ba lớp bằng tinh chất Chân Thần.

Cách mô tả này đúng với tất cả các Hồn-Khóm đang hoạt động trên cõi trần, nhưng không cung cấp ý tưởng nào về tính chất vô cùng phức tạp của chủ đề Hồn Khóm. Vì lẽ chúng luôn luôn phân chia và lại chia nhỏ ra, nên nội dung của mỗi phân khu và tiểu phân khu có số lượng giảm đi khi sự tiến hóa tiếp tục, cho đến lúc sau cùng một “Hồn-Khóm” chỉ chứa đựng một bộ ba duy nhất, Hồn Khóm này có thể tiếp tục cho nhiều lần tái sinh cho bộ ba duy nhất này để hoàn thành chức năng bảo vệ và nuôi dưỡng của một Hồn-Khóm, trong khi về mặt kỹ thuật thì không còn có thể mô tả như một Nhóm, vì “Nhóm” (“Group”) đã tách riêng ra thành các thành phần cấu tạo của nó rồi.

[114] Có bảy nhóm Hồn-Khóm sẽ được nhìn thấy hoạt động trên cõi trần, trước khi có bất cứ hình tướng nào xuất hiện. Trước tiên chúng tự hiện ra dưới các dạng mơ hồ, mong manh, một nhóm ở trong mỗi dòng của Làn Sóng Sinh Hoạt Thứ Nhì, trên cõi trí, trở nên có đường nét rõ ràng hơn trên cõi cảm dục và còn rõ hơn nữa trên cõi trần. Chúng bình bồng trong đại dương vật chất như các bong bóng có thể trôi trong biển. Khi quan sát chúng kỹ hơn, chúng ta thấy có ba lớp vật chất riêng biệt, tạo thành một bọc chứa vô số bộ ba.

Trước khi có bất cứ việc nhập vào khoáng thạch nào đã xảy ra, dĩ nhiên không có lưới sự sống màu vàng nào có thể thấy chung quanh các bộ ba này, chỉ có các sợi chỉ vàng rực rỡ nối liền chúng với các Jivatma phụ mẫu của chúng là được nhìn thấy, đang tỏa chiếu với vẻ long lẫy kỳ lạ tùy theo cõi sinh quán (birth-plane) của chúng. Lớp trong cùng của ba lớp này gồm có tinh chất Chân Thần cõi trần, nghĩa là lớp được làm bằng các nguyên tử của cõi trần, được làm linh hoạt bằng sự sống của Thượng Đế Ngôi Hai. Mới nhìn qua thì các lớp trong cùng này dường như giống hệt nhau trong bảy nhóm Hồn-Khóm, nhưng quan sát kỹ hơn sẽ thấy mỗi lớp được làm bằng các nguyên tử [115] từ một nhóm duy nhất trong bảy nhóm Vật Chất được mô tả ở trước. Do đó, mỗi nhóm Hồn-Khóm đều có cấu tạo vật chất khác với tất cả các nhóm còn lại, và số bộ ba chứa trong mỗi nhóm tùy thuộc vào cùng nhóm vật chất.

Lớp thứ hai của vỏ bọc Hồn-Khóm do tinh chất Chân Thần cõi cảm dục tạo thành, thuộc về cùng nhóm vật chất như lớp thứ nhất.

Lớp thứ ba của vỏ bọc Hồn-Khóm làm bằng chất trí của cõi phụ thứ tư của cõi trí với cùng nhóm vật chất.

Vỏ bọc ba lớp này che chở và nuôi dưỡng các bộ ba được chứa trong nó, cho đến bấy giờ, đích thực là những cái phôi, không thể có hoạt động độc lập riêng biệt.

Chẳng bao lâu bảy Hồn-Khóm sinh sôi nảy nở, sự phân chia tiếp tục không ngừng với việc sinh ra các kiểu phụ rõ rệt, như khi các nguyên tố tiên phong gần nhất của các nguyên tố hóa học xuất hiện, được theo sau bởi chính các nguyên tố đó, và các khoáng chất được tạo ra từ chúng. Các định luật về không gian, chẳng hạn – tách ra khỏi sự chuyên biệt hóa của

các nội dung trong Hồn-Khóm, là các bộ ba nguyên tử thường tồn – có thể đưa đến một sự phân chia của nó.

Như thế một mạch vàng ở Úc Châu [116] có thể đưa đến sự khoáng hóa bên trong của nhiều tam bộ (triads) như thế bên trong một cái bọc duy nhất, trong khi việc hình thành một mạch khác ở một chỗ xa, thí dụ ở Rocky Mountain (ở Bắc Mỹ – ND), có thể đưa đến việc phân chia cái bọc này, và chuyển một phần các nội dung của nó sang Mỹ châu trong cái bọc riêng của chúng. Nhưng các nguyên nhân quan trọng hơn đưa đến các phân chia nhỏ này sẽ được giải thích trong tiến trình nghiên cứu của chúng ta.

Hồn-Khóm và các nội dung (contents, các tam bộ) của nó chia ra bằng cách phân đôi, giống như một tế bào thông thường – một thành hai, hai thành bốn, v.v... Tất cả các tam bộ đều phải trải qua giới khoáng chất, là nơi mà vật chất đạt đến hình thức thô nhất của nó, và là nơi mà làn sóng vĩ đại đạt đến giới hạn đi xuống của nó, và chuyển hướng để bắt đầu đi lên. Chính nơi đây mà ý thức vật chất phải thức tỉnh, bây giờ sự sống dứt khoát phải chuyển ra ngoài, và nhận ra sự tiếp xúc với các sự sống khác ở thế giới bên ngoài.

Bây giờ sự tiến hóa của mỗi sinh linh trong các giai đoạn ban đầu này tùy thuộc chính yếu vào Sự Sống ấp ủ của Thượng Đế, và một phần vào sự hướng dẫn hợp tác của các Thiên Thần, và một phần vào áp lực mù quáng của chính [117] sinh linh đó chống lại các giới hạn của sắc tướng bao bọc nó.

Tôi đã so sánh sự tiến hóa qua các giới khoáng vật, thực vật và động vật với một thời kỳ tiền sinh, quả vậy cả hai rất giống nhau. Như đứa trẻ được nuôi dưỡng bằng các dòng sinh khí của người mẹ, thì cũng thế, cái bọc che chở của Hồn-Khóm cũng nuôi dưỡng các sự sống bên trong nó, bằng cách



thu nhận và phân phối các kinh nghiệm được thu thập lại. Sự sống đang lưu chuyển là sự sống của cha mẹ; các cây non, các con thú nhỏ và những con người non trẻ cho đến nay chưa sẵn sàng cho cuộc sống độc lập mà phải rút chất bảo dưỡng từ cha mẹ. Và cũng thế, các sự sống mầm mống này trong giới khoáng vật được nuôi dưỡng bởi các Hồn-Khóm, bởi các bọc bằng tinh chất Chân Thần, đang rung động với Sự Sống Thượng Đế. Một hình ảnh rất đúng về giai đoạn này có thể được nhìn thấy trong lá noãn của một cái cây, trong đó các noãn (ovules) dần dần xuất hiện, ngày càng trở nên độc lập hơn.

Để có được một ý niệm rõ ràng, chúng ta có thể nói sơ lược về các thay đổi mà Hồn-Khóm trải qua, khi các nội dung của nó tiến hóa, trước khi đi [118] vào chi tiết.

Trong giai đoạn tiến hóa khoáng chất, trú sở của Hồn khóm có thể được coi như là trú sở của cái bọc trọng trực nhất của nó, là cái bọc hồng trần; hoạt động linh hoạt nhất của nó là ở trên cõi trần. Khi các nội dung của Hồn Khóm chuyển vào giới thực vật và tiến lên qua giới đó, thì cái bọc hồng trần từ từ biến mất – cứ như là bọc đó bị các nội dung hấp thu để củng cố các thể dĩ thái riêng của chúng – đồng thời hoạt động của nó được chuyển tới cõi cảm dục, tới việc nuôi dưỡng các thể cảm dục của các bộ ba mà nó chứa đựng. Khi các nội dung này phát triển hơn nữa và chuyển vào giới động vật, thì bọc cảm dục cũng được hấp thu một cách tương tự, hoạt động của Hồn-Khóm được chuyển tới cõi trí, và nó nuôi dưỡng các thể hạ trí còn phôi thai, và từ từ nắn tạo chúng thành các đường nét ít mơ hồ hơn. Khi Hồn-Khóm chỉ còn chứa có một bộ ba duy nhất, và đã nuôi nấng bộ ba này để sẵn sàng tiếp nhận luồng phân thân thứ ba (third outpouring), thì những gì còn lại của Hồn Khóm sẽ tan rã

thành vật chất của cõi phụ thứ ba, và trở thành một thành phần cấu tạo của linh hồn thể, được tạo thành bởi dòng thần lực tuôn xuống từ trên cao, gặp gỡ cột được rút lên [119] từ bên dưới – dùng hình ảnh so sánh với cột nước. Bấy giờ Chân ngã luân hồi được sinh ra thành sự biểu lộ độc lập; đời sống tiền sinh được bảo bọc đã hết.

## 2- Sự Phân chia Hồn-Khóm

Chính là trên cõi trần mà tâm thức trước tiên phải tiến hóa thành Ngã thức, phải trở nên ý thức về thế giới bên ngoài vốn đang tạo nên những tác động lên nó, và phải học cách gán các tác động này cho ngoại giới, và học cách nhận thức các thay đổi, mà nó chịu đựng do hậu quả của các tác động này, là của riêng nó. Nhờ các kinh nghiệm kéo dài, nó sẽ học được cách đồng nhất hóa với chính nó cái cảm giác vui sướng hoặc đau khổ theo sau sự tác động, và xem những gì động chạm vào bên ngoài của nó như không phải là chính nó. Như vậy nó sẽ thực hiện sự phân biệt thô sơ đầu tiên về “Phi-Ngã” và “Ngã” (“I”). Khi kinh nghiệm tăng thêm, cái “Ngã” sẽ luôn rút vào bên trong, rồi hết bức màn vật chất này đến cái khác sẽ bị loại bỏ ra ngoài như là thuộc về cái “Phi-Ngã”. Nhưng trong khi các hàm ý của nó thay đổi, thì sự phân biệt căn bản này [120] giữa chủ thể với khách thể sẽ vẫn còn. “Ngã” là tâm thức muốn, suy tư và tác động; trong khi “Phi-Ngã” là tất cả những gì mà nó muốn, những gì mà nó tưởng nghĩ, và những gì mà nó tác động. Sau này, chúng ta sẽ xem xét cách thức mà tâm thức trở thành Ngã-thức, nhưng hiện nay chúng ta chỉ bận tâm đến biểu lộ của nó trong các hình tướng, và vai trò mà các hình tướng này thể hiện.

Tâm thức này thức tỉnh trên cõi trần, và biểu lộ của nó là nguyên tử thường tồn. Trong nguyên tử này, tâm thức nằm

ngủ: “Tâm thức ngủ trong loài khoáng thạch”; và trong đó, một sự thức tỉnh nào đó vào giấc ngủ nhẹ nhàng hơn phải diễn ra, để tâm thức có thể được đánh thức ra khỏi giấc ngủ sâu không mộng mị này, và trở nên đủ linh hoạt để tiếp tục chuyển vào giai đoạn kế tiếp: “Tâm thức nằm mơ trong loài thực vật”.

Bây giờ, Thượng Đế Ngôi Hai, khi tác động vào vỏ bọc của các Hồn-Khóm, tiếp sinh lực cho các vi tử thường tồn hồng trần và, nhờ sự trung gian của các Đấng Quang Minh (Thiên Thần), như chúng ta đã thấy, đẩy chúng vào các tình huống khác nhau mà giới khoáng thạch đưa ra, ở đó mỗi Hồn-Khóm gắn nó với nhiều mảnh khoáng thạch. Đồng thời, ở đây chúng ta thấy một [121] sự đa dạng lớn của các tác động có thể xảy ra, dẫn đến một sự đa dạng các kinh nghiệm, và vì thế ngay sau đó đưa đến các đường phân chia trong một Hồn-Khóm. Một số khoáng thạch sẽ bị xoay tít cao trong không khí, rồi rơi xuống thành các dòng thác dung nham cháy đỏ, một số sẽ bị phoi mình ra trước cái lạnh băng giá, một số khác sẽ phoi mình ra trước sức nóng ở vùng nhiệt đới; một số sẽ bị nghiền nát và bị bọc trong kim loại nóng chảy trong lòng đất; một số sẽ nằm trong cát, bị những cơn sóng mạnh cuộn cuộn hất lên dữ dội. Vô số tác động bên ngoài khác nhau sẽ xô lắc, va đập, nung đốt và làm đóng băng, và trong những hồi đáp mơ hồ của các rung động cộng hưởng, tâm thức đang ngủ say sẽ đáp ứng. Khi bất cứ nguyên tử thường tồn nào đã đạt đến một sự đáp ứng nào đó, hoặc khi một hình hài khoáng thạch, nghĩa là các mảnh mà một nguyên tử thường tồn đã ràng buộc nó vào đó, bị phá vỡ, thì Hồn-Khóm rút nguyên tử đó ra khỏi cái lớp vỏ (mảnh khoáng chất – ND) của nó. Tất cả các kinh nghiệm mà nguyên tử đó thu thập được – và điều đó có nghĩa là các rung

động mà nó đã bị bắt buộc thực hiện – vẫn còn lại dưới hình thức là các năng lực rung động theo những cách đặc biệt, hay là “các khả năng rung động” (“vibratory powers”). Đó là thành quả của kiếp sống của nó trong một hình hài. Vi tử thường tồn, mất đi hiện thể của nó và còn lại trợ trợ một thời gian, [122] cứ cho là vậy, trong Hồn-Khóm của nó, và tiếp tục lặp lại các rung động này, để soát lại trong chính nó các kinh nghiệm sống của nó, tạo ra các mạch động (pulses), chạy suốt cái bọc của Hồn-Khóm, và được truyền chuyển như thế đến các nguyên tử thường tồn khác; như vậy mỗi nguyên tử thường tồn đều có ảnh hưởng và trợ giúp cho tất cả các nguyên tử khác trong khi vẫn là chính nó. Các nguyên tử thường tồn đã có các kinh nghiệm có tính chất giống nhau sẽ được ảnh hưởng lẫn nhau mạnh hơn so với các nguyên tử đã có các kinh nghiệm rất khác nhau, và như vậy, sẽ có một sự chia tách nào đó diễn ra bên trong Hồn-Khóm, và ngay sau đó một vách ngăn mỏng sẽ phát triển bên trong bọc, và chia các nhóm được chia tách này ra khỏi nhau; và như thế sẽ có một số lượng các Hồn-Khóm ngày càng tăng, với các nội dung (hồn đơn, contents) của nó cho thấy sự khác nhau ngày càng nhiều về tâm thức, trong khi cùng chia sẻ các tính chất căn bản.

Bây giờ, các đáp ứng của tâm thức đối với kích thích bên ngoài trong giới khoáng thạch có tầm quan trọng hơn là nhiều người vẫn tưởng. Một số trong các đáp ứng này có một bản chất cho thấy rằng cũng có một sự hé mở tâm thức trong nguyên tử thường tồn cảm dục. [123] Vì các nguyên tố hóa học thể hiện những sự thu hút lẫn nhau một cách rõ rệt, và các quan hệ hôn nhân hóa học liên tục bị xáo trộn do sự xâm nhập của các cặp đôi (couples), nguyên tố này hoặc nguyên tố khác có một ái lực mạnh hơn đối với một trong các đối tác

trong lần kết hợp trước so với bạn đời ban đầu. Thí dụ một cặp từ trước đến giờ trung thành với nhau, tạo ra một muối bạc (silver salt), sẽ bất ngờ tỏ ra không còn trung thành với nhau nếu một cặp khác, là acid clohydric xen vào gia đình đầm ấm của chúng; lúc đó chất bạc (silver) sẽ bắt lấy chất clor và chọn chất clor làm vợ, thích chất này hơn là bạn tình trước kia của nó, tạo thành một gia đình mới là clorua bạc, để lại hydrogen cô độc phối hợp với đối tác bị bỏ rơi của nó.

Ở nơi đâu mà các hoán đổi linh hoạt này diễn ra, thì có một kích động nhẹ trong nguyên tử thường tồn cảm dục, kết quả là các rung động hồng trần dữ dội được tạo ra bởi việc giật ra mạnh mẽ, và sự hình thành các ràng buộc mật thiết, và các rung động mơ hồ bên trong xuất hiện. Tâm thức cõi cảm dục phải được đánh thức từ tâm thức hồng trần, và tâm thức trên cõi trần sẽ giữ vị trí hàng đầu lâu dài trong cơ tiến hóa. Tuy nhiên, một đám mây nhỏ bằng chất cảm dục được thu hút lại chung quanh nguyên tử thường tồn cảm dục bởi [124] các rung động nhẹ này, nhưng nó được giữ một cách rất lỏng lẻo, và dường như hoàn toàn không được tổ chức. Ở giai đoạn này dường như không có bất cứ rung động nào trong nguyên tử thường tồn hạ trí.

Sau bao thiên kỷ trải nghiệm trong giới khoáng thạch, một số các nguyên tử thường tồn sẽ sẵn sàng chuyển vào giới thực vật, và do sự can thiệp của các Thiên thần, sẽ được phân phối lên giới thực vật. Không nên giả định rằng mọi ngọn cỏ, thân cây đều có một vi tử thường tồn bên trong nó, tiến hóa tới mức con người trong kiếp sống của Thái Dương Hệ này. Giống như trong giới khoáng thạch, ở đây cũng thế; giới thực vật tạo thành trường tiến hóa cho các nguyên tử thường tồn này, và các Thiên Thần hướng dẫn chúng đến hết trú sở này đến trú sở khác để chúng có thể trải nghiệm các rung động

tác động lên thế giới thực vật, và lại tích chứa các rung động này theo cùng một kiểu như trước đây. Các nguyên tắc hoán đổi và chia tách tiếp theo sau vẫn tiến hành như trước đây, và các Hồn-Khóm trong mỗi luồng tiến hóa trở nên đông đúc hơn, và dị biệt nhiều hơn trong các đặc điểm hàng đầu của chúng. [125]

Ở giai đoạn hiểu biết hiện nay của chúng ta, các định luật mà theo đó các nguyên tử thường tồn trong một Hồn-Khóm được nhúng vào các giới của thiên nhiên thì không rõ ràng chút nào. Nhiều điều dường như cho thấy rằng sự tiến hóa của giới khoáng thạch, thực vật và bộ phận thấp nhất của giới động vật tùy thuộc nhiều vào sự tiến hóa của chính địa cầu hơn vào sự tiến hóa của các Jivatmas đại diện cho các Chân Thần, vốn đang tiến hóa trong Thái Dương Hệ, và, theo đúng trình tự, đến địa cầu này để theo đuổi công cuộc tiến hóa riêng của chúng bằng cách sử dụng các điều kiện mà trái đất cung cấp. Loài cỏ và cây nhỏ đủ loại dường như có liên quan với địa cầu giống như tóc của con người có liên quan với thân thể của người đó, chớ không được liên kết với các Chân Thần, được tượng trưng bằng các Jivatmas trong vũ trụ ngũ phân của chúng ta. Sự sống trong chúng, giữ cho chúng ở chung với nhau dưới dạng hình tướng, dường như là Sự Sống của Thượng Đế Ngôi Hai, và sự sống trong các nguyên tử và phân tử tạo thành chúng là Sự Sống của Thượng Đế Ngôi Ba, được Đức Hành Tinh Thượng Đế của hệ thống các Dây Hành Tinh (chains) chúng ta sử dụng và biến đổi, rồi được sử dụng và biến đổi thêm nữa bởi Tinh Linh của Địa Cầu (Spirit of the Earth) [126] – một thực thể còn bị bao phủ trong sự mờ mịt lớn lao. Các giới này cố gắng hiển một lĩnh vực cho sự tiến hóa thực sự của các Jivatmas, nhưng hình như không tồn tại hoàn toàn cho mục đích này. Chúng ta thấy các

nguyên tử thường tồn được phân tán khắp giới khoáng thạch và giới thực vật, nhưng chúng ta không thể nào hiểu tường tận các lý do đang chi phối sự phân phối của chúng. Một nguyên tử thường tồn có thể tìm thấy trong một viên ngọc trai (pearl), một viên hồng ngọc (ruby), trong một viên kim cương (diamond). Nhiều nguyên tử thường tồn có thể được thấy rải rác khắp các mạch quặng, và v.v... Mặt khác, nhiều khoáng thạch dường như không chứa nguyên tử thường tồn nào. Cũng thế với các loại cây sống ngắn hạn. Nhưng ở loài thực vật sống lâu năm, như các đại thụ (trees), thì luôn luôn có các nguyên tử thường tồn. Nhưng ở đây, một lần nữa, đời sống của loại cây to dường như có liên quan mật thiết hơn với cuộc tiến hóa Thiên Thần so với sự tiến hóa tâm thức mà nguyên tử thường tồn được ràng buộc vào. Cứ như là điều đó thuận lợi hơn cho việc chọn cách tiến hóa của sự sống và tâm thức trong loài cây lớn đối với lợi ích của nguyên tử thường tồn: dường như nguyên tử thường tồn sống nơi đó dưới hình thức là một loài ký sinh nhiều hơn, nó lợi dụng được sự sống tiến hóa cao mà nó được đắm mình vào đó. Sự thật là [127] sự hiểu biết của chúng ta về các điểm này cho đến nay còn quá chấp vá.

Trong khi nguyên tử thường tồn thể xác tích lũy kinh nghiệm của giới thực vật, có nhiều hoạt động có thể quan sát trong nguyên tử thường tồn cảm dục. Nguyên tử thường tồn cảm dục này thu hút quanh nó chất cảm dục, được các Thiên thần sắp xếp, theo một cách khá rõ rệt hơn.

Trong kiếp sống dài của một cây rừng, tập hợp chất cảm dục đang tăng trưởng tự phát triển theo mọi hướng như là thể cảm dục của cây đó, và tâm thức, gắn liền vào các nguyên tử thường tồn, chia sẻ tâm thức của môi trường chung quanh nó tới mức độ nào đó, trải nghiệm qua thể cảm dục đó các

rung động gây ra một số đáng kể niềm vui và sự bất tiện, các rung động này vốn là kết quả của các rung động được tạo ra trong thân cây do bởi nắng và bão, gió và mưa, lạnh và nóng. Với sự khó chịu của một cây như thế, nguyên tử thường tồn cảm dục rút lui vào Hồn-Khóm của nó, giờ đây được thiết lập trên cõi cảm dục, với lượng dự trữ dồi dào các kinh nghiệm, được chia sẻ theo cách thức được mô tả trước đây.

Hơn nữa, khi tâm thức trở nên đáp ứng nhiều hơn trong thể cảm dục, thì nó gửi [128] các rung động nhỏ xuống cõi trần, và các rung động này làm phát sinh các cảm giác được cảm nhận như thể ở trong thể xác, nhưng thực ra xuất phát từ thể cảm dục. Khi đã có một cuộc sống riêng biệt lâu dài, như trong một cây lớn, nguyên tử thường tồn hạ trí cũng sẽ bắt đầu thu hút chung quanh nó một đám mây nhỏ bằng chất trí, và trên đám mây này, việc tái diễn các mùa tiết (seasons) sẽ từ từ tự tạo ấn tượng cho nó dưới hình thức một ký ức mơ hồ, vốn chắc chắn trở thành một sự đề phòng mơ hồ<sup>(1)</sup>.

Sau rốt, một số các nguyên tử thường tồn hồng trần sẵn sàng tiếp tục chuyển vào giới động vật, và một lần nữa, tác dụng của các Thiên Thần hướng dẫn chúng vào hình hài con vật. Trong các giai đoạn tiến hóa sau này trong sự tiến hóa của chúng trong giới thực vật, dường như có qui luật rằng mỗi tam bộ (triad) – gồm các nguyên tử thường tồn hồng trần, cảm dục và nguyên tử thường tồn hạ trí – sẽ có một kinh nghiệm kéo dài trong một hình hài đơn lẻ, ngõ hầu một số rung động của đời sống trí tuệ có thể được trải nghiệm, và

---

<sup>1</sup> Xem “Quyền Năng Tư Tưởng, Cách Kiểm Soát Và Văn Bồi Nó” (“Thought-Power, Its Control and Culture), tác giả A. Besant, trang 59-62.



tam bộ nhờ thế có thể được chuẩn bị để hưởng được ích lợi nhờ kiếp sống lang thang của con thú. Nhưng cũng có vẻ như là trong một số trường hợp, việc chuyển vào [129] giới động vật được thực hiện ở một giai đoạn sớm hơn, và rung động đầu tiên trong nguyên tử thường tồn hạ trí xảy ra trong một số hình hài tĩnh tại của kiếp sống động vật, và trong các cơ thể động vật rất thấp kém.

Trong các loại động vật thấp kém nhất, các tình trạng tương tự với các tình trạng đã được mô tả như đang tồn tại trong các giới khoáng thạch và thực vật dường như cũng rất phổ biến. Loài vi trùng, loài a-mip, thủy tức (hydrae)<sup>(1)</sup> v.v... và v.v..., đôi khi chỉ cho thấy nguyên tử thường tồn giống như một loài di trú, và hiển nhiên là sự sống và sự tăng trưởng không hề dựa vào nguyên tử này được, chúng cũng không tan rã khi nguyên tử thường tồn bị rút đi. Chúng là các vật chủ (hosts), không phải là các cơ thể (bodies) được tạo thành chung quanh một nguyên tử thường tồn. Và ở giai đoạn này, đáng chú ý là lưới sự sống màu vàng không hề tượng trưng cho cấu tạo cơ thể của vật chủ, mà chỉ tác động như là các rễ con hoạt động trong đất, nối kết các phần tử của đất vào chính chúng và hút chất dinh dưỡng từ đó. Các nguyên tử thường tồn trong giới động vật đã tiếp nhận và dự trữ nhiều kinh nghiệm, trước khi chúng được các Thiên Thần dùng làm các trung tâm để các hình hài sẽ được tạo ra chung quanh đó.

Không cần nói rằng trong [130] giới động vật, các nguyên tử thường tồn nhận được các rung động đa dạng hơn là trong các giới thấp, và tất nhiên là chúng phân hóa nhanh

---

<sup>1</sup> Thủy tức: một loại động vật đơn bào (chỉ có một tế bào) sống trong nước ngọt.(ND).

chóng hơn nhiều, số tam bộ trong Hồn-Khóm giảm xuống mau lẹ khi sự phân hóa này tiếp diễn, và sự tăng bội của các Hồn-Khóm do đó tiếp tục diễn ra với tốc độ ngày càng tăng. Khi thời kỳ biệt ngã hóa đến gần, mỗi tam bộ riêng biệt trở nên được sở hữu cái bọc của riêng nó, nhận được từ Hồn-Khóm, và lần lượt khoác lấy các hiện thân dưới hình thức một thực thể riêng biệt, mặc dầu vẫn ở trong cái vỏ bọc bằng tinh chất Chân Thần để bảo vệ và nuôi dưỡng.

Một số lớn các động vật cao cấp ở trong một tình trạng thuần hóa đã đạt đến giai đoạn này, và đã thực sự trở thành các thực thể tái sinh riêng biệt, mặc dù cho đến giờ chưa có được linh hồn thể – là dấu hiệu của điều thường được gọi là sự biệt lập ngã tính (individualization). Cái bọc được lấy ra từ Hồn-Khóm đáp ứng được mục đích của một linh hồn thể, nhưng chỉ gồm có lớp thứ ba, như được chỉ ra ở trước, và do đó được cấu tạo bằng các phân tử được lấy từ chất trí [131] ở mức độ thứ tư, tương ứng với chất dĩ thái thô nhất (tức dĩ thái 4 – ND) của cõi trần. Khi theo dõi sự tương đồng của sự sống của con người trước khi sinh, chúng ta thấy rằng giai đoạn này tương ứng với hai tháng cuối cùng trước khi sinh. Một thai nhi được bảy tháng có thể được sinh ra và vẫn có thể sống được, nhưng nó sẽ mạnh khỏe và cứng cáp hơn nếu nó có được thêm hai tháng ở dưới sự che chở và bảo dưỡng của người mẹ. Cũng thế, việc phát triển bình thường của Chân Ngã sẽ tốt đẹp hơn nếu nó không quá hấp tấp xé rách cái bọc Hồn-Khóm, mà nên vẫn hấp thụ sự sống qua cái bọc này, và từ các cấu tử của bọc đó, tăng cường cho phần tinh anh nhất của thể hạ trí của chính nó. Khi thể đó đã đạt đến giới hạn phát triển của nó dưới các tình trạng được che chở này, cái bọc sẽ tan rã thành các phân tử tinh anh hơn của cõi

phụ bên trên nó, và, như đã nói ở trên, trở thành thành phần của linh hồn thể.

Chính kiến thức về các sự kiện này đã khiến cho nhà huyền linh học đôi khi khuyến cáo người nào quá yêu thương thú vật đừng nên có tình thương thái quá đối với con thú, cũng đừng biểu lộ tình thương đó bằng những cách thiếu khôn ngoan. [132] Sự phát triển của con thú có thể bị thôi thúc một cách không lành mạnh, và việc sinh ra ngã tính của nó bị thúc đẩy không đúng lúc. Muốn làm tròn đúng đắn vai trò của mình trong cõi đời, con người phải tìm hiểu thiên nhiên và làm việc theo các định luật của thiên nhiên, thực sự thúc đẩy hoạt động của các định luật này bằng sự hợp tác của trí thông minh của y, chớ không thúc đẩy nó tới điểm mà sự phát triển được làm cho không lành mạnh, và sản phẩm của nó bị èo uột (frail) và “trái mùa” (“out of season”). Đúng là Đấng Chúa Tể Sự Sống (Lord of Life) tìm kiếm sự hợp tác của con người để thực hiện cơ tiến hóa, nhưng sự cộng tác đó nên theo các đường lối mà Minh Triết của Ngài đã vạch ra. [133]



## Chương VI

### Sự Đồng Nhất Của Tâm Thức (Unity of Consciousness)

#### 1- Một đơn vị Tâm thức

Khi nghiên cứu các biểu lộ rất đa dạng của tâm thức, chúng ta thường quên mất hai điều quan trọng:

Thứ nhất, đó là tâm thức của mỗi người là một Đơn Vị, tuy nhiên, các biểu lộ của nó có thể dường như riêng biệt và khác nhau.

Thứ hai, đó là tất cả các Đơn Vị này bản thân chúng là các thành phần của tâm thức Thượng Đế, và do đó chúng phản ứng một cách giống nhau dưới những tình huống giống nhau.

Chúng ta không thể thường tự nhắc nhở chúng ta rằng tâm thức là duy nhất; rằng tất cả các tâm thức bề ngoài thì riêng biệt, nhưng thật ra chỉ là một, giống như một biển nước có thể tuôn đổ qua nhiều lỗ hổng nơi một đường đê. Nước biển đó có thể chảy ra từ các lỗ bị nhuộm màu khác nhau, nếu con đê được làm bằng nhiều loại đất có [134] màu khác nhau; nhưng tất cả cùng là một thứ nước biển; khi được phân tích, tất cả đều cho ra các muối có tính chất như nhau. Cũng thế, tất cả các tâm thức đều xuất phát từ cùng một đại dương tâm thức, và có nhiều sự đồng nhất căn bản. Khi bị che lấp trong cùng loại vật chất, chúng sẽ tác động theo cùng cách thức, và tiết lộ bản chất đồng nhất căn bản của chúng.

Tâm thức cá nhân có vẻ là một điều phức tạp thay vì là một cái đồng nhất, khi xét về các biểu lộ của nó, còn tâm lý học hiện đại thì nói đến nhân cách có hai cá tính, ba cá tính và nhiều cá tính, mà không thấy được cái đồng nhất căn bản ở trong sự hỗn độn của cái đa dạng. Tuy nhiên, tâm thức của chúng ta vẫn thực sự là một Đơn Vị, còn trạng thái đa dạng là do bởi chất liệu mà tâm thức đang hoạt động trong đó.

Tâm thức tỉnh thức thông thường của một người là tâm thức hoạt động qua bộ óc xác thịt ở một tốc độ nào đó do nó áp đặt, bị chi phối bởi tất cả các tình trạng của bộ óc đó, bị hạn chế bởi tất cả các giới hạn của bộ óc, bị cản trở bởi các chướng ngại khác nhau mà bộ óc đưa ra, bị chặn đứng bởi một cục [135] máu đông, bị tắt nghẽn bởi sự suy thoái của mô tế bào. Lúc nào bộ óc cũng cản trở các biểu lộ của tâm thức, trong khi đồng thời chính nó cũng là dụng cụ duy nhất cho phép sự biểu lộ của tâm thức trên cõi trần.

Khi tâm thức, chuyển sự chú ý của nó ra khỏi cõi hồng trần bên ngoài, không biết đến phần trọng trực của bộ óc xác thân nữa, và chỉ sử dụng các phần dĩ thái của nó, thì các biểu lộ của nó tức khắc thay đổi tính chất. Trí tưởng tượng sáng tạo tự tiêu khiển trong chất dĩ thái, và lôi cuốn các điều được tích lũy, nhận được từ ngoại giới bằng bộ óc trọng trực của nó, nó sắp xếp các điều tích lũy này, phân tích và tái kết hợp chúng lại theo các tưởng tượng của chính nó, và tạo ra các thế giới mơ mộng thấp kém.

Khi tâm thức vứt bỏ trong một thoáng chốc cái lớp áo dĩ thái của nó, chuyển hoàn toàn sự chú ý của nó ra khỏi thế giới hồng trần, và cõi bỏ các xiềng xích bằng chất hồng trần của nó, thì tâm thức đi lang thang qua cõi cảm dục một cách tùy ý, hoặc trôi giạt một cách vô thức qua cõi đó, chuyển tất cả mọi chú tâm của nó vào các điều tích lũy của riêng nó,

nhận được nhiều tác động từ cõi cảm dục đó, mà nó không biết hoặc tiếp thu theo mức độ [136] tiến hóa của nó, hoặc khí chất của nó vào lúc đó – Nếu tâm thức đó tự biểu lộ đối với một kẻ quan sát bên ngoài – như có thể xảy ra trong các tình trạng xuất thần – thì tâm thức đó biểu lộ các năng lực cao siêu hơn các năng lực mà nó biểu lộ được khi bị giam cầm trong bộ óc xác thịt, đến nỗi mà một người quan sát, khi phán đoán bằng các kinh nghiệm hồng trần, có thể xem nó như là một tâm thức khác.

Lại còn trường hợp nữa là khi thể cảm dục được đưa vào trạng thái xuất thần, thì con Thiên Điều (Bird of Heaven) <sup>(1)</sup> bay vút vào các vùng trời cao, và chuyển bay huy hoàng của nó làm say mê kẻ quan sát đến nỗi y tưởng rằng đó là một sinh linh mới chứ không còn là cùng một thực thể đã bò lê trong cõi trần nữa. Tuy nhiên, thực sự bao giờ nó cũng là một và như nhau, các dị biệt thì ở trong chất liệu mà tâm thức được kết nối, và qua đó nó hoạt động, chứ không phải ở trong chính nó.

Về sự kiện quan trọng thứ nhì đã nói ở trên, con người chưa đủ phát triển để đánh giá bất cứ bằng chứng nào về sự đồng nhất của tâm thức trong các hoạt động của nó cao hơn cõi trần, nhưng tính đồng nhất của nó trên cõi trần thì đang được chứng minh.

## 2- Tính đồng nhất của tâm thức hồng trần

Giữa vô số các thứ loại của các giới khoáng thạch, thực vật, động vật và nhân loại, sự đồng nhất (unity) căn bản của tâm thức hồng trần đã không còn được nhìn thấy, và các đường phân chia rộng lớn đã được dựng lên, vốn thực ra

---

<sup>1</sup> Thiên Điều tức là tâm thức (ND).

không tồn tại. Sự sống hoàn toàn bị phủ nhận đối với khoáng thạch, và miễn cưỡng chấp nhận đối với thực vật, và Bà H.P. Blavatsky đã bị chế nhạo khi bà tuyên bố rằng Sự Sống Duy Nhất, Tâm Thức Duy Nhất đem lại sức sống và thẩm nhuần cho vạn vật.

“Mỗi ngày qua, sự đồng nhất (identity) giữa động vật với con người vật chất, giữa thực vật với con người, và thậm chí giữa loài bò sát và cái tổ của nó, là tảng đá, và con người ngày càng cho thấy rõ ràng hơn, các thành phần cấu tạo vật lý và hóa học của mọi sinh linh được nhận thấy là giống nhau. Môn Hóa Học có thể nói đúng rằng không có sự dị biệt giữa vật chất tạo thành con bò với vật chất tạo ra con người. Nhưng giáo lý huyền linh giải thích rõ ràng hơn nhiều. Giáo lý này cho biết: Không những các hợp chất hóa học giống nhau, mà các Sự Sống vô hình vô cùng nhỏ cấu thành các nguyên tử của [138] các khối núi và đóa hoa cúc, của con người và con kiến, của con voi và của cái cây đang che nắng cho nó cũng giống nhau. Mỗi hạt – dù bạn gọi nó là hữu cơ hay vô cơ – đều là một Sự Sống” (GLBN 1,281).

Nếu điều này đúng thì có thể có được, từ nơi các khoáng thạch, các thực vật, các động vật và con người đang sống như thế, bằng chứng của một sự đồng nhất của sự sống, của cảm thức, của sự đáp ứng với các kích thích; và trong khi chúng ta có thể thoải mái thừa nhận rằng chúng ta sẽ mong mỏi tìm thấy các mức độ tăng dần của cảm thức, rằng khi chúng ta leo lên nấc thang sự sống, chúng ta sẽ hy vọng các biểu lộ trở nên đầy đủ hơn và phức tạp hơn, tuy nhiên một số biểu lộ rõ rệt của cảm thức (sentieney) sẽ được tìm thấy trong tất cả những ai chia sẻ Sự Sống Duy Nhất. Khi bà Blavatsky viết điều này thì bằng chứng hãy còn thiếu, nhưng bây giờ đã có rồi; và chính từ một nhà Khoa học phương Đông, người

mà năng lực hiếm có của ông đã bảo đảm ông được chào đón ở phương Tây, mà bằng chứng xuất hiện một cách thích hợp.

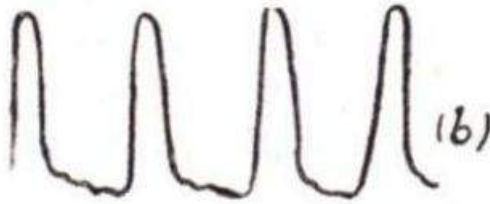
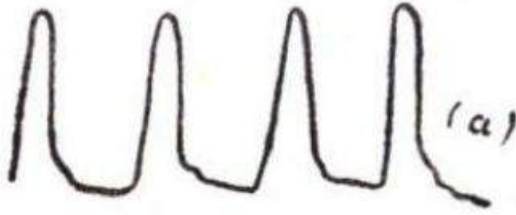
Giáo sư Jagadish Chandra Bose, Cao học, Tiến Sĩ Khoa Học của Đại Học Calcutta <sup>(1)</sup> đã chứng minh một cách chắc chắn rằng cái được gọi là “chất vô cơ” (“inorganic matter”) cũng đáp ứng với sự kích thích, và rằng [139] sự đáp ứng đó đều giống nhau đối với kim loại, thực vật, động vật, và – ở chừng mức có thể thực nghiệm được – đối với con người.

Ông chế ra cỗ máy để đo kích thích được áp dụng, máy cho thấy các đường cong, được vạch trên một trục quay tròn, chỉ sự đáp ứng từ vật thể (body) tiếp nhận được kích thích. Kế đó, ông so sánh các đường cong nhận được nơi thiếc (tin) và nơi các kim loại khác với các đường cong nhận được nơi bắp thịt (muscle), thì nhận thấy rằng các đường cong nhận được từ thiếc giống với các đường cong nhận được từ bắp thịt, đồng thời các kim loại khác cũng cho các đường cong có bản chất giống như thế, chỉ khác ở giai đoạn phục hồi.

---

<sup>1</sup> Sir Jagadish Chandra Bose (1858-1937), nhà Vật lý học và Sinh học thực vật Ấn Độ, nhà sáng lập và Giám Đốc Viện Nghiên Cứu Bose, tác giả của “Cơ cấu thần kinh của Thực vật” (The Nervous Mechanism of Plts) và nhiều sách nữa. (Từ Điển Tiểu Sử Webster 1971).





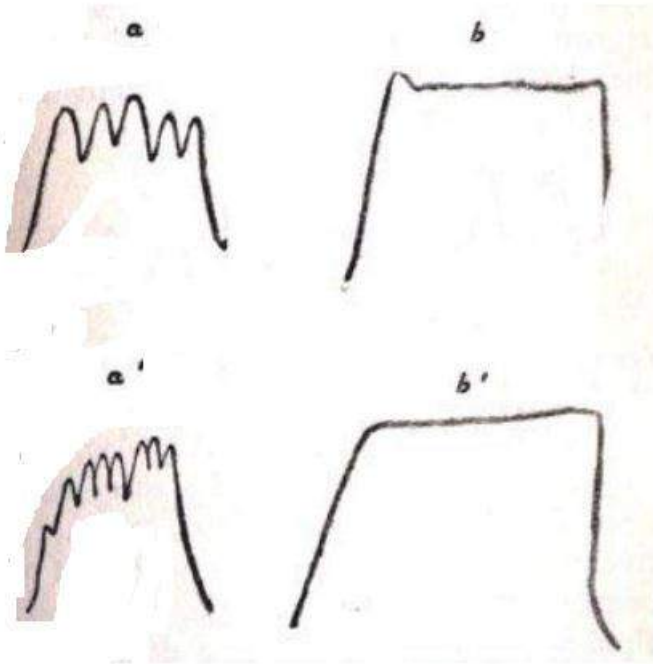
(a) Một loạt các phản ứng điện đối với các kích thích cơ học liên tiếp với các ngắt quãng 1/2 phút, trong thiếc.

(b) Các phản ứng cơ học trong bấp thịch.

Sự cơ giật, cả hoàn toàn lẫn bất toàn, do các va chạm lặp lại, được tạo ra, và các kết quả tương tự được sinh ra, trong khoáng thạch cũng như trong bấp thịch.

Các kim loại cũng để lộ hiện tượng mỏi (fatigue), ít hơn hết là thiếc. Các thuốc thử hóa học, chẳng hạn như các dược phẩm, tạo ra các kết quả tương tự trên kim loại, với các kết quả được biết với kết quả trên động vật - [141] như kích động, chán nản, và chết chóc (deadly) (chết chóc ở đây có nghĩa là sự hủy diệt khả năng đáp ứng).

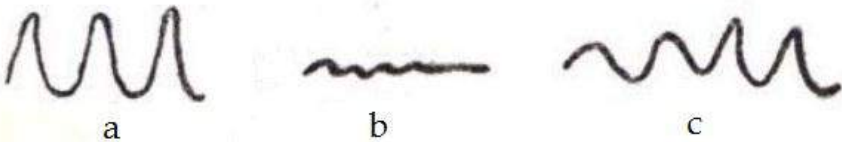
Một chất độc sẽ giết một kim loại, dẫn tới tình trạng bất động, cho nên không thể nhận được đáp ứng nào. Nếu kim loại bị đầu độc, kịp thời nhận được thuốc giải độc, thì sự sống của nó có thể được văn hồi.



Các kết quả tương tự với:

Thiếc: (a) co giật không hoàn toàn  
(b) co giật hoàn toàn

Bắp thịt: (a') co giật không hoàn toàn  
(b') co giật hoàn toàn



(a) Đáp ứng bình thường; (b) Ảnh hưởng khi trúng độc;  
(c) Phục hồi nhờ thuốc giải độc

Một sự kích thích sẽ gia tăng sự đáp ứng, các liều lượng lớn hoặc nhỏ của thuốc độc đã được nhận thấy là giết hoặc kích thích một cách tương ứng, chúng cũng được nhận thấy như vậy khi tác động trên các kim loại.

Giáo Sư Bose hỏi: “Giữa các hiện tượng như thế, làm sao chúng ta có thể vẽ ra một đường ranh giới và nói: Tiến trình vật lý kết thúc ở đây, và tiến trình sinh lý bắt đầu ở kia hay sao? Không có các ranh giới như thế tồn tại” (1). [142]

Giáo sư Bose đã tiến hành một loạt các thí nghiệm tương tự trên cây cối và đã nhận được các kết quả tương tự. Một miếng cải bắp còn tươi, một chiếc lá mới hái hoặc thân rau cải khác, có thể được kích thích và sẽ cho các đường cong tương tự; nó có thể bị môi, bị kích thích, bị suy yếu, bị nhiễm độc. Có một chút hơi thương tâm khi thấy cách mà đốm sáng nhỏ, để ghi lại các nhịp đập (pulses) trong cây, di chuyển theo các đường cong ngày càng yếu dần khi cây ở dưới ảnh hưởng của chất độc, biến thành đường thẳng tuyệt vọng và ngừng lại. Cây bị chết. Người ta cảm thấy như là một kẻ sát nhân đã phạm tội – vì thực sự là thế.(2)

Trên một nền tảng rõ rệt của các sự kiện vật lý, loạt các thí nghiệm đáng ngưỡng mộ này đã minh chứng cho giáo lý của khoa Huyền linh học về tính phổ quát của sự sống.

<sup>1</sup> Các chi tiết này được rút ra từ một bản tường trình do Giáo Sư Bose đưa ra ở Viện Hoàng Gia (Royal Institution) ngày 10-5-1901, tựa đề “Đáp ứng của chất vô cơ đối với kích thích”.

<sup>2</sup> Giáo sư không có xuất bản bài thuyết trình này, nhưng các dữ liệu nằm trong quyển “Đáp ứng trong Vật sống (Living) và Vật Không sống (Non-Living)”. Tôi (bà Besant-ND) có cơ may chứng kiến các thí nghiệm được lặp lại nơi nhà ông, nơi đây người ta có thể thấy tận mắt các thí nghiệm đó.

Ông Marcus Reed đã có các quan sát trên kính hiển vi chứng tỏ có [143] sự hiện hữu của ý thức trong giới thực vật. Ông đã quan sát được các triệu chứng như là sợ hãi khi mô của chúng bị tổn thương, và hơn nữa ông nhận thấy các tế bào dương và âm đang trôi nổi trong nhựa cây, trở nên biết được sự hiện diện của nhau mà không cần tiếp xúc; việc lưu thông trở nên nhanh hơn và chúng cố gắng hướng về phía nhau<sup>(1)</sup>

Hơn ba năm sau khi công bố các thí nghiệm của Giáo sư Bose, thì một sự xác nhận lý thú về các quan sát của ông xuất hiện trong giáo trình nghiên cứu của ông Jean Becquerel về các tia N (N-rays), được ông thông báo cho Hàn Lâm Viện Khoa Học Paris. Dưới tác động của chất gây mê (chloroform), các con vật ngưng phát ra các tia này, và các tia này cũng không bao giờ được xác chết phát ra. Bình thường, các loại hoa phát ra các tia này, nhưng dưới ảnh hưởng của chất chloroform, sự phát xạ ngưng lại. Các kim loại cũng phát ra các tia này, và dưới ảnh hưởng của chất chloroform, sự phát xạ ngưng lại. Như vậy, động vật, các loại hoa và kim loại đều phát ra các tia này như nhau, và ngưng phát các tia đó khi ở dưới tác dụng của chất chloroform. (2) [144]

### 3- Ý nghĩa của tâm thức hồng trần

---

<sup>1</sup> “Tâm thức trong Chất thực vật”, tạp chí Pall Mall, tháng 6-1902.

<sup>2</sup> Quang tuyến N do bởi các rung động trong thể dĩ thái hình, gây ra các làn sóng trong chất dĩ thái xung quanh. Chất gây mê trực thể dĩ thái ra, do đó không còn làn sóng nào nữa. Lúc từ trần, thể dĩ thái rời bỏ xác thân, tất nhiên quang tuyến N cũng không còn nữa.

Thuật ngữ “tâm thức hồng trần” được dùng theo hai nghĩa riêng biệt, và có thể hữu ích nếu dùng lại một chút để xác định những điều này.

Thuật ngữ này thường được dùng để chỉ những gì được gọi ở trên là “tâm thức tinh thức thông thường”, nghĩa là tâm thức của con người, của Jivatma – hay, nếu cách diễn đạt được thích hơn, thì là tâm thức của Chân Thần đang hoạt động qua Jivatma và ba nguyên tử thường tồn thấp. Nó cũng được dùng theo nghĩa mà nó được dùng ở đây, đó là *tâm thức hoạt động trong vật chất hồng trần, đang thu nhận và đáp ứng với các tác động hồng trần, không liên quan đến bất cứ sự truyền chuyển các xung lực nào hướng lên các cõi cao, hoặc đến bất cứ xung lực nào được gửi từ các cõi cao đến thể xác.*

Theo nghĩa hẹp và chính xác hơn này, tâm thức hồng trần bao gồm:

a) Bất cứ các rung động bên ngoài (out-thrillings) từ các nguyên tử và các phân tử được làm linh hoạt bằng Sự Sống của Thượng Đế Ngôi Ba.

b) Bất cứ [145] các rung động bên ngoài tương tự nào từ các hình hài có tổ chức (organized forms), được làm linh hoạt bằng Sự Sống của Thượng Đế Ngôi Hai.

c) Bất cứ các rung động bên ngoài tương tự nào từ Sự Sống của Chân Thần, xuất phát từ các nguyên tử thường tồn, trong đó, các loa tuyến không có liên quan trực tiếp. Khi các loa tuyến được linh hoạt thì “tâm thức tinh thức bình thường” được tác động. Thí dụ, khi mũi hít phải khí am-mô-nhắc (ammonia) thì có hai hậu quả xảy ra: có một sự tiết dịch nhanh chóng, đó là sự đáp ứng của các tế bào trong ống khứu giác; cũng có một việc “ngửi” (“smell”), đó là kết quả của một rung động chạy lên đến các trung tâm cảm giác trong thể cảm dục, và được nhận biết ở đó trong tâm thức. Sự thay đổi

trong tâm thức tác động vào nhóm loa tuyến thứ nhất trong các nguyên tử của ống khứu giác, và như vậy đạt đến “tâm thức tỉnh thức” – là tâm thức hoạt động trong bộ óc hồng trần. Chỉ nhờ các loa tuyến mà các thay đổi trong tâm thức trên các cõi cao mới mang lại các thay đổi trong “tâm thức tỉnh thức”.

Cần nên nhớ rằng vì Thái Dương Hệ là một môi trường cho sự tiến hóa của tất cả các tâm thức đang phát triển [146] bên trong đó, cho nên cũng có các khu vực nhỏ hơn bên trong đó, phục vụ như là các trường tiến hóa nhỏ hơn. Con người là tiểu thiên địa của vũ trụ, thân thể con người phục vụ như một trường tiến hóa cho vô số các tâm thức kém tiến hóa hơn tâm thức con người. Như vậy ba hoạt động được nói đến ở trên theo các mục (a), (b), (c) đều hiện hữu trong thân xác con người, và tất cả đều nhập vào tâm thức hồng trần đang hoạt động nơi đó, *những gì mà trong đó loa tuyến của nguyên tử có liên quan thì không nhập vào đó; mà thuộc về tâm thức của Jivatma*. Hiện giờ các hoạt động của tâm thức hồng trần không trực tiếp tác động đến “tâm thức tỉnh thức” trong loài vật cao cấp hoặc trong con người. Chúng tác động đến hồng trần thức trong phần đầu của sự sống phôi thai trong Hòn-Khóm, trong khi tâm thức của Thượng Đế Ngôi Hai đang “chăm sóc” tâm thức vừa hé mở xuất phát từ đó. Nhưng hiện giờ tâm thức hồng trần đã chìm dưới “ngưỡng của tâm thức”, trong khi tự biểu lộ như là “ký ức của tế bào”, giống như hành động chọn lọc trong các tuyến và các núm thịt (papillae), thông thường, trong việc xúc tiến các chức năng cần cho việc chống đỡ [147] xác thân. Đó là hoạt động thấp nhất của tâm thức và, khi tâm thức hoạt động ngày càng tích cực hơn trên cõi cao, các hoạt động thấp nhất của nó không

còn thu hút sự chú ý của nó nữa; chúng trở nên cái mà chúng ta gọi là tự động.

Chính hồng trần thức là cái mà các thí nghiệm của Giáo sư Bose nhắc đến, và chính sự đáp ứng của tâm thức này ở trong miếng thiếc và trong con vật đều y như nhau, và hiện ra trong hiện tượng mạch động (pulse) được biểu thị bằng các đường cong. Con vật sẽ cảm nhận được sự kích thích trong khi tấm thiếc thì không – đó là kết quả của hoạt động thêm vào của tâm thức trong chất cảm dục.

Vậy chúng ta có thể khẳng định rằng, trong khi hoạt động trong chất hồng trần, tâm thức đáp ứng với các loại kích thích khác nhau, và, sự đáp ứng đều giống nhau dù cho sự đáp ứng đó nhận được từ khoáng thạch, thực vật, hoặc động vật. Các tâm thức vốn cho thấy các tác động đặc trưng như nhau, thì là giống nhau.

Như đã được nói, các dị biệt mà chúng ta quan sát được khi chúng ta tiến lên, nằm trong việc cải thiện bộ máy xác thân, một bộ máy cho phép các hoạt động thuộc cảm dục và hạ trí – không thuộc xác thân – của tâm thức [148] tự biểu lộ trên cõi trần. Con người và con vật cảm nhận và suy tư tốt hơn là khoáng thạch và thảo mộc, bởi vì tâm thức đã tiến hóa cao hơn của hai giới này đã nắn tạo ở trên cõi trần cho chính nó cái bộ máy đã được cải thiện nhiều này. Nhưng ngay cả như thế, các thể của chúng ta cũng đáp ứng như là các thể thấp đáp ứng với cùng kích thích, và *tâm thức thuần túy hồng trần này đều như nhau trong vạn vật.*

Hiện giờ, trong khoáng thạch, chất cảm dục được liên kết với nguyên tử thường tồn cảm dục rất ít hoạt động, và tâm thức đang ngủ say trong đó, đến nỗi không có hoạt động nào có thể được cảm nhận từ thể cảm dục đến thể xác.

Trong các thực vật cao cấp, dường như có một phần nào biểu hiện ra của một hệ thần kinh, nhưng nó có phát triển và tổ chức quá ít để dùng cho bất cứ việc gì, trừ các mục đích rất đơn giản. Hoạt động được đưa thêm vào trên cõi cảm dục làm cải thiện vỏ cảm dục liên quan đến cây, và các rung động của vỏ cảm dục tác động đến phần dĩ thái của cây, và như thế ảnh hưởng cả vật chất trọng trực của nó nữa. Đó là dấu vết gọn ra (forth-shadowing) của một hệ thần kinh được ám chỉ ở trên. [149]

Khi chúng ta tiến đến giai đoạn động vật, hoạt động lớn hơn nhiều của tâm thức trên cõi cảm dục tạo nên các rung động mạnh mẽ hơn. Các rung động này chuyển tới thể dĩ thái của con vật, và nhờ các rung động dĩ thái được tạo ra như thế mà hệ thần kinh được thành lập. Việc tạo ra hệ thần kinh là do Thượng Đế thông qua Hồn-Khóm, và do sự hợp tác tích cực của các Thiên Thần của giới Hành Khí Thứ Ba (Third Elemental Kingdom), điều khiển hoạt động của các Tinh Linh dĩ thái (ethereal Nature-Spirits). Nhưng xung lực đến từ tâm thức trên cõi cảm dục tác động trong nguyên tử thường tồn và lớp vỏ bằng chất cảm dục bị nó thu hút, là do Hồn-Khóm thúc đẩy vào hoạt động. Khi bộ máy rất đơn giản đầu tiên được tạo ra, thì các tác động tế nhị hơn từ bên ngoài mới có thể nhận thức được, và các tác động này cũng giúp vào việc tiến hóa. Tác động và phản tác động nối tiếp nhau, và cơ cấu liên tục cải tiến khả năng tiếp nhận và truyền đạt.

Ở giai đoạn này, tâm thức không kiến tạo được gì nhiều trên cõi cảm dục, và hoạt động ở đó trong một lớp vỏ chưa được tổ chức. Việc tổ chức được thực hiện [150] trên cõi trần do các nỗ lực của tâm thức để tự biểu lộ chính nó – các nỗ lực này không rõ rệt và đang mò mẫm một cách áng chừng – được trợ giúp và hướng dẫn bởi Hồn-Khóm và các Thiên



Thần. Công việc này phải được hoàn tất ở một mức độ lớn trước khi Làn Sóng Sinh Hoạt Thứ Ba tuôn xuống, vì “người thú” đã tiến hóa, với não bộ và hệ thần kinh của y, trước khi luồng tuôn đổ vĩ đại đó đến, ban cho Jivatma một thể hoạt động, và giúp cho con người có thể tiến hóa cao hơn.



[151]

## Chương VII Cơ Cấu của Tâm Thức

### 1- Sự phát triển của cơ cấu

Theo một ý nghĩa rất xác thực thì toàn bộ các thể của con người hợp thành cơ cấu của tâm thức, dưới hình thức các cơ quan để ước muốn, để suy tư và để hành động. Nhưng bộ máy thần kinh có thể được gọi là cơ cấu đặc biệt của tâm thức, vì nhờ đó mà nó kiểm soát và điều khiển mọi việc trong xác thân. Mỗi tế bào trong cơ thể đều được tạo thành bằng vô số các sự sống vô cùng bé nhỏ, mỗi sự sống với tâm thức phôi thai của riêng nó (1). Mỗi tế bào đều có tâm thức sơ khai [152] của riêng nó, đang kiểm soát và sắp xếp các sự sống vô cùng nhỏ này. Nhưng tâm thức quản trị ở trung tâm, vốn sử dụng toàn bộ xác thân, lần lượt kiểm soát và tổ chức xác thân,

---

<sup>1</sup> Thuật ngữ “các sự sống” (“lives”) có nghĩa là Các Đơn Vị Tâm Thức, nhưng không chỉ rõ loại tâm thức được tách biệt như thế, tất nhiên nó cũng không hàm ý có sự hiện diện của một Jivatma. Nó chỉ hàm ý là một “giọt nước” có khả năng nhận thức (a cognizable “drop”) của đại dương tâm thức, một nguyên tử hay tập hợp các nguyên tử được tâm thức làm cho linh hoạt và hành xử như là một đơn vị. Một nguyên tử là một “sự sống”, có tâm thức là tâm thức của Thượng Đế Ngôi Ba. Một con vi trùng là một “sự sống”, có tâm thức là tâm thức của Thượng Đế Ngôi Hai, như có nói trước đây, được Hành Tinh Thượng Đế và Tinh Linh Địa Cầu biến cải và làm cho thích dụng.

và cơ cấu mà nó hoạt động trong đó cho mục đích này là cơ cấu thần kinh.

Cơ cấu thần kinh này là kết quả của các xung lực cảm dục, và tâm thức phải linh hoạt trên cõi cảm dục trước khi nó có thể được kiến tạo. Các xung lực được tâm thức tạo ra – *muốn* trải nghiệm và nỗ lực một cách mơ hồ để đem lại kết quả cho Ý Muốn này – gây nên các rung động trong chất dĩ thái, do chính bản chất của vật chất (1), các rung động này trở thành điện lực, từ lực, nhiệt lực và các năng lượng khác nữa. Đây là những người thợ xây dựng, làm việc dưới sự thúc đẩy của vị chủ thầu xây dựng, là Tâm thức. Chủ thầu xây dựng thôi thúc, thợ phụ thi hành. Cho đến giờ tâm thức chưa có trí khôn điều khiển (directive intelligence), mà trí khôn này được cung cấp bởi Sự Sống Thượng Đế trong Hồn-Khóm và bởi các Tinh Linh thiên nhiên, đang hoạt động dưới sự dẫn dắt, như đã nói, của các Thiên Thần thuộc Giới Hành Khí Thứ Ba.

Vậy thì, chúng ta phải hiểu rằng chất thần kinh (nervous matter) được tạo ra trên cõi trần dưới các thôi thúc từ cõi cảm dục, các mãnh lực kiến tạo trực tiếp thực ra thuộc cõi trần, nhưng việc hướng dẫn và khởi động các mãnh lực này thì thuộc về cõi cảm dục, nghĩa là bắt nguồn từ tâm thức đang linh hoạt trên cõi cảm dục. Năng lượng sự sống, tức prana, tuôn theo các lượn sóng màu hồng, rung động dọc theo chất dĩ thái trong mọi dây thần kinh, không ở trong các vỏ tủy của chúng mà ở ngay trong chất liệu của chúng, từ cõi cảm dục đi xuống trực tiếp, nó được rút ra từ kho chứa sự sống vĩ đại, tức Thượng Đế, và được chuyên biệt hóa trên cõi

---

<sup>1</sup> Tanmatra và tattva của cõi, với sáu tanmatras phụ và tattvas phụ của nó.

cảm dục và từ đó được đưa xuống vào hệ thần kinh, nơi đây nó được hòa lẫn với các dòng từ lực, điện lực và các dòng thần lực khác để tạo thành sinh lực (prana) thuần túy hồng trần, được rút ra từ cùng kho chứa, nhưng xuyên qua Mặt Trời, tức là thể hồng trần của Thượng Đế.

Nếu quan sát kỹ ta sẽ thấy rằng các thành phần của prana thuộc giới khoáng thạch thì ít và có cách sắp xếp kém phức tạp hơn là các thành phần của [154] prana trong giới cao hơn là giới thực vật, rồi prana thực vật lại ít phức tạp hơn là prana trong giới động vật và giới nhân loại. Sự dị biệt này là do bởi prana cõi cảm dục trộn lẫn trong prana của giới sau chớ không trộn lẫn trong prana của giới trước – ít nhất là tới bất kỳ mức độ có thể nhận ra nào. Sau khi linh hồn thể được thành lập, sự phức tạp của prana lưu chuyển trong hệ thần kinh của thể xác tăng nhiều thêm, và dường như trở nên phong phú hơn nữa trong sự phát triển tiến hóa của con người. Vì khi tâm thức trở nên linh hoạt trên cõi trí, thì prana của cõi đó cũng hòa lẫn với prana cõi thấp hơn, và cứ thế tiếp tục khi sự hoạt động của tâm thức được xúc tiến trong các cõi cao.

Chúng ta có thể ngưng lại trong chốc lát ở từ ngữ “prana” mà trước đây tôi có dịch ra là “năng lượng sự sống” (“life-energy”, sinh năng). *Pran* là ngữ căn Bắc Phạn, có nghĩa là thở (to breathe), sống (to live), thổi (to blow), được tạo ra từ *an*, có nghĩa là thở, hoạt động (move), sống, và đó là Tinh Thần, được kết hợp với tiền tố *pra* nghĩa là hướng về trước (forth). Như vậy *pra-an*, *pran*, có nghĩa là thở ra (to breath forth) và sinh khí (life-breath) hay sinh năng (life-energy), là tên gọi trong Anh ngữ tương đương với Bắc Phạn ngữ (Sanskrit) nhất.

Vì [155] theo tư tưởng Ấn giáo, chỉ có một Sự Sống Duy Nhất, một Tâm Thức Duy Nhất, hiện hữu khắp nơi, thuật ngữ Prana đã được dùng để chỉ Bản Ngã Tối Cao (Supreme Self), Linh Khí duy trì vạn vật (all-sustaining Breath). Đó là năng lượng được ban ra ngoài (forth-giving energy) của Đấng Duy Nhất: đối với chúng ta, đó là Sự Sống của Thượng Đế. Do đó, Sự Sống Thượng Đế trên mỗi cõi có thể được xem như là Prana của cõi đó; prana đó trở thành sinh khí trong mỗi tạo vật (creature). Trên cõi trần, nó là năng lượng, hiện ra dưới nhiều hình thức như là điện lực, nhiệt, ánh sáng, từ lực vv... có thể biến đổi qua lại được, bởi vì về căn bản chúng, chỉ là một. Trên các cõi khác chúng ta không có danh xưng nào khác để dựa theo đó mà đặt tên cho prana, nhưng ý tưởng trên cũng đủ rõ ràng rồi. Khi được một thực thể chiếm hữu, thì đó là prana theo nghĩa hẹp thường được dùng trong văn liệu Minh Triết Thiêng Liêng, đó là sinh khí của con người (individual's life-breath). Đó là sinh năng (vital energy), sinh lực (vital force) mà tất cả các năng lượng khác của nó, như hóa năng, điện năng và các năng lượng còn lại, chỉ là các dẫn xuất (derivatives) và các phân đoạn nhỏ của nó. Thật hơi lạ đối với nhà huyền linh học khi nghe các nhà khoa học nói liến thoắng về hóa năng hoặc điện năng, rồi lại tố giác nguồn gốc của chúng, là sinh năng (vital energy), như một [156] “thứ mê tín cần bác bỏ” (“exploded superstition”). Các biểu lộ từng phần (partial manifestations) này của sinh năng chỉ là do cách sắp xếp của vật chất mà sinh năng tác động trong đó, ngăn chặn đặc điểm này hoặc đặc điểm khác, hay có thể tất cả các đặc điểm, chỉ để lại có một đặc điểm, giống như một cái ly màu xanh sẽ ngăn lại tất cả các tia sáng ngoại trừ các tia sáng màu xanh, còn cái ly đỏ sẽ ngăn lại các tia khác ngoại trừ tia đỏ.

Trong bộ GLBN, bà Blavatsky có nói đến mối liên hệ của prana với hệ thần kinh. Bà trích dẫn, và xác nhận một phần, chính lại một phần, quan niệm về “dĩ thái thần kinh” (“nervous ether”) do Tiến Sĩ B.W. Richardson đưa ra; Lực-Mặt Trời (Sun-force) là “nguyên nhân đầu tiên của mọi sự sống trên địa cầu” (GLBN 1,577) và Mặt Trời là “Kho chứa của sinh lực (vital force), vốn là bản chất thật (noumenon) của điện lực (GLBN 1,579).

“Dĩ thái thần kinh” là nguyên khí (principle) thấp nhất của Bản-Thể Nguyên Thủy (Primordial Essence), vốn là Sự Sống. Chính sinh lực của con thú được khuếch tán (diffused) trong cả Thiên Nhiên (all Nature), và tác động tùy theo những tình trạng mà nó tìm thấy cho hoạt động của nó. Nó không phải là một “sản phẩm của động vật” (“animal product”), mà con vật đang sống (living animal), bông hoa và cái cây đang sống mới là các sản phẩm của nó”. (GLBN 1,586).

Trên cõi trần, prana này, sinh lực này, tạo ra mọi khoáng thạch, và là tác nhân kiểm soát trong các thay đổi sinh hóa trong nguyên sinh chất, vốn đưa đến sự biến phân và việc kiến tạo các mô khác nhau của cơ thể của cây, động vật, và con người. Chúng cho thấy sự hiện hữu của prana bởi năng lực đáp ứng với sự kích thích, nhưng trong một thời gian, năng lực này không được đi cùng với khả năng tri giác rõ ràng; tâm thức đã không đủ khai mở để cảm nhận vui sướng và đau khổ.

Khi luồng prana từ cõi cảm dục, với thuộc tính về khả năng tri giác của nó, hòa lẫn với luồng prana ở cõi trần, nó bắt đầu kiến tạo một sự sắp xếp mới của vật chất – đó là sự sắp xếp thần kinh. Sắp xếp thần kinh về cơ bản là một tế bào, việc trình bày tỉ mỉ điều này có thể được nghiên cứu trong

bất cứ sách giáo khoa hiện đại nào bàn đến đề tài này <sup>(1)</sup>, và sự phát triển cốt ở các thay đổi bên trong và các chồi bằng vật chất của tế bào, các chồi này lại được bọc [158] trong chất tủy và sau đó hiện ra như là các sợi. Dù có phức tạp đến mấy, mỗi hệ thần kinh cũng gồm có các tế bào và các chồi của chúng, các chồi này trở nên nhiều hơn, và bao giờ cũng hợp thành các điểm tiếp nối đa phương giữa các tế bào, khi tâm thức cần phải có một hệ thần kinh ngày càng phức tạp hơn cho sự biểu lộ của nó. Ngay tại gốc rễ của các chi tiết phức tạp như thế, người ta tìm thấy sự đơn giản căn bản này ngay cả trong con người, kẻ sở hữu một tổ chức thần kinh tiến hóa cao nhất. Nhiều triệu hạch thần kinh <sup>(2)</sup> trong não và trong cơ thể, tất cả đều được sản xuất vào cuối tháng thứ ba của bào thai, chúng phát triển bằng cách mở rộng, và chồi có chất liệu của chúng trở thành các sợi. Sự phát triển này trong đời sống về sau là do hoạt động của tư tưởng. Khi một người suy nghĩ tích cực và liên tục thì các rung động của tư tưởng gây ra hoạt động hóa học, và các thụ trạng (dendrons: nhánh có hình cây, đuôi gai) <sup>(3)</sup> mọc ra khỏi [159] tế bào, tạo thành các chỗ nối và các nối chéo (cross-connections) theo mọi hướng, tức là các con đường theo nghĩa đen, mà prana dao động theo đó – bây giờ prana bao gồm các yếu tố của cõi trần, cõi cảm

---

<sup>1</sup> Như là “Mô học” (“Histology”) của Schafer trong “Giải Phẫu Học” của Quain, ấn bản thứ 10, “Cẩm Nang sinh lý học” của Halliburton, 1901. “Tế bào trong sự phát triển và kế thừa” của Wilson.

<sup>2</sup> Neusal ganglia: Các nhóm tế bào thần kinh (nerve cells).

<sup>3</sup> Các mấu (processes), hay tia (prolongations), hay chỗ u ra (out-growths) ở dây thần kinh, gồm có chất của tế bào được bọc trong một vỏ tủy (medullary sheath).

dục và cõi trí – và các rung động của tư tưởng cũng đi theo các đường này.

Từ việc ngoài đề này, trở lại với giới nhân loại, chúng ta hãy xem xét cách kiến tạo hệ thần kinh, bởi các xung lực rung động từ cõi cảm dục, bắt đầu và được xúc tiến như thế nào.

Chúng ta nhận thấy một nhóm nhỏ tế bào thần kinh và các mấu nối nhỏ nối liền chúng. Nhóm tế bào này được tạo ra bằng tác động của một trung tâm đã xuất hiện trước kia trong thể cảm dục (điều gì đó về việc này sẽ được nói tới sau), một tập hợp chất cảm dục được bố trí để tạo thành một trung tâm tiếp nhận và đáp ứng với các xung lực từ bên ngoài. Từ trung tâm cảm dục đó, các rung động đi vào thể dĩ thái, tạo ra các xoáy dĩ thái nhỏ, các xoáy này thu hút vào chúng các phần tử chất hồng trần trọng trực, sau cùng tạo thành một tế bào thần kinh và các nhóm tế bào thần kinh. Các trung tâm hồng trần này, nhận các rung động từ ngoại giới, gửi các xung lực đi ngược trở lại các trung tâm cảm dục, làm tăng thêm các rung động của chúng; như vậy [160] các trung tâm hồng trần và cảm dục tác động và phản ứng lên nhau, và mỗi trung tâm trở nên phức tạp hơn và hiệu quả hơn.

Khi chúng ta đi ngược trở lại giới động vật, chúng ta nhận thấy hệ thần kinh vật chất luôn luôn cải thiện và ngày càng trở nên yếu tố chi phối trong xác thân, và ở động vật có xương sống thì hệ thần kinh được tạo ra trước tiên này trở nên hệ giao cảm, kiểm soát và đem sinh lực cho các cơ quan quan trọng như tim, phổi, ống tiêu hóa. Bên cạnh nó, hệ não tủy phát triển một cách chậm chạp, có liên hệ chặt chẽ, trong các hoạt động thấp của nó, với hệ giao cảm, và từ từ trở nên ngày càng chiếm ưu thế, trong khi nó cũng trở nên, trong sự phát triển quan trọng nhất của nó, cơ quan bình thường cho sự biểu lộ “tâm thức tình thức”. Hệ não tủy này được tạo ra



do các xung lực xuất phát trong cõi trí, chớ không phải trong cõi cảm dục, và chỉ có liên quan gián tiếp với cõi cảm dục qua hệ giao cảm, được tạo nên từ cõi cảm dục. Sau này, chúng ta sẽ thấy sự liên quan của hệ giao cảm nơi tính nhạy cảm với cõi cảm dục của thú vật và người phát triển thấp, cùng với [161] sự phát triển của trí tuệ là việc biến mất tính nhạy cảm này, và sự tái xuất hiện của nó ở giai đoạn tiến hóa cao của con người.

Các nguyên tử thường tồn tạo thành vận hà chưa hoàn hảo, mà chỉ là vận hà trực tiếp giữa tâm thức đang biểu lộ dưới hình thức Tam Thượng Thể Tinh Thần với các hình tướng có liên quan với Tam Thượng Thể này. Trong trường hợp loài thú cao cấp, các nguyên tử này cực kỳ linh hoạt, và trong thời gian ngắn giữa các kiếp sống hồng trần đã có các thay đổi đáng kể xảy ra trong các nguyên tử này. Khi sự tiến hóa tiếp diễn, dòng sự sống ngày càng tăng từ Hồn-Khóm và qua nguyên tử thường tồn, cũng như tính phức tạp ngày càng tăng của bộ máy xác thân, nhanh chóng làm tăng thêm tính nhạy cảm của con vật. Tương đối có ít sự nhạy cảm trong các đời sống động vật hạ đẳng, và có ít trong loài cá mặc dầu chúng cũng có hệ thần kinh não tủy. Khi sự tiến hóa tiếp diễn, các trung tâm cảm giác tiếp tục phát triển trong thể cảm dục, và nơi động vật cao cấp, các trung tâm này được tổ chức chặt chẽ và các cảm giác trở nên bén nhạy. Nhưng cùng với sự bén nhạy này lại có sự ngăn ngại về cảm giác, và ngoại trừ với các động vật cao cấp nhất, còn thì ít có yếu tố trí tuệ xen vào để cung cấp sự nhạy cảm liên tục lâu dài và gia tăng đối với cảm giác. [162]

## 2- Thể cảm dục

Sự tiến hóa của thể cảm dục phải được nghiên cứu liên quan đến thể xác, vì, như chúng ta đã thấy, trong khi thể cảm dục đóng vai trò của một tác nhân sáng tạo trên cõi trần, sự phát triển thêm nữa của chính nó phần lớn tùy thuộc vào các xung lực nhận được qua chính cơ cấu mà nó đã tạo ra. Trong một thời gian dài, nó không hưởng được một cuộc sống độc lập của chính nó trên cõi riêng của nó, và tổ chức của thể cảm dục liên quan với thể xác là một vấn đề hoàn toàn khác hẳn và rất cuộc sớm hơn nhiều so với tổ chức của thể đó có liên quan với cõi cảm dục.

Ở Đông Phương người ta nói về các hiện thể tâm thức thuộc cõi cảm dục và cõi trí khi hoạt động liên quan với thể xác, như là các Koshas, hay như là các lớp vỏ (sheaths), và dùng thuật ngữ sharira, hay là thể (body) đối với một hình tướng có khả năng hoạt động độc lập trong cõi hữu hình lẫn vô hình. Sự phân biệt này có thể giúp ích cho chúng ta ở đây.

Lớp vỏ cảm dục của khoáng thạch chỉ là một đám mây bằng chất cảm dục được dành riêng, và không cho thấy bất cứ các dấu hiệu có thể cảm thấy nào là có tổ chức. Đối với đa số thực vật thì trường hợp cũng giống như thế, nhưng trong một số thực vật, [163] dường như có một số dấu hiệu của các tập hợp vật chất và các đường nét, mà trong ánh sáng của sự tiến hóa về sau, dường như là sự bắt đầu của tổ chức còn phôi thai; và trong một số cổ thụ ở trong rừng, các tập hợp vật chất rõ ràng bằng chất cảm dục có thể thấy được ở một vài điểm. Nơi các động vật, các tập hợp này trở nên rõ rệt và xác định một cách rõ ràng, tạo thành các trung tâm trong lớp vỏ cảm dục thuộc một loại có tính thường xuyên và được chuyên hóa.

Các tập hợp vật chất trong lớp vỏ cảm dục này là các khởi điểm của các trung tâm vốn sẽ tạo thành các cơ quan cần

thiết trong thể xác, chứ không phải là các luân xa hay bánh xe như thường được gọi. Luân xa thuộc về cơ cấu của chính thể cảm dục, và làm cho thể đó thích hợp để hoạt động trên cõi riêng của nó, trong sự liên kết với lớp vỏ trí tuệ, như là loại thấp mà Đông Phương gọi là sukshma sharira, hay thể tinh anh. Các luân xa cảm dục được liên kết với các giác quan cảm dục, sao cho người nào mà trong y các luân xa cảm dục được phát triển thì y có thể thấy, nghe v.v... trên cõi cảm dục. Chúng ở xa phía trước trình độ tiến hóa mà chúng ta đang xem xét, một trình độ mà nơi đó các năng lực tâm thức sâu sắc chưa có bất cứ cơ quan nào, thậm chí ở trên cõi trần. [164]

Khi các tập hợp vật chất này trong lớp vỏ cảm dục xuất hiện, các xung lực của tâm thức trên cõi cảm dục, được hướng dẫn như có giải thích trước đây, tác động lên thể dĩ thái, tạo ra các xoáy dĩ thái đã được đề cập, và các trung tâm tương ứng xuất hiện như thể trong thể cảm dục và thể xác, hệ thần kinh giao cảm được thành lập theo cách đó. Do đó, hệ này luôn vẫn được kết nối trực tiếp với các trung tâm cảm dục, cho đến sau khi hệ thần kinh não tủy đã phát triển.

Nhưng từ các tập hợp vật chất ở phần trước của thể cảm dục, mười trung tâm quan trọng được thành lập, chúng trở nên được kết nối với bộ óc qua hệ giao cảm, và từ từ trở nên các cơ quan chiếm ưu thế đối với các hoạt động của tâm thức hồng trần, hay tâm thức lúc tỉnh thức – nghĩa là, đối với phần tâm thức đang hoạt động một cách bình thường qua hệ não tủy. Năm trong số mười trung tâm đó dùng để nhận các ấn tượng đặc biệt từ ngoại giới, và là các trung tâm mà qua đó tâm thức sử dụng các năng lực nhận thức của nó. Trong tiếng Bắc Phạn, chúng được gọi là Jnanendriyas, nghĩa đen là “các giác quan hiểu biết”, [165] nghĩa là, các giác quan hay các trung tâm cảm giác, mà nhờ đó đạt được sự hiểu biết. Theo

cách đã được giải thích trước đây, các trung tâm này tạo nên năm xoáy dĩ thái riêng biệt, và như vậy tạo ra năm trung tâm trong bộ óc hồng trần; một cách riêng biệt, năm trung tâm này lần lượt thành hình và vẫn kết nối với các cơ quan cảm giác thích hợp của chúng. Như vậy năm cơ quan cảm giác nảy sinh: mắt, tai, mũi, lưỡi, da, được chuyên biệt hóa để tiếp nhận cảm giác từ ngoại giới, tương ứng với năm khả năng nhận thức là thấy, nghe, nếm, ngửi và sờ (feeling). Năm giác quan này là các cách được chuyên biệt hóa trong các cõi thấp, nhờ đó phần khả năng nhận thức của tâm thức, là khả năng tiếp nhận các tiếp xúc bên ngoài của nó, được thực thi. Chúng thuộc về các cõi thấp và thuộc về các hình thức vật chất thô sơ nhất kín tâm thức bên trong, ngăn chặn nó, như vậy bao bọc nó lại để không biết những sự sống khác; chúng là các lỗ mở ra (openings) trong bức màn vật chất trọng trọng này, cho phép các rung động đi vào và đến với tâm thức bị bao phủ.

Năm trung tâm còn lại, trong số mười trung tâm cảm dục, dùng để truyền các rung động từ tâm thức đến ngoại giới; chúng [166] là các ngõ ra, giống như các giác quan tri thức (knowledge-senses) là các ngõ vào vậy. Chúng được gọi là Karmendriyas, theo sát nghĩa là giác quan hành động (action-senses), các giác quan hay các trung tâm cảm giác (sense-centers) tạo ra hành động. Các giác quan này phát triển giống như các giác quan khác, tạo ra các xoáy dĩ thái, các xoáy này tạo ra các trung tâm vận động (motor-centers) trong não bộ hồng trần; một lần nữa, một cách riêng rẽ, các trung tâm vận động này hình thành và vẫn kết nối với các cơ quan vận động thích hợp là tay, chân, thanh quản, các cơ quan sinh sản và bài tiết.

Bây giờ chúng ta có một thể cảm dục có tổ chức, và tác động và phản tác động xảy ra không ngừng giữa thể cảm dục

với thể xác, hoàn thiện cho cả hai, và cả hai cùng tác động trên tâm thức và tâm thức phản ứng lại lên chúng, cả hai một lần nữa có lợi nhờ tác động hỗ tương này. Và như chúng ta đã thấy, các xung lực mù quáng này của tâm thức được hướng dẫn, trong sự tác động của chúng trên vật chất, bởi Sự Sống của Thượng Đế trong Hồn-Khóm, và bởi các Tinh Linh Thiên Nhiên. Chính sự sống, là tâm thức, luôn luôn tìm cách nhận thức chính nó trong vật chất, và vật chất đáp ứng nhờ bởi các tính chất cố hữu của riêng nó, được làm cho linh hoạt bằng tác động của Thượng Đế Ngôi Ba.

### 3- Sự tương ứng trong các căn chủng (Root-Races)

Một sự kế tục tương tự trong Cuộc Tuần Hoàn thứ tư hiện tại đánh dấu sự tiến hóa của các giới trong Thiên Nhiên, các đặc tính chính của các Cuộc Tuần Hoàn trước dường như được lặp lại trong các Căn Chủng, giống như lịch sử tiến hóa đã xảy ra trong các thời đại lâu dài được lặp lại trong sự sống phôi thai của mỗi xác thân mới.

Trong sự sống của hai giống dân đầu có các tình trạng nhiệt độ vốn phá hủy tính nhạy cảm của bất cứ biểu lộ sự sống nào, và các giống dân này không tỏ ra nhạy cảm với vui sướng và đau khổ trên cõi trần.

Trong giống dân thứ ba có tính nhạy cảm với các tác động dữ dội, tạo ra các vui sướng và đau khổ thô thiển, nhưng chỉ có một số các giác quan được phát triển, đó là thính giác, xúc giác, và thị giác. Các giác quan này chỉ ở trình độ thấp, như chúng ta sẽ thấy ngay sau đây.

Bây giờ trong hai giống dân đầu có thể thấy các khởi đầu của các tập hợp trong chất cảm dục của các lớp vỏ, và nếu các lớp vỏ này có thể tự kết nối với chất hồng trần thích hợp, thì sẽ có trong tâm thức hồng trần các cảm giác [168] vui

thích và đau khổ. Nhưng các liên kết thích hợp lại thiếu. Giống dân thứ nhất cho thấy một thính giác yếu ớt, giống dân thứ hai cho thấy một sự đáp ứng mơ hồ với các tác động, là xúc giác còn sơ khai.

Ở giai đoạn tiến hóa này, Tam Thượng Thể Tinh Thần không cảm nhận được các rung động đến từ vật chất bên ngoài, nên chỉ khi nào nó nhận được các rung động dữ dội được tạo ra bởi các tác động trên cõi trần thì nó mới bắt đầu đáp ứng một cách chậm chạp.

Đối với Tam Thượng Thể Tinh Thần, mọi sự việc đều bắt đầu trên cõi trần.. Tam Thượng Thể không đáp ứng một cách trực tiếp, mà chỉ gián tiếp, qua trung gian của Sự Sống Thượng Đế, và chỉ khi bộ máy hồng trần đầu tiên được thành lập thì các xung lực tinh anh hơn mới đi đến với sức mạnh đủ để tạo ra vui thích và đau khổ. Các rung động dữ dội từ cõi trần gây ra rung động đáp ứng trên cõi cảm dục và Tam Thượng Thể trở nên hiểu biết một cách lờ mờ đối với cảm giác. [169]



## Chương VIII

### Các bước đầu của nhân loại

#### 1- Làn sóng sinh hoạt thứ ba

Khi đến giữa Căn Chủng thứ ba, bộ máy thần kinh của người thú đã được kiến tạo đến một mức mà nó được cần đến, vì nó càng được cải tiến thêm thì càng có nhiều dòng tư tưởng trực tiếp đến từ Tam Thượng Thể Tinh Thần có liên kết với nó. Hồn-Khóm đã hoàn tất công việc của nó đối với các điều này, là các sản phẩm tiến hóa cao, như là trung gian mà qua đó sự sống của Thượng Đế Ngôi Hai bảo vệ và nuôi dưỡng các con còn ấu trĩ của Ngài. Bây giờ là lúc tạo nền móng cho linh hồn thể, là bình tiếp nhận sự sống tuôn đổ xuống; thời kỳ của sự sống tiền sinh (ante-natal life) của Chân Thần đã được đề cập đến, và thời điểm đã chín muồi cho Chân Thần giáng sinh vào [170] cõi thấp. Sự sống nuôi dưỡng (mother-life) của Thượng Đế đã kiến tạo cho Chân Thần các thể (bodies) mà giờ đây Chân Thần có thể sống trong đó như một thực thể riêng biệt trong thế giới sắc tướng, và Chân Thần phải trực tiếp sở hữu các thể của nó để bắt đầu công cuộc tiến hóa trong nhân loại.

Chúng ta đã thấy rằng Chân Thần có được sự sống từ Thượng Đế Ngôi Một và ngự trên cõi Đại Niết Bàn, tức cõi thứ nhì, qua nhiều thiên kỷ mà chúng ta đã bàn sơ qua. Chúng ta cũng đã thấy rằng, với sự trợ giúp của các vị thừa hành khác nhau, Chân Thần chiếm hữu cho chúng ba nguyên tử thường tồn, đại diện cho Chân Thần, dưới danh xưng là

Jivatmas, trên các cõi thứ ba, thứ tư và thứ năm (1), và cũng chiếm hữu các nguyên tử thường tồn tạo thành tam hạ thể (lower triad) trên cõi thứ năm, thứ sáu và thứ bảy(2).

Mọi giao tiếp của Chân Thần với các cõi nằm dưới cõi Chân Thần đều đi xuyên qua Sutratma, tức sinh mệnh tuyến (life-thread), mà trên đó, các nguyên tử thường tồn được xâu vào. Sinh mệnh tuyến đó – được làm bằng chất liệu của cõi thứ nhì – (tức cõi Đại Niết Bàn - ND) đi từ nguyên tử thường tồn cõi Niết Bàn (cõi thứ ba - ND) đến nguyên tử thường tồn cõi Bồ Đề (cõi thứ tư - ND), từ nguyên tử thường tồn cõi Bồ Đề đến nguyên tử thường tồn cõi thượng trí (3 phân cảnh trên của cõi thứ năm - ND), và từ cõi thượng trí tái nhập vào cõi Niết Bàn, như thế tạo thành “Tam Giác Ánh Sáng” trên các cõi cao. Chúng ta cũng đã thấy thêm [171] rằng từ một cạnh của Tam giác này trên cõi Bồ Đề phát ra một sợi chỉ (thread), là Sutratma của các cõi thấp, trên đó bộ ba nguyên tử thường tồn thấp được xâu vào.

Giờ đây đã đến lúc tìm hiểu sự giao tiếp đầy đủ hơn của sợi chỉ thanh mảnh này dưới dạng ban đầu của nó, và đường như là nó nói rộng ra thêm. Đây chỉ là một cách mô tả vụng về sự kiện là Tia Sáng từ Chân Thần rực sáng và lớn lên, càng lúc khoác lấy hình dạng của một cái phễu: “Sợi chỉ (thread) giữa Đấng Quán Sát Thịnh Lặng (Silent Watcher) với cái bóng của mình trở nên mạnh mẽ và rực rỡ hơn” (GLBN 1, 285). Dòng chảy xuống của Sự Sống Chân Thần được kèm theo bởi dòng chảy tăng thêm nhiều giữa nguyên tử thường tồn cõi Bồ Đề với nguyên tử thường tồn cõi trí, và nguyên tử

---

<sup>1</sup> Tức cõi Niết Bàn (thứ ba), Bồ Đề (thứ tư) và Thượng Trí (thứ năm)

<sup>2</sup> Tức cõi hạ trí (thứ năm), cõi cảm dục (thứ sáu) và cõi hồng trần (thứ bảy). Muốn hiểu rõ, xin xem lại đồ hình trang 77 - ND



thường tồn cõi trí dường như thức tỉnh, đưa ra các rung động theo mọi hướng. Các nguyên tử và phân tử khác của cõi trí tụ tập lại chung quanh nó, và một trốt xoáy được nhìn thấy trên ba cõi phụ cao của cõi trí. Một chuyển động xoáy tương tự được nhìn thấy trong cái khối như mây đang bao quanh nguyên tử thường tồn hạ trí gắn liền bên dưới, được bọc trong lớp còn lại của Hôn-Khóm, như đã mô tả ở trước. Lớp này bị xé [172] rời và bị cuốn hút vào vùng xoáy nói trên, nơi đó nó bị tan rã và linh hồn thể được tạo thành, là một cái bọc mỏng thanh mảnh, khi trốt xoáy ngớt đi. Dòng chảy xuống này của Sự Sống, đưa tới việc tạo thành linh hồn thể, được gọi là Luồng Sóng Sinh Hoạt Thứ Ba, và một cách thích đáng, được gán cho Thượng Đế Ngôi Một, vì lẽ các Chân Thần đều xuất phát từ Ngôi Một và tiêu biểu cho sự sống Tam Vị Nhất Thể (triune life) của Thượng Đế.

Khi linh hồn thể được tạo ra, thì Tam Thượng Thể Tinh Thần có một hiện thể trường tồn để tiến hóa xa hơn, và khi Tâm Thức trở nên có thể hoạt động một cách thoải mái trong hiện thể này, thì Tam Thượng Thể sẽ có thể kiểm soát và điều khiển sự tiến hóa của các hiện thể thấp một cách có hiệu quả hơn nhiều so với trước đây.

Tuy nhiên, các nỗ lực lúc đầu để kiểm soát không có một sự diễn tả thông minh, không hơn gì các cử động ban đầu của thân xác của đứa trẻ còn thơ ấu, cho thấy là chúng không được điều khiển bởi sự thông minh nào, mặc dầu chúng ta biết là nó được kết nối với sự thông tuệ. Theo một nghĩa rất xác thực, thì Chân Thần bây giờ được sinh ra trên cõi trần, nhưng nó vẫn phải được xem như một em bé nơi cõi đó, và phải trải qua một thời gian dài đặng đặng trước khi [173] quyền năng của Chân Thần trên thể xác sẽ không còn trẻ con nữa.

## 2- Sự phát triển của con người

Điều này được thấy rõ ràng nếu chúng ta xem xét con người vào những ngày đầu tiên của y. Những người Lemuria đã diệt vong từ lâu – nếu chúng ta ngoại trừ những người đã phát triển tâm thức đến một mức đáng kể, và chịu thác sinh vào thể xác của người Lemuria <sup>(1)</sup> vụng về ngỗ hầu dẫn dắt sự tiến hóa của nhân loại – rất kém phát triển về các cơ quan cảm giác. Khứu giác và vị giác của họ không phát triển mà chỉ mới ở trong tiến trình hình thành, sự nhạy cảm của họ đối với vui thích và đau khổ rất yếu ớt.

Trong giống dân Atlantis <sup>(2)</sup>, các giác quan linh hoạt hơn nhiều, thị giác rất tinh tường (keen) và thính giác bén nhạy, còn vị giác phát triển nhiều hơn so với người Lemuria, nhưng vẫn còn chưa phát triển cao. Những thức ăn kém cỏi và hôi hám được hoàn toàn dung nạp và thậm chí còn thấy ngon lành nữa, còn những vật phẩm có mùi vị cao trong chế độ ăn uống như là thịt thối ươn (decaying meat) thì được ưa thích nhiều hơn là các thức ăn có mùi dễ chịu (delicate viands) mà họ xem là [174] không có mùi (tasteless). Thân thể họ không nhạy cảm lắm với những sự tổn thương, các vết thương nặng không gây đau đớn nhiều, cũng không đưa tới sự kiệt sức, ngay đến những chỗ rách toạc rộng lớn cũng không làm yếu người bị thương – và rất mau lành. Các tàn tích của giống dân Lemuria đang tồn tại hiện nay, cũng như giống dân Atlantis đang lan tràn rộng khắp, vẫn tỏ ra tương đối không

---

<sup>1</sup> Giống dân Lemuria (Lemurian Race) là giống dân chính thứ ba - ND

<sup>2</sup> Giống dân Atlantis tức là giống dân chính thứ tư - ND

có cảm giác trước cái đau đớn, và chịu được sự tàn phế ở mức độ rất cao như các vết rách toạc lớn trên thân thể mà một người thuộc giống dân thú năm hoàn toàn không thể chịu nổi. Một Người Da Đỏ (Indian) ở Bắc Mỹ có tường thuật rằng trong lúc đánh nhau, anh ta bị cắt đi một bên đùi, sau độ mười hai hoặc mười lăm giờ gì đó, anh ta ra trận trở lại. Đặc điểm này của cơ thể giống dân thú tư giúp cho một người bán khai chịu nổi đau đớn một cách điềm tĩnh và phục hồi lại nhanh chóng sau các tra tấn hành hạ, trong khi một người thuộc giống dân thú năm sẽ gục ngã do sự chấn động thần kinh.

Các dị biệt này phần lớn là do các phát triển khác nhau của nguyên tử thường tồn, tức phần cốt lõi (nucleus) của thể xác. Trong Căn Chủng thú năm, có một luồng sinh lực sung mãn đang tuôn đổ xuống, khiến cho sự phát triển bên trong lớn hơn của nguyên tử thường tồn, và tăng thêm lên [175] khi sự phát triển đó tiếp diễn. Khi sự tiến hóa tiếp tục, thì tính chất phức tạp của các sức mạnh rung động trong nguyên tử thường tồn hồng trần tăng thêm lên, một sự gia tăng tương tự cũng xảy ra trong nguyên tử thường tồn cảm dục và lần nữa trong nguyên tử thường tồn hạ trí. Hết kiếp này đến kiếp khác, các hạt nhân nguyên tử thường tồn này được phóng ra trên mỗi cõi để thu thập xung quanh chúng các lớp bao mới bằng chất trí, cảm dục và hồng trần. Các nguyên tử thường tồn càng phát triển cao, thì thu hút chung quanh chúng các nguyên tử phát triển càng cao trên cõi mà chúng đang ở, và như vậy tạo nên một bộ máy thần kinh hoàn hảo hơn, qua đó luồng tâm thức ngày càng gia tăng có thể tuôn đổ qua. Bộ máy thần kinh có cấu tạo tinh vi của con người thuộc giống dân thú năm được tạo ra theo lối này.

Nơi con người thuộc giống dân thứ năm, sự phân hóa bên trong của các tế bào thần kinh tăng lên nhiều, và những sự thông thương với nhau càng nhiều thêm. Nói chung, tâm thức của người thuộc giống dân thứ năm đang hoạt động trên cõi cảm dục và được triệt thoái ra khỏi xác thân, ngoại trừ đối với những gì thuộc về hệ thần kinh não tủy. Việc kiểm soát các cơ quan quan trọng của cơ thể thì để cho [176] hệ thần kinh giao cảm, vốn được huấn luyện qua bao thiên kỷ dài để thi hành công việc này, và giờ đây vẫn được tiếp tục bởi các xung lực từ các trung tâm cảm dục khác với mười trung tâm kia, không có sự chú ý cố ý từ tâm thức bị bận rộn về chuyện khác, dù là đương nhiên do tâm thức đó duy trì. Tuy nhiên, như chúng ta sẽ thấy ngay sau đây, nó hoàn toàn có thể thu hút sự chú ý của tâm thức một lần nữa vào phần này của cơ cấu của nó, và lại đảm trách việc kiểm soát nó một cách sáng suốt. Nơi những thành viên tiến hóa cao của giống dân thứ năm, các xung lực chính của tâm thức được đưa xuống từ cõi hạ trí, tác động xuống xuyên qua cõi cảm dục, đến cõi trần, và kích thích hoạt động thần kinh xác thân ở nơi đó. Đây là tâm thức bén nhạy, tinh anh, sáng suốt, được thôi thúc bởi các ý tưởng nhiều hơn là bởi các cảm giác và tự biểu lộ một cách linh hoạt trong các trung tâm não bộ thuộc trí tuệ và tình cảm nhiều hơn là trong các trung tâm liên hệ đến các hiện tượng cảm giác và vận động.

Các cơ quan cảm giác của thể xác thuộc giống dân thứ năm đều ít linh hoạt và sắc bén hơn so với các cơ quan cảm giác của người tiến hóa cao nhất thuộc giống dân thứ tư khi đáp ứng với các tác động thuần vật chất. Thị giác, [177] thính giác, xúc giác không đáp ứng với các rung động vốn thường ảnh hưởng đến các cơ quan cảm giác của giống dân thứ tư. Ngoài ra, một điều quan trọng là các cơ quan này nhạy bén

nhất vào lúc đầu thời ấu thơ và giảm đi tính nhạy cảm từ khoảng sáu tuổi trở đi. Mặt khác, trong khi ít bén nhạy trong việc thu nhận các va chạm thuần túy cảm giác, thì chúng lại trở nên bén nhạy hơn với các cảm giác có trộn lẫn với các tình cảm, và những tinh tế của màu sắc và âm thanh, dù là của thiên nhiên hay của nghệ thuật, đều lôi cuốn chúng một cách hiệu quả hơn. Tổ chức của các trung tâm cảm giác trong bộ óc và trong thể cảm dục càng cao và càng phức tạp thì dường như càng mang lại tính nhạy cảm cao với vẻ đẹp của màu sắc, hình thức và âm thanh, nhưng sự đáp ứng bị giảm bớt trước các cảm giác mà các xúc cảm không có vai trò trong đó.

Cơ thể của giống dân thứ năm cũng nhạy cảm hơn nhiều với sự kích xúc (shock) so với là cơ thể của các giống dân thứ ba và thứ tư, vốn phụ thuộc nhiều vào tâm thức để bảo quản nó. Một kích xúc thần kinh được cảm nhận nhạy bén hơn nhiều, và kéo theo sự kiệt quệ trầm trọng hơn. Một vết thương nặng không còn là vấn đề chỉ có cơ bắp bị tổn thương, [178] các mô bị đứt, mà còn do chấn động thần kinh nguy hiểm nữa. Hệ thần kinh có tổ chức cao sẽ chuyển tín hiệu đau đến các trung tâm trong não, rồi từ đó được đưa đến thể cảm dục, gây rối loạn và làm xáo trộn tâm thức cõi cảm dục. Tiếp theo sau là sự xáo trộn trên cõi trí; sự tưởng tượng được khơi dậy, ký ức làm kích động sự tiên đoán, rồi sự đổ xô đến của các xung lực ở thể trí làm cho mạnh thêm và kéo dài các cảm giác. Một lần nữa, các cảm giác này lại kích động và kích thích hệ thần kinh, rồi sự kích thích quá mức của nó tác động lên các cơ quan trọng yếu, tạo ra sự xáo trộn trong cơ quan đó, do đó làm giảm sinh lực và chậm phục hồi.

Cũng thế, trong cơ thể của giống dân thứ năm tiến hóa cao, các tình trạng trí tuệ phần lớn chi phối thể xác. Sự lo âu quá mức, đau khổ và ưu phiền về tâm trí, tạo ra căng thẳng

thần kinh, dễ dàng gây xáo trộn cho sự hoạt động của các cơ quan và đưa tới suy nhược hoặc bệnh hoạn.

Do đó, sự khỏe mạnh và sự thanh thản trong tâm trí trực tiếp làm tăng tiến sức khỏe thể chất, và khi tâm thức đã được thiết lập rõ rệt trên cõi cảm dục hoặc cõi trí, thì các xáo trộn tình cảm và trí tuệ làm cho sức khỏe suy sụp nhiều hơn là [179] bất cứ sự thiếu thốn nào mà xác thân phải hứng chịu. Người tiến hóa thuộc giống dân thứ năm tại cõi trần theo nghĩa đen chỉ sống trong hệ thần kinh của họ.

### 3- Những linh hồn và thể xác thiếu hài hòa

Giờ đây, chúng ta nên chú ý đến một sự kiện có ý nghĩa, liên quan đến một vấn đề quan trọng nhất, đó là sự liên quan của cơ cấu thần kinh với tâm thức. Khi tâm thức con người chưa tăng trưởng vượt qua mẫu người Lemuria cuối (căn chủng thứ ba – ND) hoặc mẫu người Atlantean đầu (căn chủng thứ tư – ND), nhưng được sinh vào một cơ thể thuộc căn chủng thứ năm, thì việc đó mang lại cho ta một cơ hội học hỏi lạ lùng và lý thú. (Ở đây không thể bàn rộng về các lý do của việc sinh ra kiểu đó. Nói một cách vắn tắt, khi những quốc gia tiến hóa nhiều đi thôn tính đất đai của những bộ lạc kém phát triển, và giết sạch người của các bộ lạc này một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Lập tức, dân tộc bị xua ra khỏi xác thân của họ như thế phải tìm kiếm các trú sở mới. Các tình trạng bán khai thích hợp cho họ đang trở nên ngày càng hiếm, dưới làn sóng ngày càng bành trướng của các giống dân cao hơn, vì vậy họ phải chịu sinh ra dưới các tình trạng thấp kém nhất hiện có, đó là các khu ổ chuột của các thành phố lớn, trong các gia đình thuộc loại người tội phạm. Họ [180] bị lôi cuốn về phía quốc gia đi chinh phục do quy luật tất yếu của nghiệp quả).

Những người như thế tái sinh vào trong các thân xác thuộc giống dân thứ năm có loại chất liệu tẻ nhất đang có. Bấy giờ, trong các thân xác thuộc giống dân thứ năm này, họ để lộ các tính chất thuộc về đầu giống dân thứ tư hoặc giống dân thứ ba, và mặc dầu họ có được cơ cấu thần kinh hồng trần bên ngoài, họ lại không có sự phân hóa bên trong của chất thần kinh, vốn chỉ xảy đến với sự tác động trên chất hồng trần của các năng lượng đến từ cõi cảm dục và cõi trí. Chúng ta quan sát thấy nơi họ không có sự đáp ứng với các ấn tượng đến từ bên ngoài, trừ phi các ấn tượng này thuộc loại mãnh liệt, đánh dấu mức phát triển thấp của tâm thức cá nhân.

Chúng ta nhận thấy việc họ rơi trở lại vào trạng thái bất động khi thiếu một sự kích thích vật chất mãnh liệt; sự khao khát một sự kích thích dữ dội như thế tái diễn khi nhu cầu vật chất được khuấy động. Dưới sự tác động mãnh liệt vào các cơ quan cảm giác, thì mới có sự khuấy động một hoạt động trí tuệ yếu ớt. Còn khi các cơ quan cảm giác yên nghỉ thì chỉ có sự trống rỗng (blankness). Họ hoàn toàn không có bất cứ sự đáp ứng nào với một tư tưởng hoặc một tình cảm cao thượng – không phải vì bác bỏ chúng, mà là vì không biết đến chúng. Thông thường, sự kích động hay sự thô bạo [181] nơi những người như thế được tạo ra bởi tác nhân ở bên ngoài – thí dụ có một điều gì đó đến với y về phương diện vật chất, thì trí khôn vừa hé mở của y nối kết với khả năng để làm thỏa mãn một tham dục nào đó mà y nhớ, và muốn cảm nhận trở lại. Một người như thế có thể không có chủ tâm cướp bóc hoặc sát nhân chút nào, nhưng y có thể bị kích thích vào hành động như trên chỉ vì y trông thấy một người qua đường ăn mặc tươm tất, dáng điệu là kẻ có tiền – mà tiền bạc có nghĩa là thỏa mãn được cái ăn, cái uống hoặc tính dục. Tức

khắc y có ngay yếu tố kích thích để tấn công kẻ qua đường kia và hành động theo sau tức thì, trừ phi y thấy có một nguy hiểm về mặt vật chất một cách rõ rệt như là thấy một viên cảnh sát chẳng hạn. Chính cái cảm dỗ vật chất hiện ra làm cho y nảy sinh ý tưởng phạm vào tội ác. Còn một người dự liệu một hành động tội ác trước, là một người tiến hóa cao hơn. Một người đã man đơn thuần chỉ phạm tội vì sự thúc đẩy tức thời, y sẽ không phạm tội nếu y gặp một biểu hiện vật chất khác, thí dụ biểu hiện của một sức mạnh mà y sợ. Và khi đã phạm tội rồi thì y tro đi (impervious) trước mọi tiếng kêu xấu hổ, ăn năn; y chỉ dễ bị ảnh hưởng với sự sợ hãi mà thôi.

Dĩ nhiên các nhận xét này không áp dụng [182] được cho loại tội phạm thông minh, mà chỉ dùng cho loại bẩm sinh đần độn và tàn bạo, tức là người bán khai thuộc giống dân thứ ba hoặc thứ tư mang thể xác của giống dân thứ năm.

Khi các chân lý của Minh Triết Nghìn Xưa ngày càng tác động đến tư tưởng hiện đại, thì giữa các sự việc khác nhau đó, các chân lý này tất nhiên sẽ giúp thay đổi cách đối xử với kẻ phạm tội. Như thế các tội nhân được nói đến ở trên sẽ không bị trừng phạt một cách nghiêm khắc mà luôn luôn sẽ được giữ tuân theo kỷ luật chặt chẽ, và chừng nào có thể làm được, họ sẽ được giúp đỡ để phát triển nhanh hơn là khi còn ở dưới tình trạng đời sống bán khai của họ.

Nhưng nếu bàn thêm nữa về đề tài này thì, chúng ta có thể đi quá xa đề tài nghiên cứu chính yếu của chúng ta. Bây giờ chúng ta quay trở lại các hoạt động của tâm thức trên cõi cảm dục khi chúng tự biểu lộ trong động vật cao cấp và các mẫu người tiến hóa thấp.

#### 4- Hé mở tâm thức trên cõi cảm dục



Chúng ta đã thấy cơ cấu cảm dục có trước và nắn tạo ra [183] hệ thần kinh của thể xác, và bây giờ chúng ta hãy xét coi điều này phải ảnh hưởng đến những hành động của tâm thức ra sao. Chúng ta sẽ mong thấy rằng tâm thức trên cõi cảm dục sẽ trở nên biết được các tác động lên lớp vỏ cảm dục của nó theo một cách mơ hồ và không chính xác, cũng như vậy, trong khoáng thạch, thực vật và các động vật thấp kém nhất, nó có thể biết được các va chạm trên thể xác của nó. Việc nhận biết được các tác động cảm dục này sẽ có trước từ lâu đối với bất cứ cơ cấu nhất định nào trong lớp vỏ cảm dục, là cầu nối giữa lớp vỏ trí tuệ với thể xác, vốn sẽ từ từ biến đổi nó thành một thể cảm dục, là hiện thể độc lập của tâm thức trên cõi cảm dục. Và như chúng ta đã thấy, tổ chức đầu tiên trong lớp vỏ cảm dục là một sự đáp ứng với các va chạm nhận được qua thể xác, và được liên kết với thể xác trong sự tiến hóa của nó. Tổ chức này không liên quan trực tiếp với sự tiếp nhận, sự phối kết và sự hiểu biết về các tác động cảm dục, nhưng bị ràng buộc vào việc bị tác động lên trên bởi, và việc tái tác động lên, hệ thần kinh của xác thân. Tâm thức ở mọi nơi đều đi trước Ngã thức, và sự tiến hóa của [184] tâm thức trên cõi cảm dục diễn biến cùng lúc với sự tiến hóa của Ngã thức – sẽ được bàn đến ngay sau đây – trên cõi trần.

Các va chạm trên lớp vỏ cảm dục từ cõi cảm dục tạo ra các làn sóng rung động ngang qua toàn bộ lớp vỏ cảm dục, và tâm thức bị bao bọc trong đó dần dần trở nên biết được một cách mơ hồ các làn sóng dâng trào này, mà không có sự liên kết chúng với bất cứ nguyên nhân bên ngoài nào. Nó đang dò dẫm theo các tác động trên cõi trần dữ dội hơn nhiều, và năng lực chú ý như thế, khi nó đã phát triển, tùy thuộc vào chúng. Các tập hợp chất cảm dục được liên kết với các hệ thần kinh của thể xác, đương nhiên có dự phần vào các

làn sóng dâng trào chung của lớp vỏ cảm dục, và các rung động do các sóng dâng trào này gây ra sẽ trộn lẫn với các sóng dâng trào đến từ thể xác, và cũng ảnh hưởng đến các rung động do tâm thức gửi xuống cho nó thông qua các tập hợp chất cảm dục này. Như vậy một liên hệ được thiết lập giữa các va chạm ở cõi cảm dục với hệ thần kinh giao cảm, và chúng đóng một vai trò đáng kể vào sự phát triển của hệ giao cảm đó. Khi tâm thức hoạt động trong thể xác bắt đầu từ từ nhận biết thế giới bên ngoài, [185] thì các va chạm từ cõi cảm dục này – dần dần được phân loại theo năm giác quan như là các va chạm từ cõi trần – trộn lẫn với các va chạm của cõi trần, và không còn phân biệt được sự khác nhau ở cội nguồn của chúng nữa. Việc nhận biết này thuộc về nhãn thông bậc thấp, vốn đi trước, trước khi thể trí đạt đến mức tiến hóa cao. Chừng nào mà hệ thần kinh giao cảm còn hoạt động như là bộ máy thống trị của tâm thức thì chừng đó cội nguồn từ cõi cảm dục hoặc cõi trần của các va chạm vẫn như nhau đối với tâm thức. Ngay cả các động vật cao cấp – nơi loài vật này hệ thần kinh não tủy rất phát triển, nhưng nó vẫn chưa là cơ cấu chính yếu của tâm thức trong chúng, ngoại trừ trong các trung tâm cảm giác của nó – cũng không thể phân biệt được cảnh vật và âm thanh giữa cõi trần với cõi cảm dục v.v... Thí dụ, một con ngựa sẽ nhảy vọt qua một thể cảm dục cứ như đó là một thể xác vậy; một con mèo sẽ cạ mình vào chân của một nhân vật bằng chất cảm dục; một con chó sẽ gầm gừ trước một hình dạng tương tự như thế. Nơi chó và ngựa bắt đầu có một cảm giác bồn chồn về sự khác biệt nào đó, được biểu lộ bằng việc sợ sệt của chó và bằng sự nhút nhát của ngựa trước các hình bóng như thế. [186] Trạng thái căng thẳng của loài ngựa – bắt chấp những gì mà nó được luyện tập để đối diện với các nguy hiểm của chiến trường, và thậm

chí, như với giống ngựa Ả Rập, được dạy cách nhặt lên và đem đi người cưỡi bị ngã của nó xuyên qua môi trường đáng sợ – dường như chủ yếu là do sự lầm lẫn và hoang mang của ngựa đối với môi trường chung quanh nó, và việc nó không thể phân biệt giữa cái mà khi hiểu biết nó sẽ gọi là “các thực tại khách quan” (“objective realities”) có thể làm tổn thương nó, với các “hào huyền” hay “ảo giác” mà thân thể nó có thể đi qua không chút tổn thương. Đối với con ngựa, tất cả đều là “thực” (“real”), và sự dị biệt trong cách phản ứng của chúng đều làm ngựa hoảng sợ. Trong trường hợp một con ngựa thông minh khác thường thì trạng thái lo lắng thường dữ dội hơn, khi ngựa phát triển một ý thức ban đầu về sự dị biệt trong chính các hiện tượng, và điều này, vì không hiểu được, nên trước tiên còn gây lo lắng cho con vật.

Người bán khai, sinh hoạt nhiều bằng hệ thần kinh não tủy, biết phân biệt giữa hiện tượng ở cõi trần với hiện tượng cõi cảm dục, mặc dầu, đối với y, hiện tượng cõi cảm dục cũng “thật” như hiện tượng cõi trần. Y liên kết các hiện tượng này với một thế giới khác, y chuyển [187] tất cả những gì không hoạt động theo cách mà y xem là bình thường xuống tới thế giới đó. Y không biết rằng, đối với các điều này, y chỉ ý thức qua hệ thần kinh giao cảm chớ không qua hệ thần kinh não tủy; y có ý thức về chúng – thế thôi.

Giống dân Lemuria và đầu giống dân Atlantis hầu như biết thế giới cảm dục nhiều hơn là thế giới hồng trần. Các tác động ở cõi cảm dục, đưa toàn bộ lớp vỏ cảm dục vào các lượn sóng, đi qua các trung tâm cảm giác của thể cảm dục đến các trung tâm giao cảm trong thể xác, và họ tri thức về chúng một cách rõ rệt. Cuộc sống của họ bị chi phối bởi các cảm giác và các đam mê nhiều hơn là bởi trí khôn, và bộ máy đặc biệt của

vỏ cảm dục, là hệ thần kinh giao cảm, bấy giờ trở thành cơ cấu nổi bật của tâm thức.

Khi hệ thần kinh não tủy trở nên được tinh vi, và ngày càng đảm trách vị thế đặc biệt của nó là bộ máy chính yếu của tâm thức trên cõi trần, thì sự chú ý của tâm thức ngày càng cố định vào cõi trần, và khía cạnh hoạt động của nó, với cương vị là trí cụ thể, trở nên ngày càng [188] nổi bật hơn. Hệ thần kinh giao cảm trở thành phụ thuộc, các biểu thị của nó ngày càng ít được để ý đến, mà bị chìm ngập trong con hồng thủy của các va chạm nặng nề và thô kệch của cõi trần từ bên ngoài. Vậy thì khi tâm thức ở cõi cảm dục giảm đi thì trí tuệ lại tăng lên, mặc dầu trong hầu hết mọi người vẫn còn một ý thức mơ hồ về các ấn tượng không hiểu được thỉnh thoảng nhận được.

Ở giai đoạn tiến hóa hiện nay, hình thức nhân thông thấp này vẫn còn thấy được nơi con người, nhưng chỉ xảy ra nơi những người có trí khôn rất giới hạn; họ ít có ý niệm về căn nguyên của việc có nhân thông đó và ít kiểm soát được tác động của nó. Các cố gắng làm tăng hình thức nhân thông thấp đó thường gây ra các rối loạn thần kinh thuộc loại rất khó trị, và các cố gắng này đi ngược với Luật tiến hóa, Luật này bao giờ cũng tác động hướng về một mục đích cao siêu chớ không đi lùi. Vì luật này không thể thay đổi, nên các cố gắng đi ngược lại nó chỉ gây xáo trộn và đau ốm mà thôi. Chúng ta không thể trở lại tình trạng mà hệ thần kinh giao cảm chiếm ưu thế, để không tổn hại sức khỏe và để phát triển cao về trí tuệ. [189] Như vậy, việc theo các hướng dẫn mà ngày nay đã được truyền bá khắp nơi, đó là thiên định về bí huyết nhật tùng (solar plexus và các trung tâm thần kinh giao cảm khác, thì thật vô cùng nguy hiểm.

Một số trong các cách thực hành đó đã thâm nhập vào phương Tây, được hệ thống hóa thành Hatha Yoga ở Ấn Độ. Việc kiểm soát các cơ tron được phục hồi, cho nên người đó có thể đảo ngược được nhu động, ngăn không cho tim đập, nôn mửa tùy ý và vv... Phải phí biết bao thì giờ và công sức trước khi có thể có được các thành tích như thế, để rồi cuối cùng con người chỉ đưa trở lại, dưới sự kiểm soát của ý chí, các cơ bắp mà từ lâu đã được trao cho hệ thần kinh giao cảm. Vì việc chuyển giao này được thực hiện bằng việc từ từ chuyển đổi sự chú ý, thế nên chính do sự tập trung chú ý lên các bộ phận liên hệ mà thành tựu trước kia bị đảo ngược. Vì những sự thực hiện như thế áp đặt lên kẻ thiếu hiểu biết, là kẻ xem chúng như là các bằng chứng của sự vĩ đại về tâm linh, chúng thường được thực hành bởi những người ham muốn quyền năng và không thể có được quyền năng đó bằng một đường lối chính đáng hơn. Hơn nữa, [190] các thành quả đó là hình thức dễ đạt được nhất của Hatha yoga, và là hình thức dễ tập luyện hơn, và ít chịu đau đớn hơn là động tác duỗi thẳng tay lên trời cho đến khi cánh tay khô đét, hoặc nằm trên bàn chông.

Khi hệ thần kinh não tùy tạm thời ngưng hoạt động thì các xung lực từ lớp vỏ cảm dục xuyên qua hệ giao cảm, khiến cho các xung lực này được cảm nhận trong tâm thức. Đó là “trạng thái minh mẫn” (“lucidity”) trong con xuất thần (trance), do mình tự gây ra hay được áp đặt, khả năng để đọc trong cõi cảm dục bằng cách dùng các viên pha lê và các dụng cụ tương tự khác. Việc ngưng chỉ một phần hoặc toàn thể hoạt động của tâm thức trong hiện thể cao khiến cho nó hướng sự chú ý vào hiện thể thấp.

Ở đây cần thêm một điều, để ngăn chặn một quan niệm sai lầm, đó là nhãn thông bậc cao đi theo sau, thay vì đi trước,

việc phát triển trí tuệ, và không thể xuất hiện mãi cho tới lúc việc cấu tạo *thể cảm dục* (astral body), khác với *lớp vỏ cảm dục* (astral sheath), đã được xúc tiến tới một mức đáng kể. Khi điều này được thực hiện bởi sự tác động của trí tuệ và sự hoàn thiện bộ máy trí tuệ hồng trần, thì lúc đó các giác quan thực sự của thể cảm dục, [191] đã nói đến trước đây, được gọi là các luân xa hay bánh xe, do hình dáng tròn xoay của chúng, từ từ được phát triển. Trên cõi cảm dục, các luân xa này phát triển dưới hình thức các giác quan và cơ quan cảm dục, và được kiến tạo và được kiểm soát từ cõi trí, giống như các trung tâm của bộ óc được kiểm soát từ cõi cảm dục vậy. Bấy giờ tâm thức đang hoạt động trên cõi trí và tạo ra cơ cấu cảm dục của nó, giống như trước kia nó đã hoạt động trên cõi cảm dục và tạo ra cơ cấu hồng trần của nó vậy. Nhưng giờ đây nó hoạt động với năng lực to tát hơn và với sự hiểu biết rộng lớn hơn, nhờ đã khai mở rất nhiều quyền năng của nó. Hơn nữa, nó nắn tạo các trung tâm trong thể xác từ các hệ thần kinh giao cảm và hệ thần kinh não tủy, để hoạt động như là bộ máy ở cõi trần, để đem lại cho ý thức não bộ các rung động từ các cõi cao. Khi các trung tâm này được làm cho sinh động, thì kiến thức được “đưa xuyên qua”, nghĩa là có sẵn cho việc sử dụng của tâm thức đang hoạt động trong hệ thần kinh của thể xác. Như đã nói, đây là nhãn thông cao, là việc tập luyện sáng suốt và biết tự điều khiển các quyền năng của tâm thức trong thể cảm dục.

Bấy giờ, trên con đường đi lên này, [192] các quyền năng của tâm thức được thức tỉnh trên cõi trần, và kể đó được đánh thức tuần tự trên cõi cảm dục và cõi trí. Các lớp vỏ của thể cảm dục và thể trí phải được phát triển cao trước khi chúng có thể được phát triển thêm thành thể tinh anh, hoạt động độc lập trên các cõi cao, và kể đó tạo ra cho chính nó bộ

máy cần thiết để thực thi các quyền năng cao này trên cõi trần. Và ngay tại cõi trần này khi bộ máy đã sẵn sàng, được kiến tạo bằng tư tưởng thuần khiết và ước muốn trong sạch, nó cũng phải được làm cho linh hoạt trên cõi trần bằng luồng hỏa Kundalini, được khơi dậy và được điều khiển bởi tâm thức đang hoạt động trong bộ óc hồng trần. [193]



## Chương IX

### Tâm thức và ngã thức

#### 1- Tâm thức

Trong thời gian dài dằng dặc – suốt từ cuối cuộc tiến hóa thực vật và động vật và suốt cuộc tiến hóa của nhân loại bình thường đến tận ngày nay – như ta đã thấy, lớp vỏ cảm dục hay lớp vỏ dục vọng lệ thuộc vào thể xác, xét về các tác động của tâm thức. Bây giờ chúng ta hãy dõi theo việc khai mở của tâm thức, của sự sống đang trở nên nhận thức được môi trường chung quanh nó. Trong khi hệ thần kinh được thật sự nói là được tạo ra từ cõi cảm dục, tuy nhiên, nó lại được tạo ra cho sự biểu lộ tâm thức trên cõi trần và cho hoạt động hiệu quả của nó trên cõi đó. Chính tại cõi trần này mà tâm thức lần đầu tiên được trở thành Ngã thức. [194]

Khi các rung động của ngoại giới tác động lên lớp vỏ hồng trần của Chân Ngã còn ấu trĩ được bọc bên trong, là Jivatma, Tia của Chân Thần, thì trước tiên chúng tạo ra các rung động đáp ứng bên trong Chân Ngã đó, một tâm thức đang hé mở trong nó, một cảm giác vốn không được Chân Ngã đó liên kết với bất cứ điều gì ở ngoài, mặc dầu được tạo ra bởi các tác động từ bên ngoài. Chính một thay đổi bên ngoài lớp màng mỏng bao bọc của Chân Ngã, vốn được bao bọc trong các lớp vỏ vật chất trọng trực, mà sự thay đổi bên ngoài đó gây nên một sự thay đổi bên trong lớp bọc đó, và sự thay đổi này tạo nên một tác động của tâm thức – tâm thức về sự thay đổi, về một tình trạng bị thay đổi. Đó có thể là một sự



thu hút, một lôi cuốn, do bởi một đối tượng bên ngoài tác động lên trên các lớp vỏ, đi đến lớp bọc của Chân Ngã, tạo ra một sự giãn nở nhỏ trong lớp bọc, theo sau là sự giãn nở trong các lớp vỏ, hướng về phía đối tượng thu hút; và sự giãn nở này là một thay đổi về tình trạng và tạo ra một cảm giác, một tác động của tâm thức. Hoặc giả nó có thể là một lực đẩy, một sự đẩy ra xa, một lần nữa bị tác động bởi một đối tượng bên ngoài lên các lớp vỏ, đi đến lớp bọc của Chân Ngã, tạo ra một sự co lại nhẹ trong lớp bọc, theo sau là sự co lại [195] của các lớp vỏ tránh xa đối tượng khó chịu, và sự co lại này cũng là một sự thay đổi tình trạng, và tạo nên một thay đổi tương ứng trong tâm thức.

Khi chúng ta khảo sát các tình trạng của các vỏ bọc dưới một lực hút và một lực đẩy, chúng ta thấy chúng hoàn toàn khác. Khi sự va chạm của một đối tượng bên ngoài tạo ra một rung động nhịp nhàng trong các lớp bọc này – nghĩa là, khi các chất liệu của chúng được làm cho tự sắp xếp thành các đường mỏng và dày gọn sóng đều đặn – việc sắp xếp chất bao bọc này cho phép một sự hoán đổi sự sống giữa hai đối tượng vốn đã có tiếp xúc với nhau, và tỷ lệ với sự tương ứng của những đường mỏng và dày trong cả hai là đủ cho sự hoán đổi (interchange). Sự hoán đổi này, sự hợp nhất một phần này của hai Sự Sống riêng biệt xuyên qua các lớp vỏ ngăn cách của vật chất là “sự vui thích” (“pleasure”), còn việc đi từ các Sự Sống hướng tới nhau là “sự thu hút”. Cho dù sự vui thích có thể trở nên phức tạp tới mức nào đi nữa, ở đây có ẩn tàng thực chất của nó; đó là một ý thức về “sự phong phú hơn” (“moreness”) của Sự Sống được mở rộng, được gia tăng. Sự sống càng phát triển đầy đủ hơn, [196] sự vui thích trong việc nhận thức về sự phong phú hơn này, trong việc mở rộng vào Sự Sống khác càng lớn, và mỗi một trong các Sự

Sống kết hợp như thế có được sự phong phú hơn bằng việc hợp nhất với sự sống khác. Khi các rung động nhịp nhàng và các đường mỏng và dày tương ứng làm cho việc hoán đổi sự sống này có thể xảy ra, thật ra cũng đúng khi nói rằng “các rung động hài hòa đem lại vui thích”. Trái lại, khi sự va chạm của một đối tượng bên ngoài tạo nên sự hỗn loạn của các rung động trong các lớp bọc của đối tượng bị tác động – nghĩa là, khi các vật liệu bị làm cho tự sắp xếp không đều, chuyển động theo các hướng mâu thuẫn, tự va chạm nhau – Sự Sống chứa đựng bị nhốt lại, bị cách ly, các tia sáng tuôn ra ngoài bình thường của nó bị cản trở, bị ngăn chặn, thậm chí quay ngược lại chúng nữa. Việc cản trở hoạt động bình thường này là “sự đau khổ”, tăng lên theo năng lượng của sự thôi thúc bên trong (in-driving), và kết quả của tiến trình thôi thúc bên trong là “sự ghê tởm” (“repulsion”). Ngoài ra, ở đây, Sự Sống càng phát triển đầy đủ hơn, thì sự đau khổ trong sự đảo lộn dữ dội của tác động bình thường của nó càng lớn, và trong ý nghĩa của sự thất bại vốn đi kèm với sự đảo lộn. Do đó, một lần nữa, “các rung động không hài hòa [197] gây đau khổ”. Nên nhận xét rằng điều này đúng với tất cả các lớp vỏ, mặc dù lớp vỏ cảm dục trở nên được chuyên biệt hóa với tư cách là nơi tiếp nhận loại các cảm giác mà sau này được gọi là đáng ưa thích và gây đau khổ. Luôn luôn trong tiến trình tiến hóa, một chức năng sống tổng quát trở nên được chuyên biệt hóa như thế, và một cơ quan đặc biệt thường được dùng cho việc rèn luyện nó. Thể cảm dục vốn là hiện thể của các ham muốn, nhu cầu cho tính nhạy cảm đặc biệt của nó đối với khoái lạc và đau khổ là hiển nhiên.

Sau khi nói qua đôi chút về trạng thái của các lớp bao, chúng ta hãy trở lại cái mầm của chính tâm thức; chúng ta sẽ thấy điều quan trọng cần lưu ý là ở đây không có “sự ý thức”

("awareness") về một đối tượng bên ngoài, không có sự ý thức nào như thường được truyền đạt theo cách dùng thuật ngữ này. Cho đến nay, tâm thức không biết gì về bên ngoài và bên trong, về khách thể (object) và chủ thể (subject); mầm mống thiêng liêng hiện giờ đang trở nên có ý thức. Nó trở thành tâm thức cùng với *sự thay đổi* về những tình trạng này, với hoạt động trong các lớp vỏ, sự mở rộng và co rút này, vì tâm thức chỉ tồn tại trong, và bằng, sự thay đổi. Ở đây, lúc bấy giờ, đối với mầm mống thiêng liêng đã tách biệt, là việc khai sinh ra tâm thức; [198] nó được sinh ra từ sự thay đổi, từ sự hoạt động; nơi nào và khi nào sự thay đổi đầu tiên này xảy ra, thì nơi đó, tâm thức, dành cho cái mầm riêng biệt đó, được sinh ra.

Chỉ lớp áo của cái mầm này với các lớp bọc lần lượt bằng vật chất trên các cõi kế tiếp, làm khởi lên các thay đổi mơ hồ đầu tiên này bên trong cái mầm vốn sinh ra tâm thức. Không một ai trong chúng ta có thể tính được vô số thời gian đã trôi qua khi các thay đổi này trở nên được xác định rõ hơn, và khi các lớp bọc này trở nên được hình thành rõ rệt hơn bởi những tác động không ngừng từ bên ngoài, và các rung động đáp ứng liên miên không kém từ bên trong. Ở giai đoạn này, trạng thái tâm thức chỉ có thể được mô tả như là trạng thái "cảm giác" ("feeling"), cảm giác đang trở nên từ từ ngày càng rõ rệt hơn, và có hai trạng thái, vui thích và đau khổ – vui thích với sự mở rộng, đau khổ đi đôi với sự co rút. Và cần lưu ý, trạng thái tâm thức nguyên thủy này không biểu lộ ba trạng thái được biết rõ là Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động, dù trong giai đoạn phôi thai nhất; "cảm giác" đi trước các trạng thái này, và thuộc về tâm thức nói chung, mặc dầu trong các giai đoạn tiến hóa về sau, nó tỏ ra liên quan với trạng thái Ý Chí-Dục Vọng [199] nhiều đến nỗi trở nên hầu như đồng nhất

hóa với trạng thái này. Trong đa số trường hợp, với tư cách các cảm giác, quả thật, nó thuộc về trạng thái đó, là trạng thái đầu tiên xuất hiện dưới hình thức một biến phân bên trong tâm thức.

Khi các trạng thái vui thích và đau khổ trở nên được thiết lập trong tâm thức rõ rệt hơn, thì chúng làm phát sinh ba trạng thái. Với sự tàn phai của nỗi vui thích thì có một sự tiếp tục sức thu hút trong tâm thức, là một ký ức, và ký ức này trở nên một sự mò mẫm mơ hồ đuổi theo nó, một sự theo đuổi mơ hồ cái cảm giác đang tan biến, một động tác – quá mơ hồ để được gọi là một nỗ lực – để nắm giữ nó, để giữ lại nó. Tương tự, với sự tàn phai của đau khổ, có một sự tiếp tục của sự ghê tởm (repulsion) trong tâm thức, một lần nữa là một ký ức, và điều này trở nên một hoạt động cũng mơ hồ tương đương để đẩy nó ra. Các trạng thái này làm phát sinh: Ký ức về lạc thú và đau khổ trong quá khứ, biểu thị sự nẩy mầm của trạng thái Tư Tưởng; sự mong muốn trải qua lạc thú một lần nữa, hoặc tránh sự đau khổ, là sự nẩy mầm của trạng thái Dục Vọng; điều này kích thích một hành động, là sự nẩy mầm của trạng thái Hoạt Động. Như vậy Tâm Thức được phân hóa thành ba trạng thái của nó từ trạng thái đơn nhất (unity) nguyên thủy của Cảm Giác, lặp lại [200] trong qui mô nhỏ cái tiến trình vũ trụ, mà trong đó Thượng Đế Ba Ngôi luôn luôn nẩy sinh từ Sự Sống Duy Nhất (the One Existence). Như thường lệ, ở đây, chân lý của Hermes được thể hiện: “Trên sao dưới vậy” (“As above, so below”).

## 2- Ngã thức

Cho đến nay, dục vọng, được phát triển như thế, đang lần theo thú vui, chớ không phải lần theo đối tượng đem lại thú vui, vì cho đến giờ tâm thức vẫn còn bị giới hạn trong

giới riêng của nó, chỉ nhận thức được những gì ở bên trong, chỉ biết được các thay đổi trong cái bên trong đó. Tâm thức chưa chuyển sự chú tâm của nó ra bên ngoài, thậm chí chưa có được ý thức rằng có sự hiện tồn của một ngoại giới nữa. Trong lúc ấy cái ngoại giới không được nhận biết đó vẫn luôn luôn đập mạnh vào các hiện thể của tâm thức, và quyết liệt nhất là vào thể xác của nó, tức là cái thể dễ bị tác động nhất từ bên ngoài, nhưng khó tác động nhất từ bên trong. Dần dần các va chạm dữ dội và kéo dài từ bên ngoài này thu hút sự chú ý của tâm thức theo hướng các va chạm đó. Tính bất thường của chúng, tính bất ngờ của chúng, các đột kích thường xuyên của chúng, tính không liên quan của chúng đối với các chuyển động chậm chạp, dò dẫm của tâm thức, các lần xuất hiện và biến mất không lý giải được của chúng, đều ngược lại với ý thức mơ hồ của tâm thức về tính đều đặn, tính liên tục, về việc luôn luôn ở đó, về các trào dâng chậm chạp đối với sự thay đổi đang nổi lên và hạ xuống bên trong những gì mà đối với nó chưa phải là “chính nó”; có một ý thức về *sự sai biệt* (*difference*) và ý thức này phát triển thành một cảm giác về một điều gì đó vẫn ở trong một cảnh nào động hay thay đổi, một cảm giác về một “cái bên trong” (“within”) và một “cái bên ngoài” (“without”) hay, nói một cách chính xác hơn, về “một cái ngoài” và “một cái trong”, vì chính cái va chạm mạnh bên ngoài mới khiến cho sự sai biệt của “cái ngoài” và “cái trong” nảy sinh trong tâm thức. “Cái ngoài” đến trước, nếu chỉ vào một thời khoảng ngắn, bởi vì việc nhận thức nó một mình làm cho có thể và chắc chắn sự nhận thức về cái trong. Chừng nào mà không có cái gì khác thì chúng ta không thể nói đến “cái trong”, điều đó là quan trọng. Nhưng khi “cái ngoài” tự thức đẩy nó lên tâm thức, thì “cái trong” nảy sinh như là đối cực tất yếu của cái ngoài. Tất

nhiên là một cảm giác về “cái ngoài” nảy sinh ở các điểm tiếp xúc giữa tâm thức liên tục với cái huyền ảo hay thay đổi; nghĩa là trong cái hiện thể hồng trần, tức [202] thể xác của nó. Chính nơi đây, ý thức về “những vật khác” (“tha vật”) từ từ được thiết lập, và với sự thiết lập “những tha vật” này, sự thiết lập “cái ngã” (“I”) cũng xảy ra, đối đầu với chúng. Ý trở nên biết được các vật ở bên ngoài thay vì chỉ biết có các thay đổi, và kể đó, ý cũng đi tới chỗ biết được rằng các thay đổi đó ở trong “chính ý”, và rằng các sự vật là ở ngoài chính ý. Thế là ngã thức được sinh ra.

Tiến trình nhận thức các đối tượng này là một tiến trình phức tạp. Phải nhớ rằng các đối tượng tiếp xúc với cơ thể theo nhiều cách khác nhau, còn cơ thể nhận được một số rung động của các đối tượng bằng các bộ phận đã được phân hóa để nhận các rung động như thế. Mắt, tai, da, lưỡi, mũi thu nhận các sóng rung động khác nhau, và một số tế bào trong các cơ quan bị tác động cũng rung động một cách tương tự để đáp ứng lại. Các làn sóng được tạo ra truyền đến các trung khu cảm giác trong óc, để rồi từ đó đến các giác quan hiểu biết (knowledge-senses) trong lớp vỏ cảm dục. Nơi đây, các thay đổi trong tâm thức xảy ra, tương ứng với các rung động như đã giải thích ở chương II, và các rung động được đưa ra dưới hình thức các thay đổi này, các cảm giác về màu sắc, [203] đường nét, âm thanh, hình dạng, vị giác, khứu giác v.v..., vẫn dưới hình thức các cảm giác riêng biệt, tới tâm thức đang hoạt động trong lớp vỏ bằng chất trí, rồi nơi đây chúng được tâm thức kết hợp lại thành một hình ảnh riêng lẻ, được hợp nhất thành một nhận thức đơn lẻ về một đối tượng. Sự phối hợp của các dòng khác nhau thành một này, sự tổng hợp các cảm giác này, là một đặc tính của thể trí. Do đó trong tâm lý học Ấn Độ, thể trí thường được gọi là “giác quan thứ

sáu”, “trong các giác quan, thể trí là giác quan thứ sáu” (*Bhagavad-Gita*, xv, 7).

Khi chúng ta xem xét năm giác quan vận động liên quan với thể trí, chúng ta thấy một tiến trình đảo ngược xảy ra. Thể trí hình dung ra một hành động nào đó nói chung, và bằng cách đó mang lại một tập hợp rung động tương ứng trong lớp vỏ chất trí. Các rung động này được tái tạo trong các giác quan vận động trong lớp vỏ cảm dục; chúng phá vỡ nó, tách nó ra thành các thành phần cấu tạo của nó, và các thành phần này được thêm vào với các rung động trong vật chất của các trung tâm vận động. Đến lượt các rung động này được lặp lại trong các trung tâm vận động trong óc dưới hình thức các sóng riêng biệt. Các trung tâm vận động phân phối các sóng này qua hệ thần kinh đến các bắp cơ khác nhau, [204] để rồi các cơ này phải hợp tác để tạo ra hành động, Coi như trong mỗi liên hệ kép này thể trí trở thành giác quan thứ mười một, “mười giác quan (1) và một giác quan” (*Bhagavad-Gita*, XIII, 5).

### 3- Chân và giả

Cùng với sự thay đổi tâm thức thành Ngã-thức, tiếp đến là việc nhận thức về một sự dị biệt, mà về sau, trong Ngã-thức tiến hóa hơn, trở thành sự dị biệt giữa khách thể (objective) hay là “cái chân” (“real”) – theo ý nghĩa thông thường ở Tây phương của từ ngữ này – với chủ thể (subjective) hay là “cái giả” (“unreal”) và “cái ảo” (“imaginary”).

---

<sup>1</sup> Mười giác quan: gồm năm giác quan ở thể xác và năm giác quan ở thể cảm dục (ND).

Đối với con sứa, con hải quỳ, con thủy tức thì các làn sóng và dòng nước, tia nắng và luồng gió, thức ăn và cát... đang chạm vào bên ngoài hay các xúc tu <sup>(1)</sup> đều là không “thực”, chỉ được ghi nhận dưới hình thức các thay đổi trong tâm thức, vì thực ra, chúng cũng giống như là cơ thể của trẻ con. Tôi (bà Besant) nói là “được ghi nhận” (“registered”) chứ không phải là “được nhận thức” (“recognized”), vì ở các giai đoạn tiến hóa thấp, không có sự quan sát, phân tích và phán đoán nào thuộc về trí tuệ cả. Các sinh vật này chưa có ý thức đầy đủ về “cái khác” (“others”) thì làm sao có được ý thức về [205] “chính mình”, và chúng chỉ cảm thấy các thay đổi khi xảy ra bên trong cái vòng tâm thức còn lơ mờ của chính chúng. Ngoại giới phát triển thành “thực tại” khi tâm thức, tự tách biệt khỏi nó, nhận thức được sự tách biệt của chính nó, thay đổi từ một cái “ngã” mơ hồ (a vague “am”) thành một “cái ngã” xác định (a definite “I am”).

Khi “cái Ngã” hữu ngã thức (self-conscious “I”) này từ từ có được độ rõ ràng về sự tự đồng nhất hóa, về sự riêng biệt, đồng thời phân biệt được giữa các thay đổi bên trong chính nó với sự va chạm của các đối tượng bên ngoài, thì cái ngã đó sẵn sàng đạt đến giai đoạn kế tiếp là liên kết các thay đổi trong chính nó với các va chạm khác nhau từ bên ngoài. Tiếp theo là sự phát triển của ý muốn tìm vui thích thành ý muốn rõ rệt là tìm các đối tượng đem lại vui thích, được nối tiếp bằng các ý tưởng làm thế nào để có được chúng; các ý tưởng này đưa đến các nỗ lực để chạy theo chúng khi chúng ở trước mắt, để tìm kiếm chúng khi chúng không có mặt, và kết quả là có sự tiến hóa chậm chạp của hiện thể bên ngoài

---

<sup>1</sup> Xúc tu: cơ quan để dò dẫm (xúc) giống như râu (tu) của loài ốc, sên, sứa...(ND)



thành một thể được tổ chức chặt chẽ để hoạt động, để theo đuổi, để nắm bắt. Ý muốn đối với sự vắng mặt, sự tìm tòi, sự thành công hay sự thất bại, tất cả đều ghi ấn tượng lên tâm thức đang phát triển sự dị biệt [206] giữa các ý muốn và các tư tưởng của y, mà y đang có hoặc có thể có, luôn luôn hữu thức, với các đối tượng bên ngoài đến rồi đi mà không có bất cứ liên hệ nào với chính y; và với sự không liên quan gây bối rối cho các cảm giác của y. Ý phân biệt các điều này như là “có thật”, khi có một sự hiện tồn mà y không kiểm soát được và nó tác động vào y mà không có bất cứ quan tâm nào đến các ưa thích hoặc ghét bỏ của y. Ý thức về “thực tại” này được tạo ra trước tiên ở cõi trần vì là cõi mà trong đó các tiếp xúc giữa “cái khác” với “cái ta” được tâm thức nhận biết đầu tiên. Ngã thức bắt đầu sự tiến hóa của nó ở trong và thông qua thể xác và có trung tâm sớm nhất của nó trong não bộ.

Vào giai đoạn tiến hóa hiện tại, người bình thường vẫn còn tự đồng hóa chính y với trung tâm não bộ này của Ngã thức, và do đó bị hạn chế đối với tâm thức lúc tỉnh thức, hay tâm thức đang hoạt động trong hệ thần kinh não tủy, biết y như là “Tôi”, hiển nhiên và liên tiếp, chỉ trên cõi trần, nghĩa là trong trạng thái thức tỉnh. Trên cõi trần này, con người có ngã thức rõ rệt, phân biệt [207] giữa y với ngoại giới, giữa các tư tưởng riêng của y với các sắc tướng bên ngoài, mà không có sự do dự nào. Do đó, trên cõi này và chỉ trên cõi này mà thôi, đối với con người, các sự vật bên ngoài đều là “thật”, “khách quan”, “bên ngoài y”.

Trên các cõi khác, như cõi cảm dục và cõi trí, cho đến nay, con người có ý thức nhưng không có ngã thức; Ý nhận biết các thay đổi bên trong y, nhưng chưa phân biệt giữa các thay đổi do mình khởi xướng ra với các thay đổi được tạo ra bởi các tác động từ bên ngoài lên trên thể cảm dục và thể trí

của y. Đối với con người, chúng đều giống như các thay đổi trong chính con người. Do đó, mọi hiện tượng tâm thức xảy ra trên các cõi ở trên cõi trần – là các cõi mà trên đó Ngã thức chưa được thiết lập rõ rệt – thì người trung bình, bình thường gọi là “giả”, “chủ quan”, “bên trong y”, giống như người nhu nhược, nếu y là một triết gia, sẽ chọn các hiện tượng của cõi trần. Y xem các hiện tượng cõi cảm dục hoặc cõi trí như là kết quả của “sự tưởng tượng” của y, nghĩa là, như các hình thức do y tạo ra, chứ không như là các kết quả của các tác động từ các cõi bên ngoài lên thể cảm dục hoặc thể trí, các cõi này thực sự tinh anh hơn [208], nhưng “thật” và “khách quan” như là cõi hồng trần ở bên ngoài. Điều đó có nghĩa là kẻ đó chưa đủ phát triển để đạt được ngã thức (self-realization) trên các cõi này, và như vậy để trở nên có khả năng thể hiện cụ thể các cõi bên ngoài. Y chỉ biết về các thay đổi trong chính y, các thay đổi trong tâm thức, còn thế giới bên ngoài đối với y tất nhiên chỉ là sự tác động của các ham muốn và các tư tưởng của riêng y. Thực ra, trên cõi cảm dục và cõi trí, người đó chỉ là một đứa trẻ.



## Chương X

### Các trạng thái tâm thức con người<sup>(1)</sup>

#### 1- Tiềm thức

Chúng ta đã ghi nhận sự kiện là có nhiều hoạt động của tâm thức một khi có chủ đích, đều trở thành tự động, và từ từ chìm xuống dưới “ngưỡng của tâm thức”. Các tiến trình duy trì sự sống của thân xác – như là nhịp đập của tim, việc nở ra và bóp lại của tim, các tiến trình tiêu hóa v.v... – đều đã rơi vào một vùng của tâm thức mà ở đó sự chú ý của tâm thức không còn được đặt vào. Có vô số hiện tượng, không trực tiếp liên quan đến [210] việc duy trì sự sống xác thân, cũng nằm trong vùng mờ nhạt này. Hệ thần kinh giao cảm là một nhà kho chứa các dấu vết còn sót lại của các biến cố đã qua từ lâu – các biến cố không thuộc về kiếp sống hiện tại của chúng ta chút nào, mà là các biến cố vốn đã trải qua hàng trăm thế kỷ trước đây, xảy ra trong các kiếp sống đã qua lâu, khi Jivatma, vốn là Chân Ngã của chúng ta, đã từng trú ngụ trong các thân xác của người bán khai và thậm chí trong cơ thể của con vật nữa. Nhiều nỗi sợ hãi không duyên cớ, nhiều nỗi kinh hoàng nửa đêm, nhiều lần bộc phát cơn giận dữ, nhiều thôi thúc thù hận, nhiều cuộc đổ xô báo thù cuồng nhiệt, xuất phát từ các vực sâu của biển tối tăm của tiềm thức

---

<sup>1</sup> Nhiều chi tiết về các trạng thái này sẽ được tìm thấy trong các bài thuyết trình đã được xuất bản của tác giả về “Minh Triết Thiêng Liêng và Tân Tâm Lý học” (Theosophy and the New Psychology).

đang cuộn mình bên trong chúng ta, đang che giấu nhiều thứ hư hỏng, nhiều bộ xương của quá khứ chúng ta. Được tâm thức cảm dục thời đó chuyển giao cho khí cụ hồng trần của nó để đưa vào hoạt động, tấm kính ảnh hằng nhạy cảm của nguyên tử thường tồn đã nắm bắt và chụp ảnh chúng, đã ghi chúng lại trong các ngõ ngách của hệ thần kinh, hết kiếp này đến kiếp khác. Khi tâm thức mất cảnh giác; hoặc khi có một rung động mạnh mẽ từ một tâm thức khác tác động vào chúng ta; hoặc có một biến cố nào đó tái tạo các tình huống làm cho các rung động nảy sinh; thì bằng cách này hoặc [211] cách khác, các khả năng đang say ngủ này được đánh thức, tự phóng nó lên vào trong ánh sáng thanh thiên bạch nhật, đến dục vọng bị chôn vùi từ lâu. Đây cũng là nơi che khuất các bản năng vốn thường áp đảo lý trí, các bản năng này đã từng là các nỗ lực bảo tồn sự sống, hay là các kết quả của các kinh nghiệm mà đã có lúc thân xác chúng ta đã đắm chìm trong đó, và linh hồn đã ghi nhận kết quả cho sự hướng dẫn tương lai. Các bản năng về tình yêu đối với người khác phái, kết quả của vô số cuộc hôn nhân. Các bản năng về tình phụ tử và tình mẫu tử, đã tuôn đổ ra trong nhiều thế hệ. Các bản năng tự vệ, được phát triển trong vô số lần chiến đấu. Các bản năng của việc thu lợi bất chính, kết quả của vô số các lừa đảo và mưu mô. Và ngoài ra, nhiều rung động thuộc về các biến cố trước còn ần núp, và các cảm giác, các dục vọng và các tư tưởng của kiếp sống hiện tại của chúng ta, đã được trải qua và bị quên đi, nhưng vẫn nằm gần trên mặt, sẵn sàng cho việc gọi lên. Không có thời gian để liệt kê những nội dung trong cái phòng di vật này của một quá khứ xa xăm, chứa đựng những khúc xương cổ chỉ thích hợp cho các thùng rác, bên cạnh những mảnh vụn thú vị của thời trước, với các dụng cụ vẫn còn hữu dụng cho [212] nhu cầu hiện nay của

chúng ta. Trên cánh cửa của phòng di vật có viết: “Các mảnh vụn của Quá Khứ”. Vì tiềm thức thuộc về Quá Khứ, giống như tâm thức tinh thức (waking-consciousness) thuộc về Hiện Tại, trong khi siêu thức (super-consciousness) thuộc về Tương Lai.

Một phần khác của tiềm thức trong chúng ta bao gồm các nội dung của mọi tâm thức vốn dùng các thể của chúng ta như các lĩnh vực tiến hóa – các nguyên tử, phân tử, các tế bào thuộc nhiều cấp độ (grades). Một vài bóng ma lạ lùng và các hình ảnh xinh xắn phát sinh từ tiềm thức trong chúng ta mà không thuộc về chúng ta chút nào, mà là các dò dẫm mơ hồ, và các lo sợ ngu xuẩn, các tưởng tượng đẹp đẽ, của các Đơn Vị tâm thức ở một giai đoạn tiến hóa thấp hơn giai đoạn chúng ta, vốn là các vị khách của chúng ta, cư trú trong cơ thể chúng ta như là một nhà trọ.

Trong phần này của tiềm thức tiếp diễn những cuộc chiến, được tiến hành bởi một tập hợp các sinh vật trong máu chúng ta chống lại một tập hợp khác, các cuộc chiến này không đi vào tâm thức chúng ta, trừ khi nào các kết quả của chúng hiện ra dưới hình thức bệnh tật.

Như vậy tiềm thức con người khi hoạt động trên cõi trần được bao gồm các yếu tố rất đa dạng, do đó cần [213] phải phân tích và hiểu biết nó, ngõ hầu phân biệt được các tác động của nó với các tác động của siêu thức đích thực trong con người. Siêu thức con người giống với các bản năng ở sự xâm nhập bất ngờ của nó vào tâm thức, nhưng hoàn toàn khác với bản năng ở bản chất và vị trí của nó trong cơ tiến hóa, vì siêu thức thuộc về tương lai trong khi bản năng thuộc về quá khứ. Cả hai khác nhau như sau: bản năng giống như cơ quan bị thoái hóa, chỉ còn vết tích, ghi chép lịch sử của quá

khứ, còn siêu thức là cơ quan mầm mống phôi thai, biểu thị sự tiến bộ của tương lai.

Chúng ta cũng đã thấy rằng, tâm thức, hoạt động trên cõi cảm dục, đã xây dựng và vẫn đang xây dựng hệ thần kinh để làm dụng cụ của nó trên cõi trần; nhưng việc này cũng không tạo thành một phần của những gì được gọi là tâm thức tinh thức bình thường ở giai đoạn tiến hóa này. Nơi kẻ thường nhân, tâm thức, hoạt động trên cõi trí, hiện nay đang kiến tạo và tổ chức thể cảm dục dùng làm dụng cụ của nó trong tương lai trên cõi cảm dục, nhưng việc này một lần nữa không tạo thành một phần của tâm thức tinh thức. Vậy tâm thức tinh thức của con người là gì? [214]

## 2- Tâm thức tinh thức

Tâm thức tinh thức là tâm thức đang hoạt động trên cõi trí và trên cõi cảm dục, bằng cách dùng chất trí và chất cảm dục làm hiện thể của nó, được đặt trong não bộ hồng trần với vai trò như Ngã Thức<sup>(1)</sup> và sử dụng não bộ đó cùng với hệ thần kinh được liên kết với não bộ như là dụng cụ của nó để ước muốn (willing), hiểu biết (knowing) và hoạt động (acting) trên cõi trần. Trong tâm thức tinh thức, não bộ luôn luôn linh hoạt, luôn luôn rung động; hoạt động của nó có thể được kích thích như là một cơ quan truyền chuyển từ bên ngoài thông qua các giác quan, hoặc nó có thể được kích thích bằng tâm thức từ các cõi bên trong; nhưng nó không ngừng hoạt động, đáp ứng với bên ngoài và bên trong. Nơi người

---

<sup>1</sup> Xem Phần I Chương IX, mục 1, 2 về sự dị biệt giữa Tâm thức với Ngã thức, Chương VI, mục 3, phân tích hồng trần thức, đừng lẫn lộn tâm thức hồng trần (physical consciousness) với tâm thức tinh thức (waking-consciousness).

thường nhân, não bộ là phần duy nhất mà trong đó tâm thức đã trở thành Ngã thức rõ rệt, cái phần duy nhất mà trong đó y cảm thấy y là “Cái Ta” (“I”), và tự khẳng định y [215] là một đơn vị cá thể riêng biệt. Trong tất cả phần còn lại của y, tâm thức vẫn còn dò dẫm đây đó một cách lơ đãng, đáp ứng với các tác động bên ngoài nhưng vẫn chưa xác định được chúng, ý thức về các thay đổi trong các điều kiện riêng của nó, nhưng chưa có được ý thức về “kẻ khác” và “chính mình”.

Trong các thành viên tiến hóa hơn của gia đình nhân loại, tâm thức, đang hoạt động trên cõi cảm dục và cõi trí, thì rất phong phú và linh hoạt, nhưng sự chú ý của tâm thức đó chưa chuyển ra ngoài đến cõi cảm dục và cõi trí mà nó đang sinh hoạt trong đó, và các hoạt động của nó tìm thấy sự biểu lộ bên ngoài của chúng trong Ngã thức trên cõi trần, mọi sự chú ý ra bên ngoài trong tâm thức được chuyển vào cõi trần, và cũng nơi đây, các hoạt động cao siêu được tuôn đổ vào trong chùng mực khả năng thu nhận của nó. Đôi khi, các va chạm mạnh mẽ trên cõi cảm dục hoặc cõi trí tạo ra một rung động dữ dội trong tâm thức, đến nỗi một làn sóng tư tưởng hoặc tình cảm dâng ra ngoài vào trong tâm thức tỉnh thức, và ném nó vào chuyển động mãnh liệt, đến nỗi các hoạt động bình thường của nó bị quét đi, bị nhận chìm, và con người bị thúc đẩy vào hành động không được định hướng hoặc [216] được kiểm soát bằng Ngã thức. Chúng ta sẽ nghiên cứu thêm việc này khi chúng ta đi tới Tâm thức siêu phàm (super-physical consciousness).

Vậy thì, tâm thức tỉnh thức có thể được định nghĩa như là một phần của tổng thức (total consciousness) đang hoạt động trong não bộ cùng với hệ thần kinh, và rõ ràng là có ý thức về Bản Ngã. Chúng ta có thể hình dung tâm thức như

được tượng trưng bằng một ánh sáng lớn, chiếu qua một bầu bằng kính được gắn trên trần nhà, soi sáng căn phòng bên dưới, trong khi bản thân ánh sáng thì đầy bên trên căn phòng, và tỏa ánh sáng chói lọi của nó tự do theo mọi hướng. Tâm thức cũng giống như một quả trứng ánh sáng lớn, chỉ có một đầu của nó được gắn vào trong bộ óc, còn đầu kia là tâm thức tinh thức. Khi tâm thức trở thành Ngã thức trên cõi cảm dục, và khi bộ óc đủ phát triển để đáp ứng với các rung động của nó, thì tâm thức cảm dục sẽ trở thành một phần của tâm thức tinh thức. Về sau nữa, khi tâm thức trở thành Ngã thức trên cõi trí, và não bộ đủ phát triển để đáp ứng với các rung động của nó, thì tâm thức tinh thức sẽ bao gồm luôn tâm thức trí tuệ. Và [217] cứ thế, cho đến khi mọi tâm thức trên năm cõi của chúng ta đã tiến hóa tới tâm thức tinh thức.

Việc mở rộng này của tâm thức tinh thức đi kèm với sự phát triển trong các nguyên tử của não bộ, cũng như đi kèm với sự phát triển của một vài cơ quan trong não bộ, và của các kết nối giữa các tế bào.

Đối với việc bao gồm của Ngã thức trên cõi cảm dục, điều cần thiết là tuyến yên (pituitary body) nên được phát triển cao hơn tình trạng hiện tại của nó, và nhóm loa tuyến thứ tư trong nguyên tử nên được phát triển hoàn toàn. Để có được ngã thức trên cõi trí, tuyến tùng quả phải được làm cho linh hoạt, và nhóm loa tuyến thứ năm phải được đưa vào trình tự hoạt động hoàn toàn. Bao lâu mà các phát triển về thể chất này vẫn chưa hoàn tất, thì Ngã thức có thể được phát triển trên cõi cảm dục và cõi trí, nhưng nó vẫn cứ là siêu thức, và các hoạt động của nó không tự biểu lộ qua não bộ, để nhờ đó mới trở thành một phần của tâm thức tinh thức.

Tâm thức tinh thức bị giới hạn và bị chi phối bởi não bộ chừng nào mà một người [218] sở hữu một xác thân, và bất



cứ vết thương nào đối với bộ óc, bất cứ tổn thương nào, bất cứ bệnh hoạn nào, cũng đều tức khắc có can dự vào sự biểu lộ của nó. Dù cho tâm thức của một người có phát triển cao đi nữa, người đó cũng bị bộ óc của mình hạn chế trong chừng mực có liên quan đến sự biểu lộ của bộ óc trên cõi trần. Nếu bộ óc đó có cấu tạo kém hay kém phát triển, thì tâm thức tinh thức của người đó sẽ nghèo nàn và có giới hạn.

Với việc mất đi xác thân, thì ý nghĩa bao hàm của tâm thức tinh thức sẽ thay đổi, và những gì được nói đến ở đây về các tình trạng ở cõi trần, được chuyển sang cõi cảm dục. Do đó chúng ta có thể nói rộng định nghĩa ban đầu đối với phát biểu tổng quát như sau: tâm thức tinh thức là một phần của tổng thức đang hoạt động qua hiện thể ngoài cùng của nó, nghĩa là, những gì đang biểu lộ trên cõi thấp nhất mà tâm thức đó tiếp xúc lúc bấy giờ.

Trong các giai đoạn tiến hóa ban đầu của con người, có ít hoạt động trong tâm thức trên các nội cảnh giới (inner plane), ngoại trừ khi bị kích thích từ bên ngoài. Nhưng khi Ngã thức trở nên linh hoạt hơn trên cõi trần, nó làm phong phú, với tốc độ ngày càng tăng, [219] nội dung của tâm thức trên các nội cảnh giới đó. Nhờ hoạt động trên nội dung của nó, nên tâm thức phát triển một cách nhanh chóng, cho đến khi các năng lực nội tại của tâm thức vượt xa các khả năng của sự biểu lộ của chúng qua não bộ, và não bộ trở thành một giới hạn và một chướng ngại, thay vì là bộ phận nuôi dưỡng và là một tác nhân kích thích. Lúc bấy giờ áp lực của tâm thức lên trên khí cụ vật lý của nó (não bộ – ND) đôi khi trở nên lớn một cách nguy hiểm, khiến cho một sự căng thẳng thần kinh gây nguy hiểm cho sự thăng bằng của não bộ, làm cho não bộ không thể tự thích ứng đủ nhanh với các làn sóng mạnh mẽ đang đập lên nó. Đó là chân lý của câu ngạn ngữ: “trí tuệ lớn

thường đi đôi với điên rồ” (“Great wits to madness near allied”). Chỉ bộ óc có cấu tạo cao và tinh tế mới có thể cho phép các “trí tuệ cao” tự biểu lộ được trên cõi trần. Nhưng một bộ óc như thế là bộ óc dễ mất thăng bằng nhất do các làn sóng mạnh mẽ của các “trí tuệ cao” tương tự này và đây là “sự điên rồ”. Sự điên rồ – là bộ óc không có khả năng đáp ứng thường xuyên với các rung động – thực ra cũng có thể là do việc thiếu hoặc việc ngưng lại sự phát triển, việc thiếu hoặc việc ngưng tổ chức của bộ óc, và loại điên rồ như thế thì không liên quan với “trí tuệ cao” chút nào. Nhưng chính một [220] sự kiện có ý nghĩa và có tầm quan trọng lớn là một bộ óc đi trước sự tiến hóa bình thường, đang phát triển các kết hợp mới và cân bằng một cách tinh vi cho việc biểu lộ tâm thức phong phú trên cõi trần, là bộ óc của tất cả những ai vốn có thể dễ bị vô hiệu nhất do việc thái ra phụ tùng của một bộ phận nào đó trong cơ cấu của nó chưa được thiết lập đầy đủ để chống lại một sự căng thẳng. Chúng ta sẽ quay lại điều này khi xem xét về tâm thức siêu phàm.

### 3- Tâm thức siêu phàm

Các nhà tâm lý học ở Tây phương mới đây đã dốc sức nghiên cứu các trạng thái tâm thức khác với tâm thức tỉnh thức. Các loại tâm thức này được đặt tên khác nhau như là “tâm thức khác thường” (“abnormal”), “tiềm thức” (“subconscious”) “vô ý thức” (“inconscious”) và thông thường là “tâm thức trong giấc mơ” (“dream-consciousness”) – bởi vì giấc mơ là hình thức phổ cập và thường được nhận biết nhất của tâm-thức-khác (other-consciousness). Trước tiên, có một khuynh hướng xem các trạng thái này như là kết quả của các tình trạng bị xáo trộn của bộ óc, và quan điểm này vẫn còn được nhiều người theo. Nhưng các nhà tâm lý

học tiến bộ hơn đang bỏ dần [221] ý tưởng hẹp hòi này và đang bắt đầu nghiên cứu những trạng thái này như là các biểu lộ rõ rệt của tâm thức dưới các tình trạng chưa được hiểu rõ, nhưng không nhất thiết là rối loạn. Một số người nhận thấy rõ rệt một “tâm thức rộng lớn hơn” (“larger consciousness”), mà chỉ có một phần của nó có thể thấy biểu lộ trong bộ óc theo mức tiến hóa hiện nay. Ở Đông Phương, trạng thái tâm thức khác này từ lâu đã được xem như là cao hơn tâm thức tinh thức, như trạng thái tâm thức được giải thoát khỏi các giới hạn chật hẹp của bộ óc xác thịt, và tác động trong một môi trường tinh anh hơn, mềm dẻo hơn, và thích hợp hơn. Giấc mơ đã được xem như là một giai đoạn của hoạt động siêu phạm này, và như là một sự tiếp xúc với các cõi cao; và các phương tiện đã được chọn để khơi hoạt Ngã thức trong cõi mơ (dream-world), để đặt Ngã thức, được bao bọc trong các y phục cao của nó, thoát khỏi thân xác một cách tùy ý; để cho, thay vì có các đáp ứng mơ hồ và lộn xộn với các tác động từ các cõi cao trong các trạng thái mơ chưa được phát triển, Ngã thức có thể được thiết lập nơi đó với linh thị sáng sủa và rõ ràng. Để thực hiện điều này, Ngã thức trong các hiện thể cao của nó trước tiên [222] phải được rút ra khỏi thể xác và phải được làm cho linh hoạt trên cõi cảm dục; vì cho tới khi Ngã thức biết được nó ở bên ngoài thể xác, nếu không thì nó không thể tách, trong “giấc mơ”, các kinh nghiệm ngoài cõi trần ra khỏi các mảnh hỗn độn của các kinh nghiệm hồng trần bị trộn lẫn với chúng trong não bộ. Giống như nước trong được đổ vào một cái thùng có bùn, thì nước trong bị trộn lẫn với bùn, vì thế, một kinh nghiệm tại cõi cảm dục, khi tuôn đổ vào một bộ óc đầy các mảnh của các sự việc

đã qua ở cõi trần, sẽ trở nên không rõ ràng, lộn xộn, vô lý (1). Do đó, Tâm lý học Đông phương đã theo đuổi các phương pháp để tách Ngã thức ra khỏi xác thân của nó, và thật là lý thú khi nhận xét rằng các phương pháp này hoàn toàn khác với các phương pháp được dùng ở phương Tây, và được hướng đến việc làm cho tâm thức mạnh lên, bắt thể xác vào cùng một trạng thái tĩnh lặng như trạng thái được đem lại bằng các phương pháp vật lý ở phương Tây, khi nhà tâm lý học Tây phương dốc sức vào việc nghiên cứu tâm-thức-khác này.

Siêu-thức bao gồm toàn bộ [223] tâm thức cao hơn tâm-thức-tĩnh-thức; nghĩa là tất cả những gì trên các cõi cao mà không tự biểu lộ trên cõi trần như Ngã thức hoạt động qua não bộ. Do đó, siêu thức rất phức tạp và bao trùm một số lớn hiện tượng. Như đã nói, giấc mơ là một phần của nó; cũng thế, tất cả các hoạt động của tâm thức trên cõi cảm dục tự hiện dưới hình thức các linh cảm, các cảnh báo, các linh thị về các biến cố xa xăm trong không gian hoặc thời gian, các tiếp xúc mơ hồ với các cõi khác, các trực cảm thành linh về tính chất hoặc biến cố; cũng như mọi hoạt động của tâm thức trên cõi trí, hạ trí hoặc thượng trí, xuất hiện dưới hình thức trực nhận được các chân lý, bất chợt nhìn thấu vào các liên hệ nhân quả, các linh cảm – về trí tuệ hoặc đạo đức – các chớp lóe của siêu tài, các thị kiến về vẻ đẹp cao siêu của nghệ thuật v.v... Các bộc phát này của siêu thức vào cõi trần đều có tính chất bất ngờ, xác tín, có uy lực khẩn thiết, thiếu nguyên nhân rõ ràng. Chúng không có liên quan, hoặc chỉ liên quan một cách gián tiếp với các nội dung của tâm thức tĩnh thức, và

---

<sup>1</sup> Đạo sinh nên đọc kỹ quyển sách hữu ích của ông C.W. Leadbeater, quyển “Các giấc mơ” (Dreams).

không tự chứng minh với tâm thức tỉnh thức đó mà chỉ tự áp đặt chúng lên đó.[224]

Để mang siêu thức vào biểu lộ trên cõi trần, thì trong các giai đoạn ban đầu, cần phải đưa bộ óc vào trạng thái bất động, làm cho các cơ quan cảm giác không còn đáp ứng với các va chạm ở cõi trần, và, bằng cách xua thực thể hữu thức ra khỏi thể xác, đưa thể xác đó đến trạng thái được gọi là xuất thần (trance). Xuất thần chỉ là trạng thái ngủ (sleep-state) được gây ra một cách nhân tạo hay bất thường; dù cho được tạo ra bằng phương pháp thôi miên, phương pháp chữa bệnh, hay phương pháp khác, kết quả vẫn như nhau đối với thể xác. Nhưng kết quả ở các cõi khác sẽ hoàn toàn tùy thuộc vào mức tiến hóa của tâm thức trên các cõi ấy, và một tâm thức tiến hóa cao sẽ không cho phép dùng các phương tiện thôi miên hoặc chữa bệnh – ngoại trừ có thể dùng thuốc mê trong cuộc giải phẫu – mặc dù, dưới những trường hợp ngoại lệ, một người tiến hóa cao như thế có thể dùng loại thôi miên để tạo trạng thái xuất thần.

Trạng thái xuất thần cũng có thể được tạo ra bằng tác động từ các cõi cao, như là bằng sự tập trung tư tưởng mãnh liệt, hay là bằng việc chiêm ngưỡng say mê vào một đối tượng tôn sùng, đưa tới sự nhập định (ecstasy). Đây là các phương cách [225] được dùng từ thời xa xưa của các nhà luyện Raja yoga ở phương Đông, còn trạng thái nhập định của Vị Thánh (Saint) ở phương Tây thì được tạo ra do sự chiêm ngưỡng say mê. Sự xuất thần này thì không thể phân biệt được với sự xuất thần tạo ra bằng các phương tiện được đề cập đến ở trên trong Salpetriere và nơi khác. Các nhà luyện Hatha Yoga cũng đạt đến cùng trạng thái xuất thần này, nhưng bằng các phương tiện giống nhiều với cách sau cùng này – bằng cách chú mục vào một điểm đen trên một

nền trắng, hoặc nhìn vào chóp mũi, và các cách thực hành tương tự khác.

Khi có cái thấy (vision) khác với cái thấy ở cõi trần và việc kiểm tra khác với các kiểm tra ở cõi trần được sử dụng, thì có sự dị biệt vô cùng lớn giữa các tình trạng siêu thường (super-physical) của tâm thức nơi chủ thể bị thôi miên và nơi nhà Yogi. Bà Blavatsky đã mô tả rõ sự dị biệt này như sau: “Trong trạng thái xuất thần (the trance state), Hào Quang hoàn toàn thay đổi, bảy sắc cầu vồng không còn có thể thấy rõ nữa. Trong khi ngủ, các màu sắc cũng không còn ‘tự nhiên’ (‘at home’) chút nào. Đối với các màu thuộc về các yếu tố tinh thần trong con người, nghĩa là, màu vàng (yellow), của thể Bồ đề, màu chàm (indigo) của thể Thượng trí, và màu lam (blue) của Vỏ Bọc Hào Quang (Auric Envelope), sẽ khó thấy rõ, hoặc hoàn toàn thiếu hẳn. Con Người Tinh Thần (Spiritual Man) được tự do trong giấc ngủ, [226] và mặc dầu ký ức hồng trần của y có thể không biết về điều đó, Con Người Tinh Thần được phủ trong lớp tinh chất cao nhất của y, sống trong các lãnh vực trên các cõi khác, trong các lãnh vực vốn là mảnh đất của thực tại, được gọi là các giấc mơ trên cõi ảo tưởng của chúng ta. Ngoài ra, một người có nhãn thông thành thạo, nếu y có dịp thấy được một vị yogi trong trạng thái xuất thần và một chủ thể bị thôi miên bên cạnh nhau, y sẽ học được một bài học quan trọng trong Huyền linh học. Y sẽ học cách biết được sự dị biệt giữa hiện tượng tự xuất thần với trạng thái thôi miên do bởi ảnh hưởng bên ngoài. Nơi vị yogi, các “nguyên khí” (“principles”) của tứ hạ thể hoàn toàn biến mất. Không thấy có màu đỏ, màu lục, màu đỏ tím, cũng không thấy màu xanh lơ do hào quang của cơ thể, không có gì cả, ngoại trừ các rung động khó cảm nhận của nguyên khí Prana có màu hoàng kim (golden) và một ánh lửa màu tím

được làm thành vệt với màu vàng kim (gold) tuôn hướng lên từ đầu, ở vùng an trú của Con Mắt Thứ Ba, và tận cùng ở một điểm. Nếu môn sinh nhớ rằng màu tím thực sự (true violet) hay là màu nằm ở phần cuối của quang phổ, không phải là màu hỗn hợp của đỏ và xanh lơ, mà là một màu thuần nhất có các rung động nhanh hơn bảy lần so với các rung động của màu đỏ, và rằng, màu [227] hoàng kim (golden hue) là tinh hoa (essence) của ba đường màu vàng, từ màu đỏ cam đến màu vàng cam và màu vàng, thì môn sinh sẽ hiểu lý do tại sao; nhà Yogi sống trong cái Thể Hào Quang (Auric Body) của chính mình, giờ đây thể đó trở thành hiện thể của Buddhi-Manas. Mặt khác, nơi một người ở trong trạng thái xuất thần nhân tạo bằng thôi miên, sự xuất thần đó là do tác dụng của vô thức; không phải là xuất thần hữu thức của Ma Thuật (Black Magic), trừ phi được tạo ra bởi một vị Adept cao, nếu không thì toàn bộ tập hợp các nguyên khí sẽ vẫn hiện diện, với Thượng trí bị tê liệt, thể Bồ đề bị cắt đứt khỏi Thượng Trí do sự tê liệt đó, và thể cảm dục (Astral Body) màu đỏ tím hoàn toàn phụ thuộc vào Hạ Trí (Lower Manas) và Kama rupa. (GLBN III, 479, 480).

Dưới cái nhìn của người có nhãn thông, sự khác nhau ở bề ngoài của người bị thôi miên có liên quan với một sự khác nhau rất quan trọng trong kết quả theo sau của việc xuất thần. Nhà yogi, khi rời thể xác như thế, vẫn có Ngã thức đầy đủ, đi vào các cõi cao mà vẫn làm chủ đủ các quan năng của mình. Lúc quay về nhập xác, vị yogi ghi lại vào bộ óc đã phát triển của mình ký ức về các kinh nghiệm đã qua. Người kém tiến hóa, [228] khi bị thôi miên, thì “mất đi ý thức”; khi Ngã thức của y không được phát triển trên các cõi cao, thì ý thức của y không hướng ra bên ngoài ở những nơi đó. Thực tế thì y hầu như là ngủ ở đó, ở cõi cảm dục và cõi trí, giống như y

đang ngủ ở cõi trần vậy, và lúc tỉnh lại từ cơn xuất thần, y không biết gì về những chuyện đã xảy ra trong lúc kéo dài cơn xuất thần, dù ở đây hay nơi nào khác.

Tuy nhiên, nếu chủ thể đủ tiến hóa, như đa số con người ở giai đoạn tiến hóa này, có Ngã thức trên cõi cảm dục, thì bấy giờ những kẻ khác có thể được lợi bằng cách đưa ra câu hỏi cho y trong khi y xuất thần. Bởi vì khi ở vào trạng thái xuất thần được tạo ra do nhân tạo, lúc đó não bộ bị tách rời khỏi hoạt động và phản ứng bình thường giữa chính nó với môi trường chung quanh, nó trở thành một khối cụ, dù là không được thích hợp lắm, của tâm thức siêu phàm (super-physical consciousness). Bị cách ly với môi trường ở cõi trần của nó, bị làm cho không có khả năng đáp ứng với các kích thích quen thuộc của nó từ bên ngoài, bị cắt đứt khỏi các ràng buộc thấp của nó trong khi vẫn nối kết với các ràng buộc cao, nó tiếp tục đáp ứng với các tác động từ trên cao, và có thể làm điều này [229] một cách hiệu quả hơn, vì không có năng lượng nào của nó bị đổ ra vào cõi trần nữa. Đây là bản chất của trạng thái xuất thần. Khi các con đường của giác quan bị bắt buộc đóng kín, các sức mạnh của nó không còn tuôn đổ ra ngoại giới, do đó các thần lực này còn nguyên, sẵn sàng đóng vai trò kẻ phụng sự của tâm thức siêu phàm. Trong cái vắng lặng được áp đặt như vậy trên cõi trần, những tiếng nói của các cõi khác mới có thể được nghe thấy.

Trong trạng thái xuất thần do thôi miên, có việc kích thích các quan năng trí tuệ: ký ức được thấy bao hàm một lãnh vực rộng lớn hơn nhiều, vì các nhịp đập yếu ớt do các biến cố xa để lại, trở nên nghe được khi các nhịp đập mạnh hơn từ các biến cố mới đây tạm thời lắng xuống; có những người mà ở trạng thái thức tỉnh bị quên đi, thì ở trạng thái xuất thần, họ được nhớ lại; có những ngôn ngữ được biết lúc



còn bé nhưng đã bị quên mất, giờ được nhớ lại; các biến cố không đáng kể cũng tái xuất hiện. Đôi khi các năng lực nhận thức trải rộng khắp một lãnh vực rộng lớn; các sự việc xa xăm được nhìn thấy, tầm nhìn xuyên qua được các giới hạn ở cõi trần, lời nói từ cõi xa cũng có thể nghe được. Các mảnh nhỏ của các cõi khác cũng đôi khi được thoáng thấy, bị pha trộn nhiều với các hình tư tưởng [230] của những lúc tỉnh thức. Có nhiều tài liệu về đề tài này, và người nghiên cứu có thể tìm hiểu về chúng.

Người ta cũng đã thấy rằng các kết quả của trạng thái xuất thần thâm sâu (deeper trance) đều không giống với các kết quả của trạng thái xuất thần hời hợt (superficial).

Khi đạt đến trạng thái xuất thần sâu, các lớp cao của tâm thức siêu phàm tự biểu lộ trong não bộ. Trường hợp nổi tiếng của Leonie I, II và III được biết rõ nhất; người ta quan sát thấy rằng Leonie I không biết gì về Leonie II và III; còn Leonie II thì biết Leonie I, nhưng không biết Leonie III, Leonie III biết cả Leonie I và II. Điều đó có nghĩa là cái cao biết cái thấp, trong khi cái thấp không biết được cái cao – một sự kiện có tầm quan trọng lớn lao nhất.

Trong loại xuất thần do thôi miên bằng từ điển (mesmeric trance), dễ có được các hiện tượng cao so với trong loại xuất thần do thôi miên thường (hypnotic trance). Trong loại trên, người ta có thể có được các phát biểu rất rõ ràng về các hiện tượng của cõi cảm dục, và thậm chí của cõi trí nữa – ở “chủ thể” khá tiến hóa – và đôi khi có những thoáng thấy về các tiền kiếp.

Khi chúng ta thấy rằng việc loại trừ [231] cõi trần là điều kiện cho các biểu lộ này của tâm thức siêu phàm, thì chúng ta bắt đầu hiểu được lý do căn bản của các phương pháp Yoga được thực hành ở phương Đông. Khi các phương pháp thuộc

về thể xác, như trong Hatha Yoga, loại xuất thần do thôi miên thông thường được đạt tới thường nhất, và chủ thể (subject), khi tỉnh lại, không nhớ gì về các kinh nghiệm của y. Trong phương pháp Raja yoga, **tâm thức được triệt thoái ra khỏi não bộ bằng sự định trí mãnh liệt**, đưa đạo sinh tới sự liên tục tâm thức trên các cõi kế tiếp, và y nhớ được các kinh nghiệm siêu phàm của mình khi quay lại trạng thái tỉnh thức.

Cả ở phương Tây lẫn phương Đông cùng có mục tiêu là làm ngưng tâm thức tỉnh thức, để có được các dấu vết của tâm thức siêu phàm, hay như nhà tâm lý học Tây phương nói, có được dấu vết từ phần vô thức nơi con người. Tuy nhiên, với hàng ngàn năm kinh nghiệm đằng sau, phương pháp của phương Đông tạo được nhiều kết quả lớn lao không gì sánh nổi trong các lãnh vực của tâm thức siêu phàm, và dựa trên nền tảng của các kinh nghiệm được [232] lặp đi lặp lại, nó thiết lập được sự độc lập của tâm thức đối với hiện thể hồng trần của nó.

Trạng thái nhập định (ecstasy) và các linh thị của các bậc Thánh ở mọi thời đại và trong mọi tín ngưỡng, cung cấp một thí dụ khác về các bộc phát (irruptions) từ “vô thức”. Trong các bộc phát này, việc cầu nguyện kéo dài và say mê, hay đại định, là phương tiện để tạo ra trạng thái trí óc cần thiết. Các lối vào các giác quan trở nên bị đóng lại bởi sự định trí mãnh liệt bên trong, và cùng một trạng thái được đạt đến vào đôi lúc và một cách không chủ tâm mà các nhà thực hành Raja yoga cố tình tìm cách đạt đến. Do đó, chúng ta thấy rằng những người mộ đạo của mọi tôn giáo gán cho các linh thị của họ là do ân huệ của Đấng Thiêng Liêng mà họ sùng bái, chớ không do sự kiện là **họ đã tạo ra trong chính họ một tình trạng não bộ thụ động, tình trạng này giúp cho tâm thức**

**siêu phàm ghi vào bộ óc đó các cảnh vật và âm thanh của các cõi cao.**

Trong quyển sách “Các Loại Kinh Nghiệm Tôn Giáo”, giáo sư William James có nêu rằng một số bộc phát nổi bật nhất từ “vô thức” (“unconscious”) là các trường hợp “chuyển biến đột ngột” (“sudden conversion”), trong đó [233] một ý tưởng bất ngờ, hoặc linh thị, hoặc tiếng nói, đã thay đổi tức khắc và hoàn toàn trọn cả tiến trình của cuộc đời tinh thức của một người. Ông biện luận một cách rất đúng rằng một mãnh lực, khi đủ mạnh để tạo ra các kết quả như thế, không thể bị gạt bỏ một cách nhẹ nhàng, hoặc bị lờ đi một cách khinh thường bởi bất cứ môn sinh nghiêm túc về tâm thức con người. Toàn bộ loại hiện tượng tâm linh này cần được nghiên cứu một cách thận trọng và khoa học, và hứa hẹn một vụ thu hoạch dồi dào các kết quả về lãnh vực tâm thức siêu phàm, để đền đáp cho nhà sưu khảo nghiêm túc.

Nhưng, để chống lại quan điểm này, người ta viện chứng rằng các sự kiện này có liên quan với các trạng thái thần kinh bệnh hoạn, và các chủ thể đều là những người cuồng loạn, quá bị kích thích, do đó kinh nghiệm của họ mất hiệu lực do bởi tình trạng của họ. Trước nhất, điều này không phải luôn luôn đúng như vậy. Các vị tu luyện Raga yoga ở Đông phương đều là những người lỗi lạc về sự bình tĩnh (calmness) và trầm mặc (serenity), và một số các trường hợp chuyển tâm (conversion) đã xảy ra nơi người thể tục và có tài năng. Hãy xem như điều đó là đúng, tuy nhiên trong đa số các trường hợp, trạng thái thần kinh đều bệnh hoạn và não bộ [234] quá căng thẳng và trường hợp đó là gì? Phải thừa nhận rằng, bộ óc bình thường tiến hóa tới mức đáp ứng với các rung động của cõi trần và chuyển các rung động này lên trên, đồng thời chuyển xuống các rung động thuộc cõi trí và

cõi cảm dục liên quan với các rung động này, từ các hiện thể cao. Nó chưa tiến hóa tới mức chỉ thu nhận mà không bị xáo trộn vì các rung động rất dữ dội từ các cõi cao, cũng không đáp ứng chút nào với các rung động được tạo ra trong các thể tinh anh do các hiện tượng bên ngoài của chính các cõi đó. Chính các tình cảm dữ dội về vui mừng, đau đớn, sợ hãi, buồn phiền cũng thường tỏ ra quá sức chịu đựng đối với bộ óc bình thường rồi, vì chúng gây nên nhức đầu dữ dội, điên cuồng và ngay cả suy sụp thần kinh nữa. Do đó người ta không lấy làm lạ khi thấy chính tình cảm dữ dội tạo nên điều được gọi là sự cải tâm (conversion) thường được đi kèm bằng sự xáo trộn thần kinh giống như vậy. Điểm quan trọng là khi cơn xáo trộn thần kinh trôi qua, mà hậu quả – tức thái độ đã thay đổi đối với cuộc sống – vẫn còn. Sự xáo trộn thần kinh là do bởi bộ óc hồng trần không thích ứng để chịu các rung động dữ dội và nhanh chóng đang lao vào nó; [235] thái độ vĩnh viễn thay đổi là do bởi sức ép đều đặn của tâm thức siêu phàm đã không ngừng tác động Khi mà tâm thức siêu phàm không đủ phát triển để đặt sức ép liên tục này, thì người cải tâm “đánh mất ân huệ” khi sự dâng trào tình cảm tiêu tan.

Trong các trường hợp có linh thị (visions) và các hiện tượng giống như vậy, chúng ta đã thấy rằng chúng có thể xảy ra khi một hình thức xuất thần được tạo ra. Nhưng ngoài việc xuất thần, những hiện tượng như thế có thể xảy ra trong các trường hợp mà bộ óc ở vào trạng thái căng thẳng, hoặc là do một nguyên nhân tạm thời nào đó hoặc do sự kiện là sự tiến hóa của bộ óc đã vượt quá mức bình thường. Cảm xúc mạnh có thể làm tăng độ căng thẳng của thần kinh đến mức nó có thể trở nên đáp ứng trực tiếp với các rung động cõi cảm dục, và nhờ thế một sự việc ở cõi cảm dục mới có thể thấy hay nghe được. Phản ứng do sự căng thẳng có thể tự biểu lộ như

là rối loạn thần kinh. Khi một bộ óc tiến hóa cao hơn bộ óc bình thường, thì nó trở nên phức tạp và nhạy cảm hơn, các sự việc ở cõi cảm dục có thể được cảm nhận thường xuyên và sự căng thẳng này có thể trở nên [236] phần nào lớn hơn mức mà hệ thần kinh hoàn toàn thích hợp để chịu đựng, thêm với việc chịu đựng sự hao mòn và hư hỏng thông thường của nền văn minh hiện đại. Vậy thì, một lần nữa sự điên cuồng và các hình thức rối loạn thần kinh khác có thể đi kèm với các linh thị.

*Nhưng các sự kiện này không làm mất đi tầm quan trọng của các kinh nghiệm, với vai trò là các sự kiện trong tâm thức.* Có lẽ đúng hơn là chúng làm tăng thêm tầm quan trọng của các kinh nghiệm, vì chúng cho thấy cách thức mà sự tiến hóa tác động dưới tác dụng của môi trường bên ngoài lên trên một cơ thể. Các tác động được lặp lại của các ngoại lực kích thích cơ thể tăng trưởng, và rất thường tạm thời làm cho nó căng thẳng quá mức; nhưng chính các lực căng thẳng đó lại thúc đẩy sự tiến hóa của nó. Ngọn của làn sóng tiến hóa phải luôn luôn gồm các cơ thể không bình thường; các cơ thể lành mạnh, vững vàng, bình thường, trung bình chỉ đi theo sau. Các cơ thể bình thường thì rất đáng kể, nhưng có lẽ chúng không thú vị như những người tiên phong và rất chắc chắn là không cung cấp thông tin về tương lai. Quả thật các mãnh lực của cõi cảm dục thường xuyên tác động mạnh mẽ lên bộ óc con người, để cho bộ óc có thể phát triển thành một hiện thể đầy đủ [237] của tâm thức, và một bộ óc nhạy bén, trong trạng thái chuyển tiếp, do đó, dễ bị đưa vào hoàn cảnh không phù hợp với thế giới của quá khứ của nó. Có thể rằng rất nhiều hoạt động mà hiện nay tư tưởng được hướng đến, thì trong tương lai sẽ được xúc tiến một cách tự động, và sẽ từ từ chìm xuống dưới ngưỡng của tâm thức tỉnh thức, khi đã

thực hiện các chức năng khác nhau, một khi đã hoạt động một cách có mục đích.

Khi các thay đổi này tiếp diễn, các rung động tinh tế hơn chắc chắn phải tự biểu lộ chúng với một số lượng ngày càng tăng trong các bộ óc được thăng bằng một cách tinh vi nhất, các bộ óc này vốn *không* bình thường, bởi vì các bộ óc này – ở trên đỉnh của làn sóng tiến hóa – sẽ là những bộ óc có khả năng đáp ứng nhiều nhất. Tiến sĩ Maudsley viết: “Chúng ta có quyền gì để tin Thiên Nhiên chịu bất cứ sự bó buộc nào để thi hành công việc của Ngài chỉ nhờ vào các bộ óc hoàn hảo mà thôi? Ngài có thể thấy một bộ óc bất toàn là một dụng cụ thích hợp hơn dành cho một mục đích đặc biệt nào đó” (1) Và chính giáo sư James nhận xét: “Nếu có một sự việc như là linh hứng [238] từ một cõi cao, thì điều có thể xảy ra là một khí chất nhạy cảm sẽ cung cấp điều kiện quan trọng của sự cảm thụ cần thiết” (Như trên, trang 25).

Một khi chúng ta nhận thức được rằng các mãnh lực tinh anh hơn các lực ở cõi trần phải cần đến một hiện thể được thanh luyện cho sự biểu lộ của chúng, hơn là bộ óc có cấu tạo để tiếp nhận các lực của cõi trần, lúc đó chúng ta sẽ không còn băn khoăn hay phiền muộn khi thấy rằng các mãnh lực siêu phàm thường tìm thấy sự biểu lộ dễ dàng nhất của nó qua những bộ óc không phù hợp nhiều hoặc ít với cõi trần. Và chúng ta sẽ hiểu rằng các triệu chứng bất thường về thể chất đi kèm với các biểu lộ của chúng không hề làm giảm giá trị của các năng lượng này, cũng không làm giảm tầm quan trọng của phần việc mà chúng sẽ đóng góp trong tương lai của nhân loại.

---

<sup>1</sup> Trích dẫn trong sách của giáo sư James đã nhắc ở trên, trang 19. Vì “trí” (“mind”) có nghĩa là “óc” (“brain”).

Đồng thời cũng nảy sinh một cách tự nhiên cái ý muốn tìm ra phương pháp nào đó để cho các mãnh lực này tự biểu lộ mà không có nguy cơ phá hủy khí cụ ở cõi trần của chúng. Phương pháp này đã được tìm ra ở Đông phương, đó là việc thực hành Raja Yoga. Với cách thực hành an toàn này, người ta tìm kiếm tâm thức cao bằng việc định trí mãnh liệt. Sự định trí này, trong chính nó, phát triển bộ óc như là một dụng cụ cho các mãnh lực tinh anh, tác động trong tế bào óc theo cách đã được mô tả liên quan đến tư tưởng (xem chương VII, 1). Hơn nữa nó từ từ khai mở tập hợp các loa tuyến của nguyên tử, kế tiếp theo thứ tự với các loa tuyến hiện đang hoạt động, và như vậy thêm một cơ quan mới dành cho hoạt động chức năng cao hơn. Tất nhiên, đây là một tiến trình chậm chạp, nhưng đó là cách phát triển an toàn duy nhất, còn nếu ai bực bội vì sự chậm chạp của tiến trình đó thì nó có thể được đề xuất như là một lý do cho sự nhẫn nại mà đạo sinh đang cố gắng đi trước việc phát triển nguyên tử của Cuộc Tuần Hoàn sắp tới, và đạo sinh khó có thể mong hoàn thành được điều này một cách nhanh chóng. Tuy nhiên, chính sự chậm chạp của các cách thực hành Raja Yoga khiến cho chúng có phần nào không thể chấp nhận được đối với người Tây phương hấp tấp; tuy nhiên không có cách nào khác để bảo đảm một sự phát triển quân bình. Chỉ có thể lựa chọn giữa điều này với những xáo trộn thần kinh không lành mạnh vốn đi kèm với các bộc phát của [240] tâm thức siêu phàm trong một hiện thể chưa được chuẩn bị. Chúng ta không thể vượt qua được các định luật của Thiên Nhiên, chúng ta chỉ có thể cố gắng tìm hiểu và rồi vận dụng các định luật đó mà thôi. [241]



## Chương XI

### Chân thần hoạt động

#### 1- Kiến tạo các hiện thể

Bây giờ chúng ta hãy xem xét công việc của Chân thần trong việc nắn tạo các phương tiện biểu lộ của nó, đóng vai trò các đại diện của nó – như là chính nó trên các cõi thứ ba, thứ tư và thứ năm – là Atma-Buddhi-Manas, với thể nguyên nhân, với vai trò là vật chứa đựng, là cái nhà kho, cho các kinh nghiệm của mỗi lần tái sinh.

Vào cuối mỗi chu kỳ sống, tức là vào cuối mỗi kiếp sống tại Devachan, Chân thần phải kích thích lần lượt ba hạt nhân của các thể mà Chân Thần phải mang trong chu kỳ sống kế tiếp vào hoạt động tiếp tục. Trước tiên, Chân Thần khơi hoạt nhân của thể trí. Việc khơi hoạt này nhằm vào việc làm tăng luồng sự sống đi qua loa tuyến (spirillae). Cần nên nhớ rằng khi các nguyên tử thường tồn [242] “ngủ yên” thì luồng sinh lực bình thường trong các loa tuyến giảm bớt, và trong trọn chu kỳ nghỉ ngơi, luồng sinh lực này yếu đi và chậm lại (xem chương IV, 4, 5). Khi đến kỳ tái sinh, luồng sinh lực này được gia tăng, các loa tuyến rung động theo sự sống, và các nguyên tử thường tồn, hết cái này đến cái khác, hoạt động giống như các nam châm, thu hút lại quanh chúng loại chất liệu thích hợp. Như vậy, khi nguyên tử thường tồn hạ trí được kích thích, nó bắt đầu rung động một cách mạnh mẽ, theo các năng lực rung động – là các kết quả của các kinh nghiệm đã qua – được tích chứa trong đó, lôi cuốn về và sắp xếp lại chung quanh chính nó loại chất liệu thích hợp từ cõi



trí. Giống như một thanh sắt non trở thành một nam châm khi một dòng điện được đưa vào qua một sợi dây quấn quanh thanh sắt ấy, và giống như vật chất nằm trong từ trường của nó sẽ lập tức tự sắp xếp quanh nam châm đó, thì cũng thế với nguyên tử thường tồn hạ trí. Khi luồng sinh lực bao quanh nguyên tử này, thì nó trở thành một nam châm, và vật chất trong lực trường của nó tự sắp xếp lại chung quanh nó và tạo thành một thể hạ trí mới. Chất liệu bị thu hút sẽ tùy theo độ phức tạp của nguyên tử thường tồn hạ trí đó. Không những chỉ chất liệu tinh anh hoặc [244] thô thiển sẽ được thu hút, mà chất liệu này cũng phải thay đổi theo sự phát triển của các nguyên tử góp phần vào việc tạo ra các tập hợp vật chất của nó. Các phân tử được thu hút sẽ được cấu tạo bằng các nguyên tử (atoms) có các năng lượng rung động tương đồng với, hoặc gần giống với, hoặc là điều hợp được với các năng lượng rung động của nguyên tử thường tồn đang thu hút đó. Do đó, tùy theo trình độ tiến hóa mà con người đạt được, chất liệu của thể hạ trí mới của y sẽ có mức phát triển tương ứng. Bằng cách này mà hết lần luân hồi này đến lần tái sinh khác, một thể hạ trí thích hợp được tạo ra.

Cùng một tiến trình giống y như thế được lặp lại trên cõi cảm dục để tạo ra thể cảm dục mới. Hạt nhân cảm dục – là nguyên tử thường tồn cảm dục – được làm cho linh hoạt một cách tương tự, và hoạt động theo cách thức tương tự.

Con người được bao bọc như thế với thể hạ trí và thể cảm dục mới, chúng thể hiện giai đoạn tiến hóa của y, và cho phép bất cứ năng lực và quan năng nào mà y có, để biểu lộ chúng thích hợp trong cõi giới riêng của chúng.

Nhưng khi chúng ta đi đến việc tạo hình thể xác trên cõi trần, thì một yếu tố mới [245] xuất hiện. Trong chùng mực liên quan đến Chân Thần thì công việc cũng giống như vậy.

Chân Thần làm linh hoạt cái nhân hồng trần – là nguyên tử thường tồn hồng trần – và cái nhân này hoạt động dưới hình thức một nam châm giống như hai bạn của nó (nguyên tử thường tồn thể trí và thể cảm dục – ND). Nhưng giờ đây nó cứ như là một người bị cản trở sự thu hút và sắp xếp vật chất bên trong một từ trường. Tinh Linh (Elemental, tiểu thần) phụ trách nhiệm vụ tạo hình thể dĩ thái (etheric double) theo mô hình do các Nghiệp Quả Tinh Quân (Lords of Karma) ban ra, bắt tay vào và kiểm soát công việc. Thực ra, các vật liệu có thể được tập hợp lại, giống như một công nhân có thể mang gạch đến để xây một ngôi nhà, nhưng người xây nhà chọn lựa các viên gạch, giữ lại hoặc bỏ ra, rồi sắp xếp gạch theo đúng kế hoạch của Kiến trúc sư.

Câu hỏi được đưa ra: Tại sao có sự dị biệt này? Tại sao khi đến cõi trần, nơi mà chúng ta có thể mong đợi việc lặp lại các tiến trình trước kia, thì một quyền năng xa lạ lại giành sự kiểm soát việc xây dựng ra khỏi bàn tay của chủ ngôi nhà? Câu trả lời nằm ở tác động của luật nghiệp quả. Trên các cõi cao, các lớp vỏ biểu hiện cho sự phát triển của con người tới mức tối đa, và ở đó y không [245] thể hiện các kết quả về các mối liên hệ đã qua của y với những kẻ khác. Trên các cõi đó, mỗi trung tâm của Tâm Thức đang hoạt động trong phạm vi riêng của nó; các năng lượng của nó được hướng đến các hiện thể của chính nó, và chỉ có một số các năng lượng đó sau rốt được biểu lộ qua thể xác, sẽ tác động trực tiếp lên các thể xác khác. Các mối quan hệ này với người khác làm cho nghiệp quả của y trên cõi trần trở nên phức tạp thêm, và cái hình hài vật chất đặc thù mà con người khoác vào trong một chu kỳ sống đặc biệt phải thích hợp cho việc trang trải nghiệp quả phức tạp này. Do đó mà cần có sự can thiệp mang tính chất điều chỉnh của các Nghiệp Quả Tinh Quân. Nếu con người ở

vào một trình độ tiến hóa mà ở đó y thiết lập các mối quan hệ trực tiếp tương tự với những người khác trên các cõi khác, thì các giới hạn tương tự về năng lực tạo hình các hiện thể của y trên các cõi này sẽ xuất hiện. Trong phạm vi các hoạt động bên ngoài của y, dù thế nào đi nữa, các giới hạn này cũng phải xuất hiện.

Vậy thì việc nắn tạo thể xác phải do một thẩm quyền cao hơn y đảm trách. Y phải nhận chịu các điều kiện về chủng tộc, quốc gia, gia đình, hoàn cảnh mà các hoạt động trong tiền kiếp của y đòi hỏi. Hoạt động hạn chế này [246] của nghiệp quả đòi hỏi phải có việc kiến tạo một hiện thể vốn chỉ là một sự biểu lộ một phần của tâm thức đang hoạt động mà thôi. Sự biểu lộ một phần này không chỉ vì sự thô trực của chính chất liệu gây cản trở năng lực, mà còn vì các giới hạn bên ngoài như đã nói trên. Phần lớn tâm thức của y, dù sẵn sàng biểu lộ trên cõi trần, có thể bị ngăn giữ lại như thế, và chỉ có một phần nhỏ của tâm thức đó có thể xuất hiện trên cõi trần dưới hình thức tâm thức tinh thức.

Điểm kế tiếp liên quan với việc kiến tạo mà chúng ta cần phải xem xét là công việc đặc biệt để tổ chức các hiện thể với tư cách là các biểu hiện của tâm thức, để riêng việc kiến tạo chung của dục vọng và tư tưởng mà chúng ta đã rất quen thuộc. Ở đây chúng ta bàn đến các chi tiết, hơn là đến những nét khái quát.

Chúng ta biết rằng các tính chất được truyền đạt cho vật chất trong khi Thượng Đế Ngôi Hai giáng xuống, còn việc sắp xếp các chất liệu đã được chuyên hoá này thành các hình hài tương đối thường tồn có liên quan tới việc đi lên của Ngài. Khi Chân Thần, thông qua hình ảnh của mình [247] với cương vị là Con Người Thiêng liêng, đảm trách quyền năng chỉ huy nào đó đối với các hiện thể của mình, Chân Thần

thấy mình làm chủ một hình hài mà trong đó hệ thần kinh giao cảm đang giữ vai trò rất lớn, còn hệ thần kinh não tủy chưa tỏ ra có ưu thế. Chân Thần sẽ phải phát triển một số khoen nối giữa hệ giao cảm này mà Chân Thần đang kế thừa, với các trung tâm mà Chân Thần phải thiết lập trong thể cảm dục của mình, để trong tương lai Chân Thần hoạt động độc lập trong đó. Nhưng trước khi có thể có bất cứ hoạt động độc lập nào trong bất cứ hiện thể cao nào, cần phải đưa hiện thể đó đến một mức khá cao với cương vị là *một hiện thể truyền chuyển (transmitting vehicle)*, nghĩa là một hiện thể mà Chân Thần tác động qua đó xuống thân xác của mình trên cõi trần. Chúng ta phải phân biệt giữa công việc tổ chức đầu tiên của thể trí và thể cảm dục (sao cho hai thể này trở thành các tác nhân truyền đạt một cách thích hợp một phần tâm thức của Con Người Tinh Thần) với công việc sau này để phát triển cũng các hiện thể này thành các thể độc lập, trong đó Con Người Tinh Thần sẽ có thể hoạt động lần lượt trên các cõi tương ứng của các thể đó. Do đó có hai [248] công việc cần hoàn thành:

1- Tổ chức cho thể hạ trí và thể cảm dục trở thành tác nhân chuyển đạt (transmitters) tâm thức đến thể xác.

2- Tổ chức cho các hiện thể này thành các thể độc lập, trong đó tâm thức có thể hoạt động mà không cần thể xác giúp đỡ.

Kế đó, thể cảm dục và hạ trí phải được tổ chức ngõ hầu Con Người Tinh Thần có thể sử dụng bộ óc hồng trần và hệ thần kinh làm cơ quan tâm thức của nó trên cõi trần. Xung lực đưa tới việc sử dụng như thế đến từ cõi trần bởi các tác động lên các đầu mút thần kinh (nerve-ends) đủ loại, tạo nên các làn sóng năng lượng thần kinh, đi dọc theo các dây thần kinh đến não bộ: các làn sóng này đi từ não bộ trọng trực

đến thể dĩ thái, từ đó đến thể cảm dục rồi đến thể hạ trí, khơi dậy một sự đáp ứng từ tâm thức trong linh hồn thể trên cõi trí. Tâm thức đó được khơi dậy như thế do các tác động từ bên ngoài, làm phát sinh các rung động. Các rung động này tuân xuống để đáp ứng, từ linh hồn thể đến thể trí, từ thể trí đến thể cảm dục, từ thể cảm dục đến thể dĩ thái và thể xác. [249] Các làn sóng tạo nên các luồng điện trong bộ óc dĩ thái, và các luồng điện này tác động trên vật chất trọng trực của các tế bào thần kinh.

Tất cả các tác động rung động này từ từ tổ chức các đám mây đầu tiên còn phôi thai bằng chất cảm dục và chất trí thành các hiện thể dùng làm các lĩnh vực hiệu quả cho các tác động và phản ứng thường xuyên này. Như chúng ta đã thấy, tiến trình này tiếp diễn trong hàng trăm kiếp sống, được bắt đầu từ bên dưới, nhưng dần dần ngày càng ở dưới sự kiểm chế của Con Người Tinh Thần. Y bắt đầu điều khiển các hoạt động của y bằng các ký ức về các cảm giác đã qua, và bắt đầu mỗi hoạt động dưới sự thôi thúc của các ký ức được dục vọng kích thích. Khi tiến trình này nối tiếp, thì ngày càng có nhiều sự định hướng mạnh mẽ xuất phát từ bên trong, và ngày càng có ít sức mạnh chi phối bị tác động bởi các lực hút và lực đẩy của các đối tượng bên ngoài, nhờ thế việc kiểm soát sự kiến tạo hiện thể phần lớn bị triệt thoái khỏi bên ngoài và được tập trung vào bên trong.

Khi hiện thể trở nên có tổ chức hơn, thì một số tập hợp vật chất xuất hiện bên trong nó, lúc đầu còn mù mịt và mơ hồ, sau đó [250] thì ngày càng có đường nét rõ rệt hơn. Đây là các chakras, hay các luân xa trong tương lai, là các trung tâm cảm giác của thể cảm dục, khác với các trung tâm cảm giác cảm dục (astral sense-centre) được kết nối với các giác quan (sense-organs) và các trung tâm (centres) của thể xác (xem lại

Chương VII, 2). Nhưng không có gì được thực hiện để làm linh hoạt các trung tâm đang phát triển một cách chậm chạp này trong các chu kỳ thời gian mênh mông, và sự kết nối của chúng với thể xác thường bị trì hoãn, ngay cả sau khi chúng đang hoạt động trên cõi cảm dục; vì sự kết nối này chỉ có thể được tạo ra từ thể xác, nơi mà lực bốc lửa của Hỏa xà (Kundalini) trú ngụ. Trước khi Hỏa xà có thể đi đến chúng, để cho chúng có thể chuyển các quan sát của chúng lên trên thể xác, thì chúng phải được liên kết với hệ thần kinh giao cảm, các tế bào hạch lớn (large ganglionic cells) trong hệ thống đó vốn là các điểm tiếp xúc. Khi các liên kết này được tạo ra, luồng hỏa có thể chảy qua, và các quan sát về các biến cố cảm dục có thể được truyền đạt một cách đầy đủ cho não bộ hồng trần. Khi chúng chỉ có thể được liên kết như thế với thể xác, thì việc kiến tạo chúng như là các trung tâm, và việc tổ chức [251] chúng từ từ thành các luân xa, có thể được bắt đầu từ bất cứ hiện thể nào, và sẽ được bắt đầu trong bất cứ cá nhân nào từ hiện thể vốn tượng trưng cho loại tính khí đặc biệt mà cá nhân đó thuộc về. Tùy theo một người thuộc về một tính khí điển hình nào, thì nơi có hoạt động lớn lao nhất trong việc kiến tạo tất cả các hiện thể sẽ là như thế, trong việc biến chúng dần thành các khí cụ hữu hiệu của tâm thức để được biểu lộ trên cõi trần. Trung tâm hoạt động này có thể nằm trong thể xác, thể cảm dục, thể hạ trí hay thể thượng trí. Trong bất cứ thể nào trong số các thể này, hay là thậm chí trong thể còn cao hơn nữa, tùy theo loại tính khí, trung tâm này sẽ được tìm thấy ở trong nguyên khí chỉ định loại tính khí, và từ đó nó tác động “hướng lên” hoặc “hướng xuống”, nắn tạo các hiện thể để làm cho chúng thích hợp cho việc biểu lộ tính khí đó.

## 2- Người tiến hóa

Có thể chọn một trường hợp đặc biệt để dễ dàng hiểu được tiến trình này – một [252] tính khí mà trong đó trí cụ thể chiếm ưu thế. Chúng ta sẽ truy nguyên Con Người Tinh Thần qua các căn chủng thứ ba, thứ tư và thứ năm. Khi chúng ta nghiên cứu hoạt động của y trong căn chủng thứ ba, chúng ta thấy người này rất ấu trĩ về mặt trí tuệ, mặc dầu thể trí là dấu hiệu chiếm ưu thế của mẫu người của y. Sự sống đang dâng trào chung quanh y, mà y không thể hiểu cũng không thể chế ngự, tác động mạnh mẽ lên y từ bên ngoài, và ảnh hưởng mạnh mẽ lên hiện thể cảm dục của y. Hiện thể cảm dục này sẽ nhớ lại các ấn tượng, theo kết quả của tính khí, còn các ham muốn sẽ kích thích thể trí ấu trĩ đến các cố gắng được hướng tới việc làm thỏa mãn các ham muốn đó. Cấu tạo xác thân của người thuộc giống dân thứ ba khác với cấu tạo xác thân của người thuộc giống dân thứ năm. Nơi giống dân thứ ba, hệ thần kinh giao cảm vẫn thống trị, còn hệ thần kinh não tủy thì phụ thuộc, nhưng các phần của hệ giao cảm đang bắt đầu mất đi nhiều hiệu năng của chúng với vai trò là các khí cụ hiệu quả của tâm thức, vì các dụng cụ như thế thuộc về giai đoạn dưới nhân loại. Có hai bộ phận trong não bộ có liên quan một cách đặc biệt với hệ thần kinh giao cảm trong buổi đầu của chúng, mặc dầu ngày nay chúng tạo thành một phần của [253] hệ não tủy, đó là tuyến tùng quả và tuyến yên. Chúng minh họa cho cách thức mà trong đó, một phần của cơ thể có thể hoạt động theo một cách thức ở một giai đoạn đầu, kể đó có thể mất đi một ít công dụng và chức năng đặc biệt của nó, nếu không muốn nói là không còn chút hoạt động nào, để rồi ở một giai đoạn tiến hóa sau này có thể được kích thích trở lại bằng một loại sự sống cao hơn, vốn sẽ đem lại

cho nó một công dụng và chức năng mới ở giai đoạn tiến hoá cao hơn.

Sự phát triển của các thể này thuộc về loài động vật không xương sống hơn là thuộc về giới có xương sống, và “con mắt thứ ba” được các nhà sinh vật học nói đến như là “con mắt của động vật không xương sống”. Tuy nhiên, người ta cũng tìm thấy con mắt này nơi động vật có xương sống, vì gần đây ở Úc, người ta tìm thấy một con rắn mà trên đỉnh đầu có một sắp xếp đặc biệt bằng các vảy khá trong suốt. Khi cắt bỏ các vảy này đi, người ta thấy có một con mắt đầy đủ ở bên dưới, một con mắt có đủ các bộ phận mặc dù không hoạt động.

Trong giống dân Lemurians, con mắt thứ ba đó hoạt động một cách mơ hồ và đại khái, đặc trưng cho các giai đoạn tiến hóa thấp và đặc trưng riêng biệt cho [254] hệ thần kinh giao cảm. Khi con người tiến hóa từ giống dân Lemurians vào giống dân Atlantean, thì con mắt thứ ba ngưng hoạt động, bộ óc phát triển chung quanh nó, nó trở thành vật phụ thuộc, mà bây giờ được gọi là tuyến tùng quả. Nơi giống dân Lemurian, con người có khả năng tâm thông (psychic), hệ thần kinh giao cảm chịu tác động phần lớn do những đợt dâng trào của thể cảm dục chưa phát triển. Nơi giống dân Atlantean, con người từ từ mất đi các năng lực tâm thông, khi hệ giao cảm trở nên phụ thuộc, còn hệ não tủy trở nên mạnh hơn.

Trong giống dân Atlantean này, sự phát triển của hệ não tủy sẽ nhanh hơn nơi những người có các tính khí khác, vì hoạt động chính yếu sẽ nằm trong trí cụ thể, và như vậy sẽ kích thích và nắn tạo nó. Thể cảm dục sẽ mất đi ưu thế của nó sớm hơn, và sẽ nhanh chóng trở nên một tác nhân truyền chuyển các xung lực trí tuệ cho bộ óc. Như thế, khi con người



của chúng ta chuyển qua giống dân thứ năm, y sẽ sẵn sàng một cách đặc biệt để lợi dụng các đặc điểm của giống dân này; y sẽ kiến tạo được bộ óc lớn và hài hòa; y sẽ sử dụng thể cảm dục của mình chủ yếu [255] dưới hình thức một tác nhân truyền đạt, và sẽ tạo được các luân xa từ cõi trí.

### 3- Tuyến yên và tuyến tùng quả

Hãy trở lại cơ quan thứ hai trong số hai cơ quan đã nói ở trên – là tuyến yên. Cơ quan này được xem như được phát triển từ một cái miệng sơ khai (primeval mouth), nó nối trực tiếp với ống tiêu hóa của động vật không xương sống. Nơi động vật có xương sống, tuyến này không còn hoạt động như là miệng nữa và trở thành một cơ quan thô sơ, nhưng nó cũng còn giữ một chức năng đặc biệt có liên quan với sự tăng trưởng của cơ thể. Nó trở nên linh hoạt trong giai đoạn tăng trưởng bình thường của thể xác, nó càng hoạt động nhiều, thể xác càng phát triển to hơn. Nơi những người khổng lồ, cơ quan này càng đặc biệt linh hoạt hơn. Ngoài ra, tuyến yên đôi khi lại bắt đầu hoạt động trong cuộc sống về sau khi mà bộ xương của cơ thể đã cố định, và bấy giờ gây nên sự tăng trưởng bất thường và khổng lồ ở các vị trí tự do của thân thể, bàn tay, bàn chân, mũi v.v..., gây nên sự biến dạng thuộc loại đáng buồn. [256]

Khi hệ thần kinh não tủy trở nên có ưu thế, thì chức năng trước kia của hai bộ phận này biến mất, nhưng các cơ quan này có một tương lai cũng như một quá khứ. Trong quá khứ, nó có liên quan với hệ thần kinh giao cảm; trong tương lai nó liên quan với hệ thần kinh não tủy. Khi sự tiến hóa nối tiếp, các luân xa trong thể cảm dục được linh hoạt, tuyến yên trở thành cơ quan xác thịt dành cho nhân thông cõi cảm dục và sau đó cho nhân thông cõi trí. Khi có sự căng thẳng quá

lớn cho quan năng thị giác cõi cảm dục, thì trong thể xác đôi khi tuyến yên sung lên. Đây là cơ quan mà qua đó tri thức do nhãn thông cảm dục thu nhận được truyền đến cho bộ óc, và nó cũng được dùng để làm linh hoạt các điểm tiếp xúc giữa hệ giao cảm với thể cảm dục, nhờ đó lập được sự liên tục tâm thức giữa cõi cảm dục với cõi trần.

Tuyến tùng quả trở nên được kết nối với một trong các luân xa của thể cảm dục, và qua thể đó được kết nối với thể hạ trí, và dùng như là cơ quan hồng trần để truyền chuyển tư tưởng và từ bộ óc này [257] đến bộ óc khác. Trong việc truyền tư tưởng, tư tưởng có thể lóe lên từ trí này qua trí khác, chất trí được dùng như là phương tiện chuyển di; hoặc là nó có thể được gói xuống bộ óc xác thịt, và nhờ tuyến tùng quả, có thể được đưa đến tuyến tùng quả trong bộ óc khác, xuyên qua chất dĩ thái cõi hồng trần<sup>(1)</sup>, và như vậy đến tâm thức thu nhận.

Trong khi trung tâm hoạt động nằm trong nguyên khí chủ đạo của con người, sự kết nối của các luân xa với thể xác phải được tạo ra từ cõi trần, như đã nói. Mục tiêu của sự kết nối này không phải là làm cho hiện thể cảm dục thành tác nhân truyền đạt có hiệu quả hơn các năng lượng của Con Người Tinh Thần cho thể xác, mà là khiến cho hiện thể cảm dục được tiếp xúc đầy đủ với thể xác. Có thể có các trung tâm hoạt động khác cho việc kiến tạo các hiện thể truyền chuyển, nhưng cần nên bắt đầu từ cõi trần để đưa kết quả của các hoạt động của các thể đang hoạt động trên các cõi khác vào

---

<sup>1</sup> Nên nhớ là cõi hồng trần gồm 3 cõi phụ hữu hình là cõi phụ chất đặc, chất lỏng và chất hơi, còn 4 cõi phụ vô hình là cõi dĩ thái 4, dĩ thái 3, dĩ thái 2 và dĩ thái 1. Thể dĩ thái của con người hầu hết làm bằng chất dĩ thái 4 - ND

tâm thức tỉnh thức. Đó là tầm quan trọng cao của sự tỉnh  
khiết của thể xác trong chế độ ăn uống và các vấn đề khác.  
[258]

Người ta thường thắc mắc: Kiến thức có được trên các  
cõi cao đến não bộ như thế nào, và tại sao kiến thức đó không  
được đi kèm với việc nhớ lại các hoàn cảnh mà nhờ đó kiến  
thức đó được hoạch đắc? Bất cứ ai có thực hành đều đặn việc  
thiền định đều biết rằng nhiều kiến thức mà y không có được  
bằng việc học hỏi ở cõi trần lại xuất hiện trong não bộ. Kiến  
thức đó từ đâu đến? Nó đến từ cõi cảm dục hoặc cõi trí, nơi  
mà nó được hoạch đắc và đến với não bộ theo cách thông  
thường được tả ở trên. Tâm thức đã trực tiếp đồng hóa kiến  
thức đó trên cõi trí, hoặc tâm thức đạt tới kiến thức đó từ cõi  
cảm dục và gửi xuống các làn sóng tư tưởng như thường lệ.  
Kiến thức cũng có thể được một thực thể nào đó truyền đạt  
trên cõi cao, thực thể này đã tác động trực tiếp lên thể hạ trí.  
Nhưng nhiều trường hợp truyền đạt như thế có thể không  
được nhớ lại vì một trong hai lý do, hoặc do cả hai. Đa số con  
người đều không ở trạng thái mà về mặt kỹ thuật được gọi là  
“tỉnh thức” (“awake”) trên cõi cảm dục và cõi trí; nghĩa là các  
quan năng của họ bị xoay vào bên trong, bận rộn với các tiến  
trình trí tuệ và các tình cảm, và không tham dự vào việc quan  
sát những hiện tượng bên ngoài của các cõi này. [259] Họ có  
thể rất dễ tiếp thu, và thể cảm dục và thể hạ trí của họ có thể  
dễ dàng bị rơi vào rung động, và các rung động này truyền  
đạt sự hiểu biết được đưa ra như thế, nhưng sự chú ý của họ  
không được hướng tới nhân vật tạo ra thông tin đó. Khi sự  
tiến hóa tiếp tục, con người trở nên ngày càng dễ thụ cảm  
trên cõi cảm dục và cõi trí, nhưng không vì vậy mà trở nên ý  
thức được môi trường chung quanh họ.

Lý do khác cho việc không nhớ lại này là sự vắng mặt của các mối nối với hệ giao cảm đã được nói trước đây. Một người có thể “tinh thức” trên cõi cảm dục và hoạt động một cách linh hoạt nơi đó, đồng thời có ý thức sống động về môi trường chung quanh y. Nhưng nếu các mối nối giữa các hệ thống cảm dục và xác thân chưa được tạo ra, hay là không được sinh động, thì sẽ có sự gián đoạn trong tâm thức. Dù cho tâm thức có thể linh hoạt trên cõi cảm dục đi nữa, nó cũng không thể mang lại và ghi dấu lên bộ óc xác thịt cái ký ức về các kinh nghiệm của cõi cảm dục, nếu các liên kết này chưa hoạt động được. Ngoài các liên kết này, phải có sự hoạt động tích cực của tuyến yên, [260] tuyến này tập trung các rung động cõi cảm dục như một thấu kính lồi tập trung các tia nắng vậy. Một số các rung động cõi cảm dục được gom lại và được làm cho tập trung vào một điểm đặc biệt, và các rung động được tạo ra như thế trong chất hồng trần trọng trực, nên sự lan truyền các rung động này được dễ dàng. Tất cả mọi điều này cần cho việc “nhớ lại”.

#### 4- Con đường của tâm thức

Một câu hỏi được đưa ra: Có phải tâm thức luôn luôn đi theo cùng con đường để đến thể xác hay không?

Chúng ta biết rằng đôi khi những lối đi được tạo ra một cách trực tiếp xuyên qua các cõi phụ nguyên tử từ cõi này đến cõi khác, và đôi khi bằng cách vượt qua mỗi cõi phụ từ cõi phụ thứ bảy đến cõi phụ thứ nhất trước khi đạt đến cõi phụ nguyên tử kế bên dưới (1). Tâm thức đi theo con đường

---

<sup>1</sup> Xin nhắc lại: Bà A. Besant sắp cõi phụ thứ bảy là cõi phụ cao nhất, cõi phụ 1 là cõi phụ thấp nhất, khác với cách gọi của bà A. Bailey (ND).

nào trong số các con đường này? Theo hoạt động bình thường của tâm thức, trong tiến trình suy tư thông thường, làn sóng tâm thức đều đặn đi xuống qua mỗi cõi phụ liên tiếp, từ cõi trí, xuyên qua bảy cõi phụ của cõi cảm dục, đến các cõi phụ dĩ thái thuộc cõi trần, và cứ thế đến chất thần kinh dày đặc. Làn sóng này tạo ra các dòng điện [261] trong chất dĩ thái, các dòng điện này tác động vào nguyên sinh chất của các tế bào xám. Nhưng khi xảy ra các chớp lóe đặc biệt của tâm thức, như trong các chớp lóe của bậc siêu tài, hoặc là như trong các ý tưởng giác ngộ thành linh xẹt vào trí – chẳng hạn tia sáng đến với nhà khoa học khi nào trong một đồng lớn các sự kiện thành linh nảy sinh định luật đồng nhất nằm bên dưới – bấy giờ tâm thức tuôn đổ xuống chỉ xuyên qua các cõi phụ nguyên tử mà thôi, và đi như thế đến não bộ. Đây là ý tưởng giác ngộ, nó tự chứng minh nó chỉ bằng chính sự xuất hiện của nó, giống như ánh sáng mặt trời, và không cần đạt tới năng lực thuyết phục bằng bất cứ tiến trình lý luận nào. Như thế, việc lý luận đi đến với bộ óc bằng các cõi phụ kế tiếp nhau, còn sự giác ngộ đây quyền lực thì đến bộ óc bằng các cõi phụ nguyên tử (tức cõi phụ cao nhất –ND) [262]



## Chương XII

### Bản chất của ký ức

#### 1- Đại ngã và các tiểu ngã

Ký ức là gì? Ký ức hoạt động như thế nào? Bằng cách nào chúng ta nhớ lại được quá khứ, dù gần hay xa? Vì, sau rồi, dù cho quá khứ có gần hay xa, thuộc về kiếp này hay bất cứ kiếp nào trước đó, cách chi phối việc nhớ lại quá khứ cũng phải giống nhau, và chúng ta cần một lý thuyết sẽ bao gồm đủ mọi trường hợp của ký ức, đồng thời, lý thuyết đó sẽ cho phép chúng ta hiểu được mỗi trường hợp đặc thù.

Bước thứ nhất hướng tới việc có được một lý thuyết rõ ràng và dễ hiểu là một sự hiểu biết về thành phần cấu tạo của chính chúng ta, về Bản Ngã (the Self) với các lớp vỏ của nó, và mối liên hệ hỗ tương của chúng. Ở đây, chúng ta có thể trình bày lại một cách ngắn gọn các sự kiện chính trong các chương trước [263] có liên quan trực tiếp đến vấn đề về Ký Ức. Chúng ta phải luôn luôn nhớ những sự kiện là tâm thức của chúng ta là một đơn vị, và đơn vị tâm thức này hoạt động qua các lớp vỏ khác nhau, các lớp này áp đặt lên tâm thức một bề ngoài giả tạo rất đa dạng.

Lớp vỏ nằm trong cùng tức lớp vỏ mảnh mai nhất, vốn bất phân ly với đơn vị tâm thức; thật ra, chính lớp vỏ này làm cho nó thành một đơn vị. Đơn vị này là Chân thần, ngự trên cõi Đại Niết Bàn (Anupadaka); nhưng trên thực tế, chúng ta có thể xem đó như là Con Người Nội Tâm (the Inner Man) quen thuộc, Nguyên Tử Tam phân (Tri-Atom), Atma-Buddhi-

Manas, được xem như là tách biệt khỏi các lớp vỏ linh thể (atmic), bồ đề (buddhic) và thượng trí (manasic). Đơn vị tâm thức này biểu lộ qua, tồn tại trong, các lớp vỏ thuộc về năm cõi của hoạt động tâm thức, và chúng ta gọi đơn vị đó là Đại Ngã (the Self) đang hoạt động trong các lớp vỏ của nó.

Kế đó, chúng ta phải nghĩ đến một Chân Ngã hữu thức (conscious Self) ngự trong các hiện thể đang rung động. Các rung động của các hiện thể này tương ứng, về mặt vật chất, với các thay đổi trong tâm thức ở khía cạnh của chân ngã. Chúng ta không thể nói một cách chính xác về các rung động của tâm thức, bởi vì [264] các rung động này chỉ có thể thuộc về khía cạnh vật chất của các sự vật, tức khía cạnh sắc tướng, và chúng ta chỉ có thể nói một cách chung chung về một tâm thức biết rung động. Chúng ta có các thay đổi trong tâm thức tương ứng với các rung động trong các lớp vỏ.

Vấn đề về các hiện thể (vehicles) hay các thể (bodies) mà trong đó tâm thức, tức Chân Ngã, đang hoạt động thì rất quan trọng đối với Ký ức. Toàn bộ tiến trình nhớ lại nhiều hay ít các biến cố xa xăm là một vấn đề của việc hình dung các biến cố đó trong lớp vỏ cụ thể – của việc tạo hình phần vật chất của lớp vỏ thành cái giống hệt (likeness) của các biến cố đó – mà tâm thức đang hoạt động trong đó vào lúc biến cố xảy ra.

Trong Chân Ngã, với tư cách là một mảnh của Đại Ngã (Universal Self) – mà để dễ hiểu, chúng ta có thể xem như là Thượng Đế, mặc dầu thực ra Thượng Đế cũng chỉ là một thành phần của Đại Ngã – mọi vật đều hiện hữu; vì trong Đại Ngã có tất cả những gì đã xảy ra, đang xảy ra và sẽ xảy trong vũ trụ. Tất cả điều này và vô số điều nữa đều có trong Tâm Thức Vũ Trụ (Universal Consciousness). Chúng ta hãy chỉ nghĩ đến một vũ trụ và Thượng Đế của vũ trụ đó. Chúng ta

nói Ngài là toàn hiện và toàn tri. Về căn bản thì hiện giờ [265] sự toàn hiện và toàn tri đó đều đang ở trong Chân Ngã đã được biệt ngã hóa (individualized Self), vốn là một với Thượng Đế, nhưng – ở đây chúng ta phải thêm một chữ “nhưng” – với một dị biệt; điểm dị biệt nằm ở đây: đó là trong Bản Ngã riêng rẽ, với cương vị là Chân Ngã (Self), tách biệt với mọi hiện thể, thì sự toàn hiện và toàn tri vẫn có, (do sự hợp nhất của Bản Ngã đó với Bản Ngã Duy Nhất ( the One Self), các hiện thể mà trong đó Chân Ngã đang ngự vẫn chưa học được cách rung động để đáp ứng với các thay đổi tâm thức của Chân Ngã, khi Chân Ngã chuyển sự chú ý của nó vào phần này hoặc phần khác của các nội dung của Chân Ngã. Do đó, chúng ta nói rằng mọi thứ đều hiện hữu trong Chân Ngã một cách tiềm tàng, chớ không giống như trong vị Thượng Đế thực sự: tất cả các thay đổi diễn ra trong tâm thức của Thượng Đế có thể được tái tạo lại trong Bản Ngã riêng biệt này, vốn là một phần bất khả phân của sự sống Thượng Đế, nhưng các hiện thể thì chưa sẵn sàng dùng làm phương tiện biểu lộ. Vì sự ngăn cách của hình hài, vì sự tới gần này của Bản Ngã tách biệt hoặc được biệt ngã, nên các khả năng vốn ở bên trong nó dưới hình thức là một phần của Đại Ngã vẫn tiềm tàng, không biểu lộ, vẫn là những tiềm năng, chưa phải là những hiện thực. Giống như trong mỗi nguyên tử dùng vào việc tạo ra một hiện thể, có biết bao khả năng rung động, thì trong mỗi [266] Biệt Ngã cũng thế, có biết bao khả năng thay đổi tâm thức.

Vào lúc bắt đầu một Thái Dương Hệ, chúng ta không thấy được vô số các loại rung động khác nhau trong nguyên tử; nhưng chúng ta biết được rằng nguyên tử có khả năng đạt được vô số các rung động khác nhau. Nguyên tử đạt được các rung động này trong bước đường tiến hóa của nó khi nó



đáp ứng không ngừng với các rung động tác động lên bề mặt của nó. Vào lúc kết thúc một Thái Dương Hệ, thì một số rất lớn các nguyên tử trong Thái Dương Hệ đó đã đạt đến giai đoạn tiến hóa mà trong đó chúng có thể rung động để đáp ứng được với bất cứ rung động nào đi đến với chúng vốn xuất phát bên trong Thái Dương Hệ. Bấy giờ, đối với Thái Dương Hệ đó, các nguyên tử này được cho là đã được hoàn thiện. Sự việc cũng đúng như thế đối với các Biệt Ngã. Tất cả mọi thay đổi xảy ra trong tâm thức của Thượng Đế được thể hiện trong vũ trụ đó, và hình thành dưới dạng các sắc tướng trong vũ trụ đó, tất cả các sắc tướng này cũng ở trong những tâm thức được hoàn thiện trong vũ trụ đó, và bất cứ thay đổi nào trong số này đều có thể được tái tạo lại trong bất cứ tâm thức nào trong số chúng. Đây chính là Ký ức: sự tái hiện, sự tái sinh trong vật chất, của bất cứ gì đã ở trong [267] vũ trụ đó, và do đó mãi mãi *hiện hữu*, trong tâm thức của Thượng Đế của vũ trụ đó, và trong các tâm thức vốn là các thành phần của tâm thức Thượng Đế. Mặc dầu chúng ta nghĩ đến Chân Ngã như là tách biệt đối với mọi Chân Ngã khác, chúng ta phải luôn luôn nhớ rằng nó không tách biệt với Bản Ngã Duy Nhất, là Thượng Đế. Sự Sống của Thượng Đế không hề bị ngăn cách với bất cứ phần nào trong vũ trụ của Ngài, và trong Ngài, chúng ta sống, hoạt động và hiện tồn, luôn luôn mở ra với Ngài, được tràn ngập với Sự Sống của Ngài.

Khi Chân Ngã khoát vào hết hiện thể này đến hiện thể khác bằng vật chất, thì với mỗi hiện thể thêm vào, các năng lực thu hoạch tri thức của nó trở nên bị giới hạn hơn, nhưng cũng rõ rệt hơn. Khi đến cõi trần, tâm thức được thu hẹp xuống đến các kinh nghiệm có thể được thu nhận qua xác thân, và chủ yếu là qua các chỗ mở (openings) mà chúng ta gọi là các cơ quan cảm giác; các cơ quan cảm giác này là các

lối thông thương mà nhờ đó tri thức có thể đến được với Chân Ngã đang bị giam nhốt, mặc dầu chúng ta thường nói về chúng như là việc ngăn trở tri thức khi chúng ta nghĩ đến các khả năng của các hiện thể tinh anh hơn. Thế xác giúp cho việc nhận thức đáng tin cậy và rõ ràng, như một tấm màn [268] với một lỗ nhỏ trong đó để cho một hình ảnh của ngoại giới xuất hiện trên một bức tường mà nếu không thì chỉ cho thấy một bề mặt trống không; các tia sáng thật ra bị tách ra khỏi bức tường, nhưng bởi chính sự tách ra đó, mà các tia sáng này lại được phép đi vào, tạo thành một hình ảnh được xác định rõ ràng.

## 2 – Những thay đổi trong các hiện thể và trong tâm thức.

Bây giờ chúng ta hãy xem điều gì xảy ra đối với thể xác khi thu nhận một ấn tượng và việc sau đó nhớ lại ấn tượng đó, nghĩa là trong ký ức của thể xác.

Một rung động từ bên ngoài tác động lên một cơ quan cảm giác và được truyền đến trung khu thích hợp trong não. Một nhóm tế bào trong não rung động, và rung động đó để lại các tế bào trong một trạng thái hơi khác với trạng thái trước khi chúng nhận được rung động. Dấu vết của sự đáp ứng đó trở thành một tiềm năng (possibility) cho nhóm tế bào đó; một khi nó đã rung động theo một cách đặc biệt nào rồi, thì suốt đời nó giữ lại dưới hình thức một nhóm tế bào [269] có khả năng rung động trở lại theo cùng cách thức mà không cần nhận trở lại một kích thích nào từ ngoại giới. Mỗi lần lặp lại một rung động giống như vậy, khả năng này lại mạnh thêm lên; mỗi lần rung động đều có để lại dấu vết của riêng nó, nhưng cần có nhiều lần lặp lại như thế mới tạo được sự lặp lại có tính tự phát. Với mỗi lần lặp lại được thôi thúc từ bên ngoài như thế, các tế bào càng tiến gần hơn đến năng lực

rung động tự phát. Nhưng rung động này không dừng lại với tế bào thể xác, nó đã được truyền vào bên trong đến tế bào tương ứng, hoặc nhóm các tế bào, trong các thể tinh anh hơn, và cuối cùng đã tạo ra một thay đổi trong tâm thức. Đến lượt nó, sự thay đổi này tác động lại trên các tế bào, và một sự lặp lại các rung động được phát khởi từ bên trong bằng sự thay đổi trong tâm thức, và sự lặp lại này là một ký ức về đối tượng đã bắt đầu loạt rung động đó. Sự đáp ứng của các tế bào đối với rung động từ bên ngoài, một đáp ứng bị thôi thúc bởi các định luật của vũ trụ vật chất, mang lại cho các tế bào khả năng đáp ứng với một thôi thúc tương tự, mặc dầu yếu hơn, đến từ bên trong. Một ít sức mạnh bị mất đi trong mỗi hoạt động [270] của vật chất trong một hiện thể mới, và do đó năng lượng trong rung động từ từ giảm sút. Càng ngày càng ít sự tiêu hao năng lượng khi các tế bào lặp lại các rung động tương tự để đáp ứng với các tác động mới từ bên ngoài, các tế bào đáp ứng một cách dễ dàng hơn với mỗi lần lặp lại này.

Nơi đây có ẩn giá trị của “yếu tố ngoài” (the “without”). Yếu tố ngoài này đánh thức khả năng đáp ứng trong vật chất, một cách dễ dàng hơn là bất cứ cách nào khác, vì yếu tố ngoài rất giống với các hiện thể hơn là “yếu tố trong” (the “within”).

Sự thay đổi được tạo ra trong tâm thức, ngoài ra, để cho tâm thức sẵn sàng hơn để lặp lại thay đổi đó so với lần đầu tạo ra nó, và mỗi thay đổi như thế đều đưa tâm thức đến gần hơn với năng lực để phát khởi một sự thay đổi tương tự. Nhìn trở lại buổi đầu của tâm thức, chúng ta thấy rằng các Chân Ngã bị giam nhốt trải qua vô số kinh nghiệm trước khi một thay đổi tự phát trong tâm thức xảy ra. Nhưng khi nhớ điều này, như là một sự kiện, chúng ta có thể để lại các giai đoạn ban đầu này, và nghiên cứu các hoạt động của tâm thức

ở một mức phát triển hơn. Chúng ta cũng phải nhớ rằng mọi va chạm, khi tới được lớp vỏ [271] trong cùng và gây ra một thay đổi trong tâm thức, đều được theo sau bằng một phản ứng, sự thay đổi trong tâm thức gây ra một loạt rung động mới từ trong ra ngoài; có sự di chuyển vào trong đến tận Chân Ngã, được tiếp nối bằng gợn sóng từ Chân Ngã hướng ra ngoài, cái trước do bởi đối tượng, và sinh ra điều mà chúng ta gọi là một nhận thức (perception), còn cái sau do bởi phản ứng của Chân Ngã, tạo nên điều mà chúng ta gọi là một Ký ức.

Một số ấn tượng do giác quan đi qua thị giác, thính giác, xúc giác, vị giác và khứu giác, chạy suốt từ thể xác, qua thể cảm dục đến thể trí. Nơi đây, chúng được phối kết thành một thể thống nhất phức tạp, giống như một hợp âm gồm nhiều nốt nhạc. Đây là công việc đặc biệt của thể trí, nó tiếp nhận nhiều luồng rồi tổng hợp chúng thành một, nó gán nhiều ấn tượng lại thành một nhận thức, một tư tưởng, một thể thống nhất phức tạp.

### 3- Ký ức

Chúng ta hãy cố gắng nắm bắt sự việc phức tạp này sau khi nó đã đi vào nội tâm và gây nên một thay đổi trong tâm thức, là một ý niệm (idea). [272] Sự thay đổi mà nó đã tạo ra, làm nảy sinh các rung động mới trong các hiện thể, tái tạo lại các rung động mà nó đã gây nên trên con đường hướng vào trong của nó, và trong mỗi hiện thể, nó tái hiện dưới một hình thức yếu hơn. Nó không mạnh mẽ, dữ dội và sống động, như khi các thành phần cấu tạo của nó chọt hiện ra từ thể xác đến thể cảm dục, và từ thể cảm dục đến thể trí. Nó hiện lại trong trí dưới hình thức yếu hơn, là bản sao của những gì mà thể trí gửi vào trong, nhưng với những rung

động yếu hơn. Khi Chân Ngã nhận được từ nó một phản ứng – vì tác động của một rung động khi tiếp xúc với mỗi hiện thể đều phải tạo ra một phản ứng – thì phản ứng đó yếu hơn nhiều so với tác động ban đầu, và do đó dường như sẽ ít “thực” (“real”) hơn so với tác động đó. Nó tạo ra một thay đổi ít hơn trong tâm thức và sự giảm hạ đó tất nhiên tương trưng cho một “thực tại” (“reality”) kém hơn.

Bao giờ mà tâm thức còn đáp ứng quá ít nên không thể nhận thức được bất cứ tác động nào vốn không đến được với sức mạnh thôi thúc của thể xác, theo nghĩa đen là tiếp xúc với thể xác nhiều hơn là với bất cứ thể nào khác, và sẽ không có ký ức nào về các ý niệm, mà chỉ có các ký ức về các tri giác, nghĩa là về các hình ảnh của [273] các đối tượng bên ngoài, được tạo ra bởi các rung động của chất thần kinh của não bộ, tự sản sinh ra trong chất cảm dục và chất trí có liên quan. Theo nghĩa đen đây là các hình ảnh trong chất trí, giống như là các hình ảnh trên võng mô của mắt. Và tâm thức nhận thức các hình ảnh này, “thấy” chúng, như chúng ta có thể thực sự nói thế, vì cái thấy của mắt chỉ là một biểu lộ hạn chế của năng lực nhận thức của tâm thức mà thôi. Khi tâm thức rút ra khỏi xác thân một chút, chuyển sự chú tâm nhiều hơn vào các biến đổi trong các thể bên trong của nó, nó thấy các hình ảnh này được tái tạo trong não bộ từ lớp vỏ cảm dục bởi phản ứng của chính nó truyền ra ngoài, và có ký ức về các cảm giác. Hình ảnh phát sinh trong não bộ bởi phản ứng của sự thay đổi trong tâm thức, và được nhận biết nơi đó. Sự nhận thức này hàm ý rằng tâm thức đã triệt thoái phần lớn ra khỏi thể xác sang qua thể cảm dục và đang hoạt động nơi đó. Hiện nay, tâm thức con người đang hoạt động như thế, và do đó đây các ký ức, các ký ức này vốn là các bản mô phỏng trong bộ óc hồng trần của các hình ảnh quá khứ, được tạo ra [274]

bởi các phản ứng từ tâm thức. Nơi một loại người ít tiến hóa, thì các hình ảnh này là các hình ảnh về các biến cố đã qua mà thể xác có liên quan, là các ký ức về đói và khát, và về sự hài lòng, các thú vui về tính dục và v.v..., tức là các sự việc mà trong đó thể xác chiếm một phần tích cực.

Ở loại người tiến hóa cao hơn, tâm thức hoạt động nhiều hơn trong thể trí, các hình ảnh trong thể cảm dục sẽ thu hút sự chú ý của nó nhiều hơn. Các hình ảnh này được hình thành trong thể cảm dục bởi các rung động từ thể trí đi ra ngoài, và được tâm thức nhận thức như là các hình ảnh khi nó tự triệt thoái nhiều hơn vào thể trí với cương vị là hiện thể gần nhất của nó. Khi tiến trình này nối tiếp, và tâm thức tỉnh thức nhiều hơn đáp ứng được với các rung động phát khởi từ bên ngoài trên cõi cảm dục bởi các đối tượng cảm dục, các đối tượng này trở nên “thực” (“real”), và trở nên có thể phân biệt được với các ký ức, là các hình ảnh trong thể cảm dục được tạo ra bởi các phản ứng từ tâm thức.

Nhân tiện, chúng ta hãy lưu ý rằng với ký ức về một đối tượng đi chung với một hình ảnh về sự phục hồi [275] kinh nghiệm sâu sắc hơn của đối tượng bằng sự tiếp xúc vật chất, và chúng ta gọi điều này là sự tiên báo; và ký ức về một biến cố càng đầy đủ thì việc báo trước này càng đầy đủ hơn. Vì thế, ký ức sẽ đôi khi tạo ra trong thể xác các phản ứng vốn thường đi kèm sự tiếp xúc với đối tượng bên ngoài, và chúng ta có thể thường thức trước các thú vui vốn chưa nằm trong tầm hiện tại của thể xác. Như vậy việc báo trước về món ăn ngon sẽ làm cho “miệng chảy nước giải”. Chúng ta sẽ trở lại sự kiện này khi hoàn tất chủ đề của chúng ta về Ký Ức.

#### 4- Ký ức là gì?

Bây giờ, sau khi đã lưu ý các thay đổi trong các hiện thể vốn nảy sinh do sự tác động từ thế giới bên ngoài, sự đáp ứng với các tác động này dưới hình thức các thay đổi của tâm thức, các rung động yếu ớt được tạo ra trong các hiện thể bởi phản ứng của tâm thức, và việc tâm thức nhận biết các rung động một lần nữa dưới hình thức các ký ức, chúng ta hãy đi đến điểm then chốt của vấn đề: vậy Ký ức là gì?

Việc gián đoạn của các thể giữa lần chết [276] với lần tái sinh chấm dứt tính chất tự động của các thể này, kết thúc khả năng của chúng trong việc đáp ứng với các rung động tương tự các rung động đã được trải qua. Các nhóm đáp ứng đều bị tan rã, và tất cả những gì còn lại như là một hạt giống cho các đáp ứng tương lai được chứa trong các nguyên tử thường tồn. Điều này thật là mơ hồ, khi so sánh với các tính chất tự động mới được các kinh nghiệm mới ở bên ngoài áp đặt lên các thể, lại có thể được xét đoán bởi sự thiếu bất kỳ ký ức nào về các tiền kiếp được bắt đầu trong chính các hiện thể. Thực ra, tất cả những gì mà nguyên tử thường tồn có thể làm là đáp ứng một cách dễ dàng hơn với các rung động thuộc loại tương tự với các rung động đã được trải qua trước đây, hơn là đáp ứng với các rung động đến với chúng lần đầu. Ký ức của các tế bào, hay của các nhóm tế bào, không còn lúc con người chết, và không thể nói có thể phục hồi, hiểu theo cách thông thường. Vậy thì, lúc bấy giờ Ký ức được giữ ở đâu?

Câu trả lời vẫn tắt là: ký ức không phải là một quan năng và không được bảo tồn lại; ký ức không có sẵn trong tâm thức dưới hình thức một năng lực, cũng không phải bất cứ ký ức nào về các biến cố cũng đều được giữ lại trong tâm thức cá nhân. Mỗi biến cố đều là một sự kiện hiện thời trong tâm thức vũ trụ, [278] trong tâm thức của Thượng Đế. Mọi sự việc xảy ra trong vũ trụ của Thượng Đế, dù thuộc quá khứ,

hiện tại và tương lai, luôn luôn ở đó, trong tâm thức bao trùm vạn vật của Ngài, trong “Hiện Tại Vĩnh Hằng” (“Eternal Now”) của Thượng Đế. Từ lúc bắt đầu vũ trụ cho đến lúc kết thúc, từ lúc bình minh cho đến hoàng hôn của vũ trụ, tất cả đều ở đó, luôn luôn hiện hữu tồn tại. Trong đại dương ý tưởng đó, tất cả đều hiện hữu. Trong khi lang thang trong đại dương này, chúng ta tiếp xúc với các mảnh của các nội dung trong đại dương đó, và sự đáp ứng của chúng ta với sự tiếp xúc đó là tri thức của chúng ta. Sau khi đã biết rồi, chúng ta có thể tiếp xúc trở lại một cách dễ dàng hơn, và sự lặp lại này – khi xảy đến mà thiếu sự tiếp xúc của lớp vỏ bên ngoài vào lúc đó với các mảnh trên cõi riêng của nó – là Ký Ức.

Tất cả các “ký ức” đều có thể phục hồi lại được, bởi vì mọi tiềm năng của các rung động tạo ra hình ảnh đều ở bên trong tâm thức của Thượng Đế, và chúng ta có thể chia sẻ trong cái tâm thức đó một cách dễ dàng hơn vì trước đây chúng ta đã thường chia sẻ các rung động tương tự. Do đó những rung động nào đã hình thành những phần kinh nghiệm của chúng ta đều dễ dàng được chúng ta lặp lại hơn so với các rung động mà chúng ta chưa bao giờ biết, và nơi đây thì giá trị của [278] các nguyên tử thường tồn xuất hiện. Khi bị kích thích, các nguyên tử thường tồn lại run lên các rung động đã được thực hiện trước kia, và từ mọi tiềm năng rung động của các nguyên tử và phân tử của các thể trong chúng ta, chúng ngân lên đáp ứng với nốt mà các nguyên tử thường tồn đã phát ra. Sự thật là chúng ta đã bị ảnh hưởng về mặt rung động, và bởi các thay đổi của tâm thức trong kiếp hiện tại làm cho chúng ta dễ rút ra từ tâm thức vũ trụ những gì mà chúng ta đã có kinh nghiệm trong tâm thức riêng của chúng ta. Dù cho đó là một ký ức trong hiện kiếp, hoặc là một ký ức trong một tiền kiếp xa xăm, phương pháp nhớ lại vẫn



như nhau. Không có ký ức nào ngoại trừ tâm thức hằng hữu (ever-present consciousness) của Thượng Đế, mà, theo sát nghĩa, chúng ta sống, hoạt động và hiện tồn trong Ngài. Ký ức của chúng ta chỉ là việc đặt chính chúng ta vào sự tiếp xúc với các phần như thế của tâm thức Thượng Đế, như chúng ta đã chia sẻ trước đây.

Do đó, theo triết gia Pythagoras, mọi việc học hành đều là việc nhớ lại, vì học hành là việc rút từ tâm thức của Thượng Đế đưa vào tâm thức của Biệt ngã những điều vĩnh viễn là của chúng ta nhờ sự hợp nhất cơ bản của chúng ta [279] với Ngài. Trên cõi nào mà sự hợp nhất chế ngự sự chia rẽ, thì chúng ta chia sẻ tâm thức của Thượng Đế về vũ trụ của chúng ta. Trên các cõi thấp, nơi mà sự chia rẽ che khuất sự hợp nhất, thì nơi đó, chúng ta bị các hiện thể kém tiến hóa của chúng ta không cho vào. Chính sự thiếu đáp ứng trong các hiện thể này cản trở chúng ta, vì chúng ta chỉ có thể biết được các cõi xuyên qua chúng. Do đó, chúng ta không thể trực tiếp cải thiện ký ức của chúng ta; chúng ta chỉ có thể cải thiện tính thụ cảm tổng quát và năng lực tái tạo của chúng ta, bằng cách làm cho các thể của chúng ta nhạy cảm hơn, trong khi phải thận trọng để không vượt quá giới hạn linh hoạt của chúng.

Ngoài ra, chúng ta có thể “chú ý”; nghĩa là, chúng ta có thể chuyển hướng (turn) sự hiểu biết của tâm thức, chúng ta có thể tập trung tâm thức vào cái phần đặc biệt của tâm thức Thượng Đế mà chúng ta muốn tự điều hợp vào. Như vậy, chúng ta không cần lo lắng với những tính toán về việc “có bao nhiêu thiên thần có thể đứng trên mũi của một cây kim”, làm sao chúng ta có thể lưu giữ trong một không gian có giới hạn con số vô giới hạn các rung động đã được trải qua trong nhiều kiếp sống; vì toàn thể các rung động tạo ra hình tượng

trong vũ trụ [280] luôn luôn hiện hữu, và sẵn sàng được rút ra bởi bất kỳ đơn vị cá nhân nào, và bởi công cuộc tiến hóa, những kinh nghiệm như thế luôn luôn ngày càng nhiều.

### 5- Nhớ và quên

Chúng ta hãy áp dụng điều này cho một biến cố trong kiếp trước của chúng ta: Một số trong các trường hợp “vẫn còn trong ký ức chúng ta”, còn các trường hợp khác thì “bị quên đi”.

Thật ra biến cố vẫn tồn tại với mọi hoàn cảnh chung quanh nó, “nhớ” và “quên” đều như nhau, chỉ trong một trạng thái duy nhất, là ký ức của Thượng Đế, Ký ức Vũ Trụ (Universal Memory). Bất cứ người nào có thể tự đặt mình tiếp xúc với ký ức đó, đều có thể phục hồi lại toàn thể tình trạng với khả năng tối đa của chúng ta. *Các biến cố (events) mà chúng ta đã trải qua không là của ta*, mà tạo thành một phần của các tích chứa (contents) của tâm thức Thượng Đế. Sở dĩ chúng ta có cảm tưởng có phần sở hữu trong đó chỉ do sự kiện là trước kia chúng ta đã từng rung động theo chúng, do đó, chúng ta lại rung động theo chúng một cách dễ dàng hơn là nếu chúng ta tiếp xúc với chúng lần đầu tiên.

Tuy nhiên chúng ta có thể giao tiếp với các biến cố đó bằng các lớp vỏ khác nhau vào những lúc khác nhau, vẫn giữ được linh hoạt [281] dưới các tình huống thời gian và không gian thay đổi theo mỗi lớp vỏ. Phần tâm thức của Thượng Đế mà chúng ta hoạt động qua đó trong thể xác thì bị hạn chế rất nhiều so với khi chúng ta hoạt động qua thể cảm dục và thể hạ trí, và các tiếp xúc thông qua một thể có tổ chức tốt thì linh hoạt nhiều hơn là các tiếp xúc qua một thể kém tổ chức. Hơn nữa, cần phải nhớ rằng sự hạn chế lãnh vực hoạt động là chỉ do các hiện thể của chúng ta. Đứng trước một chuyện đã rồi,

dù cho tại cõi trần, cõi cảm dục, cõi trí hoặc cõi tinh thần, tâm thức của chúng ta về sự việc đó bị hạn chế trong phạm vi mà các hiện thể có thể đáp ứng với chuyện đó. Chúng ta cảm thấy mình đang ở giữa các hoàn cảnh vây quanh cái hiện thể thô trực nhất mà chúng ta đang hoạt động trong đó, và như vậy các hoàn cảnh đó tác động đến hiện thể thô từ “bên ngoài”, còn khi chúng ta “nhớ lại” các trường hợp mà chúng ta tiếp xúc với các hiện thể tinh anh hơn, các thể tinh anh này truyền các rung động đến hiện thể thô, vậy là thể thô này được tiếp xúc từ “bên trong”.

Việc kiểm tra tính khách quan mà chúng ta áp dụng cho các trường hợp “hiện có” hoặc “được nhớ lại”, là công việc của “giác quan thông thường”. Nếu những người khác chung quanh tra đều thấy giống như ta thấy, đều nghe giống như ta nghe, thì chúng ta xem các trường hợp đó là khách quan (objective). Còn nếu họ không nghe thấy, nếu họ không hay biết về những gì mà chúng ta biết, thì chúng ta xem các trường hợp đó là chủ quan (subjective). Nhưng việc kiểm tra tính chất khách quan này chỉ có giá trị đối với những ai đang linh hoạt trong cùng các thể giống nhau. Nếu một người đang hoạt động trong thể xác, còn người khác hoạt động được trong thể xác và thể cảm dục, thì các sự việc có tính khách quan đối với người hoạt động trong thể cảm dục không thể ảnh hưởng người chỉ hoạt động trong thể xác, cho nên người này sẽ tuyên bố rằng các sự việc đó chỉ là các ảo giác chủ quan. “Giác quan thông thường” chỉ có thể hoạt động trong các thể giống nhau mà thôi. Nó sẽ cho các kết quả giống nhau khi tất cả mọi người đều hoạt động trong thể xác, tất cả đều hoạt động trong thể cảm dục hoặc tất cả đều hoạt động trong thể trí. Vì giác quan thông thường chỉ là các hình tư tưởng của Thượng Đế trên mỗi cõi, chi phối mỗi tâm thức

hiện thân, và khiến cho tâm thức đó đáp ứng bởi một vài thay đổi đối với một vài rung động trong các hiện thể của tâm thức. Nó không hề bị giới hạn vào cõi trần, nhưng ở giai đoạn tiến hóa hiện tại, nhân loại bậc trung chưa khai mở đầy đủ tâm thức nội tại cho các hiện thể để sử dụng bất cứ “giác quan thông thường” nào trên cõi cảm dục và cõi trí. “Giác quan thông thường” là một [283] bằng chứng hùng hồn cho tính duy nhất (oneness) của các sự sống nội tạng của chúng ta. Chúng ta thấy tất cả mọi vật chung quanh ta trên cõi trần theo cùng một cách, bởi vì các tâm thức của chúng ta bề ngoài tuy riêng biệt, nhưng thật ra, tất cả đều là thành phần của Tâm Thức Duy Nhất đang làm linh hoạt mọi hình hài. Tất cả chúng ta đều đáp ứng theo cùng một cách chung, tùy theo giai đoạn tiến hoá của chúng ta, bởi vì chúng ta chia sẻ cùng một tâm thức; và chúng ta chịu tác động giống nhau bởi cùng các sự việc, bởi vì tác động và phản tác động giữa các sự việc đó với chúng ta là sự tương tác của Sự Sống Duy Nhất dưới các hình thức khác nhau.

Vậy thì, việc phục hồi lại bất cứ điều gì bằng ký ức là do bởi mọi sự việc luôn luôn hiện hữu trong tâm thức của Thượng Đế, và Ngài đã áp đặt lên chúng ta các giới hạn của thời gian và không gian, ngõ hầu, nhờ thực hành, chúng ta có thể đáp ứng một cách nhanh chóng, bằng các thay đổi của tâm thức theo các rung động được tạo ra trong các hiện thể của chúng ta, do bởi các rung động đến từ các hiện thể khác được tâm thức làm linh hoạt một cách tương tự. Chỉ có như thế chúng ta mới có thể từ từ học được cách phân biệt một cách chính xác và rõ ràng. Việc lần lượt tiếp xúc các sự việc – nghĩa là trong thời gian – và việc tiếp xúc chúng theo các chiều hướng tương đối liên quan đến [284] chúng ta và liên quan giữa chúng với nhau – nghĩa là trong không gian –

chúng ta từ từ được khai mở đến trạng thái mà trong đó chúng ta có thể nhận biết được mọi sự việc cùng một lúc và mỗi sự việc ở khắp mọi nơi – nghĩa là vượt ngoài thời gian và không gian.

Trong khi trải qua vô số các diễn biến trong đời sống, chúng ta thấy rằng chúng ta không còn tiếp xúc với tất cả những gì mà chúng ta đã trải qua. Có một khả năng đáp ứng rất giới hạn trong thể xác của chúng ta và do đó rất nhiều kinh nghiệm rơi khỏi tầm hiểu biết của thể xác. Trong con xuất thần, chúng ta có thể phục hồi lại các kinh nghiệm này, và người ta bảo là chúng xuất hiện từ tiềm thức. Thật ra các kinh nghiệm đó vẫn mãi mãi không thay đổi trong Tâm Thức Phổ Quát, và khi chúng ta đi ngang qua chúng, ta mới trở nên nhận biết chúng, bởi vì ánh sáng rất có giới hạn của tâm thức chúng ta, bị che khuất trong thể xác, phủ lên các kinh nghiệm, và chúng mất dạng khi chúng ta tiếp tục đi. Nhưng khi khu vực được bao phủ bởi cùng ánh sáng đó chiếu xuyên qua thể cảm dục trở nên rộng lớn hơn, thì kinh nghiệm lại xuất hiện khi chúng ta ở trong trạng thái xuất thần – nghĩa là ở trong thể cảm dục, thoát ra khỏi thể xác. Các kinh nghiệm đó không đến rồi đi và lại đến nữa, mà ánh sáng của tâm thức chúng ta trong thể xác [285] đã tiếp tục chuyển đi, vì thế chúng ta đã không còn thấy chúng nữa, và ánh sáng mở rộng trong thể cảm dục giúp chúng ta lại thấy chúng.

Như Bhagavan Das đã có nói rõ:

“Nếu một khán giả đi thơ thần không biết mệt qua các hành lang của một viện bảo tàng lớn, một bảo tàng nghệ thuật, vào lúc giữa đêm, với chỉ một cây đèn nhỏ ở một tay, thì mỗi cái trong những đồ vật tự nhiên, tranh cảnh, tượng, chân dung sẽ lần lượt được soi sáng bằng ngọn đèn đó cho từng lúc riêng rẽ, trong khi mọi cái còn lại vẫn ở trong bóng

tối, và sau khoảnh khắc riêng lẻ đó, chính vật ấy lại chìm vào bóng tối trở lại. Bây giờ hãy để ở đó không phải chỉ một người mà có vô số khán giả như thế, cũng nhiều như vô số đồ vật trong chỗ đó, mỗi khán giả không ngừng đi vào và ra xuyên qua đám đông lớn đó, mỗi ngọn đèn soi sáng một món đồ trong một lúc và chỉ cho khán giả đang cầm đèn đó mà thôi. Tòa nhà lớn và bất động đó tượng trưng cho ý niệm được kết dính như đá của Thực Tại Tuyệt Đối bất biến (the changeless Absolute). Mỗi khán giả cầm đèn trong đám đông là một tuyến [286] tâm thức trong số dường như vô tận các tuyến tâm thức, tạo thành toàn bộ tâm thức vũ trụ duy nhất. Mỗi người đi vào trong ánh sáng của mỗi đối tượng là sức mạnh của nó, là một kinh nghiệm của Jiva; mỗi người rơi vào bóng tối là sự trở lại vào trạng thái tiềm tàng của nó. Theo quan điểm của chính các đối tượng hay của tâm thức vũ trụ, thì không có trạng thái tiềm tàng, cũng không có trạng thái mạnh mẽ. Theo quan điểm của các tuyến tâm thức thì cả hai đều có<sup>(1)</sup>.

Khi hết hiện thể này đến hiện thể khác đi vào hoạt động đầy đủ, thì vùng ánh sáng trải rộng ra, tâm thức có thể chuyển sự chú ý của nó vào bất cứ phần nào của vùng sáng đó và quan sát kỹ lưỡng các đối tượng nằm trong đó. Như vậy khi tâm thức có thể hoạt động một cách tự do trên cõi cảm dục và hiểu biết hết những gì xung quanh nó trên cõi đó, thì nó có thể thấy được nhiều sự vật trên cõi trần thuộc về “quá khứ” – hoặc “tương lai”, nếu chúng là các sự vật mà trong “quá khứ” tâm thức đã học được cách đáp ứng. Các sự vật ở ngoài vùng ánh sáng đi xuyên qua thể cảm dục sẽ ở trong vùng ánh sáng tuôn ra từ thể trí tinh anh hơn. Khi thể

---

<sup>1</sup> Khoa Học An Bình (The Science of Peace).

nguyên nhân [287] là hiện thể đó, thì “ký ức của các tiền kiếp” có thể được phục hồi, thể nguyên nhân rung động một cách dễ dàng hơn với những sự việc mà trước đây nó đã từng rung động, và ánh sáng đang chiếu qua nó bao bọc một khu vực lớn hơn nhiều, và làm sáng tỏ những cảnh tượng (scenes) thuộc “quá khứ” lâu – thực ra các cảnh tượng này không thuộc quá khứ nhiều hơn là các cảnh tượng của hiện tại, mà là chúng chiếm một vị trí khác trong thời gian và không gian. Các hiện thể thấp, trước kia không từng rung động theo các sự việc này thì không thể dễ dàng tiếp xúc trực tiếp với chúng và đáp ứng với chúng; điều đó phụ thuộc vào thể nguyên nhân, là hiện thể tương đối trường tồn. Nhưng khi thể này đáp ứng với chúng, thì các rung động từ thể này dễ dàng chạy xuống, và có thể được tái tạo trở lại trong thể trí, thể cảm dục và thể xác.

## 6- Sự chú ý

Câu được dùng ở trên, nói về tâm thức, là: “tâm thức có thể chuyển sự chú ý của nó vào bất cứ phần nào của vùng sáng và quan sát kỹ các đối tượng nằm bên trong đó”. Việc “chuyển sự chú ý” này, ở trong tâm thức, tương ứng rất chặt chẽ với những gì mà chúng ta nên gọi là việc tập trung con mắt vào [288] thể xác. Nếu chúng ta quan sát tác động đang xảy ra trong các cơ của con mắt khi nhìn một vật ở gần trước và kế đó nhìn vật ở xa, hay ngược lại, chúng ta sẽ thấy có một cử động nhẹ, và sự co rút hoặc nói dãn này tạo ra một sức ép nhẹ hoặc ngược lại, trong các thấu kính của mắt. Hiện nay, đó là một hoạt động tự động, hoàn toàn do bản năng, nhưng nó chỉ trở nên như thế là do thực hành; một hài nhi không biết điều tiết con mắt của nó, cũng như không biết suy đoán được khoảng cách. Nó không ngần ngại nắm lấy cây nến ở tận cuối

phòng giống như nắm lấy cây nển nằm trong tầm tay nó, chỉ từ từ nó mới học cách biết được những gì ở ngoài tầm tay. Việc cố gắng nhìn rõ đưa đến việc điều tiết của con mắt, và giờ đây việc đó trở thành tự động. Các mục tiêu mà mắt tập chú vào đều nằm trong nhãn trường nhìn rõ, và phần còn lại được thấy mập mờ. Cũng thế, tâm thức biết rõ những gì mà sự chú ý của nó được hướng vào, còn những sự việc khác vẫn mơ hồ, “không rõ nét”.

Một người từ từ học được cách chuyển sự chú ý của mình như thế vào các sự việc đã qua từ lâu khi chúng ta đo được thời gian. Thể nguyên nhân được đặt tiếp xúc với các sự việc đó, và lúc đó các rung động được truyền cho các hạ thể. [289] Sự có mặt của một người tiến hóa hơn sẽ giúp ích cho người kém tiến hóa, bởi vì khi thể cảm dục của người tiến hóa cao đã được tạo ra để rung động đáp ứng dễ dàng với các sự việc xảy ra từ lâu, như vậy tạo ra một hình ảnh bằng chất cảm dục về các sự việc đó, thì thể cảm dục của người kém hơn có thể dễ dàng tái tạo lại các rung động này và nhờ đó người này cũng “thấy” được. Nhưng thậm chí khi một người đã học được cách làm cho chính mình tiếp xúc được với quá khứ của mình và nhờ quá khứ của y cùng với quá khứ của những người khác được tiếp xúc với quá khứ đó, y sẽ thấy khó hơn khi chuyển sự chú ý của y một cách hiệu quả tới các cảnh tượng mà y đã không có sự kết nối với chúng. Khi việc đó được chế ngự, y sẽ vẫn thấy khó để tự đặt mình vào tiếp xúc với các cảnh tượng nằm ngoài các kinh nghiệm của quá khứ mới xảy ra của y; thí dụ, nếu y muốn viếng mặt trăng, và theo các phương pháp quen thuộc của mình, y phóng mình vào hướng đó, y sẽ thấy chính mình bị tấn công tới tấp bởi một loạt các rung động xa lạ mà y không thể đáp ứng theo bản năng, và y sẽ cần rút lui vào năng lực thiêng



liêng cố hữu để đáp ứng với bất cứ gì có thể tác động vào các hiện thể của y. Nếu y tìm cách đi xa hơn nữa, đến một hệ thống hành tinh khác, y sẽ tìm thấy một giới hạn mà y không thể vượt qua được, [290] là Vòng Giới Hạn (Ring-Pass-Not) của chính Hành Tinh Thượng Đế của y.

### 7- Tâm thức duy nhất

Vậy thì chúng ta bắt đầu hiểu được hàm ý trong các phát biểu rằng ở một trình độ tiến hóa nào đó, con người có thể đạt đến phần này hoặc phần kia của vũ trụ, họ có thể tự giao tiếp với tâm thức của Thượng Đế bên ngoài các giới hạn mà các hiện thể vật chất của họ áp đặt lên kẻ kém tiến hóa. Vốn được cấu tạo bằng vật chất được biến đổi bởi tác động của Hành Tinh Thượng Đế của Dây hành tinh (Chain) mà họ thuộc về, các hiện thể này không thể đáp ứng với các rung động của vật chất được biến đổi theo cách khác, và môn sinh phải có khả năng sử dụng linh thể (atmic body) của mình trước khi y có thể tiếp xúc được với Ký ức Vũ Trụ (Universal Memory) bên ngoài các giới hạn của Dây Hành Tinh của y.

Đó là lý thuyết về Ký ức mà tôi đang trình bày cho các đạo sinh Khoa Minh Triết Thiêng Liêng nghiên cứu. Lý thuyết này cũng áp dụng cho những cái nhỏ và quên nhỏ của đời sống hằng ngày, cũng như cho các tầm mức rộng lớn được nói đến trong đoạn trên. Vì không có gì là nhỏ hay lớn đối với Thượng Đế cả, và [291] khi chúng ta thực hiện tác động nhỏ nhất của Ký ức, thì chúng ta đang tự đặt mình vào sự tiếp xúc với sự toàn hiện (omnipresence) và toàn tri (omniscience) của Thượng Đế, như khi chúng ta đang nhớ lại một quá khứ xa xăm vậy. Không có gì là “xa” và không có gì là “gần”. Tất cả đều hiện hữu như nhau ở mọi thời gian và trong mọi không gian, sự khó khăn là do các hiện thể của

chúng ta, chớ không phải do Sự Sống bất biến bao trùm vạn hữu.

Mọi thứ ngày càng trở nên dễ hiểu hơn và đưa đến bình yên (peace-giving) hơn khi chúng ta nghĩ đến Tâm Thức đó, trong đó không có “trước” và không có “sau”, không có “quá khứ” và không có “tương lai”. Chúng ta bắt đầu cảm thấy rằng các sự việc này chỉ là các ảo tưởng, các giới hạn, được áp đặt lên chúng ta bởi chính các lớp vỏ (sheaths) của chúng ta, là cần thiết cho đến khi các quyền năng của chúng ta được phát triển và phục vụ chúng ta. Chúng ta sống một cách vô thức trong cái Tâm Thức phi thường này, nơi đây mọi vật mãi mãi hiện hữu, và chúng ta mơ hồ cảm thấy rằng nếu chúng ta có thể sống một cách hữu thức trong Cái Vĩnh Cửu đó thì sẽ có sự bình yên. Tôi biết là không gì có thể cung cấp nhiều hơn cho các biến cố của một đời sống sự cân xứng thực sự của chúng so với ý niệm về một Tâm Thức mà trong đó mọi việc đều hiện hữu từ lúc bắt đầu, trong đó thực ra không có bắt đầu và cũng không có kết thúc. Chúng ta học được rằng [292] không có chi khủng khiếp và không có gì nhiều hơn là sự buồn phiền tương đối; và trong bài học đó là sự bắt đầu của một sự bình yên đích thực, mà vào đúng lúc sẽ bùng sáng thành lạc phúc. [293]



## Phần II

### Ý Chí, Dục Vọng và Tình Cảm



### Chương I

#### Ý muốn linh hoạt

Trong nghiên cứu ngắn về Cội Nguồn, tiểu đoạn 1, 2 của phần Dẫn Nhập trong quyển sách này, chúng ta đã thấy rằng Chân Thần xuất phát từ Thượng Đế Ngôi Một, đã cho thấy bản chất tam vị nhất thể (tri-unity) của Cội Nguồn của nó, là ba trạng thái Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động.

Giờ đây chúng ta chuyển sự chú ý của chúng ta qua nghiên cứu Ý Chí (Will), khi tự biểu lộ ở cõi cao thì đó là Ý Chí, còn ở cõi thấp thì đó là Dục Vọng (Desire). Việc nghiên cứu Dục Vọng đưa chúng ta đến việc nghiên cứu Tình Cảm (Emotion), vốn có gắn bó chặt chẽ với nó. Chúng ta đã thấy rằng, sở dĩ chúng ta hiện hữu ở đây là vì chúng ta <sup>(1)</sup> muốn sống trong các cõi thấp, rằng Ý Chí quyết định việc chúng ta ở lại đây. [299] Đối với phần lớn nhân loại, thì bản chất, quyền năng và hoạt động của Ý Chí chỉ được hiểu chút ít, vì trong các giai đoạn tiến hóa ban đầu, Ý Chí không biểu lộ trên các cõi thấp ngoại trừ dưới hình thức Dục Vọng, và Ý Chí phải được nghiên cứu dưới hình thức Dục Vọng trước khi nó có thể được hiểu như là Ý Chí thực sự.

---

<sup>1</sup> Hai chữ “chúng ta” ở đây phải được hiểu là “Chân Thần chúng ta”.(ND)

Chính trạng thái Quyền Năng (Power-aspect) của tâm thức, luôn bị che khuất trong Chân Ngã, ẩn sau Minh Triết và Hoạt Động, nhưng vẫn thôi thúc cả hai biểu lộ ra ngoài. Bản chất của Ý Chí bị che kín đến nỗi nhiều người xem Ý Chí như là một với Hoạt Động (Activity) và cho nó không xứng đáng là một trạng thái riêng biệt của Tâm thức. Tuy nhiên, Hoạt Động là sự tác động của Chân Ngã lên trên Phi Ngã (Not-Self, ở đây là nói về Phàm ngã), là cái đang mang lại cho Phi Ngã cái Thực Tại tạm bợ của nó, là cái đang sáng tạo; nhưng Ý Chí bao giờ cũng ẩn bên trong, thôi thúc tới sự Hoạt Động, thu hút, xô đẩy, là hạt nhân của Tâm Hiện Tồn (Heart of Being).

Ý Chí là Quyền Năng đứng đằng sau sự Nhận Thức, và kích thích sự Hoạt Động. Tư tưởng là hoạt động sáng tạo, còn Ý Chí là năng lực vận động. Các thể của chúng ta tồn tại theo đúng thực tướng của chúng (1), bởi vì từ vô số thời, Bản Ngã đã đưa ra Ý Muốn của nó rằng vật chất phải được nắn tạo thành các hình thể như thế nào để nhờ đó nó có thể hiểu biết và làm sinh động mọi vật ở bên ngoài nó.

Trong một *Cổ Thư* có viết:

“Hỡi Maghvan, thật ra xác thân này hữu tử, nó lệ thuộc thần chết. Tuy nhiên đó là một chỗ nghỉ ngơi của Atma bất tử và vô sắc tướng (bodiless Atma)... Đôi mắt được dùng làm cơ quan quan sát cho Thực Thể ngự bên trong mắt. Người nào tỏ ý muốn “Tôi sẽ ngủ”, ấy là Atma đang mong muốn có kinh nghiệm về mùi hương. Người nào tỏ ý muốn “Tôi sẽ nói”, ấy là Atma đang muốn thốt ra lời nói. Người nào tỏ ý muốn “Tôi sẽ nghe”, ấy là Atma

---

<sup>1</sup> Các thể của chúng ta trong hiện kiếp được tạo ra theo đúng với mức tiến hóa mà chúng ta đã đạt được trong tiền kiếp, trước khi chúng ta bỏ xác thân-(ND).

muốn lắng nghe các âm thanh. Người nào tỏ ý muốn “Tôi sẽ suy tưởng”, ấy là Atma. Thể trí là con mắt siêu phàm (celestial eye), thấy được mọi đối tượng ưa thích. Nhờ siêu nhãn của trí, Atma có được tất cả (*Chhandogyopanishat*, VIII, XII, 1,4,5).

Điều này là bí mật, là động lực, của sự tiến hóa. Đích thực là Ý Chí vĩ đại vạch ra con đường tiến hóa cao siêu. Đích thực là các Đấng Thông Tuệ Tinh Thần thuộc nhiều đẳng cấp đang dẫn dắt các thực thể tiến hóa theo con đường cao siêu đó. Nhưng có quá ít sự chú ý tới vô số các thử nghiệm, các thất bại, thành công, các đường phụ nhỏ và [301] các khúc quanh co, do sự dò dẫm của các Ý Chí riêng biệt, mỗi Ý Muốn Linh Hoạt (Will to Live) cố tìm thấy sự biểu lộ Bản Ngã. Các tiếp xúc với ngoại giới làm phát sinh trong mỗi Atma cái Ý Chí muốn biết điều gì tác động. Atma chỉ biết chút ít nơi con sứa, nhưng Ý Chí muốn biết (Will to Know), từ hình thể này đến hình thể khác, nắn tạo ra một con mắt luôn luôn cải thiện ít cản trở năng lực nhận thức của nó. Khi nghiên cứu sự tiến hóa, chúng ta ngày càng trở nên ý thức về các Ý Chí tạo hình cho vật chất, nhưng tạo hình nó bằng các thử nghiệm dò dẫm chớ không phải bằng sự trông thấy rõ ràng. Sự hiện hữu của nhiều Ý Chí này làm cho cây tiến hóa luôn luôn sinh ra nhánh. Có một chân lý đích thực trong câu chuyện hài hước của Giáo sư Clifford dành cho trẻ con về loài Thần Lăn khổng lồ của thời xa xưa: “Một số con chọn cách bay và trở thành chim; những con khác chọn cách bò nên trở thành loài bò sát (reptiles)”.

Thường khi chúng ta thấy một cố gắng bị thất bại, và rồi sự cố gắng được tạo ra theo một chiều hướng khác. Thường khi chúng ta thấy các dụng cụ vụng về nhất ở cạnh các mô phỏng tinh xảo nhất. Các mô phỏng tinh xảo này là kết quả của các Đấng Thông Tuệ thấu rõ mục đích của các Ngài và

luôn luôn gọt đẽo vật chất thành [302] các hình thể thích hợp; các dụng cụ vụng về kia là kết quả của các nỗ lực từ bên trong, vẫn còn mù mờ và dò dẫm, nhưng nhất quyết bày tỏ sự biểu lộ Bản Ngã. Nếu chỉ có các vị thiết kế bên ngoài, thấy được mục tiêu từ khởi thủy, thì Thiên Nhiên sẽ đưa ra cho chúng ta các nan đề không thể giải đáp trong việc kiến tạo của nó, rất nhiều cố gắng không thích hợp, những thiết kế không hiệu quả. Nhưng khi ta hiểu được sự hiện diện của Ý Chí Muốn Sống (Will to Live) trong mỗi hình hài, đang tìm cách biểu lộ Bản Ngã, tạo hình các hiện thể của nó cho các mục đích riêng của nó, thì bấy giờ chúng ta có thể thấy cơ sáng tạo như nhau ẩn dưới vạn vật – đó là Thiên Cơ của Thượng Đế; các mô phỏng đáng khâm phục đang thể hiện thiên cơ của Ngài – là cố gắng của các Đấng Thông Tuệ xây dựng; và các dụng cụ không thích hợp và các mưu tính vụng về – do bởi các nỗ lực của các Bản Ngã muốn, nhưng chưa có đủ tri thức hoặc năng lực để thực hiện cho hoàn hảo.

Chính cái Linh Ngã (divine self) đang dò dẫm, đang nỗ lực, đang phấn đấu này, khi sự tiến hóa tiếp diễn, sẽ trở nên, ở mức độ ngày càng tăng, Chủ Thể Cai Trị đích thực (true Ruler), tức Chủ Thể Cai Trị nội tâm (inner Ruler), Thực Thể Bất Tử (the Immortal). Bất cứ người nào hiểu rằng bản thân y là Chủ Thể Cai Trị Bất Tử đó, ngự trong các hiện thể biểu lộ tự tạo của y, có một [303] ý thức về chân giá trị và quyền năng ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn, và có sức thuyết phục hơn đối với phàm ngã. Sự hiểu biết về chân lý mới làm cho chúng ta tự do từ bên trong. Chủ Thể nội tâm có thể vẫn còn bị cản trở bởi chính các hình hài mà Ngài đã tạo ra để tự biểu lộ, nhưng nhờ biết chính mình là Chủ Thể (Ruler), Ngài có thể hoạt động một cách kiên trì để hoàn toàn chinh phục được lãnh địa của Ngài. Ngài biết rằng mình đến thế gian

này vì một mục đích nhất định, để làm cho chính mình được thích hợp trở thành một người cộng tác với Ý Chí Tối Cao, và Ngài có thể thi hành và chấp nhận tất cả những gì cần cho mục tiêu đó. Ngài biết chính mình là thiêng liêng và việc nhận thức Chân Ngã (Self-realization) chỉ là vấn đề thời gian. Về bên trong, thiên tính được cảm nhận, mặc dầu bên ngoài thiên tính đó chưa được biểu lộ, và Ngài còn phải biểu lộ bản thể của Ngài. Ngài là chúa tể về mặt pháp lý chứ chưa phải về mặt thực tế.

Với cương vị một ông Hoàng (Prince), được sinh ra cho một vương miện, nhậm nại qui phục giới luật, giới luật này làm cho ông Hoàng trở nên thích hợp để đội vương miện, vì thế ý chí tối thượng nơi chúng ta đang tiến hóa đến thời kỳ mà các quyền lực vương giả sẽ chuyển vào trong bàn tay của nó, và có thể cam chịu một cách nhậm nại giới luật cần thiết của sự sống. [304]



## Chương II Dục vọng

### 1- Bản chất của dục vọng

Khi Chân Thần xạ ra các tia sáng của mình vào vật chất của cõi thứ ba, thứ tư và thứ năm và chiếm hữu cho nó một nguyên tử của mỗi cõi đó (xem Phần I, Chương IV, 3), thì Chân Thần tạo ra những gì thường được gọi là “hình ảnh của Chân Thần trong vật chất”, là “Tinh Thần” con người, và trạng thái Ý Chí của Chân Thần được phản chiếu trong Linh Thể con người (human Atma), có trú sở ở trên cõi thứ ba hay cõi Niết Bàn. Ngôi vị (hypostasis)<sup>(1)</sup> đầu tiên đó quả thực bị giảm sút quyền năng do bị khoác vào các bức màn vật chất, nhưng không bị biến dạng (distorted) chút nào. Giống như một cái gương được chế tạo tinh vi sẽ cho được hình ảnh hoàn hảo của một vật, thì cũng thế, Tinh Thần con người (human Spirit), tức Atma-Buddhi-Manas, cũng là một hình ảnh hoàn hảo của Chân Thần, thực vậy, [305] đó chính là Chân Thần bị che lấp trong vật chất trọng trọng hơn.

Nhưng giống như một gương lõm hay gương lồi sẽ cho ra hình ảnh méo mó của một vật đặt phía trước nó, cũng thế các phản ảnh xa hơn của Tinh Thần, do chỗ có các dính líu

---

<sup>1</sup> Hypostasis: Ngôi vị (person) của Đức Christ, kết hợp bản chất con người và bản chất thiêng liêng. Một trong Ba Ngôi của Trinity. (Tự Điển Oxford 1994 - ND).



(involutions) vào vật chất trọng trực, nên chỉ cho được các hình ảnh méo mó lệch lạc mà thôi.

Vì vậy, trong khi tiến xuống dưới, Ý Chí càng thêm bị che khuất ở mỗi cõi, và khi tới cõi ngay trên cõi trần, là cõi cảm dục, Ý Chí hiện ra nơi đây dưới hình thức Dục Vọng (Desire). Dục vọng cho thấy sức mạnh (energy), có độ tập trung (concentration), có đủ các tính chất thúc đẩy của Ý Chí, nhưng vật chất đã giành lấy sự kiểm soát và phương hướng của nó ra khỏi Tinh Thần và đã đoạt mất quyền chi phối của Ý Chí. Dục vọng là Ý Chí bị truất ngôi, tên tù nhân, kẻ nô lệ của vật chất. Dục vọng không còn do Chân Ngã định đoạt nữa (self-determined) mà bị định đoạt bởi các lời cuốn chung quanh nó.

Đây là sự khác nhau giữa Ý Chí với Dục Vọng. Bản chất thâm sâu nhất của cả hai đều như nhau, vì thực ra cả hai chỉ là một sự quyết tâm, là sự tự quyết của Atma, là động lực thôi thúc duy nhất của con người, là những gì thúc đẩy đến sự Hoạt Động, đến sự tác động lên ngoại giới, lên [306] Phi-Ngã. Khi Chân Ngã quyết định hoạt động, không còn chịu ảnh hưởng bởi các thu hút hoặc các xô đẩy hướng về các đối tượng chung quanh nữa, khi đó Ý Chí được biểu lộ. Khi các thu hút và xô đẩy bên ngoài quyết định sự hoạt động và con người còn bị các hút, đẩy này lôi đi khắp nơi, bỏ ngoài tai tiếng nói của Chân Ngã, không biết đến Chủ Thể nội tâm, thì bấy giờ Dục vọng hiện ra.

Dục vọng là Ý Chí bị bao phủ trong chất cảm dục (astral matter), chất này được tạo thành bởi Làn Sóng Sinh Hoạt thứ hai để trở thành các kết hợp vật chất, phản ứng giữa các kết hợp vật chất với tâm thức tạo ra các cảm giác trong tâm thức. Đã bị bao bọc trong chất cảm dục này, các rung động của chất đó còn bị kèm theo bằng các cảm giác trong tâm thức, nên Ý

Chí bị biến đổi thành Dục vọng. Bản chất chính yếu của Ý Chí là đưa ra các xung lực hoạt động, nhưng vì bị chất cảm dục bao quanh, mà chất này lại làm nảy sinh cảm giác, lại đáp ứng với sức thôi thúc, và sức thôi thúc này được khơi dậy và tác động qua chất cảm dục, thế là dục vọng nảy sinh.

Khi ở trong bản chất cao, thì Ý Chí là mãnh lực thôi thúc, cũng thế, lúc ở trong bản chất thấp, thì dục vọng lại là sức mạnh thôi thúc. Khi mãnh lực thôi thúc trở nên yếu ớt thì toàn bộ bản chất trở nên yếu theo trong [307] phản ứng của nó trên cõi trần. Sức mạnh có hiệu quả của một bản chất được đo bằng sức mạnh Ý Chí của nó hoặc bằng sức mạnh Dục Vọng của nó tùy theo trình độ tiến hóa. Có một chân lý ẩn dưới câu nói dân gian : “Càng phạm trọng tội, càng thành đại thánh” (“the greater the sinner, the greater the saint”). Kẻ tâm thường không thể thành bậc đại hiền, cũng không thành người đại ác được, y không có đủ sức mạnh để làm điều thiện nhỏ hoặc làm điều ác nhỏ. Sức mạnh của bản chất dục vọng nơi một người là thước đo khả năng tiến hóa của người đó, tức là thước đo động lực mà theo đó người này có thể hối thúc sự tiến hóa của mình. Nơi một người, mãnh lực thôi thúc đưa đến phản ứng lên môi trường xung quanh người ấy là thước đo năng lực người ấy để biến cải, để thay đổi, để chinh phục nó. Trong việc đấu tranh với bản chất dục vọng (sự đấu tranh này đánh dấu mức tiến hóa cao) động lực thúc đẩy không phải bị hủy diệt mà là được chuyển hóa; các dục vọng thấp phải được chuyển hóa thành dục vọng cao, năng lượng phải được thanh luyện mà không mất đi sức mạnh của nó, và sau cùng bản chất dục vọng phải tan biến vào trong Ý Chí, mọi năng lượng được gom lại và hòa nhập vào trong trạng thái Ý Chí của Tinh Thần, quyền năng của Chân Ngã.

[308]

Do đó, không một người tầm đạo nào còn bị ngã lòng trước cơn phong ba bão táp của các dục vọng nơi mình, không một nhà dạy ngựa nào còn tức giận với những cái nhảy dựng đứng lên và những cú lao tới của con ngựa non chưa được thuần hóa. Tính hoang dại của sinh vật non trẻ chưa được dạy dỗ và sự nổi loạn của nó chống lại mọi cố gắng kiểm soát và kiềm chế, đều là cái hứa hẹn cho sự hữu dụng sau này của nó khi được đưa vào giới luật và được dạy dỗ. Như vậy thậm chí các giằng kéo của Dục Vọng chống lại sự kiềm chế do trí tuệ áp đặt, cũng là cái hứa hẹn sức mạnh sau này của Ý Chí, của trạng thái quyền năng của Chân Ngã.

Ở một mức độ nào đó, nỗi khó khăn nhất định xảy ra nơi nào dục vọng còn yếu ớt, trước khi Ý Chí tự thoát khỏi các chướng ngại của chất cảm dục; vì trong trường hợp như thế, Ý-Chí-Muốn-Sống (will-to-live) đang tự biểu lộ nhưng hãy còn yếu ớt và mãnh lực có thể dùng cho sự tiến hóa ít có hiệu quả. Trong các hiện thể có một số chướng ngại kiểm soát năng lượng đang tuôn ra của Chân Thần và làm cản trở đường lưu thông tự do của nó, cho tới trước khi chướng ngại đó bị lấy đi, người ta chỉ mong có được hy vọng tiến bộ chút ít mà thôi. Trong cơn phong ba, chiếc thuyền cứ tiến tới, mặc dầu có nguy cơ bị đắm, [309] nhưng khi biển lặng hoàn toàn thì thuyền vẫn trôi và bất động, không đi theo cánh buồm mà cũng không đi theo bánh lái. Và vì trong cuộc hành trình này, không thể xảy ra việc đắm tàu cuối cùng, mà chỉ có sự thiệt hại tạm thời, lúc có phong ba giúp cho tiến bộ còn hơn là lúc gặp yên tĩnh, những ai thấy mình bị bão nhồi đều có thể nhìn tới trước với lòng tin vững chắc vào cái ngày mà những cơn bão táp của dục vọng sẽ bị đổi thành ngọn gió kiên định của Ý Chí.

## 2- Việc đánh thức Dục Vọng

Tất cả mọi cảm giác của chúng ta đều liên quan tới cõi cảm dục. Các trung khu mà nhờ đó chúng ta cảm nhận được, đều nằm trong thể cảm dục, và các phản ứng của các trung khu này với các tiếp xúc sẽ gây ra các cảm giác vui thích và đau khổ trong tâm thức. Nhà sinh lý học bình thường truy tìm cảm giác vui sướng và đau khổ từ điểm tiếp xúc đến trung khu của não bộ, chỉ nhận biết được các rung động thần kinh giữa ngoại biên với trung khu mà thôi, còn ở trong trung khu, phản ứng của tâm thức được nhận biết dưới hình thức cảm giác. Khi dõi theo các rung động thêm nữa, chúng ta chỉ tìm thấy các rung động trong trung tâm não bộ và trong chất dĩ thái thấm nhuần nó, và thấy được trong [310] trung tâm cảm dục có một điểm mà nơi đó phản ứng của tâm thức xảy ra. Khi xảy ra sự ngưng trệ giữa thể xác với thể cảm dục, dù là do tác động của thuốc mê, thuốc tê hoặc thuốc gì khác, thì bất chấp mọi bộ máy thần kinh của nó, thể xác cũng không còn cảm nhận được gì nếu mất đi các dây thần kinh. Các khoen nối giữa thể xác với thể cảm giác đã không còn ăn khớp nên tâm thức không còn đáp ứng được với bất cứ kích thích nào nữa.

Việc khơi dậy dục vọng (awakening of desire) xảy ra trong thể cảm giác này và tiếp theo là các cảm nhận mơ hồ đầu tiên về vui sướng và khổ đau. Như trước kia đã có nói (Xem Phần I, Chương IX, 1), vui sướng “là một cảm giác về ‘sự nhiều hơn (moreness)’ của sự sống được tăng thêm và mở rộng”, trong khi đau khổ là một sự đóng lại hoặc giảm bớt sự sống, và những điều này đều tùy thuộc vào toàn bộ tâm thức. “Trạng thái tâm thức sơ khởi này không tiêu biểu cho ba trạng thái đã biết rõ là Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động, cho

dù ở trong giai đoạn phôi thai nhất; ‘cảm giác’ đi trước các trạng thái này, và thuộc về tâm thức nói chung, mặc dầu trong các giai đoạn tiến hóa sau, nó tự tỏ ra [311] có liên quan rất nhiều với trạng thái Ý Chí–Dục Vọng để trở nên hầu như đồng nhất hóa với trạng thái này”. “Khi các trạng thái vui sướng và đau khổ trở nên được thiết lập rõ rệt hơn trong tâm thức, thì chúng sinh ra một trạng thái khác; với việc mất dần thú vui, có một sự tiếp tục của sự thu hút trong tâm thức, và điều này trở thành một sự dò dẫm theo nó một cách mơ hồ” – nên lưu ý, đó không phải là một sự dò dẫm theo bất cứ đối tượng mang lại vui thú nào, mà là theo một sự kéo dài cảm giác vui thú – “một sự đi theo mơ hồ cái cảm giác đang tan biến, một chuyển động – quá mập mờ nên không được gọi là một cố gắng – để nắm bắt và giữ nó lại. Tương tự với sự phai tàn dần của đau khổ, có một sự kéo dài của lực đẩy (repulsion) trong tâm thức, và điều này trở thành một hoạt động cũng mơ hồ như vậy để đẩy nó đi”. Các giai đoạn này sinh ra Dục Vọng.

Việc nảy sinh Dục Vọng này là việc đạt tới một cách yếu ớt trong việc đi tìm thú vui trong cuộc sống, một hoạt động của sự sống, không được hướng dẫn, mơ hồ, dò dẫm. Hoạt động này không thể đi xa được bao giờ mà Tư Tưởng chưa phát triển đến một mức độ nào đó, và chưa nhận biết được một thế giới bên ngoài, một Phi Ngã, và chưa học được cách liên kết các đối tượng khác nhau trong Phi Ngã với vui sướng hoặc [312] đau khổ phát sinh trong tâm thức khi tiếp xúc với chúng.

Nhưng các kết quả của các tiếp xúc này, có từ lâu trước khi các đối tượng được nhận biết như có nói ở trên, đã tạo ra một sự phân chia, một phân nhánh của Dục Vọng. Chúng ta có thể lấy một minh họa đơn giản nhất: việc thèm ăn trong

một cơ thể sinh vật cấp thấp. Khi xác thân kiệt sức, trở nên gầy đi, thì một cảm giác đau đớn phát sinh trong thể cảm dục, một nhu cầu, một khát khao, mơ hồ và không rõ ràng. Xác thân do kiệt sức, đã trở thành một hiện thể kém hiệu quả của sự sống đang tuôn đổ xuống qua thể cảm dục, và sự hạn chế này gây ra đau đớn. Một luồng trong nước bao quanh sinh vật, mang thức ăn đến cho thể xác; thức ăn được hấp thu, chỗ hao mòn được sửa chữa, sự sống tuôn chảy không còn bị ngăn trở, thì có sự vui thích.

Ở một giai đoạn cao hơn một ít, khi đau khổ nổi lên, lập tức có ước muốn thoát khỏi đau khổ, cảm thức ghê tởm nổi lên, trái ngược với cảm thức thu hút do sự vui thích tạo ra. Các kết quả này là do Dục vọng bị tách làm hai. Từ Ý Chí Muốn Sống phát sinh việc khát khao kinh nghiệm, và trong hiện thể thấp, sự khát khao này, khi xuất hiện dưới hình thức Dục Vọng, một mặt lại trở thành [313] nỗi khát khao các kinh nghiệm, vốn làm cho cảm giác đối với sự sống được sinh động hơn, còn mặt kia gây ra một sự chùn lại trước những gì làm cho yếu ớt và làm giảm sự sống. Sự hút và đẩy này đều có bản chất Dục Vọng như nhau. Giống như một nam châm hút hoặc đẩy một số kim loại, Chân Ngã nhập thể (embodied Self) cũng có tính chất hút và đẩy. Cả hút và đẩy đều là Dục Vọng và là hai năng lượng vận động vĩ đại trong sự sống, mà mọi dục vọng đều có thể phân giải thành chúng một cách cơ bản. Chân Ngã ở trong cảnh nô lệ cho Dục Vọng, cho Lực Hút-Đẩy, và bị hút bên này bên kia, bị đẩy chỗ này chỗ nọ, vội vàng dấy đó giữa các đối tượng đem lại đau khổ và vui sướng, như thuyền không lái giữa các luồng không khí và biển cả.

### 3- Mối quan hệ của Dục Vọng với Tư Tưởng

Bây giờ chúng ta phải xem xét mối liên hệ của Dục Vọng đối với Tư Tưởng, và xem cách mà lúc đầu Dục Vọng chế ngự Tư Tưởng và sau đó bị Tư Tưởng chế ngự lại.

Lý Trí Thuần Túy (Pure Reason) là một phản ảnh của trạng thái Minh Triết của Chân Thần, và xuất hiện trong Tinh Thần con người dưới hình thức Tuệ Giác (Buddhi). Nhưng đó không phải là mối quan hệ của Dục Vọng với Lý Trí Thuần Túy vốn luôn có liên quan, [314] vì thực ra không thể nói là nó có liên quan trực tiếp với Minh Triết, mà là liên quan với Bác Ái, là sự biểu lộ của Minh Triết trên cõi cảm dục. Tốt hơn, chúng ta nên tìm hiểu sự liên quan của nó với trạng thái Hoạt Động của Chân Thần, trạng thái này tự biểu lộ trên cõi cảm dục dưới hình thức cảm giác, và trên cõi trí dưới hình thức tư tưởng. Thậm chí chúng ta cũng không bàn đến Thượng Trí, vốn là sự Hoạt Động sáng tạo, Manas, dưới hình thức thuần khiết của nó, mà nói đến cái phản ảnh lệch lạc của nó, tức là Hạ Trí. Chính cái hạ trí này mới có liên quan trực tiếp với Dục Vọng và được pha trộn không thể tách rời với Dục Vọng trên đường tiến hóa của con người. Thực vậy, chúng liên kết chặt chẽ đến nỗi chúng ta thường nói đến Kama-Manas, tức Trí-Cảm (Desire-Mind) như là nói đến một vật duy nhất, vì trong tâm thức thấp kém, hiếm khi thấy một tư tưởng riêng lẻ nào không chịu ảnh hưởng của một dục vọng.

“Quả thật, Manas được cho là có hai mặt: tinh khiết (pure) và ô trược (impure); ô trược khi bị dục vọng quyết định, tinh khiết là hết dục vọng (desire-free)”. (*Bindopanishat*, 1)

Hạ trí này chính là “tư tưởng” trên cõi trí, tính chất đặc trưng của nó là nó khẳng định (asserts) và phủ nhận (denies), nó biết nhờ sự khác nhau, nó nhận thức và ghi nhớ. [315]

Như ta đã thấy, cùng một trạng thái mà trên cõi trí thì là tư tưởng, còn trên cõi cảm dục, trạng thái đó lại xuất hiện dưới hình thức cảm giác và được khơi dậy do sự tiếp xúc với ngoại giới.

Khi một thú vui đã được trải qua và không còn nữa, thì Dục Vọng lại nổi lên để trải nghiệm nó lần nữa, như ta đã thấy. Và sự kiện này hàm ý Ký Úc, vốn là một chức năng của thể trí. Ở đây, cũng như trước đây, chúng ta được nhắc nhở rằng tâm thức bao giờ cũng tác động trong bản chất tam phân của nó, mặc dầu trạng thái này hay trạng thái kia có thể vượt trội, vì ngay cả dục vọng phôi thai nhất cũng không thể nổi lên mà không có ký ức. Cảm giác được tạo ra do một va chạm bên ngoài phải được gọi lên nhiều lần trước khi thể trí lập được mối liên hệ giữa cảm giác mà nó nhận biết với đối tượng bên ngoài đã tạo ra cảm giác đó. Sau rốt, thể trí “nhận biết” đối tượng, nghĩa là liên kết đối tượng đó với một trong các thay đổi của chính nó, nhận ra một thay đổi trong chính nó được tạo ra bởi đối tượng bên ngoài. Các lập lại của nhận thức này sẽ tạo được một mối liên kết rõ rệt trong ký ức giữa đối tượng với [316] cảm giác vui thích hoặc đau khổ, rồi khi Dục Vọng thúc ép lập lại thú vui, thì thể trí nhớ lại đối tượng đã mang lại thú vui đó. Như vậy, việc pha trộn Tư Tưởng với Dục Vọng làm sinh ra một dục vọng đặc biệt; là ham muốn tìm thấy và chiếm hữu đối tượng mang lại thú vui.

Dục vọng này thúc đẩy thể trí thực hiện hoạt động cố hữu của nó. Sự thèm muốn không được thỏa mãn tạo ra nỗi khó chịu, nỗ lực được tạo ra để thoát sự khó chịu bằng việc cung cấp đối tượng mà nó muốn. Thể trí hoạch định, mưu đồ, bắt xác thân hành động, để làm thỏa mãn các thèm muốn của Dục Vọng. Tương tự như thế, cũng do Dục Vọng thôi thúc, thể trí hoạch định, mưu đồ, bắt xác thân hành động để



tránh sự tái diễn đau khổ từ một đối tượng được nhận biết là tác nhân đem lại đau khổ.

Đó là mối quan hệ của Dục Vọng với Tư Tưởng. Nó phát khởi, kích thích, thôi thúc các nỗ lực trí tuệ. Vào các giai đoạn ban đầu, thể trí là nô lệ của Dục Vọng, nó phát triển mau lẹ tương xứng với các thôi thúc mãnh liệt của Dục Vọng. Chúng ta ham muốn, và vì vậy chúng ta bị buộc phải suy nghĩ. [317]

#### 4- Dục Vọng, Tư Tưởng, Hành Động

Giai đoạn ba của sự giao tiếp giữa Ngã với Phi Ngã là Hành Động. Khi đã thấy được đối tượng của dục vọng, thì thể trí dẫn dắt, hướng dẫn và định hướng hành động. Hành động thường được cho là xuất phát từ Dục Vọng, nhưng một mình Dục Vọng thì chỉ có thể làm dấy lên hoạt động hoặc hành động hỗn loạn. Sức mạnh của Dục Vọng là thúc đẩy chứ không chỉ đạo. Chính tư tưởng mới đưa thêm yếu tố chỉ đạo và định hướng hành động vào đúng mục tiêu.

Đây là vòng tuần hoàn trong tâm thức – Dục Vọng, Tư Tưởng, Hành Động. Mãnh lực thúc đẩy của Dục Vọng làm gọi lên Tư Tưởng. Mãnh lực điều khiển của Tư Tưởng hướng dẫn Hành Động. Trình tự này là bất biến, và việc hiểu rõ nó có tầm quan trọng sâu sắc, vì việc kiểm soát hạnh kiểm có hiệu quả là tùy vào việc hiểu biết này, và tùy vào việc áp dụng nó trong thực tế. Việc điều chỉnh (shaping) nghiệp quả chỉ có thể thành tựu khi hiểu rõ trình tự này, chỉ có như vậy mới có thể phân biệt được hành vi có thể tránh và hành vi không thể tránh.

Chính là nhờ Tư Tưởng mà chúng ta mới có thể thay đổi Dục Vọng, và do đó thay đổi Hành Động. Khi [318] thể trí thấy rằng một vài dục vọng đã thúc đẩy tư tưởng có các hành

động dẫn đến bất hạnh thì nó có thể kháng cự lại các thúc đẩy tương lai của Dục Vọng theo một hướng tương tự, và không chịu đưa các hành động đến một kết quả đã được biết là tai hại. Nó có thể hình dung ra các kết quả đau khổ, và như thế làm phát sinh nỗ lực xua đuổi của Dục Vọng, và có thể tưởng tượng ra kết quả hạnh phúc của những ham muốn thuộc loại ngược lại. Hoạt động sáng tạo của Tư Tưởng có thể được sử dụng trong việc uốn nắn Dục Vọng, và sức thúc đẩy của nó có thể được chuyển qua một chiều hướng tốt đẹp hơn. Bằng cách này, Tư Tưởng có thể được dùng để chế ngự Dục Vọng, và nó có thể trở thành người chỉ huy thay vì là kẻ nô lệ. Và như vậy khi Tư Tưởng khẳng định sự kiểm soát lên người bạn đồng hành bất kham của nó, nó bắt đầu chuyển hóa Dục Vọng thành Ý Chí, thay đổi sự điều hành của năng lượng hướng ngoại từ bên ngoài vào bên trong, khỏi các ngoại vật đang thu hút hoặc chống lại Tinh Thần, là Chủ Thể nội tâm.

### 5- Bản chất ràng buộc của Dục Vọng

Nếu Ý Muốn Linh Hoạt (Will to Live) là nguyên nhân việc đi ra, của sự sống đang tìm cách [319] nhập thể và chiếm hữu cho chính nó những gì cần cho sự biểu lộ và sự tồn tại của nó trong hình hài, thì Dục Vọng, là Ý Chí trên một cõi thấp, cũng sẽ cho thấy các tính chất tương tự, nghĩa là tìm cách chiếm hữu, lôi kéo vào chính nó để tạo thành một phần của chính nó những gì mà nhờ đó sự sống của nó trong hình hài có thể được duy trì và củng cố. Khi chúng ta muốn một đối tượng nào thì chúng ta tìm cách làm cho nó trở thành một phần của chính chúng ta, một phần của cái "Ta", sao cho nó có thể tạo thành một phần của hiện thân của cái "Ta" đó. Dục Vọng là việc đưa ra sức mạnh thu hút, nó lôi kéo đối tượng được ưa thích vào chính nó. Bất cứ cái gì mà chúng ta ưa

thích, chúng ta đều liên kết vào chính chúng ta. Do ước muốn chiếm hữu nó, một ràng buộc được tạo ra giữa đối tượng với người muốn. Chúng ta trói buộc vào Ngã cái phần này của Phi Ngã, và mỗi ràng buộc tồn tại cho đến khi đối tượng được chiếm hữu, hoặc cho đến khi Ngã đã chặt đứt được mỗi ràng buộc và từ bỏ đối tượng. Đây là “những ràng buộc của tâm” (*Kathopanishat*, VI, 15) và trói buộc Ngã vào bánh xe sinh tử.

Các mối ràng buộc này giữa kẻ ước muốn với các đối tượng của ước muốn cũng giống như dây thừng kéo Ngã vào nơi [320] có các đối tượng ưa thích, và như thế định đoạt nơi sinh của Ngã vào cõi này hoặc cõi khác. Có một câu kinh điển tả về việc này như sau: “Khi đã mê đắm vào vật gì rồi thì người nào cũng đều dùng hành động cố đạt được cái mà tâm trí y đã khắc ghi vào. Khi đã đạt được đối tượng nhờ hành động mà y hoàn thành được tại cõi này rồi, thì do lẽ đó, y trở lại cõi này do bởi hành động đó. Đối với trí còn ham muốn thì cũng thế”. (*Brihadaranyakopanishat*, IV, IV, 6).

Nếu một người muốn các đối tượng của một thế giới khác nhiều hơn là các đối tượng của thế giới này, thì bấy giờ người đó sẽ được sinh vào thế giới đó. Có một sức ép liên tục trong mỗi ràng buộc của Dục Vọng cho đến khi Ngã và đối tượng được kết hợp lại.

Năng lượng vĩ đại duy nhất có tính quyết định, tức Ý Chí Muốn Sống, vốn giữ các hành tinh trong quỹ đạo của chúng quanh mặt trời, vốn ngăn vật chất của các bầu hành tinh (globes) khỏi tách ra, vốn giữ cho các thể của chúng ta ở chung lại với nhau, đó là năng lượng của Dục Vọng. Nơi chúng ta, Dục Vọng ngự trị tất cả, và nó phải cuốn hút đến chúng ta, hoặc cuốn chúng ta đến, mọi vật mà nó đã gắn chặt các móc câu của nó. Móc câu của Dục Vọng tự cắm chặt vào

một đối tượng, giống như một cây lao có ngạnh trong con cá voi mà người phóng lao [321] ném vào nó. Khi Dục Vọng đã cắm ngọn lao của nó vào một đối tượng, thì Bản Ngã bị dính mắc vào đối tượng đó, đã chiếm hữu vật đó trong Ý Chí, và chẳng bao lâu tất phải chiếm hữu nó bằng hành động. Vì vậy, một Đại Huấn Sư có nói: “Nếu mắt bên phải của người xui cho người phạm tội, thì hãy móc nó ra và quăng nó cho xa người, nếu tay phải xui cho người phạm tội, thì hãy chặt và liệng nó cho xa người”. (Matt, V, 29, 30). Vật được ưa thích sẽ trở thành một phần thân thể của Bản Ngã, và nếu nó xấu xa, nó nên được tách bỏ, đầu có bị đau đớn đến đâu. Nếu không nó sẽ chỉ bị tàn tạ bởi sự mất dần chậm chạp của thời gian và sự kiệt sức. “Chỉ những kẻ dũng mãnh mới có thể tiêu diệt được nó. Kẻ yếu đuối phải chờ cho nó lớn lên, đơm hoa kết quả, rồi tàn tạ”. (“Ánh sáng trên Thánh Đạo”).

## 6- Cắt đứt những ràng buộc

Muốn cắt đứt những mối ràng buộc của Dục Vọng, phải nhờ cậy vào thể trí. Nơi đây có ẩn tàng cái năng lực trước tiên là thanh lọc (purify) và kể đó chuyển hóa Dục Vọng.

Thể trí ghi nhận các kết quả theo sau việc chiếm hữu mỗi đối tượng của Dục Vọng, và để ý xem coi kết quả mang lại do sự kết hợp của đối tượng đó với Chân Ngã nhập thể là hạnh phúc hay đau khổ. Và khi nào, sau nhiều lần chiếm hữu một đối tượng có sức thu hút, thể trí nhận thấy kết quả là đau khổ, thì nó ghi nhận rằng đối tượng đó nên được tránh về sau này. “Những vui thích do tiếp xúc sinh ra, đích thị là cội nguồn của đau khổ” (*Bhagavad-Gita*, V, 22).

Kế đó, sự xung đột lại nổi lên. Khi đối tượng thu hút đó lại hiện đến, Dục Vọng phóng ra ngọn lao ghim vào đối tượng và bắt đầu kéo nó vào. Do nhớ lại các kết quả đau

buồn của những lần chiếm hữu tương tự trước đây, thể trí cố gắng kiểm soát Dục Vọng, để cắt đứt mối dây ràng buộc bằng thanh guom tri thức. Xung đột mãnh liệt bùng nổ dữ dội bên trong con người; y bị Dục Vọng lôi tới trước, còn Tư Tưởng trì ra sau; rất nhiều lần Dục Vọng thắng thế và chiếm được đối tượng; nhưng kết quả đau buồn cứ mãi lặp lại, mỗi lần Dục Vọng chiến thắng là một kẻ thù khác trong các mãnh lực của thể trí dàn quân chống lại nó. Hiển nhiên là cho dù chậm chạp đi nữa, Tư Tưởng cũng tỏ ra mạnh hơn, cho tới khi cuối cùng chiến thắng [323] nghiêng về phía nó, và đến một lúc dục vọng yếu hơn là thể trí, và đối tượng thu hút được buông ra, dây trói buộc bị cắt đứt. Mối ràng buộc bị phá vỡ đối với đối tượng đó.

Trong cuộc xung đột này, Tư Tưởng tìm cách dùng sức mạnh của Dục Vọng chống lại Dục Vọng. Tư Tưởng chọn các đối tượng nào của Dục Vọng sẽ đem lại hạnh phúc tương đối dài lâu và tìm cách vận dụng các đối tượng này chống lại các dục vọng dẫn đến đau khổ một cách nhanh chóng. Thế rồi tư tưởng sẽ đem thú vui nghệ thuật chống lại thú vui nhục dục; tư tưởng sẽ dùng danh vọng và quyền lực chính trị hoặc xã hội để chống lại các thú vui của nhục thể; nó sẽ kích thích lòng ham muốn vui thích làm điều lành, để củng cố việc xa lánh các thú vui không lành mạnh; sau cùng tư tưởng sẽ làm cho lòng ham muốn có được an bình vĩnh cửu vượt qua được các ham muốn đối với thú vui thế tục.

Nhờ sự lôi cuốn lớn lao duy nhất này mà các lôi cuốn thấp kém khác bị tiêu diệt và không còn là các đối tượng ưa thích nữa: “Thậm chí cái sở thích (đối với chúng) cũng không còn nữa sau khi y thấy được Đấng Tối Cao”. (*Bhagavad-Gita*, ii, 59).

Chính năng lượng của Dục Vọng mới có thể tách nó ra khỏi những gì mang lại đau khổ và gắn chặt nó vào những gì mang lại phúc lạc (bliss). Cũng mãnh lực ràng buộc đó được [324] dùng như khí cụ để giải thoát. Nhờ tự tách ra khỏi các đối tượng, nó sẽ chuyển hướng đi lên và hướng vào trong, nối kết con người với Sự Sống mà từ đó con người xuất phát, và nhờ hợp nhất được với Sự Sống đó, con người mới có được phúc lạc tối thượng.

Nơi đây có ẩn tàng giá trị của lòng sùng tín với vai trò một tác nhân giải thoát. Khi chuyển qua Đấng Tối Cao, Tình Thương xem Ngài như là Đấng vô cùng kính yêu, như một Đối Tượng cực kỳ quý chuộng, và việc này thiêu hủy hết các dính mắc vào các đối tượng đang giam nhốt tâm người trong cảnh nô lệ.

Chỉ có Bản Ngã dưới hình thức Tư Tưởng (Self as Thought) mới có thể chế ngự được Bản Ngã dưới hình thức Dục Vọng (Self as Desire). Nhờ hiểu được chính mình là sự sống, Bản Ngã thuần túy (the Self) mới vượt qua được Bản Ngã đang nhập thể (the Self embodied) và đang tự cho mình (thinking itself) là hình hài.

Con người phải học cách tách chính mình ra khỏi các hiện thể mà trong đó y ước muốn, suy tư và hành động, phải học cách để biết các hiện thể đó như là thành phần của Phi-Ngã, như là chất liệu nằm ngoài sự sống. Như vậy năng lực vốn được dành cho các đối tượng thuộc các dục vọng thấp kém trở thành ham muốn cao siêu được trí tuệ dẫn dắt và được chuẩn bị để được chuyển hóa thành Ý Chí.

Khi hạ trí tự hòa nhập vào trong thượng trí và thượng trí vào trong Minh Triết, thì trạng thái Ý Chí thuần túy xuất hiện [325] dưới hình thức Quyền Năng của Tinh Thần, tự định đoạt, tự điều khiển, trong sự hài hòa hoàn toàn với Ý

Chí Tối Cao, và nhờ đó được giải thoát. Chỉ lúc bấy giờ mọi dây trói buộc mới bị cắt đứt và Tinh Thần không còn bị giới hạn bởi bất cứ điều gì bên ngoài chính Tinh Thần. Bấy giờ và chỉ bấy giờ Ý Chí mới có thể được nói là giải thoát. [326]



## Chương III Dục Vọng (tiếp theo)

### 1- Hiện thể của dục vọng

Chúng ta sẽ phải trở lại việc đấu tranh trong bản chất Dục Vọng để đưa thêm một vài chi tiết hữu ích vào những gì đã được nói đến. Nhưng trước tiên, cần nghiên cứu hiện thể (vehicle) của Dục Vọng, tức thể cảm dục, vì việc nghiên cứu này sẽ cho phép chúng ta hiểu được đúng phương pháp mà chúng ta nên theo để đè nén và tổng khứ được các dục vọng thấp kém.

Hiện thể của Dục Vọng được làm bằng chất cảm dục (astral matter), chất của cõi ở trên cõi trần. Giống như chất hồng trần, chất cảm dục cũng có bảy biến thái (modifications) vốn tương đối giống với chất đặc, lỏng, thể khí v.v..., là các trạng thái phụ của vật chất trên cõi trần. Giống như thể xác chứa đựng [327] trong chính nó các trạng thái phụ khác nhau này của chất hồng trần, cũng vậy, thể cảm dục cũng chứa trong chính nó các trạng thái phụ khác nhau của chất cảm dục (tức là chất ở các cõi phụ khác nhau của cõi cảm dục – ND).

Mỗi một trong các trạng thái phụ này đều có trong nó các tập hợp vật chất thô trực và tinh anh, và công việc thanh luyện thể cảm dục cũng như thanh luyện thể xác đều chủ yếu là thay chất thô trực bằng chất tinh anh.



Ngoài ra, chất cảm dục ở các cõi phụ thấp phần lớn dùng cho việc biểu lộ các ham muốn thấp kém, trong khi chất cảm dục ở các cõi phụ cao có rung động đáp ứng với các ham muốn đã biến đổi, do việc trộn lẫn với chất trí, thành các xúc cảm (emotions). Trong khi chạy theo các đối tượng vui thích, các dục vọng thấp nhận ra rằng chất cảm dục ở cõi phụ thấp được dùng như là môi trường cho mãnh lực thu hút của chúng, hễ dục vọng càng thô trực và càng thấp hèn, thì các tập hợp vật chất để biểu lộ chúng một cách thích hợp càng thô trực hơn. Khi dục vọng khiến cho chất liệu tương ứng trong thể cảm dục bị rung động, thì chất liệu đó trở nên linh hoạt một cách mạnh mẽ và thu hút chất liệu mới tương tự từ bên ngoài vào chính nó, như vậy làm tăng thêm số lượng chất liệu thuộc loại đó trong cấu tạo thể cảm dục.

Khi các dục vọng được thanh luyện dần dần thành các xúc cảm, [328] các yếu tố trí tuệ tiến nhập vào chúng, và tính ích kỷ giảm đi, thì số lượng chất tinh anh tăng lên tương tự trong thể cảm dục, trong khi chất thô trực, do không được tiếp sinh lực, nên mất đi năng lượng và giảm bớt số lượng.

Các sự kiện này, nếu được áp dụng trong thực tế, sẽ giúp chúng ta làm suy yếu được kẻ thù đang ngự trị bên trong chúng ta, vì chúng ta có thể tước mất các khí cụ của nó. Một kẻ phản bội nằm bên trong cánh cổng còn nguy hiểm nhiều hơn là một kẻ thù ở bên ngoài, và thể cảm dục hành xử giống như một kẻ phản bội, chùng nào mà nó còn được cấu tạo bằng các yếu tố đáp ứng với các cảm dỗ từ bên ngoài.

Thể trí phải kiểm soát dục vọng khi dục vọng đem vào các chất liệu thô, thể trí từ chối hình dung thú vui phù phiếm mà việc chiếm hữu đối tượng sẽ mang lại, và hình dung cho chính nó nỗi phiền não dài lâu hơn mà việc chiếm hữu đó có thể gây ra. Khi chúng ta tổng khứ hết chất trực rung động

đáp ứng với các thu hút thấp kém, thì các thu hút này mất hết mọi khả năng quấy rầy ta.

Hiện Thể của Dục Vọng này (tức thể cảm dục) khi đó phải được đưa vào khuôn phép; tùy theo cấu tạo của nó mà các thu hút [329] từ bên ngoài đến với chúng ta sẽ như thế ấy. Chúng ta có thể tác động lên hình hài, thay đổi các yếu tố tạo thành hình hài, và như vậy biến đổi kẻ thù địch thành kẻ bảo vệ.

Khi cá tính của con người đang phát triển, y lại phải đương đầu với một khó khăn, khó khăn này thường gây lo lắng và làm cho y nản chí. Y thấy chính y bị khuấy động bởi các dục vọng mà y đang né tránh, mà y thấy xấu hổ vì đó, và mặc dầu y luôn luôn cố gắng để giữ sạch chúng, tuy thế chúng vẫn bám chặt và giày vò y. Chúng không phù hợp với các cố gắng của y, các hy vọng, các mong mỏi của y, tuy thế, theo một phương cách nào đó, chúng dường như thuộc về y. Kinh nghiệm đau khổ này do bởi sự kiện là tâm thức tiến hóa nhanh hơn sự thay đổi của hình hài, và ở một chừng mực nào đó, cả hai đang xung đột với nhau. Có một số lượng đáng kể các tập hợp vật chất thô vẫn còn có mặt trong thể cảm dục; nhưng vì dục vọng đã trở nên được thanh luyện hơn, nên chúng không còn làm linh hoạt các chất này nữa. Tuy nhiên, một ít sinh lực cũ vẫn còn trong đó, và mặc dầu các tập hợp vật chất này đang tàn tạ, chúng cũng không hoàn toàn mất hết.

Giờ đây, mặc dầu bản chất-Dục Vọng của con người [330] không còn dùng các chất liệu này để tự biểu lộ nữa, tuy thế chúng vẫn có thể bị đẩy vào hoạt động tạm từ bên ngoài, và như vậy khoác lấy một vẻ ngoài linh hoạt như một cái xác chết bị kích thích có thể cử động vậy.

Các dự vọng của những người khác – các tinh linh cảm dự thuộc loại xấu – có thể tự gắn vào các yếu tố (elements) không còn được dùng này trong thể cảm dự của người này, và các yếu tố đó có thể được kích thích và linh hoạt lại, khiến cho người này cảm thấy như chính mình có các thôi thúc của dự vọng mà y đang kinh tởm. Khi bị trải qua các kinh nghiệm như thế, người chiến sĩ hãy lấy lại can đảm. Thậm chí khi các dự vọng này đổ xô đến, y hãy khước từ chúng như không phải là của mình, và biết rằng các yếu tố trong y mà chúng đang sử dụng đều thuộc về quá khứ và đang giãy chết, và biết rằng ngày chết của chúng và ngày giải thoát của y đang gần kề.

Chúng ta có thể lấy một thí dụ từ giấc mơ để chứng minh cách tác động của loại chất liệu đang tàn tạ này trong thể cảm dự. Trong một tiền kiếp, một người kia là kẻ nát rượu, các kinh nghiệm sau khi chết của y đã tạo ấn tượng sâu lên y cái ác cảm về việc uống rượu. Khi y tái sinh, Chân Ngã trong thể xác mới và thể cảm dự mới sẽ tạo ấn tượng lên các thể này sự kinh tởm (đối với việc uống rượu), nhưng [331] tuy vậy trong thể cảm dự của y cũng có một ít vật chất được thu hút vào đó bởi các rung động được tạo ra trong nguyên tử thường tồn do bởi sự say sưa trong kiếp trước. Trong kiếp sống hiện tại, chất liệu này không được làm linh hoạt bằng bất cứ việc thêm uống rượu nào, cũng như không sinh ra thói quen uống rượu, mà trái lại, trong cuộc sống tỉnh thức, con người không say rượu. Nhưng trong con mơ, chất liệu này trong thể cảm dự bị kích thích từ bên ngoài, và việc kiểm soát của Chân Ngã trên thể cảm dự <sup>(1)</sup> bị yếu đi, chất liệu

---

<sup>1</sup> Trong lúc ngủ, Chân Ngã chuyển sự chú tâm của nó vào bên trong, cho đến khi nào Chân Ngã có thể dùng thể cảm dự của nó

này đáp ứng với các rung động thềm uống rượu đến với nó, lúc đó con người mơ thấy mình đang uống rượu. Hơn nữa, nếu trong con người vẫn còn ý muốn uống rượu tiềm tàng, vì quá yếu nên không thể tác động lên con người trong lúc tỉnh thức, ý muốn đó có thể lại đến trong trạng thái mơ. Vì chất hồng trần tương đối nặng nề và khó lay động, một ham muốn yếu ớt không đủ sức mạnh để tạo ra các rung động nơi đó, nhưng cùng một ham muốn đó lại có thể lay động chất cảm dục nhẹ hơn nhiều, và như thế một người có thể bị lôi cuốn đi trong một giấc mơ bằng một dục vọng mà trong lúc thức tỉnh, dục vọng đó không có chút quyền lực nào đối với y. Các giấc mơ như thế gây ra nhiều đau khổ, vì người ta không hiểu được nó. Con người nên hiểu rằng giấc mơ chứng tỏ rằng sự cảm dỗ đối với y đã bị đánh bại, và y chỉ bị khuấy rối bởi cái xác chết của các dục vọng trong kiếp trước, được làm cho sinh động từ bên ngoài trên cõi cảm dục, hoặc là nếu từ bên trong, thì bấy giờ đó là một dục vọng đang hấp hối nên quá yếu ớt không thể thúc đẩy được y trong những lúc tỉnh. Như vậy, giấc mơ là một dấu hiệu của một chiến thắng hầu như hoàn toàn. Đồng thời đó cũng là một cảnh báo vì nó báo cho con người biết rằng trong thể cảm dục của y vẫn còn một ít chất liệu có khuynh hướng được làm linh hoạt bằng các rung động của việc thềm uống rượu, do đó, trong lúc tỉnh thức y đừng nên để cho mình ở gần nơi có nhiều rung động như thế. Bao giờ các giấc mơ như thế chưa hoàn toàn chấm dứt, thì thể cảm dục chưa rõ bỏ hết nguồn chất liệu nguy hại kia vậy.

---

một cách độc lập; do đó sự kiểm soát của Chân Ngã trên thể cảm dục trở nên yếu đi.

## 2- Mâu thuẫn giữa Dục Vọng với Tư Tưởng

Bây giờ chúng ta trở lại việc đấu tranh trong bản chất Dục vọng đã nói [333] ở trước, để thêm vào một vài chi tiết cần thiết.

Sự mâu thuẫn này tùy thuộc vào điều được gọi là giai đoạn giữa của cuộc tiến hóa, giai đoạn dài đó chen vào giữa trạng thái mà con người hoàn toàn bị Dục vọng chi phối (như chiếm lấy tất cả những gì y muốn, không bị lương tâm kiểm soát, không bị nỗi hối hận cắn rứt...) với trạng thái của con người tâm linh tiến hóa cao, trong đó Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động tác động trong sự phối kết hài hòa. Sự mâu thuẫn nổi lên giữa Dục Vọng với Tư Tưởng – Tư Tưởng bắt đầu hiểu được sự liên hệ giữa nó với Phi Ngã và với các Bản Ngã riêng biệt khác, còn Dục vọng, vì chịu ảnh hưởng của các đối tượng chung quanh nó, hoạt động bằng các thu hút và các xô đẩy, nên bị lôi bên này, kéo bên kia bởi các đối tượng cám dỗ nó.

Chúng ta phải nghiên cứu giai đoạn tiến hóa mà trong đó các ký ức tích lũy các kinh nghiệm đã qua được giữ lại trong trí, giúp cho chúng chống lại việc làm thỏa mãn các dục vọng vốn đã được chứng minh là đưa đến đau khổ; hay nói một cách chính xác hơn, trong đó kết luận được Chủ Thể Tư Tưởng (Thinker, tức Linh Hồn–ND) rút ra từ các [334] kinh nghiệm được tích lũy này, khẳng định nó trước một đòi hỏi của bản chất Dục Vọng đối với đối tượng vốn được chứng tỏ là nguy hại.

Thói quen chiếm lấy và hưởng thụ đã được thiết lập từ nhiều trăm kiếp sống rồi và đang ở trong thế mạnh, trong khi thói quen đối kháng lại thú vui hiện hữu ngõ hầu tránh một đau khổ về sau này, chỉ mới được thiết lập và tất nhiên là rất

yếu ớt. Do đó các xung đột giữa Chủ Thể Tư Tưởng với bản chất Dục Vọng kết thúc trong một thời gian dài bằng một loạt các thất bại. Trí khôn non trẻ đang đấu tranh với thể Dục Vọng trưởng thành thấy mình luôn luôn bị đánh bại. Nhưng mỗi chiến thắng của bản chất Dục Vọng, được nối tiếp bằng một vui thích ngắn ngủi và một đau khổ kéo dài, làm sinh ra một sức mạnh mới đối kháng với chính nó, bổ sung cho sức mạnh của đối thủ nó. Như vậy, mỗi thất bại của Chủ Thể Tư Tưởng lại gieo xuống các mầm mống cho sự thành công trong tương lai, và sức mạnh của Chủ Thể Tư Tưởng tăng lên hàng ngày trong khi sức mạnh của bản chất Dục Vọng giảm đi.

Khi điều này được hiểu rõ, chúng ta sẽ không còn buồn phiền về các thất bại của chúng ta và các thất bại của những người mà chúng ta yêu thương nữa, vì chúng ta biết rằng các thất bại này chắc chắn là đang tạo ra bệ đỡ an toàn cho tương lai và trong [335] chốn đau khổ đó, kẻ chinh phục của tương lai đang trưởng thành.

Sự hiểu biết về điều phải và điều trái của chúng ta phát triển được nhờ kinh nghiệm và chỉ được tinh luyện bằng thử thách. Ý thức về phải và trái mà hiện nay đang có sẵn nơi người văn minh, vốn dĩ đã được phát triển bằng vô số kinh nghiệm. Trong những ngày đầu của Bản Ngã tách phân (separated Self) <sup>(1)</sup>, tất cả các kinh nghiệm đều hữu ích cho sự tiến hóa của nó, và đều mang lại cho nó các bài học cần cho sự phát triển của nó. Dần dần Bản Ngã biết rằng việc nhân nhượng các Dục Vọng để làm hài lòng chúng sẽ làm hại cho những kẻ khác, đem đến cho Bản Ngã sự đau khổ không tương xứng với thú vui tạm bợ xuất phát từ việc thỏa mãn

---

<sup>1</sup> Bản Ngã tách phân: Bản Ngã tách khỏi Chân thần.

Dục Vọng. Bản Ngã bắt đầu gán thuật ngữ “sai trái” (“wrong”) cho các Dục Vọng nào mà việc chiều theo nó đã mang lại đau khổ nhiều hơn cả và điều này càng xảy ra nhanh chóng hơn bởi vì các Huấn Sư dù dặt Bản Ngã trên đường phát triển lúc đầu đã cấm cản, bài bác các đối tượng dễ thu hút các dục vọng như thế. Khi Bản Ngã đã không tuân theo các Ngài, đau khổ liền ập theo sau, ấn tượng được tạo ra trên Chủ Thể Tư Tưởng càng mạnh mẽ hơn về việc tiên báo trước kia, còn Lương Tâm – tức là Ý Chí làm [336] điều phải và tránh làm điều sai trái – được mạnh mẽ thêm một cách tương xứng.

Về điều này, chúng ta có thể dễ dàng thấy được giá trị của sự cảnh giác, trách cứ và khuyên răn hữu ích. Tất cả các điều này đều được tích chứa lại trong trí và là các mãnh lực được đưa thêm vào các ký ức đang tích chứa vốn đối nghịch với việc làm thỏa mãn các dục vọng sai trái. Dĩ nhiên là kẻ bị cảnh cáo có thể lại chịu thua khi cảm dỗ ập đến với y, điều đó chỉ có nghĩa là cán cân sức mạnh vẫn còn nằm ở trong dục vọng sai trái. Khi nỗi đau khổ được báo trước lại xảy đến, trí khôn sẽ nhớ lại tất cả các ký ức về sự cảnh cáo và cảnh giác (admonitions), và sẽ ghi khắc một cách sâu xa hơn trong bản thể của nó cái quyết định: “Ham muốn này là sai trái”. Phạm vào một hành vi sai trái chỉ có nghĩa là ký ức về điều đau khổ trước kia vẫn chưa đủ mạnh để áp đảo sức thu hút của thú vui nhất thời và rất được ham muốn. Bài học đó vẫn cần được lặp lại thêm một vài lần nữa, để củng cố ký ức về chuyện đã qua và khi bài học đó được hoàn tất, sự chiến thắng chắc chắn sẽ đến. Đau khổ là một yếu tố cần thiết cho sự tăng trưởng của linh hồn, bên trong đau khổ có cái hứa hẹn về sự tăng trưởng đó. Nếu chúng ta biết cách nhận xét, thì ta sẽ thấy khắp nơi [337] chung quanh ta cái tốt lành vẫn

đang phát triển, không nơi đâu mà cái xấu lại vô hy vọng cứu chữa.

Sự đấu tranh này được diễn tả trong tiếng than buồn thảm: “Những gì tôi muốn, tôi lại không làm; những gì tôi không muốn, tôi lại làm”. “Khi tôi muốn làm điều thiện, thì điều ác cứ chực chờ bên tôi”. Điều sai trái mà chúng ta đang làm trong khi vẫn có ý muốn không làm, đó là do thói quen trong quá khứ. Ý Chí yếu ớt bị Dục Vọng mạnh mẽ áp đảo là thế.

Bấy giờ, trong khi xung đột với bản chất Dục Vọng, Chủ Thể Tư Tưởng kêu gọi đến sự trợ giúp của chính bản chất Dục Vọng đó, và cố gắng khơi dậy trong bản chất đó một ham muốn đối ngược lại với những gì mà y muốn chống lại. Vì sức hút của một nam châm yếu có thể bị áp đảo bởi sức hút của một nam châm mạnh hơn, cũng thế, một ham muốn có thể được làm cho mạnh lên để vượt qua một ham muốn khác, một ham muốn lành mạnh có thể được khơi dậy để chống chọi với một ham muốn sai trái. Đây là giá trị của một lý tưởng.

### 3- Giá trị của một lý tưởng

Một lý tưởng là một ý niệm cố định trong trí có tính chất gây cảm hứng, được tạo ra để hướng dẫn cách hành xử, còn việc tạo ra một lý tưởng là một trong các phương cách có hiệu quả nhất để tác động lên dục vọng. Lý tưởng có thể hay không thể tìm thấy sự thể hiện trong một cá nhân, tùy theo tính khí của người tạo ra nó. Phải luôn luôn nhớ rằng giá trị của một lý tưởng tùy thuộc phần lớn vào sức thu hút của nó và những gì thu hút một người có tính khí này không nhất thiết thu hút được người có tính khí khác. Xét theo quan điểm tổng quát thì một lý tưởng trừu tượng (abstract ideal) và một



lý tưởng cá nhân (personal ideal) đều tốt như nhau, nếu được chọn lựa về mặt cá nhân thì nên chọn loại lý tưởng có ảnh hưởng thu hút nhất. Một người có tính khí thiên về trí tuệ sẽ thường thấy lý tưởng trừu tượng thích hợp hơn; trong khi đó một người có tính khí thiên về tình cảm sẽ đòi hỏi một biểu hiện cụ thể cho tư tưởng của mình. Sự bất lợi của lý tưởng trừu tượng là ở chỗ nó thường không có được linh hứng có tính thuyết phục (compelling inspiration). Bất lợi của sự thể hiện cụ thể là ở chỗ biểu hiện của nó thường ở dưới mức lý tưởng.

Đĩ nhiên là trí tuệ tạo ra lý tưởng, rồi hoặc giữ lý tưởng đó dưới hình thức một ý nghĩ trừu tượng (abstraction), hoặc thể hiện nó nơi con người. Thời điểm được chọn [339] cho việc sáng tạo ra một lý tưởng sẽ là thời điểm mà trí não được tĩnh lặng, ổn định và sáng suốt (luminous), lúc mà bản chất Dục Vọng đang yên ngủ. Bấy giờ Chủ Thể Tư Tưởng sẽ xem xét lại mục đích của đời mình, mục tiêu mà Chủ Thể Tư Tưởng nhắm vào, và để cho mục tiêu đó hướng dẫn sự lựa chọn của mình, y sẽ chọn các tính chất cần thiết cho phép y đạt đến mục tiêu đó. Y sẽ kết hợp các tính chất này thành một ý niệm duy nhất, dùng hết trí lực nghĩ tưởng đến sự tích hợp các đức tính mà y cần có. Hằng ngày y phải lặp lại tiến trình tích hợp này, cho đến khi lý tưởng của y hiện ra rõ rệt trong trí, có đủ mọi nét đẹp của tư tưởng cao siêu và tính chất cao thượng, một hình ảnh của sự thu hút có tính thuyết phục. Người thiên về trí tuệ sẽ duy trì lý tưởng này dưới hình thức một ý niệm trong sạch. Người có bản chất tình cảm sẽ nhân cách hóa lý tưởng đó vào trong một nhân vật như là Đức Phật, Đức Christ, Đức Shri Krishna, hay một Huấn sư thiêng liêng nào khác. Trong trường hợp sau này, nếu có thể, y nên nghiên cứu về cuộc đời, về giáo lý, về các hoạt động của

Ngài, nhờ vậy lý tưởng sẽ trở nên ngày càng sinh động mạnh mẽ hơn, ngày càng thực hơn đối với Chủ Thể Tư Tưởng. Tình thương mãnh liệt sẽ nảy sinh trong tâm [340] đối với lý tưởng được nhân cách hóa này, và Dục Vọng sẽ dang rộng cánh tay khao khát ôm lấy lý tưởng đó. Khi sự thử thách đồ xô đến, các dục vọng thấp kêu đòi thỏa mãn, thì lúc bấy giờ mãnh lực thu hút của lý tưởng mới tự tác động, dục vọng cao thương chống chọi với dục vọng thấp kém, và Chủ Thể Tư Tưởng thấy mình được tăng viện bằng dục vọng chính đáng, sức mạnh tiêu cực của ký ức lên tiếng: ‘Hãy tránh xa cái thấp hèn’, nhờ được củng cố bằng sức mạnh tích cực của lý tưởng, lý tưởng lên tiếng: “Hãy đạt cho được tính chất anh hùng” (“Achieve the heroic”).

Kẻ nào quen sống với lý tưởng cao cả, là kẻ ấy được trang bị để chống lại các dục vọng sai trái nhờ tình thương đối với lý tưởng của mình, nhờ xấu hổ trước hành vi thấp hèn, nhờ mong mỏi được giống với những gì mà mình tôn thờ, và cũng nhờ chiều hướng và khuynh hướng chung của trí óc mình theo các đường lối suy tư cao thượng. Các ham muốn sai trái ngày càng trở nên không thích hợp nữa. Đương nhiên các ham muốn sai trái đó sẽ bị tiêu diệt, vì không thể hít thở trong không khí trong lành đó.

Xét về các kết quả tiêu cực của việc phê phán lịch sử trong trí nhiều người, ở đây điều đáng làm là lưu ý rằng giá trị lý tưởng về Đức Christ, Đức Phật, Đức Krishna không bị tổn thương chút nào do thiếu bất cứ dữ kiện lịch sử nào, do bất cứ sai sót nào trong các bằng chứng về tính xác thực của một thủ bản. Nhiều câu chuyện truyền lại có thể không đúng về mặt lịch sử, nhưng đúng về mặt luân lý và cực kỳ chính xác. Dù cho sự kiện này có xảy ra trong đời sống trần tục của vị Huấn sư này hay không, đó là vấn đề không mấy quan

trọng; phản ứng của một tính chất lý tưởng như thế trên môi trường chung quanh vị Huấn Sư bao giờ cũng rất mực trung thực. Các kinh sách trên thế gian này đều trình bày về các sự kiện tâm linh đó, dù cho các sự việc trần gian này có đúng hay không đúng về mặt lịch sử.

Vậy là Tư Tưởng có thể tạo hình và hướng dẫn Dục Vọng và chuyển đổi Dục Vọng từ thù thành bạn. Bằng cách chuyển hướng, Dục Vọng trở thành một sức mạnh nâng đỡ (lifting) và gia tốc thay vì là một sức mạnh gây cản trở, và nơi nào mà các khát khao sự vật ghì chặt chúng ta vào bùn đen thì cũng nơi đó lòng khát khao lý tưởng nâng chúng ta lên trên đôi cánh mạnh mẽ đến tận trời xanh.

#### 4- Thanh luyện Dục Vọng

Chúng ta đã thấy biết bao điều có thể làm trong việc thanh luyện (purification) thể cảm dục, và việc ngưỡng vọng cùng tôn thờ [342] lý tưởng như vừa được mô tả là cách hữu hiệu nhất để thanh luyện Dục vọng. Khi các ham muốn tốt lành được khuyến khích và cổ vũ, thì các dục vọng xấu xa phải tàn tạ – tàn tạ chỉ vì không còn được nuôi dưỡng.

Nỗ lực loại bỏ mọi dục vọng sai trái được đi cùng với việc kiên quyết từ chối của tư tưởng, không cho phép các dục vọng tiếp tục chuyển thành hành động. Ý Chí bắt đầu hạn chế hành động, ngay cả khi Dục Vọng đòi được thỏa mãn. Và việc không để cho hành động được khởi xướng bởi dục vọng sai trái sẽ từ từ lấy đi mọi năng lực thu hút khỏi các đối tượng mà xưa kia đã khơi dậy nó. “Các đối tượng của giác quan... lui gót trước một chủ thể có tiết độ trong xác thân.” (*Bhagavad Gita*, II, 59). Các dục vọng mất dần, chết đi vì không được thỏa mãn. Từ chối không để cho thỏa mãn là cách thanh luyện rất có hiệu quả.

Có một cách thanh luyện khác nữa. Theo cách này thì người ta lợi dụng mãnh lực thôi thúc của Dục Vọng, như trong khi nguỡng vọng về một lý tưởng thì mãnh lực thu hút được kêu gọi đến. Mãnh lực này trở thành hữu ích trong các trường hợp cực đoan, trong đó các dục vọng thấp kém nhất trở nên mãnh liệt và nổi loạn, đó là các dục vọng đưa đến các tật xấu [343] như ham ăn, rượu chè, trác táng. Đôi khi người ta thấy không thể tổng khứ được các dục vọng xấu xa, và bất chấp mọi cố gắng, trí óc của y cũng nhượng bộ trước xung lực mạnh mẽ và các tưởng tượng xấu xa của dục vọng chạy hỗn loạn trong óc y. Bằng sự nhượng bộ ở bề ngoài, con người có thể chinh phục bằng cách đưa các tưởng tượng xấu xa đến các hậu quả không thể tránh khỏi. Y quán tưởng chính mình chịu nhượng bộ trước các thử thách đang đổ xô vào y và ngày càng chìm sâu vào sự kiềm kẹp của thói xấu đang chế ngự y. Y theo dõi chính mình, khi rơi xuống ngày càng sâu, y đang trở thành kẻ nô lệ không noi nương tựa vì các đam mê của mình. Bằng sự quán tưởng sống động, y vạch ra các giai đoạn đi xuống của mình, thấy xác thân mình ngày càng trở nên ô trược hơn, rồi trở thành béo phì và bệnh hoạn. Y quán tưởng đến các dây thần kinh bị phá hỏng, những vết thương đáng tởm, chỗ bị tàn phá và hư hao đáng sợ của một thân thể đã có thời mạnh mẽ tráng kiện. Y quán tưởng vào cái chết như nhuốc, cái di sản ảm đạm của tiếng xấu mà y đã để lại trong ký ức cho bà con và bạn bè. Bằng tư tưởng, y quán tưởng vào mặt kia của cái chết và thấy được phần ô uế (the soil) và méo lệch của các tật hư của mình được phác họa lại trong thể cảm dục bệnh hoạn, cùng với nổi thống khổ vì thèm khát các dục vọng đó mà không có cách nào làm [344] thỏa mãn được. Bằng sự quyết tâm, y bắt buộc các tư tưởng đang co rút lại của mình phải nghiền ngẫm về cái toàn cảnh thê

lượng trước sự đắc thắng của các dục vọng sai trái, cho đến khi bên trong y nảy sinh một sự kinh tởm chống lại các dục vọng đó, một nỗi sợ hãi và nhòm góm không thể chịu đựng được do kết quả của việc nhân nhượng hiện nay.

Phương pháp thanh luyện như thế giống như con dao của nhà giải phẫu, cắt đi ung bướu đang đe dọa sự sống, và có thể nói là tất cả các cuộc giải phẫu đều cần phải tránh, trừ phi không có cách chữa trị nào khác. Tốt hơn là nên chế phục dục vọng sai trái bằng mãnh lực thu hút của một lý tưởng hơn là bằng sức mạnh xua đuổi trước cảnh điêu tàn. Nhưng nơi nào mà sự thu hút thất bại, thì sự xua đuổi có lẽ thành công.

Trong cách sau cũng có một nguy hiểm, vì chất thô trược trong thể cảm dục lại tăng lên do tư tưởng nghĩ mãi vào điều xấu, do đó việc đấu tranh bị kéo dài hơn là khi có thể đưa cuộc đời vào các ham muốn tốt lành và các hoài bão cao siêu. Do đó, đây là phương pháp dở nhất trong số hai phương pháp, chỉ nên dùng khi phương pháp kia không thể dùng được. [345]

Bằng sự thu hút đến cái cao, bằng cách lánh xa cái thấp, hay là bằng bài học chậm chạp về sự đau khổ, Dục Vọng phải được thanh luyện. Từ ngữ “phải” (“must”) không nhất thiết là do một Thượng Đế ngoại tại áp đặt, mà là do mệnh lệnh oai nghiêm của Thượng Đế nội tại (Deity within), Ngài không muốn bị từ chối. Mọi mãnh lực thiêng liêng trong Thiên Nhiên đều hoạt động theo Ý Chí đích thực này của Đấng Thánh Linh (Divinity), Ngài vốn là Chân Ngã của chúng ta, và Chân Ngã thiêng liêng đó, vốn mong muốn điều cao cả nhất, chắc chắn cuối cùng phải chinh phục mọi vật cho chính Ngài.

Với sự chiến thắng này, Dục Vọng cũng ngưng lại. Vì lúc bấy giờ mọi đối tượng bên ngoài không còn thu hút hoặc xô đẩy các năng lượng đang xạ ra của Linh thể (Atma), và các năng lượng này hoàn toàn được điều khiển bởi Minh Triết do Chân Ngã quyết định, nghĩa là Ý Chí đã thay thế Dục Vọng. Thiện và ác đều được xem như là các mãnh lực thiêng liêng cùng hoạt động cho sự tiến hóa, cái này cũng cần thiết như cái kia, cái này bổ túc cho cái kia. Thiện là mãnh lực cần cố gắng đạt tới, ác là mãnh lực cần cố gắng chống lại, bằng cách sử dụng đúng hai mãnh lực này, các quyền năng của Chân Ngã được phát triển vào sự biểu lộ.

Khi đã phát triển được trạng thái [346] Minh Triết, Chân Ngã sẽ xem kẻ lành và người dữ, bậc thánh nhân và kẻ tội lỗi với đôi mắt như nhau, và do đó cũng sẵn sàng giúp đỡ cả hai, chia bàn tay mạnh mẽ cho cả hai. Dục Vọng, vốn đã xem thiện và ác như là có tính thu hút và xua đuổi, như là cái đem lại vui thích hoặc đau khổ, đã chấm dứt, và Ý Chí, vốn là năng lượng được Minh Triết hướng dẫn, mang đến sự giúp đỡ thích hợp cho cả hai. Như vậy con người vượt lên trên sự chuyên chế của các cặp đối lập (pairs of opposites) và trụ lại trong An Bình Vĩnh Cửu. [347]



## Chương IV

### Xúc động

#### 1- Nguồn gốc xúc động

Xúc động (emotion) không phải là trạng thái đơn thuần hay sơ đẳng của tâm thức, mà là một trạng thái phức hợp được tạo ra bằng sự tương tác của hai trạng thái của Chân Ngã là Dục Vọng và Trí Khôn (Intellect). Tác động của Trí Khôn lên Dục Vọng sinh ra Xúc Động, do đó xúc động là con của cả hai và nhận một số tính chất của cha, tức Trí Tuệ, cũng như một số tính chất của mẹ, tức Dục Vọng.

Ở tình trạng phát triển, Xúc Động dường như khác với Dục Vọng đến nỗi sự đồng nhất căn bản của chúng bị che lấp phần nào. Nhưng chúng ta có thể thấy sự đồng nhất này hoặc là bằng cách truy nguyên sự phát triển của một dục vọng thành xúc động, hoặc bằng cách nghiên cứu cả hai bên cạnh nhau và thấy rằng cả hai đều có cùng các tính chất, cùng các phân hóa (divisions), [348] thật ra cái này là một hình thức được trau chuốt (elaborated) của cái kia, phần trau chuốt đó là do sự hiện hữu trong cái sau một số yếu tố trí tuệ vốn không có hoặc không hiện rõ trong cái trước.

Chúng ta hãy truy nguyên sự phát triển của một Dục Vọng thành một xúc động theo một trong các mối quan hệ thông thường nhất của con người, tức quan hệ về tính dục. Đây là dục vọng dưới một trong các hình thức đơn giản nhất của nó. Ham muốn (desire) ăn uống, ham muốn phối hợp

tính dục, đó là hai ham muốn căn bản của mọi sinh linh – ham ăn uống để duy trì sự sống, ham phối hợp tính dục để có thêm sự sống. Trong cả hai ham muốn đó, ý nghĩa của “tính chất phong phú” (“moreness”) được trải nghiệm, hay nói cách khác, sự vui thích được nhận ra. Ham muốn ăn uống vẫn là một dục vọng, thức ăn được chiếm hữu, được đồng hóa, mất đi tính đồng nhất riêng biệt của nó, trở thành một phần của cái “Tôi” (the “Me”). Không có mối quan hệ nào được tiếp tục nào giữa người ăn với thức ăn để tạo cơ hội sinh ra một xúc động. Ngược lại, trong mối quan hệ phái tính, mối liên hệ này có khuynh hướng ngày càng trở nên lâu bền hơn với sự tiến hóa của cá tính.

Hai người bán khai được thu hút đến với nhau bằng sự thu hút phái tính, một sự đam mê [349] để chiếm hữu người khác xuất hiện trong mỗi người; người này ham thích người kia. Sự ham muốn này cũng đơn giản như là ham muốn thức ăn. Nhưng ham muốn đó không thể được thỏa mãn theo cùng mức độ, vì không có bên nào có thể hoàn toàn chiếm hữu và đồng hoá bên kia. Ở một mức nào đó mỗi bên duy trì sự đồng nhất riêng biệt của người nam hoặc người nữ và chỉ có một phần của mỗi bên trở thành “cái Tôi” của bên kia. Thật ra có một mức độ của “cái Tôi”, nhưng đó là bằng cách bao gồm (inclusion) chứ không phải bằng cách tự đồng nhất hóa (self-identification). Sự hiện hữu của chướng ngại bền bỉ này trở thành cần thiết cho việc chuyển dục vọng thành xúc cảm. Điều này làm cho có thể xảy ra sự ràng buộc của ký ức và tiên liệu trước cho cùng một đối tượng chứ không phải cho một đối tượng khác cùng loại – như trong trường hợp thực phẩm. Một ham muốn liên tục để hợp nhất với cùng một đối tượng sẽ trở thành một xúc động, các tư tưởng trộn lẫn như vậy với dục vọng ban đầu để chiếm hữu. Cái chướng ngại



vốn giữ cho các đối tượng thu hút lẫn nhau là hai chứ không phải một, đang ngăn chặn sự phối hợp của họ, trong khi nó có vẻ ngăn chặn, thực ra nó đang làm cho cả hai sống mãi. Nếu trở ngại không còn nữa, thì dục vọng và xúc cảm cùng biến mất, và cái Hai-trở-thành-Một (the Twain-become-One) lúc bấy giờ phải tìm một [350] đối tượng khác ở bên ngoài để tự mở rộng thêm niềm vui.

Trở lại với hai người bán khai của chúng ta được kết hợp bằng dục vọng (desire-united). Người nữ lâm bệnh và trong một thời gian không còn là một đối tượng để thỏa mãn tính dục nữa. Nhưng người nam vẫn nhớ đến quá khứ và đoán trước thú vui tương lai, nên tỏ ra đồng cảm với bệnh tật của người nữ, lòng thương xót cho sự yếu đuối của người nữ nổi lên trong lòng y. Do việc nhớ lại và sự tiên báo, việc thu hút dai dẳng nơi người nam về phía người nữ lại đổi dục vọng thành xúc động, đổi đam mê thành tình thương, còn cảm tình (sympathy) và lòng thương xót (compassion) là hai biểu lộ sớm nhất của tình thương. Đến lượt cảm tình và lòng thương xót này sẽ đưa người nam đến chỗ hy sinh cho người nữ, thức đêm để chăm sóc người nữ trong khi muốn đi ngủ, nỗ lực làm việc cho người nữ trong khi muốn nghỉ ngơi. Các tâm trạng ngẫu phát này của tình thương-xúc động (the love-emotion) nơi người nam sau này sẽ cô đọng lại thành các đức tính (virtues), nghĩa là sẽ trở thành các tâm trạng thường có trong tính tình người nam, tự biểu lộ để đáp ứng với tiếng gọi của nhu cầu nhân loại đối với tất cả những người mà y có dịp tiếp xúc, dù cho những người này có thu hút y hay không. Sau này chúng ta sẽ thấy rằng các đức tính chỉ là tâm trạng thường hằng của xúc động đích thực.

Tuy nhiên trước khi bàn đến [351] mối liên hệ của đạo đức với xúc động, chúng ta phải hiểu rõ hơn về tính đồng

nhất căn bản của Dục Vọng và xúc động bằng cách lưu ý đến các tính chất và các phân chia của chúng. Khi làm được điều này, chúng ta sẽ thấy rằng các xúc động không phải chỉ tạo thành một mớ hỗn độn, mà tất cả đều bắt nguồn từ một cội rễ, chia làm hai thân chính, mỗi thân lại chia nhỏ thành nhiều nhánh, trên nhánh mọc ra các lá, đó là các đức tính và tật xấu. Ý tưởng bổ ích này vốn tạo ra một khoa học về các xúc cảm và từ đó có được một hệ thống dễ hiểu và hợp lý của đạo đức học (ethics) – là của một tác giả người Ấn, ông Bhagavan Das. Ông này lần đầu tiên đã đặt ra trật tự vào trong lãnh vực tâm thức từ trước đến giờ vẫn còn mò mịt này. Các đạo sinh tâm lý học sẽ tìm được trong quyển *“Khoa học về Xúc Cảm”* (*“Science of the Emotions”*) của ông một khảo luận rõ ràng, trình bày về hệ thống này, nó làm giảm thiểu sự hỗn độn của các xúc cảm thành một hệ thống hài hòa, và nêu ra trong đó một hệ thống đạo đức có trật tự. Các nét chính được trình bày sau đây đều trích ra từ tác phẩm này, độc giả nào muốn có các chi tiết đầy đủ hơn, nên tham khảo quyển đó.

Chúng ta đã thấy rằng Dục Vọng có hai biểu hiện chính:

a) Ý muốn thu hút (desire to attract), cốt để chiếm hữu, hoặc muốn đến tiếp xúc trở lại [352] với bất cứ đối tượng nào mà trước đó đã mang lại thích thú.

b) Ý muốn xua đuổi (desire to repel), cốt xua ra xa hoặc để tránh tiếp xúc với bất cứ đối tượng nào mà trước đó đã gây đau khổ.

Chúng ta đã thấy rằng Hút và Đẩy là hai hình thức của Dục Vọng đang tác động vào Bản Ngã (the Self).

Xúc cảm, vốn là Dục Vọng được thẩm nhuần với Trí Tuệ, tất nhiên cũng biểu lộ thành hai xúc cảm có bản chất Thu Hút, sẽ thu hút các đối tượng lại với nhau bằng sự vui thích, tức năng lượng tích hợp trong vũ trụ, được gọi là Tình

Thương (Love). Xúc cảm có bản chất xua đuổi, sẽ xua mọi đối tượng tách ra khỏi nhau bằng sự đau khổ, tức năng lượng tan rã trong vũ trụ, được gọi là Thù Ghét (Hate). Cả hai thứ tình cảm này đều là thân của gốc rễ Dục Vọng, còn mọi nhánh nhóc tình cảm có thể được truy nguyên trở lại ở một trong hai thân này.

Đây là sự đồng nhất đối với các tính chất của Dục Vọng và Xúc Cảm. Tình Thương ra sức kéo về chính nó đối tượng thu hút hay tìm cách đi theo đối tượng đó ngõ hầu hợp nhất với nó, chiếm hữu nó hoặc bị nó chiếm hữu. Giống như Dục Vọng, Tình Thương cũng trói buộc bằng sự vui thích, bằng hạnh phúc. [353] Thực ra, các trói buộc của tình thương vốn bền chặt hơn, phức tạp hơn, gồm nhiều sợi tế vi hơn đan dệt vào nhau thành một phức hợp lớn hơn, nhưng cái tinh hoa của Dục Vọng-Thu Hút (Desire-Attraction), tức sự ràng buộc của hai đối tượng vào nhau, vẫn là tinh hoa của Xúc Cảm-Thu Hút (Emotion-Attraction), của Tình Thương. Cũng thế, Thù Ghét tìm cách xua ra khỏi nó cái đối tượng bị xua đuổi, hoặc chạy thoát ra khỏi nó, để tránh xa, để xô đẩy hoặc để bị nó xô đẩy. Nó tách ra bằng sự đau khổ, sự bất hạnh. Và như thế, cái tinh hoa của Dục Vọng- Xô Đẩy (Desire-Repulsion), tức là việc tách rời của hai đối tượng, cũng là cái tinh hoa của Xúc Cảm-Xô Đẩy (Emotion-Repulsion), của Thù Ghét. Tình Thương và Thù Ghét là các hình thức tinh lọc và thẩm nhuần tư tưởng của các Dục Vọng đơn thuần để chiếm hữu và để xa lánh.

## 2- Tác động của xúc động trong gia đình

Con người được mô tả như là “động vật sống thành xã hội” (“a social animal”) – cách nói theo sinh vật học này ngụ ý rằng con người phát triển được thuận lợi nhất khi tiếp xúc

với đồng loại của mình, chớ không phải ở tình trạng cách ly với đồng loại. Các đặc điểm trí tuệ riêng biệt của con người, nếu muốn được tiến hóa, cần phải có môi trường xã hội, còn [354] các thú vui mê say nhất – do đó, tất nhiên là các đau khổ đáng cay nhất – xuất phát từ các liên hệ của người này với những người khác thuộc các chủng loại riêng của y. Chỉ có các liên hệ ấy mới có thể gọi ra nơi y các đáp ứng mà sự phát triển sau này của y sẽ tùy thuộc vào. Mọi tiến hóa, mọi phát huy các năng lực tiềm tàng đều đáp ứng với các kích thích từ bên ngoài, và, khi đạt đến giai đoạn làm người, thì các kích thích thẩm thía và có hiệu quả nhất chỉ có thể đến từ các tiếp xúc với con người.

Sự hấp dẫn phái tính là mối ràng buộc đầu tiên trong xã hội, và trẻ con được cha mẹ sinh ra, hợp với cha mẹ đó thành đơn vị xã hội đầu tiên, tức là gia đình. Tình trạng cần được nương tựa và sự tùy thuộc kéo dài của trẻ con mang lại thời gian cho tình cảm nồng thắm của cha mẹ trên cõi trần trở nên chín muồi thành tình mẫu tử và tình phụ tử, và như vậy mang lại sự bền vững cho gia đình, trong khi chính gia đình tạo thành một lãnh vực mà trong đó các tình cảm khác nhau ắt phải tác động. Nơi đây, các mối liên hệ lâu dài và rõ rệt được tạo ra lần đầu tiên giữa con người, và chắc chắn là hạnh phúc của mỗi con người tùy thuộc vào sự hài hòa của các mối liên hệ này, tùy thuộc vào các phúc lợi được ban phát bởi các mối liên hệ này cho mỗi thành viên của gia đình. [355]

Có thể hữu ích khi chúng ta nghiên cứu sự tác động của Tình Cảm trong gia đình, vì ở đây chúng ta có được một đơn vị xã hội tương đối đơn giản, tuy thế, nó có thể cung cấp một bức họa thu nhỏ của xã hội nói chung. Ở đây chúng ta có thể tìm được cội nguồn và việc tiến hóa của các đức tính và tật

xấu, đồng thời thấy được ý nghĩa và mục đích của nguyên tắc đạo đức.

Chúng ta đã thấy bằng cách nào mà đam mê phái tính phát triển dưới sức ép của hoàn cảnh thành tình cảm yêu thương, và làm thế nào mà tình thương này tự biểu lộ dưới hình thức tính nhân hậu và lòng trắc ẩn khi người vợ, thay vì là người bạn ngang hàng với chồng, lại trở nên cần được giúp đỡ và dựa vào chồng, trong trường hợp tạm thời yếu ớt về thể chất do việc mang thai chẳng hạn. Tương tự như thế, nếu bệnh hoạn hoặc tai nạn đưa người chồng đến chỗ tạm thời yếu ớt về thể chất, thì người vợ cũng có lòng thương cảm và trắc ẩn đối với chồng. Nhưng các dấu hiệu thương yêu này không thể được kẻ mạnh biểu lộ mà không gọi ra nơi kẻ yếu các biểu lộ thương yêu đáp ứng. Trong tình trạng yếu đuối, các biểu lộ này sẽ có dưới hình thức các tính chất tự nhiên như lòng tin cậy, sự tin cẩn, lòng biết ơn, tất cả đều là các tình cảm thương yêu mang sắc thái yếu đuối và nương tựa. [356]

Trong mỗi liên hệ của cha mẹ với con cái và của con cái với cha mẹ, ở đó sự vượt trội và kém cỏi về thể chất được đánh dấu rõ rệt hơn và kéo dài trong một thời gian đáng kể, các tình cảm yêu thương này sẽ được biểu lộ liên tục ở cả hai phía. Cha mẹ luôn luôn tỏ lộ lòng âu yếm, thương mến, che chở đối với con cái, còn con cái luôn luôn đáp ứng lại bằng sự tin cậy, tin cẩn và lòng biết ơn. Các thay đổi trong cách biểu lộ tình thương sẽ được tạo ra bằng các trường hợp khác nhau, về phía cha mẹ thì đó là lòng quảng đại, thứ tha, nhẫn nại, v.v..., về phía con cái thì đó là sự vâng lời, chu toàn bổn phận, sẵn sàng giúp đỡ v.v...

Xét hai loại tình cảm yêu thương này, chúng ta thấy tình hoa chung trong một loại là lòng nhân ái và trong loại kia là lòng tôn kính. Lòng nhân ái là tình thương hướng xuống

những kẻ yếu, thấp kém hơn chính mình; lòng tôn kính là tình thương hướng lên kẻ mạnh, cao hơn chính mình. Và bây giờ, chúng ta có thể khái quát hóa và nói: Tình Thương hướng xuống là lòng nhân ái, Tình Thương hướng lên là lòng tôn kính. Và đây là [357] vài đặc điểm chung của tình thương nơi người trên đối với người dưới, và tình thương của người dưới đối với người trên rất thường gặp.

Các liên hệ bình thường giữa chồng với vợ và các liên hệ giữa anh chị em cung cấp cho chúng ta một lãnh vực để nghiên cứu các biểu lộ của tình thương giữa những người ngang bằng nhau. Chúng ta thấy tình thương tự biểu lộ dưới hình thức yêu mến lẫn nhau và tin cậy lẫn nhau, nó cũng ở dưới hình thức ân cần, tôn trọng, có ý muốn làm hài lòng, hoặc dưới hình thức mau hiểu rõ và cố gắng làm tròn ý muốn người khác, hoặc dưới hình thức độ lượng, khoan dung. Các yếu tố có mặt trong các tình cảm yêu thương của kẻ trên đối với người dưới cũng được tìm thấy nơi đây, nhưng tính chất hỗ tương được khắc sâu vào tất cả các yếu tố này. Thế nên, chúng ta có thể nói rằng tính chất chung của Tình Thương giữa những kẻ bằng vai với nhau là Ý Muốn Giúp Đỡ lẫn Nhau.

Vậy thì Lòng Nhân Ái, Ý Muốn Tương Trợ và Sự Tôn Kính là ba cách chia chính của Tình Cảm-Yêu Thương (Love-Emotion) và tất cả các Tình cảm-Yêu thương đều có thể được sắp theo ba phân loại này. Vì mọi mối liên hệ của con người đều được tóm tắt theo ba loại: Liên hệ của kẻ trên đối với kẻ dưới, liên hệ của kẻ ngang bằng nhau và liên hệ của kẻ dưới đối với người trên.

Một nghiên cứu tương tự về Tình cảm-Thù ghét (Hate-Emotion) trong [358] gia đình sẽ đưa chúng ta đến cái kết quả tương tự. Khi có sự thù ghét giữa chồng với vợ, thì kẻ tạm

thời là trên sẽ tỏ ra cay nghiệt, độc ác, áp chế đối với kẻ tạm thời là dưới, người trên sẽ bị kẻ dưới đáp trả bằng các biểu lộ thù ghét đặc trưng của sự yếu đuối như là tính thù hằn, sợ sệt và phản bội. Các biểu lộ-thù ghét này thậm chí còn rõ rệt hơn trong các liên hệ giữa cha mẹ với con cái, khi cả hai đều bị chi phối bởi Tình cảm-Thù ghét, vì sự chênh lệch ở đây lớn hơn, và sự áp chế dẫn đến toàn bộ một loạt tình cảm xấu như lừa dối, đê tiện, hèn nhát trong lúc đứa trẻ cần được giúp đỡ, khi lớn lên, nó trở thành ngỗ nghịch, hay nổi loạn, nuôi ý trả thù. Ở đây, một lần nữa, chúng ta tìm thấy một tính chất chung, và thấy rằng Thù ghét hướng từ trên xuống là sự Khinh Miệt, hướng từ dưới lên là sự Sợ Sệt.

Tương tự như thế, Thù ghét giữa kẻ ngang hàng sẽ tự biểu lộ thành hờn giận, gây gổ, bất kính, hung bạo, thù nghịch, đố kỵ, láo xược v.v., tức là tất cả các tình cảm đẩy lùi con người ra xa nhau, khi đối diện với nhau thì họ giữ thế là đối thủ, mặt đối mặt, chớ không phải tay trong tay. Đặc điểm chung của Thù ghét [359] giữa các kẻ ngang hàng như vậy sẽ là Làm Tổn Thương Lẫn Nhau, và ba đặc điểm chính của Tình cảm-Thù ghét là Khinh Miệt, Muốn Làm Tổn Thương Lẫn Nhau và Sợ Sệt.

Tình thương được tiêu biểu trong mọi biểu lộ của nó bằng thiện cảm, tự hy sinh, ý muốn ban phát; đây là các yếu tố chính của nó, dù là dưới hình thức Nhân ái, Ý muốn Tương Trợ, hay dưới hình thức Lòng Tôn Kính. Vì tất cả các yếu tố này đều đáp ứng trực tiếp với sự Thu Hút (Attraction), đều tạo ra sự hợp nhất, nên thuộc về chính bản chất của Tình Thương. Do vậy, Tình Thương thuộc về Tinh Thần, vì thiện cảm là sự xúc động dành cho người khác khi người ta cảm nghĩ cho chính y; sự hy sinh là việc nhận thức đòi hỏi của kẻ khác như của chính mình; việc cho tặng (giving) là tình trạng

của đời sống tâm linh. Như vậy ta thấy Bác Ái thuộc về Tình Thần, [360] thuộc về khía cạnh sự sống của vũ trụ.

Mặt khác, sự Thù Hận, dưới mọi hình thức biểu lộ của nó, được biểu thị bằng ác cảm, tự đề cao, ý muốn chiếm đoạt; các biểu lộ này là các yếu tố chính của nó, dù là dưới hình thức Khinh Bĩ, Ý Muốn Gây Hại Lẫn Nhau, hoặc Sợ Sệt. Tất cả các yếu tố này đều đáp ứng trực tiếp với việc Xua Đuổi, tách rời người này với người khác. Vậy sự Thù Hận thuộc về vật chất, nhấn mạnh vào tính đa dạng và các dị biệt, có bản chất là chia rẽ, thuộc vào khía cạnh sắc tướng của vũ trụ.

Như vậy, chúng ta đã bàn nhiều về sự tác động của xúc cảm trong gia đình, bởi vì gia đình được dùng như là một mô hình thu nhỏ của xã hội. Còn xã hội chỉ là sự sáp nhập của nhiều đơn vị gia đình, nhưng không có sự liên hệ huyết thống giữa các đơn vị này, không có quyền lợi chung được thừa nhận và không có mục đích chung, cần phải tìm ra một liên hệ nào đó để thay chỗ cho các mối liên hệ tự nhiên trong gia đình. Các đơn vị gia đình trong một xã hội bề ngoài có vẻ như là đối thủ hơn là huynh đệ; do vậy Tình Cảm-Thù Hận dễ trở dậy hơn là Tình Cảm-Yêu Thương, vì vậy cần tìm ra cách nào đó để duy trì sự hài hòa, điều này có thể làm được bằng cách chuyển các Tình Cảm-Thương Yêu thành các đức hạnh.

### 3- Nguồn gốc đức tính

Chúng ta đã thấy rằng khi các thành viên của một gia đình vượt ra ngoài phạm vi nhỏ bé của quyền thuộc, gặp những người có các sở thích không dính dáng đến hoặc trái ngược với họ, thì giữa họ với những người kia không có được Tình Thương qua lại với nhau. Họ để lộ ý [361] ghét nhau, sự ghét nhau này thay đổi từ thái độ dòm ngó vì nghi ngờ đến



sự giận dữ đánh nhau. Vậy thì một xã hội được bao gồm bằng các đơn vị gia đình riêng biệt như thế nào?

Điều đó chỉ có thể có được bằng cách làm cho mọi tâm trạng tình cảm vốn nảy sinh từ Tình Thương trở thành thường trực, và bằng cách xóa đi mọi tâm trạng tình cảm nảy sinh từ Hận Thù. Việc luôn luôn giữ một tâm trạng chứa tình cảm yêu thương hướng đến một sinh linh, là một Đức Tính (Virtue), còn một tâm trạng luôn luôn chứa tình cảm hận thù hướng vào việc chống lại một sinh linh lại là một Tật Xấu (Vice). Sự thay đổi này được thực hiện bởi Trí tuệ (Intellect). Trí tuệ phú cho tình cảm một tính chất lâu bền, tìm kiếm sự hài hòa trong mọi mối liên hệ ngõ hầu đưa đến hạnh phúc. Những gì mang lại sự hài hòa, và do đó mang lại hạnh phúc trong gia đình, tự động nảy sinh từ Tình Thương, là Đức Hạnh khi được thực hành hướng về mọi người trong mọi quan hệ của cuộc sống. Đức Hạnh xuất phát từ Tình Thương, và kết quả của nó là hạnh phúc. Cũng thế, những gì đưa đến sự bất hài hòa và do đó mang lại đau khổ trong gia đình, tự động nảy sinh từ sự Thù Ghét, là Tật xấu, khi được thực hành hướng về mọi người trong mọi mối quan hệ của cuộc sống.

[362]

Một sự bài bác được đưa ra đối với lý thuyết này, rằng tâm trạng thường xuyên về một tình cảm yêu thương là một đức hạnh, bằng việc nêu ra rằng hành vi ngoại tình, trộm cắp và các tật xấu khác có thể phát sinh từ tình cảm yêu thương. Ở đây cần phải phân tích các yếu tố đưa đến thái độ tâm trí này. Thật là phức tạp chớ không đơn giản. Hành vi ngoại tình là do tình thương thúc đẩy, nhưng không phải chỉ có tình thương mà thôi. Xen vào đó còn có việc coi thường (contempt) danh dự của người khác, lãnh đạm trước hạnh phúc của người khác, chỉ biết có thú vui ích kỷ của cá nhân,

không cần biết đến sự ổn định trong xã hội, thanh danh và phép tắc của xã hội. Tất cả các điều này đều xuất phát từ các tình cảm thù ghét. Tình thương là đặc điểm vót vát duy nhất trong toàn bộ sự việc này, là đức tính duy nhất trong đám tạt xấu như nhuộm đó. Cách phân tích tương tự cũng luôn luôn cho thấy rằng khi việc thực hành tình cảm yêu thương không đúng chỗ, thì cái sai trái nằm trong các tật xấu đi kèm với việc thực hành tình thương, chứ không ở trong chính tình cảm yêu thương đó.

#### 4- Điều Phải và Điều Quấy

Bây giờ chúng ta hãy quay sang vấn đề Điều Phải và Điều Quấy trong một chốc và xét [363] mối liên hệ của chúng với lạc phúc và khổ đau. Vì có một ý tưởng rất phổ biến cho rằng có một cái gì đó thấp kém và duy vật khi xem đức hạnh là phương tiện đưa đến chí phúc. Nhiều người nghĩ rằng ý tưởng này hạ thấp đức hạnh, đặt nó vào hàng thứ yếu khi mà lẽ ra, nó nên giữ vị trí thứ nhất, và biến nó thành một phương tiện thay vì là một cứu cánh (end). Vậy chúng ta hãy xét xem tại sao đức hạnh (virtue) phải là con đường đưa đến chí phúc (bliss) và đức hạnh vốn có trong bản chất của mọi sự vật (như thế nào).

Khi khảo sát thế giới, Trí năng (Intellect) nhận thấy có vô số các mối liên hệ được thiết lập trong đó, và nó cũng thấy rằng các liên hệ hài hòa sẽ mang lại hạnh phúc, còn các liên hệ không hài hòa sẽ mang lại đau khổ. Trí năng bắt đầu hoạt động để tìm cách thiết lập sự hài hòa khắp nơi để có được lạc phúc khắp nơi. Ngoài ra, nó khám phá ra rằng thế giới đang hoạt động theo một con đường mà nó bị bắt buộc phải bước lên – đó là con đường tiến hóa, rồi nó tìm ra định luật tiến hóa. Đối với một bộ phận, một đơn vị nào tự đặt nó theo định

luật chung mà nó thuộc về thì sẽ được an bình, hài hòa, và do đó sẽ có hạnh phúc. Trong khi nó đi ngược với định luật đó, có nghĩa là sẽ gặp va chạm, [364] bất hài hòa, và do đó đưa tới đau khổ. Như vậy, Điều Phải (the Right) là những gì hài hòa với đại luật, mang lại sự Chí phúc, còn Điều Quấy (the Wrong) là những gì xung đột với thiên luật, mang lại đau khổ. Khi Trí Năng được Tinh Thần soi sáng, nó sẽ thấy Thiên Nhiên là một biểu lộ của Tư Tưởng thiêng liêng, Luật Tiến Hóa là một biểu hiện của Ý Chí thiêng liêng, mục tiêu (goal) là một biểu hiện của sự Chí phúc thiêng liêng, khi đó để hài hòa với luật tiến hóa, chúng ta có thể thay thế sự hài hòa bằng Ý Chí thiêng liêng, và Điều Phải trở thành những gì hài hòa với Ý Chí của Thượng Đế, và tính chất đạo đức trở nên được thấm đẫm tinh thần tôn giáo.

### 5- Đức Hạnh và Chí Phúc

Sự Hoàn Thiện, sự hài hòa với Thiên Ý, không thể bị tách rời khỏi Chí Phúc. Đức hạnh (virtue) là con đường dẫn đến Chí Phúc (Bliss), nếu bất cứ điều gì không đưa đến Chí Phúc thì không phải là Đức Hạnh. Sự hoàn thiện của bản chất thiêng liêng tự biểu lộ trong sự hài hòa, và khi các “mảnh thiêng liêng” (“divine fragments”) lác đác tiến đến sự hài hoà, thì chúng nếm trải sự chí phúc.

Sự kiện này đôi khi bị [365] sự kiện khác che đi, nghĩa là việc thực hành một đức tính trong một vài trường hợp nào đó lại đưa đến sự đau khổ. Đúng là như vậy, nhưng sự đau khổ chỉ tạm thời và ở bề ngoài thôi, còn sự quân bình giữa cái đau khổ bên ngoài đó với sự chí phúc bên trong phát sinh từ hành vi đạo đức, lại có lợi cho sự chí phúc. Hơn nữa, đau khổ không phải do đức hạnh, mà là do các hoàn cảnh đối nghịch với việc thực hành đức hạnh, do sự va chạm giữa bộ máy tốt

lành với môi trường tệ hại chung quanh. Thế nên khi bạn tấu lên một hợp âm hài hòa giữa một số đồng các bất hài hòa, thì nhất thời nó làm tăng thêm sự thiếu hài hòa. Người có đức hạnh luôn xung khắc với người xấu, nhưng điều này cũng sẽ cho chúng ta thấy được sự thật rằng chí phúc bao giờ cũng được kết hợp một cách chặt chẽ với Điều Phải, còn đau khổ bao giờ cũng kết hợp không rời với Điều Quấy. Cho dầu người công chính có thể chịu đau khổ tạm thời, nhưng không có điều gì ngoại trừ sự công chính (righteousness) có thể đưa đến chí phúc. Nếu khảo sát tâm thức của người ngay thẳng, chúng ta thấy rằng người này được hạnh phúc hơn khi làm điều phải mặc dầu có thể chịu đau khổ ở bề ngoài, hơn là khi làm điều trái để bị xáo trộn sự an tĩnh nội tâm. Việc phạm vào một hành vi sai trái sẽ gây cho y đau khổ bên trong nhiều hơn là vui thích bên ngoài. Ngay cả trong [366] trường hợp mà sự ngay thẳng đưa đến đau khổ bên ngoài đi nữa, thì nỗi đau này cũng nhẹ nhàng hơn là nỗi đau do sự thiếu ngay thẳng gây ra. Cô Helen Taylor có nói một cách chí lý rằng đối với người dám chết vì chân lý, thì cái chết như thế còn dễ chịu hơn là sống với sự giả dối. Đối với người ngay thẳng thì chết như một thánh tử đạo lại dễ dàng và đáng vui hơn là sống như một kẻ đạo đức giả.

Vì bản chất của Bản ngã là phúc lạc, và niềm hạnh phúc đó chỉ bị cản trở trong việc biểu lộ bằng các hoàn cảnh chống lại, việc loại bỏ ma sát giữa bản thân và các hoàn cảnh này và mở ra hướng đi của nó phải dẫn đến việc Tự giác, tức là nhận ra hân hoan.

Vì bản chất của Chân Ngã là chí phúc, và niềm chí phúc đó chỉ bị ngăn không cho biểu lộ do các hoàn cảnh đối kháng, việc loại bỏ sự va chạm giữa chính nó với các hoàn cảnh này và mở ra con đường tiến lên của nó phải đưa tới việc nhận

thức Chân Ngã, nghĩa là đưa tới việc nhận thức chí phúc Đức hạnh làm được điều này, do đó mà đức hạnh là một phương tiện đưa tới chí phúc. Nơi nào mà bản chất bên trong của sự vật là an lạc, thì sự hài hòa, vốn cho phép bản chất đó tự biểu lộ, cũng phải mang lại sự an lạc, và mang lại sự hài hòa này là công việc của đức hạnh.

## 6- Chuyển hóa xúc động thành đức hạnh và tật xấu

Bây giờ chúng ta nghiên cứu đầy đủ hơn sự thật của những gì đã nói ở trên, đó là đức hạnh [367] phát xuất từ xúc động, và quan niệm cho rằng một đức tính hoặc một tật xấu chỉ là một tâm trạng thường xuyên của một xúc động thì chính xác đến mức nào. Theo định nghĩa của chúng ta, thì đức hạnh là tâm trạng thường xuyên của xúc cảm-yêu thương (love-emotion), còn tật xấu là tâm trạng thường xuyên xuyên của xúc cảm-thù hận (hate-emotion).

Những xúc cảm thuộc về yêu thương là các năng lượng xây dựng, chúng thu hút mọi người lại với nhau, tạo thành gia đình, bộ lạc, quốc gia. Tình thương là một biểu lộ của sự thu hút, do đó nó giữ cho các đối tượng chung lại với nhau. Tiến trình hội nhập này bắt đầu với gia đình, các liên hệ được thiết lập giữa các thành viên của gia đình bằng sự sống chung của gia đình, muốn có được hạnh phúc, cần có hoạt động hướng vào nhau theo cách giúp ích và thân ái. Các nghĩa vụ cần cho việc tạo ra hạnh phúc trong các liên hệ này được gọi là bốn phận (duties), những điều vốn là trách nhiệm từ người này đến người khác. Nếu các bốn phận này không được làm tròn thì các liên hệ gia đình trở thành nguồn gốc khổ đau, vì lẽ các tiếp xúc chặt chẽ của gia đình khiến cho hạnh phúc của mỗi người tùy thuộc vào cách đối xử của những người khác đối với y. Không có một liên hệ nào được đưa vào giữa con

người mà không [368] tạo ra một nghĩa vụ giữa họ, một bổn phận của mỗi người đối với người khác. Chồng thương yêu vợ, vợ thương yêu chồng, và không cần thêm gì nữa để khiến mỗi người tìm kiếm hạnh phúc cho người khác hơn là ý muốn tự phát mãnh liệt để làm cho người mình yêu thương được hạnh phúc. Ý muốn đó dẫn dắt cho kẻ này cung cấp những gì mà kẻ kia cần đến. Theo ý nghĩa đầy đủ nhất thì “Yêu thương là việc thực hiện định luật” (“love is the fulfilling of the law” – *Rom, XIII, 10*)(<sup>1</sup>). Không cần có sự cảm nhận về một nghĩa vụ, vì tình thương bao giờ cũng tìm cách giúp đỡ và chúc phúc, không cần phải nói lên “ngươi sẽ” (“thou shalt”) hoặc “ngươi sẽ không” (“thou shalt not”).

Nhưng khi một người, do tình thương thúc đẩy, mà làm xong mọi bổn phận trong mối liên hệ của mình với người khác, y bắt đầu liên hệ với những người mà y không ưa thích thì làm sao tạo được mối liên hệ hài hòa với những người sau này? Đó là y chỉ cần nhận thức được các nghĩa vụ về mối liên hệ mà y vừa tạo ra và hoàn tất các nghĩa vụ đó là đủ. Trong trường hợp trước, nhờ có tình thương mà việc làm của y trở thành nghĩa vụ, trong trường hợp sau, không có tình thương, chỉ có bổn phận (duties). Lý trí chính đáng tác động [369] tới các hành động tự nguyện vì tình thương làm cho chúng trở thành các nghĩa vụ hoặc các bổn phận có tính chất lâu bền, còn xúc- cảm- yêu thương tạo thành yếu tố lâu bền về tư cách đạo đức (conduct), được gọi là một đức hạnh. Điều này biện minh cho phát biểu rằng đức hạnh là tâm trạng bền vững của xúc cảm- yêu thương. Một trạng thái tình cảm bền vững được thiết lập sẽ tự biểu lộ khi một liên hệ được tạo ra. Người nào làm tròn được các bổn phận về mối liên hệ ấy là người có đức

---

<sup>1</sup> Lời dịch của Kinh Thánh 2003, trang 162. (ND)

hạnh. Y bị thôi thúc bởi các xúc cảm được trí năng làm cho trường cửu, trí năng nhận thức được rằng hạnh phúc tùy thuộc vào việc thiết lập sự hài hòa trong mọi mối liên hệ. Khi được hợp lý hóa và được xác định bằng trí năng, thì tình thương trở thành đức hạnh.

Bằng cách này, một khoa đạo đức học có thể được thành lập, các định luật của khoa này cũng theo một trình tự tất yếu nhiều như là các định luật mà bất cứ khoa học nào được thiết lập dựa vào đó.

Cũng thế, giữa xúc cảm-thù hận với tật xấu cũng có mối liên quan tương tự. Tâm trạng không thay đổi đối với một xúc cảm-thù hận tượng trưng cho một tật xấu. Một người làm hại một người khác, rồi bị người đó hại trở lại; mối liên hệ giữa hai người thiếu hài hòa, đưa tới kết quả là đau khổ. Và vì người này mong [370] cho người kia bị tổn hại, mỗi bên cố làm suy yếu khả năng gây tổn hại của bên kia, đây là hành động thù ghét tự phát. Khi tâm trạng này trở nên thường xuyên, và người nào để lộ tâm trạng đó trong bất cứ mối liên hệ nào y có được với người khác, thì bấy giờ nó được gọi là tật xấu.

Một người có các thị dục chưa được kiềm chế và có bản chất kém phát triển, thích đánh đập, đó là biểu lộ tự nhiên của lòng thù hận. Y thường lặp lại hành vi này nên nó trở thành thói quen khi y nổi giận. Y thích gây đau khổ cho người khác và thích thú với hành động đó. Tính độc ác đã phát triển. Nếu gặp một đứa trẻ hay một người yếu đuối hơn y, y sẽ để lộ tính độc ác đó mỗi khi y đến tiếp xúc với những người này.

Khi xúc cảm-yêu thương, được hướng dẫn và được ấn định bởi lý trí đúng đắn, thì đó là đức hạnh, cũng thế, khi xúc

cảm-thù hận, được hướng dẫn và được ấn định bởi lý trí lệch lạc và mù quáng, thì đó là tật xấu.

## 7- Áp dụng lý thuyết này cho hạnh kiểm

Khi bản chất của đức hạnh và tật xấu đã được nhận ra như thế, thì rõ ràng là phương cách ngắn nhất để làm mạnh thêm đức hạnh và [371] loại bỏ các tật xấu là *tác động trực tiếp vào khía cạnh tình cảm của tính tình*. Chúng ta có thể nỗ lực để phát triển xúc cảm-yêu thương, như vậy cung ứng chất liệu mà lý trí sẽ đúc luyện thành các đức tính đặc trưng của nó. Sự phát triển của xúc cảm-yêu thương là cách hữu hiệu nhất để phát triển tính chất đạo đức, còn đức hạnh vốn chỉ là các hoa quả nảy sinh từ cội rễ của yêu thương.

Giá trị của ý niệm rõ rệt này về sự chuyển hóa của xúc cảm thành đức hạnh và tật xấu nằm trong sự kiện là nó mang lại cho chúng ta một lý thuyết rõ ràng mà dựa vào đó chúng ta có thể ứng xử. Giống như khi tìm một địa điểm xa lạ, với một tấm địa đồ đặt trước mặt, chúng ta kẻ trên đó con đường dẫn từ vị trí hiện tại của chúng ta đến mục tiêu cần tìm. Rất nhiều người thực sự tốt lành và có nhiệt tâm, họ trải qua nhiều năm với các hoài bão mơ hồ sau khi có được tính tốt, tuy nhiên chỉ tạo được chút ít tiến bộ. Họ là những người có mục tiêu tốt đẹp đấy, nhưng lại yếu ớt trong việc muốn đạt được mục tiêu đó, điều này hầu hết do bởi họ không hiểu được bản tính của họ, cũng như không hiểu được các phương pháp có hiệu quả nhất để vun trồng bản tính đó. Họ giống như một [372] đứa trẻ trong vườn hoa, một đứa trẻ khao khát thấy khu vườn của mình rực rỡ với nhiều hoa, nhưng không biết trồng và vun bón cho hoa, không biết diệt trừ cỏ dại đang mọc tràn trên mảnh đất của mình. Giống như đứa trẻ, họ khao khát vị ngọt ngào của các đóa hoa đức hạnh, nhưng



chỉ thấy khu vườn của họ bị ngập tràn bởi những hàng cỏ dại của tật xấu.

## 8. Các công dụng của xúc cảm

Các công dụng của xúc cảm-yêu thương thì quá hiển nhiên đến nỗi hầu như không cần phải nói hoai về chúng, và tuy thế cũng không thể nhấn mạnh quá nhiều vào sự kiện rằng *tình thương là mãnh lực kiến tạo trong vũ trụ*. Nhờ thu hút các đơn vị gia đình lại với nhau, tình thương hàn gắn các đơn vị này thành các đơn vị lớn hơn là bộ lạc và quốc gia, rồi sau này nó tạo ra tình huynh đệ của con người. Chúng ta cũng đừng nên quên rằng chính các đơn vị nhỏ gọi ra mãnh lực tình thương và chuẩn bị cho tình thương biểu lộ đầy đủ hơn. Công dụng của chúng là làm biểu lộ quyền năng thiêng liêng ẩn tàng của bác ái trong Tinh Thần, bằng cách mang lại cho nó các đối tượng gần gũi đang thu hút nó. Tình thương không thể bị hạn chế [373] bên trong các giới hạn chật hẹp này, nhưng vì nó nhận được sức mạnh bằng việc thực hành, nên nó phải trải rộng ra ngoài cho đến khi nó bao gồm mọi sinh linh hữu tình. Chúng ta có thể diễn giải luật bác ái như sau: Hãy xem mọi người lớn tuổi như cha mẹ của bạn; xem mọi người đồng lứa tuổi như là anh chị em của bạn; xem mọi người nhỏ tuổi như con cái của bạn. Luật bác ái tổng kết các mối liên hệ của con người. Làm tròn được luật này là làm cho cõi trần thành một thiên đàng, và để cho cõi trần có thể trở thành một thiên đàng như thế cần phải có sự hiện hữu của gia đình.

Người nào muốn nói rộng các liên hệ yêu thương của mình thì nên bắt đầu xem phúc lợi của cộng đồng của mình giống như phúc lợi của chính gia đình mình. Ý nên cố gắng làm việc cho lợi ích chung của cộng đồng mình với năng lực

và sự chú tâm như khi y làm cho gia đình mình. Về sau, y sẽ trải rộng mối quan tâm đầy yêu thương và công sức của y cho quốc gia của y. Bấy giờ đức tính vĩ đại của tinh thần cộng đồng sẽ xuất hiện, dấu hiệu báo trước chắc chắn sự thịnh vượng của quốc gia. Về sau nữa, y sẽ thương yêu và làm việc cho nhân loại, và sau cùng y sẽ bao gồm trong sự chăm sóc đầy yêu thương mọi sinh linh hữu tình, và sẽ trở thành “bạn của mọi tạo vật”. [374]

Ở giai đoạn tiến hóa hiện nay, có ít người thực sự biết yêu thương nhân loại. Rất nhiều người nói đến việc thương yêu nhân loại, nhưng họ không sẵn sàng hy sinh chút gì để giúp đỡ một huynh đệ đau khổ ở sát bên họ. Kẻ phụng sự nhân loại đừng nên chỉ đứng ở cửa nhà mình để nhìn nhân loại, cũng đừng tưởng tượng lấy nước tình cảm tưới vào ngôi vườn xa, trong khi cây cỏ chung quanh lối đi của y đang chết vì khô hạn.

Các công dụng của sự thù ghét trước tiên không lộ rõ lắm, nhưng tuy thế lại là quan trọng. Thoạt tiên, khi nghiên cứu sự thù ghét, chúng ta thấy rằng cốt lõi của nó là sự tan rã, hủy diệt, dường như đó là mọi điều xấu xa. Một Đại Huấn Sư có nói: “Ai ghét anh em mình thì ấy là kẻ sát nhân” (S. John, ii, 15); vì lẽ sát nhân chỉ là một biểu lộ của sự ghét; thậm chí khi sự ghét không đi quá xa đến mức sát nhân, thì nó vẫn là một mãnh lực hủy diệt; nó làm tan vỡ gia đình, quốc gia, và nơi nào mà nó đi qua thì nó làm chia rẽ con người. Vậy thì sự ghét có công dụng gì?

Trước tiên nó xua đi những yếu tố không phù hợp nhau, không thích hợp để kết hợp với nhau, và như vậy ngăn được sự xích mích liên tục. Xét về người kém phát triển và không tương hợp, [375] tốt hơn là để cho họ tách ra để theo các đường tiến hóa riêng của họ, hơn là bị giữ ở gần nhau,

kích thích nhau làm tăng thêm loại tình cảm xấu. Hai là đối với một linh hồn bình thường thì sự ghê tởm đối với một người xấu ác lại có lợi, chừng nào mà kẻ xấu ác đó còn có sức mạnh dắt y lạc lối; bởi vì sự ghê tởm đó, mặc dầu đó là sự căm ghét, vẫn bảo vệ được y khỏi một ảnh hưởng mà lẽ ra y có thể đầu hàng. Kinh ghét kẻ dối láo, kẻ đạo đức giả, kẻ làm ác với người yếu đuối, là một xúc cảm hữu ích cho những ai cảm nhận được điều đó, và cũng hữu ích cho kẻ mà nó được nhắm vào để chống lại, vì nó có khuynh hướng giữ cho kẻ đó khỏi rơi vào các tật xấu tương tự, đồng thời nó có khuynh hướng khơi dậy trong người bị kinh ghét một cảm giác xấu hổ, cảm giác này có thể nâng y ra khỏi bùn lầy mà y đang bị lún vào. Chừng nào mà một người còn có bất cứ xu hướng phạm tội nào, thì chừng đó việc thù ghét chống lại kẻ làm ác lại có tính bảo vệ và hữu ích cho y. Sau này, khi càng tiến hóa, y sẽ phân biệt giữa kẻ làm ác (evil-doer) với việc ác (evil), và sẽ cảm thấy thương hại [376] kẻ làm ác, và giới hạn sự căm ghét của y vào điều ác. Về sau nữa, khi đức hạnh được vững vàng rồi, y sẽ không ghét kẻ làm ác lẫn việc ác của kẻ đó nữa, y sẽ bình tâm thấy rằng đó chỉ là một giai đoạn tiến hóa thấp, y sẽ cố gắng nâng người bạn trẻ của y ra khỏi giai đoạn đó bằng phương tiện thích hợp. “Sự căm phẫn chính đáng”, “sự khinh bỉ thanh cao”, “sự thịnh nộ hợp lý”, tất cả đều là những câu nói nhìn nhận sự hữu ích của các tình cảm này, trong khi tìm cách che đậy sự thật rằng, về bản thể, chúng là các hình thức của thù ghét – một sự che đậy do bởi cảm giác rằng thù ghét là một điều xấu xa. Tuy nhiên, về cơ bản, chúng là các hình thức của thù ghét, dù chúng có thể được gọi thế nào đi nữa, dù chúng có đóng một vai trò hữu ích trong sự tiến hóa, và sự bộc phát của chúng giúp thanh lọc bầu không khí của xã hội. Sự không khoan dung điều ác

còn hay hơn là sự dửng dưng với nó. Bao giờ mà một người chưa vượt qua được phạm vi cảm dỗ trước bất cứ tội lỗi nào, thì sự không khoan dung đối với những người gây tội lỗi lại là một sự bảo vệ cần thiết cho y.

Chúng ta hãy lấy trường hợp của một người ít tiến hóa. Người này muốn tránh các tội lỗi thô thiển nhưng vẫn còn cảm thấy bị chúng cám dỗ. Ý muốn tránh các tội lỗi này sẽ tự hiện ra dưới hình thức không ưa những người mà y thấy các tội lỗi này nơi họ; kiềm nén sự không ưa này sẽ đẩy y vào các thử thách mà y chưa đủ mạnh để chống lại. Khi y tiến hóa ngày càng ra xa [377] khỏi cái nguy hiểm của việc nhượng bộ sự cám dỗ, y sẽ ghét tội lỗi, nhưng sẽ thông cảm một cách thương xót đối với kẻ phạm tội. Chỉ khi nào đã trở nên một vị Thánh thì y mới có thể đủ khả năng không còn thù ghét điều ác nữa.

Khi nào trong chính chúng ta, chúng ta cảm thấy có ác cảm với một người, thì chúng ta có thể chắc chắn rằng nơi chúng ta có một số dấu vết còn roi rớt lại của những gì mà chúng ta không ưa nơi người đó. Khi thấy nguy hiểm, Chân Ngã liền kéo các hiện thể của nó ra xa. Một người hoàn toàn kiêng rượu cảm thấy ít có ác cảm đối với kẻ hay say sưa hơn là người kiêng rượu mà thỉnh thoảng còn quá chén. Một phụ nữ hoàn toàn trong sạch, không thấy có ác cảm với người chị em bị sa ngã, còn một phụ nữ ít trong sạch hơn lại không muốn để cho vạt áo của mình đụng đến kẻ sa ngã. Khi chúng ta đạt đến sự hoàn thiện, chúng ta sẽ yêu thương kẻ tội lỗi cũng như yêu một vị Thánh, và có lẽ có thể tỏ ra yêu thương kẻ tội lỗi nhiều hơn, vì vị Thánh có thể đứng được một mình, còn kẻ tội lỗi sẽ té ngã nếu y không được yêu thương.

Khi một người đã vươn lên đến mức không còn thù ghét kẻ phạm tội cũng như tội lỗi nữa, thì bấy giờ mãnh lực

làm tan rã – vốn là sự thù ghét giữa con người – hoàn toàn trở thành một năng lượng được dùng để tiêu hủy các chương ngại đang ngăn chặn con đường tiến hóa. Khi minh triết hoàn hảo hướng dẫn [378] các năng lượng kiến tạo và hủy diệt, và khi tình thương hoàn hảo là động lực thúc đẩy, chỉ lúc bấy giờ thì sức mạnh hủy diệt mới có thể được dùng mà không gánh chịu căn nguyên tội lỗi của cảm thức chia rẽ. Cảm thấy mình khác với những người khác là “đại tà thuyết” (“great heresy”), vì, khi toàn thể phát triển hướng tới sự thống nhất thì tính chia rẽ đi ngược với Thiên Luật. Cảm giác chia rẽ nhất định là sai trái, dù cho nó có đưa ta đến chỗ nghĩ rằng chính mình ngay thẳng hơn hoặc tội lỗi hơn kẻ khác. Vị thánh hoàn thiện hòa mình vào kẻ tội lỗi cũng nhiều như hòa mình vào vị thánh khác, vì kẻ tội lỗi và kẻ thánh thiện đều thiêng liêng như nhau, chỉ khác nhau ở các giai đoạn tiến hóa mà thôi. Khi người nào cảm nhận được như thế là y có thể tiếp xúc với sự sống Christ trong con người. Y không còn nghĩ y là riêng biệt nữa, mà là một với vạn vật. Đối với y, sự thánh thiện của riêng y là sự thánh thiện của nhân loại, còn tội lỗi của bất cứ người nào cũng là tội lỗi của y. Y không dựng lên hàng rào nào giữa y với người phạm tội, mà còn kéo đổ bất cứ hàng rào nào do kẻ phạm tội tạo ra, và chia sẻ điều xấu ác của kẻ phạm tội trong khi chia sẻ với kẻ đó điều tốt lành của y.

Những ai có thể cảm nhận được chân lý của “ý định hoàn thiện” này thì trong [379] đời sống hằng ngày của họ, họ nên tìm cách thực hành nó dù là hãy còn bất toàn. Khi đối xử với người ít tiến hóa, họ nên luôn luôn tìm cách san bằng bức tường phân cách. Vì ý thức chia rẽ rất tế nhị và vẫn còn kéo dài cho đến khi chúng ta đạt đến trạng thái Christ. Tuy nhiên bằng nỗ lực này, chúng ta có thể từ từ giảm thiểu tính

chia rẽ và nỗ lực đồng nhất hóa chính chúng ta với những người thấp kém nhất, là sử dụng năng lượng kiến tạo đang giữ Thế Giới lại với nhau, và trở thành các vận hà cho lòng bác ái thiêng thiêng. [380]



## Chương V

### Xúc cảm (tiếp theo)

#### 1- Huấn luyện xúc cảm

Chúng ta đã thấy xúc cảm là động lực thúc đẩy trong con người; nó kích thích tư tưởng; nó thôi thúc hành động; nó có vai trò như là hơi nước đối với máy chạy hơi nước; nếu không có xúc cảm con người trở nên ù lì, thụ động. Nhưng có nhiều người luôn luôn làm miếng mồi cho sự xúc cảm của họ; do xúc cảm mà họ vội vã bên đây bên đó giống như một con tàu không bánh lái trước các cơn gió bão trên đại dương; họ bị ném lên cao và lồi xuống thấp bởi các đợt sóng của các cảm giác vui, buồn; họ dao động giữa sự phấn chấn với sự nản lòng. Một người như thế sẽ bị chao đảo, bị chế ngự bởi xúc cảm, luôn luôn bị phiền nhiễu bởi sự xung đột của xúc cảm. Nội tâm của họ ít nhiều gì cũng có xáo trộn, các hành vi bên ngoài của họ cũng thất thường, bị thôi thúc bởi xung lực nhất thời, mà không có việc xem xét đúng đắn về [381] các hoàn cảnh chung quanh, mà việc xem xét như thế sẽ giúp cho các hành vi của y được định hướng đúng đắn. Thường thường người như thế được gọi là người tốt, được gọi hứng bằng các động lực quảng đại, được thôi thúc vào các hành động tốt lành, đầy thiện cảm với người đau khổ và mong muốn xoa dịu nỗi đau, họ nhanh chóng lao vào hành động với ý định giúp đỡ kẻ đau khổ. Ở đây chúng ta không đề cập đến người lãnh đạm hoặc người độc ác, mà đề cập đến người bị các xúc

cảm thức đẩy hành động trước khi y đã xem xét các tình huống, hay tiên đoán các kết quả hoạt động của mình xa hơn việc làm giảm nhẹ tức thì sự đau khổ trước tầm mắt của y. Dù được hành động do ý muốn giúp đỡ, dù xúc cảm kích thích là lòng thiện cảm và mong muốn làm giảm khổ đau, người như thế thường làm hại nhiều hơn là làm lợi do hậu quả của hành động thiếu cân nhắc của y. Xúc cảm thôi thúc y vốn xuất phát từ khía cạnh bác ái của bản chất y, từ khía cạnh thu hút con người lại với nhau, đó là cội nguồn của các đức tính có tính kiến tạo và bảo tồn; và trong chính sự kiện này có ẩn tàng nguy hiểm của một người như thế. Nếu xúc cảm có cội nguồn nơi điều ác thì y phải là người đầu tiên xóa bỏ nó đi; nhưng chỉ vì nó có cội nguồn trong xúc cảm-yêu thương, mà mọi [382] đức tính xã hội xuất phát từ đó, nên y không nghi ngờ nó, y không nỗ lực để kiềm chế nó. “Tôi rất đồng cảm. Tôi rất xúc động trước sự đau khổ. Tôi không thể chịu nổi khi thấy sự khốn khổ”. Trong tất cả những câu như thế đều hàm chứa một sự tự tán dương nào đó, mặc dầu giọng điệu có thể là một lời phản kháng. Thật ra lòng thiện cảm thì đáng ngưỡng mộ, với tư cách là lòng thiện cảm, nhưng việc sử dụng không đúng hướng thì thường gọi lên sự nguy hại. Đôi khi nó làm hại chính đối tượng của lòng thiện cảm, và cuối cùng đặt đối tượng đó vào hoàn cảnh còn tệ hơn lúc đầu. Các hình thức cứu trợ thiếu khôn ngoan quá thường xuyên được chấp nhận, để loại bỏ sự đau khổ của người cảm thông nhiều hơn là chữa khỏi bệnh cho người bị đau khổ, và một sự dằn vặt tạm thời được chấm dứt với giá của một sự thương tổn kéo dài, thực ra mặc dù không được thẳng thắn thừa nhận, để giảm sự đau khổ của kẻ bàng quan. Phản ứng cảm thông trên người có lòng thiện cảm là điều tốt, giúp đào sâu thêm tình cảm-thương yêu. Nhưng tác động lên những kẻ



khác thì thường là quá tệ hại do thiếu tư tưởng quân bình. Khi thấy sự đau khổ, thật dễ dàng để chúng ta kêu than vang trời dậy đất, cho đến không khí cũng rộn ràng; nhưng thật khó để tạm ngưng lại, để đo lường nguyên nhân sự khổ và cách chữa trị, và sau đó dùng liệu pháp chữa trị [383] thay vì kéo dài ra. Lý trí đúng đắn phải chi phối và điều khiển xúc cảm nếu muốn có kết quả tốt từ việc áp dụng điều đó. Chỉ nên dùng xúc cảm để thúc đẩy hành động, chớ không nên dùng xúc cảm làm kẻ chỉ đạo cho hành động; sự chỉ đạo tùy thuộc vào trí tuệ, và cái đặc quyền hướng dẫn của trí tuệ không bao giờ nên lấy ra khỏi nó. Ở đâu mà tâm thức hoạt động như thế, có xúc cảm mạnh mẽ đóng vai trò thôi thúc, và lý trí đúng đắn đóng vai trò người điều khiển, thì ở đó có bậc thông thái và đồng cảm rất hữu ích cho đời.

Dục vọng được so sánh một cách rất đúng với con ngựa được thắng vào chiếc xe kéo là thể xác, và dục vọng cũng có nguồn cội trong xúc cảm. Khi nào xúc cảm không được kiềm chế, thì chúng giống như những con ngựa chưa thuần đang lao tới, gây nguy hiểm cho sự an toàn của chiếc xe và đe dọa sự sống của người đánh xe. Các dây cương được so sánh với thể trí, dây cương hướng dẫn con ngựa, ghìm lại hoặc buông lỏng khi cần. Ở đây có hình ảnh rõ rệt về mối liên hệ giữa xúc cảm, trí tuệ và hành động. Xúc cảm đưa đến hoạt động, trí tuệ kiềm chế và hướng dẫn, còn Chân Ngã sẽ dùng hoạt động sao cho có lợi nhất khi Chân Ngã trở nên kẻ cai quản xúc cảm, chớ không phải là nạn nhân của xúc cảm. [384]

Với sự phát triển của trạng thái tâm thức vốn sẽ tự biểu lộ nó dưới hình thức Tuệ giác (Buddhi) trong phụ chủng thứ sáu, và hoàn chỉnh hơn trong Căn Chủng Thứ Sáu, bản chất tình cảm đang phát triển một cách nhanh chóng nơi một số người tiến hóa của giống dân thứ năm, và thường thường, có

lúc bản chất tình cảm này cũng đem lại nhiều phiền toái và thậm chí các triệu chứng đau buồn nữa. Khi sự tiến hóa tiếp diễn, các triệu chứng này sẽ không còn nữa, bản chất tình cảm sẽ trở nên quân bình cũng như mạnh mẽ, minh triết cũng như rộng lượng; trong khi chờ đợi, bản chất phát triển nhanh chóng này sẽ mãnh liệt và thường gây phiền muộn, và sẽ gặp đau khổ sâu sắc và lâu dài. Tuy nhiên, sức mạnh trong tương lai của bản chất đó nằm trong chính các đau khổ này, giống như sự thanh luyện hiện tại của nó vậy, và tỷ lệ với sự buốt nhói của những đau khổ sẽ là sự lớn lao của kết quả. Chính Tuệ giác (Buddhi) đang tranh đấu để ra đời trong các bản chất mạnh mẽ này, và sự khổ não của công việc nặng nhọc là nhờ vào chúng. Chẳng bao lâu nữa, Tuệ Giác (Buddhi), là Christ, “hài nhi bé nhỏ” sẽ được sinh ra, Minh Triết và Bác Ái nhập một, và Tuệ Giác này được hợp nhất với trí tuệ cao siêu (high intelligence), trở thành Chân Ngã Tinh Thần (Spiritual Ego), Con Người Nội Tâm đích thực, Chủ Thể Bất Tử.

Đạo sinh nào, đang nghiên cứu bản chất riêng của y ngõ hầu nắm được sự tiến hóa riêng của y [385] trong tay và định hướng con đường tương lai của nó, phải xem xét kỹ điểm mạnh và điểm yếu riêng của mình, để chinh đốn cái này và hiệu chỉnh cái kia. Nơi những người phát triển không đồng đều, trí tuệ và xúc cảm có khuynh hướng thay đổi tỷ lệ nghịch với nhau: các xúc cảm mạnh đi cùng với trí tuệ yếu ớt, và trí tuệ mạnh đi cùng với các xúc cảm yếu. Trong trường hợp này, thì năng lực điều khiển yếu, trong trường hợp kia thì năng lực thúc đẩy yếu. Vậy thì, trong lúc tự phân tích, đạo sinh phải thấy liệu trí tuệ của y có được phát triển tốt hay không, nếu y nhận thấy các xúc cảm của y quá mạnh, y phải tự trải nghiệm chính y để khám phá liệu y có miễn cưỡng

xem xét sự vật dưới “ánh sáng vô tư trong trẻo của trí tuệ” hay không; nếu y cảm thấy khó chịu khi một đối tượng được đưa đến y trong ánh sáng này, thì y có thể chắc chắn rằng phương diện xúc cảm của bản chất y đang quá phát triển so với phương diện trí tuệ. Vì người ổn định về tâm lý và tình cảm sẽ không bức tức với ánh sáng trong trẻo của trí tuệ chỉ huy, mà cũng không bức tức với lực mạnh mẽ của xúc cảm thôi thúc. Nếu trong quá khứ, một phía đã được vun bồi quá mức, nếu các xúc cảm đã được nuôi dưỡng đến mức có hại cho trí tuệ, thì các nỗ lực [386] nên được chuyển qua việc tăng cường phần trí tuệ, và việc bức tức nổi lên chống lại sự thể hiện trí tuệ lạnh nhạt nên được kiềm chế một cách cứng rắn, sự dị biệt giữa trí tuệ với sự thông cảm nên được nhận thức.

## 2. Sức mạnh lệch lạc của xúc cảm.

Một trong những điều mà người dễ xúc cảm thường không để ý đến nhiều nhất, đó là làm cách nào mà nỗi cảm xúc làm tràn ngập bầu không khí xung quanh người đó bằng các rung động của nó và theo đó đặt ảnh hưởng lên trí não. Mọi sự vật được nhìn thấy xuyên qua bầu khí này và bị nó làm cho đổi màu và lệch lạc đi, thế nên các sự vật không đến được trí não dưới hình thức và màu sắc đúng của chúng nữa, mà đến dưới hình thức lệch lạc và bị đổi màu. Hào quang bao quanh chúng ta phải là môi trường trong suốt để cho mọi vật ở ngoại giới đến được chúng ta dưới hình thức và màu sắc của chính nó. Nhưng khi hào quang bị rung động theo cảm xúc, thì nó không thể tác động như là môi trường trong suốt nữa, mọi vật đi qua đó đều bị khúc xạ nên khi đến chúng ta thì hoàn toàn khác đi. Nếu một người đang ở dưới nước, có một cây gậy đặt gần bên y [387] trong không khí, khi y đưa tay cố nắm lấy cây gậy, tay y sẽ đặt lệch hướng, vì y sẽ đặt

tay vào chỗ mà y thấy có cây gậy, nhưng vì các tia sáng đến từ cây gậy bị khúc xạ khi đi vào nước, nên đối với y, cây gậy sẽ bị đổi chỗ. Tương tự như thế, khi một cảm giác từ ngoại giới đến với chúng ta xuyên qua một hào quang chứa quá nhiều xúc cảm, kích cỡ của nó bị lệch lạc nên vị trí của nó bị đoán sai. Vì các dữ kiện được cung cấp cho trí óc bị sai lệch, nên việc phán đoán dựa vào các dữ kiện này do đó tất phải sai, mặc dù chính xác là trí năng có thể vẫn hoạt động.

Ngay cả khi việc tự phân tích rất cẩn thận đi nữa, chúng ta cũng sẽ không hoàn toàn bảo vệ chúng ta chống lại sự xáo trộn do xúc cảm này. Trí óc bao giờ cũng có khuynh hướng phán đoán một cách thuận lợi những gì mà ta thích, và xét đoán một cách không thuận lợi những gì mà chúng ta không ưa, do “sự khúc xạ” nói ở trên. Các luận cứ ủng hộ cho một tiến trình nào đó được đưa vào ánh sáng rạch rỡ vì chúng ta thích đi theo nó, còn các luận cứ chống lại nó bị chìm vào bóng tối. Một cái thì dường như rất rõ ràng và thuyết phục, còn cái kia rất bấp bênh và yếu ớt. Và đối với [388] thể trí của chúng ta, khi xem xét xuyên qua xúc cảm, nó quá chắc chắn rằng chúng ta đúng, và bất cứ ai không thấy như chúng ta thì là thiên vị do thành kiến, hoặc là cố ý ngoan cố. Chống lại mối nguy hiểm luôn luôn hiện diện này, chúng ta chỉ có thể bảo vệ bằng sự thận trọng và kiên trì nỗ lực, nhưng sau cùng chúng ta cũng không thể thoát khỏi nó cho đến khi chúng ta vượt lên các xúc cảm và trở thành kẻ cai trị chúng một cách tuyệt đối.

Còn một cách nữa có thể giúp chúng ta xét đoán một cách đúng đắn, và đó là nghiên cứu các tác động của tâm thức nơi những kẻ khác, và bằng việc cân nhắc các quyết định của họ trong những hoàn cảnh tương tự như hoàn cảnh của chúng ta. Những phán đoán nào gây khó chịu nhất cho

chúng ta là các phán đoán có thể hữu ích nhất đối với chúng ta, bởi vì chúng được tạo ra qua một môi trường xúc cảm khác hẳn với môi trường của chúng ta. Chúng ta có thể so sánh các quyết định của những người khác với quyết định của chúng ta, và bằng cách lưu ý đến những điểm nào có ảnh hưởng đến họ nhiều nhất và ảnh hưởng đến ta ít nhất, và những gì có tầm quan trọng nhiều nhất đối với chúng ta và ít nhất đối với họ, nhờ đó chúng ta có thể tháo gỡ các yếu tố tình cảm ra khỏi các yếu tố trí tuệ trong các phán đoán này. Và thậm chí khi các kết luận của chúng ta có sai lầm, thì nỗ lực để đi đến các kết luận đó cũng có tính cách sửa chữa và soi sáng; nỗ lực đó [389] cũng trợ giúp trong việc chế ngự các xúc cảm và làm mạnh thêm yếu tố trí tuệ. Dĩ nhiên các nghiên cứu như thế sẽ được tạo ra khi không có sự xáo trộn về tình cảm, và các kết quả của nó sẽ được tích chứa lại để sử dụng vào những lúc có các cảm xúc mạnh.

### 3- Phương pháp chế ngự cảm xúc

Giống như trong tất cả những gì có liên quan đến tâm thức, phương pháp đầu tiên và có hiệu quả nhất để chế ngự các xúc cảm là Tham Thiên. Trước khi tiếp xúc với thế giới gây rối loạn cho các xúc cảm, cần nên dùng đến sự tham thiên. Từ một cõi giới tinh anh hơn cõi trần, trở lại nhập lại vào xác thân sau thời gian của giấc ngủ thể xác, Chân Ngã sẽ tìm thấy trú sở yên tĩnh của y, và có thể yên tĩnh nắm quyền sở hữu bộ óc và các dây thần kinh đã được nghỉ ngơi. Việc thiền định muộn hơn trong ngày, khi các tình cảm đã bị xáo trộn, và khi chúng ở trạng thái hoạt động đầy đủ, thì không có hiệu quả bằng. Thời gian tĩnh lặng sau giấc ngủ là thời cơ thích hợp cho việc thiền định hiệu quả, thể cảm dục, là bản chất xúc cảm, trở nên yên tĩnh hơn sau khi nó đã [390] nhúng

chìm vào cái rộn ràng của cõi đời. Từ giây phút buổi sáng yên tĩnh đó, sẽ tuôn tràn ra thứ ảnh hưởng sẽ bảo vệ trong suốt cả ngày, còn các xúc cảm, đã được lắng dịu và tĩnh lặng, sẽ dễ tuân theo sự kiềm chế hơn.

Khi nào có thể thì nên tiên liệu các vấn đề có thể phát sinh trong ngày, và đi đến các kết luận đối với quan điểm cần chọn, cách hành xử cần nên theo. Nếu biết trước rằng chúng ta sẽ bị đặt vào một số hoàn cảnh mà chúng sẽ khơi dậy các xúc cảm của chúng ta, thì chúng ta có thể quyết định sớm về thái độ trí tuệ của chúng ta, ngay cả đi đến một quyết định về cách hành động của chúng ta nữa. Giả sử đã đạt được một quyết định như thế rồi, bấy giờ khi gặp hoàn cảnh đưa tới, quyết định đó sẽ được gọi lại và được làm theo, mặc cho các xúc cảm nổi dậy có thể thúc đẩy theo một đường hướng khác. Thí dụ, chúng ta sắp gặp một người mà chúng ta có một cảm tình sâu đậm, và trong lúc tham thiền, chúng ta quyết định tiến trình khôn khéo nhất cần phải theo, chọn quyết định dưới ánh sáng tỏ rạng của một trí tuệ tĩnh lặng là cách hay hơn hết cho tất cả những gì có liên quan. Chúng ta nên giữ vững quyết định này, [391] mặc cho có khuynh hướng cảm thấy rằng: “Tôi đã không đưa ra đúng tầm quan trọng đối với cách nhìn đó”. Sự thật là theo các tình huống này, ta đã quan trọng-hóa sự việc, tầm quan trọng thích hợp đã được đưa ra dưới tư tưởng tĩnh lặng kia rồi, chính kế hoạch khôn ngoan nhất là noi theo con đường được vạch ra trước kia, bất chấp các thúc đẩy của xúc cảm vào lúc đó. Có thể có một lỗi lầm khi xét đoán, nhưng nếu lỗi lầm không được nhận thấy trong lúc tham thiền thì không chắc là sẽ thấy được trong cơn xoáy của các xúc cảm.

Còn một phương pháp khác để kiềm chế các xúc cảm là suy nghĩ kỹ những gì sắp được nói trước khi nói ra, tức là đặt

dây cương trên đầu lưỡi. Một nhà soạn luật thời cổ ở Phương Đông có nói: “Kẻ nào học được cách kiềm chế lời nói của mình, kẻ đó chinh phục được mọi sự”.

Kẻ nào không bao giờ nói một lời cay nghiệt hoặc thiếu cân nhắc, kẻ ấy đang đi đúng trên con đường kiểm soát xúc cảm. Điều khiển được lời nói là điều khiển được toàn bộ bản tính. Cách hay nhất là không nói – thận trọng xem xét lời nói – cho đến khi thấy rõ về những gì sắp nói để biết chắc rằng lời đó là chân thật, biết chắc rằng lời đó thích hợp với người mà lời nói được nhắm vào, và như thế đáng [392] được nói ra. Chân thật là điều đầu tiên và quan trọng nhất, không gì có thể biện minh cho việc nói dối.

Nhiều lời nói được thốt ra dưới sự căng thẳng của xúc cảm thì sai lầm, hoặc là do quá lỗ, hoặc là do lệch lạc. Kể đó, sự thích đáng của lời nói đối với người được nhắm tới rất thường bị quên đi trong con vội vàng của xúc cảm, hoặc lúc háo hức của cảm giác mạnh. Một ý tưởng hoàn toàn sai lầm về một đại chân lý có thể được đưa ra nếu quan điểm của người được nhắm tới không được ghi nhớ; cần có được sự cảm thông của hai bên, ta thấy giống như người thấy, chỉ lúc bấy giờ chân lý mới có thể trở nên hữu dụng và giúp ích. Một người không phải cố tự giúp mình, mà là để giúp một người khác khi đưa chân lý ra trước người đó. Có lẽ ý niệm về định luật bất biến, bất khả xâm phạm, tuyệt đối không thiên lệch, đối với người nói, có thể là truyền cảm hứng, khích lệ, nâng cao; trong khi ý niệm đó lại tàn nhẫn và hạ nhục đối với một người kém phát triển, và gây tổn thương thay vì giúp đỡ. Chân lý không có nghĩa là để đê bệ mà là để nâng cao, và chúng ta dùng sai chân lý khi chúng ta trao nó cho người chưa sẵn sàng tiếp nhận nó. Có nhiều chân lý thích hợp với nhu cầu của từng người, nhưng cần có sự thận trọng để chọn

lựa một cách khôn ngoan, đừng để cho lòng nhiệt thành bắt người ta giác ngộ quá sớm. [393]

Nhiều người Thông Thiên Học trẻ tuổi đang gây hại nhiều hơn là làm lợi, do sự quá nhiệt tâm của họ khi họ nhồi nhét cho kẻ khác các báu vật (tức cái chân lý- ND) mà họ đánh giá rất cao. Sau cùng, nên xem xét hình thức của lời nói, sự cần thiết hoặc sự hữu dụng của việc phát ngôn. Một chân lý hữu ích có thể bị biến đổi thành một chân lý gây cản trở do cách trình bày chân lý đó. Một qui luật vàng của việc phát ngôn như sau: “Đừng bao giờ nói những gì không đúng sự thực, đừng bao giờ nói những gì gây khó chịu (unpleasant)”. Mọi lời nói đều phải chân thật, dịu dàng, và khả ái. Lắm khi, người có hảo ý cũng quên mất lời khả ái. Thậm chí họ còn tự hào về sự ngay thẳng của họ khi họ chỉ là kẻ thô lỗ và thờ ơ trước cảm giác của những người mà họ đang nói chuyện. Nhưng đó không phải là cách giáo hóa hay, cũng không phải là tôn giáo, vì sự thiếu lễ độ không phải là tinh thần tôn giáo. Tôn giáo kết hợp chân lý tuyệt vời với sự nhã nhặn hoàn hảo. Hơn thế nữa, cái thừa thái, cái vô ích đều là có hại, và có nhiều tai hại gây ra do việc luôn thổi phồng lên những tình cảm nông nổi trong các câu chuyện vụn vặt. Người nào không thể giữ được im lặng, luôn nói huyên thuyên, đó là họ đang phung phí các mãnh lực trí tuệ và đạo đức của họ, chẳng khác nào nói cả trăm điều dại dột, [394] đừng nói thì tốt hơn.

E sợ sự im lặng là dấu hiệu yếu đuối của trí não, giữ im lặng còn hay hơn là nói những lời kém khôn ngoan. Trong im lặng, các tình cảm mới phát triển và trở nên vững mạnh, trong khi vẫn được kiềm chế, nhờ thế năng lượng của bản thể (nature) tăng thêm và cũng được đưa vào sự chế phục. Năng lực của việc giữ im lặng rất lớn và thường tạo ra hiệu quả xoa



dị nhất. Mặt khác, kẻ nào học cách giữ im lặng phải cẩn thận để làm sao sự im lặng của y không phạm vào phép lịch sự của y, sao cho, do sự im lặng không thích hợp giữa những người không quen biết, y không làm cho những người này cảm thấy bị giá lạnh và khó chịu.

Một số người có thể e ngại rằng việc xem xét như thế trước khi nói có thể làm trở ngại cho việc trao đổi tư tưởng cũng như làm tê liệt cuộc đàm thoại. Nhưng tất cả những ai đã thực hành việc kiềm chế như thế đều có thể làm chứng rằng sau thời gian thực hành ngắn ngủi, khoảng cách giữa câu trả lời với câu hỏi là không đáng kể. Hoạt động của trí tuệ còn nhanh hơn là tia chớp, nó chiếu rọi qua điểm cần xem xét chỉ trong một hơi thở. Quả thật là ban đầu hơi có sự do dự, nhưng sau một vài tuần, không cần dừng lại nữa, việc duyệt xét lại [395] câu nói được dự tính đưa ra sẽ diễn ra quá nhanh nên không gây chút trở ngại nào. Nhiều diễn giả có thể chứng thực rằng tới giai đoạn hùng hồn, ý tưởng tuôn ra như thác chảy, nhưng trí óc vẫn thoải mái, câu nói có sẵn để thay thế mà vẫn cân phân được câu nói đáng được chọn và loại bỏ câu không xứng đáng ra một bên. Tuy nhiên, trong số thính giả bị cuốn hút đó, không một ai biết bất cứ điều gì về cảnh phụ đang diễn ra này, hoặc tưởng tượng được rằng đằng sau việc phát biểu nhanh nhẹn này lại có bất cứ hoạt động chọn lựa như thế xảy ra.

Phương pháp thứ ba để chế ngự xúc cảm là tránh hành động theo cơn bốc đồng. Vội vã hành động là đặc điểm của thể trí ngày nay, và là cái quá lỗi của tính mau mắn, tính này vốn là đức tính của thể trí. Khi bình tâm xem xét cuộc sống, chúng ta nhận thức rằng sự vội vàng không cần thiết chút nào, luôn luôn có đủ thì giờ, còn hành động, cho dù nhanh chóng, cũng cần xem xét kỹ và không cần vội vã. Khi có một

sự thôi thúc xuất phát từ một xúc cảm mạnh mẽ nào đó chúng ta lao tới tuân theo mà không suy xét cẩn thận, tức là chúng ta hành động thiếu khôn ngoan. Nếu chúng ta tập suy nghĩ trước khi hành động trong mọi việc thông thường, thì bấy giờ nếu một tai nạn hay bất cứ chuyện gì khác xảy tới cần có hành động mau chóng trong đó, [396] thì thể trí mau mắn kia sẽ lập được thăng bằng cần có lúc đó và điều khiển hành động mau chóng, nhưng không có vội vã, không khinh suất và không có sự lẫm lẫm thiếu khôn ngoan.

Một người nào đó có thể đặt câu hỏi: “Nhưng tôi không thể theo trực giác của tôi hay sao?” Người ta rất thường lẫn lộn sự thôi thúc với trực giác, mặc dầu về căn bản thì chúng khác nhau ở cội nguồn và đặc tính. Sự thôi thúc xuất phát từ bản chất dục vọng, từ tâm thức hoạt động xuyên qua thể cảm dục, và là một năng lượng được phóng ra ngoài để đáp ứng với một kích thích ở bên ngoài, một năng lượng không được điều khiển bởi trí năng, hấp tấp, thiếu cân nhắc, liều lĩnh. Trực giác phát xuất từ Chân Ngã tinh thần, và là một năng lượng tuôn đổ ra ngoài để đáp ứng với một đòi hỏi từ bên ngoài, một năng lượng được điều khiển bởi Chân Ngã tinh thần, mạnh mẽ, bình tĩnh, có chủ đích. Trước khi mà bản tính (nature) trở nên hoàn toàn quân bình, muốn phân biệt được sức thôi thúc và trực giác, cần phải có việc bình tâm xem xét, và cốt yếu là sự trì hoãn (delay); và dưới sự xem xét và trì hoãn như thế, sự thôi thúc sẽ tàn tạ; trực giác thì trở nên rõ ràng và mạnh mẽ hơn dưới các điều kiện như thế; sự tĩnh lặng cho phép hạ trí nghe thấy trực giác, và cảm nhận được tính độc tôn thanh thản của trực giác. Hơn nữa, điều gì [397] có vẻ như là một trực giác, thì thực ra đó là một sự ám thị từ một Đấng Cao Cả nào đó, ám thị đó sẽ phát ra lớn hơn trong

con thiên định tĩnh lặng của chúng ta, và sẽ không mất đi chút thần lực nào bởi sự trì hoãn trong tĩnh lặng như thế.

Quả thực là có một lạc thú nào đó khi buông thả theo sự thôi thúc hấp tấp, còn bị buộc theo sự kiềm chế thì đau khổ trong một lúc. Nhưng việc cố gắng theo đuổi một đời sống cao cả thì chứa đầy những sự từ bỏ lạc thú và chấp nhận đau khổ, và từ từ chúng ta đi đến chỗ nhận ra rằng có một niềm vui cao cả hơn trong hoạt động thận trọng, êm ả so với việc nhượng bộ cho xung lực ầm ĩ, và chúng ta đã loại bỏ một cội nguồn hối tiếc thường xuyên. Bởi vì việc thường xuyên nhượng bộ như thế chúng tỏ một cội nguồn của đau khổ, và xung lực đó được thấy là một sai lầm. Nếu hành động được trù định là tốt lành, thì mục đích để thực hiện nó sẽ được làm cho mạnh hơn, chớ không phải yếu hơn, bởi việc suy tư thận trọng. Và nếu mục đích trở nên yếu đi cùng với việc suy tư, thì bấy giờ chắc chắn rằng nó xuất phát từ cội nguồn thấp, chớ không đến từ nguồn cao.

Tham thiền hằng ngày, cần nhắc cần thận trước khi nói, từ chối nhượng bộ sự thôi thúc, đây là các phương pháp chính [398] để chuyển các xúc cảm thành những kẻ tôi tớ hữu ích, thay vì là những ông chủ nguy hiểm.

#### 4- Cách dùng xúc cảm

Con người chỉ có thể sử dụng một xúc cảm, là người đã trở thành ông chủ của nó, và biết rằng các xúc cảm không phải là y mà chúng chỉ đang tác động vào các hiện thể mà y đang ở trong đó, và chúng là do sự tương tác giữa Ngã với Phi Ngã. Bản chất luôn luôn thay đổi của xúc cảm cho thấy chúng tùy thuộc vào các hiện thể; chúng bị khuấy động vào hoạt động do bởi các sự việc bên ngoài, được đáp ứng lại bởi tâm thức bên trong. Thuộc tính của tâm thức vốn làm phát

sinh các xúc cảm là Sự Chí Phúc (Bliss), còn lạc thú và đau khổ là các vận động trong thể cảm dục được gây ra bởi các tiếp xúc của ngoại giới, và bởi sự đáp ứng qua thể đó tới các hoạt động của Chân Ngã dưới hình thức của Chí Phúc; giống như các tư tưởng là các vận động do bởi các tiếp xúc tương tự, và do bởi sự đáp ứng với chúng của Chân Ngã dưới hình thức Tri Thức. Khi Chân Ngã tự biết được nó và phân biệt nó với các hiện thể của nó, thì Chân Ngã trở thành kẻ cai trị các xúc cảm, đồng thời lạc thú và đau khổ cùng trở thành các phương thức (modes) của sự Chí Phúc. [399]

Khi càng tiến hóa, người ta sẽ thấy rằng trạng thái thăng bằng lớn lao hơn được đạt đến dưới sức ép của lạc thú và đau khổ, đồng thời các tình cảm không còn làm đảo lộn sự quân bình của thể trí nữa. Bao giờ mà lạc thú còn tạo ra phần chấn, và đau khổ còn gây tê liệt, làm cho việc thực hiện bốn phận bị cản trở và vương bận, thì chừng đó con người còn là kẻ nô lệ, chớ không phải kẻ làm chủ, các xúc cảm của mình. Khi con người học được cách chế ngự được các xúc cảm, thì con vui cực điểm, nỗi đau tột cùng đều được cảm nhận, tuy nhiên thể trí vẫn được vững vàng và bình thản hướng nỗ lực vào công việc trước mắt. Lúc đó bất cứ điều gì xảy đến cũng trở thành hữu dụng. Nhờ đau khổ mới thu được sức mạnh, cũng như nhờ niềm vui mới có được sức sống và can đảm. Tất cả đều trở thành các sức mạnh trợ giúp, thay vì là các chướng ngại cản trở.

Thuật hùng biện có thể dùng làm một minh họa của các công dụng này. Bạn hãy nghe một người đang nói với con cảm xúc bốc lên mạnh mẽ, lời lẽ của người này lộn xộn với nhau, cử chỉ thì quá đáng. Y đang bị con xúc động chi phối và lôi cuốn, nhưng y không thuyết phục được người nghe. Còn nhà hùng biện là người làm chủ được các xúc cảm của mình

và vận dụng các xúc cảm đó để tạo ảnh hưởng lên những người đang nghe mình. Lời lẽ của nhà hùng biện được cân nhắc và chọn lựa kỹ, thậm chí khi [400] lời nói tuôn ra ồ ạt, cử chỉ của y cũng thích đáng và đĩnh đạc. Y không cảm thấy xúc động, mà là *y đã cảm thấy xúc động rồi* và hiện giờ y đang dùng quá khứ của mình để tạo lại hiện tại. Mức độ mà một diễn giả đã cảm nhận và đã khơi dậy các cảm xúc của mình sẽ trở thành năng lực sử dụng các cảm xúc đó về sau. Người nào có các xúc cảm mạnh mới có thể trở thành một diễn giả đại tài được. Nhưng cái tài ba đó chỉ phát triển khi các xúc cảm được đặt dưới sự kiểm chế. Một vụ nổ sẽ đạt được hiệu quả hơn là nhờ sắp xếp chất nổ một cách cẩn thận, và dùng một cách có tính toán cái ngòi dẫn hỏa, hơn là bằng cách ném chúng xuống một cách cầu thả, sau đó châm lửa rồi chờ cho cháy.

Bao giờ mà người ta còn bị khuấy động bởi các xúc cảm, thì tầm nhìn sáng suốt cần cho việc phụng sự được hữu ích bị mờ nhạt đi. Người trợ giúp hữu ích là người bình tĩnh và giữ được quân bình trong lúc vẫn có đầy thiện cảm. Đang giữa cuộc giải phẫu, một ông bác sĩ bỗng bật lên khóc, thì bạn cho ông ta là hạng người thế nào? Thế đấy, có nhiều người bị sốc khi thấy kẻ khác chịu đau khổ, và như vậy, họ chỉ làm tăng thêm nỗi đau thay vì [401] làm dịu bớt nó. Mọi cảm xúc đều tạo ra các rung động mạnh mẽ, các rung động này truyền từ người này đến người khác. Người trợ giúp có hiệu quả phải giữ điềm tĩnh và vững vàng, giữ cho không bị lay chuyển và toả chiếu cái an bình ra ngoài. Kẻ nào đứng trên mỏm đá cao hơn ngọn sóng mới có thể giúp người khác một cách thuận lợi hơn là chính kẻ đang vật lộn với cơn ba đào.

Một công dụng khác của các xúc cảm khi chúng hoàn toàn được kiểm soát là khơi lại và sử dụng loại xúc cảm thích

hợp để làm thức động trong người khác một tình cảm có lợi cho người này. Nếu một người đang nổi giận thì các rung động do cơn giận của y sẽ đáp ứng một cách tự nhiên với rung động do cơn giận của người mà y gặp, vì tất cả mọi rung động đều có khuynh hướng được tái tạo lại do sự đồng cảm. Vì tất cả chúng ta đều có các thể tình cảm, nên bất cứ thể tình cảm nào đang rung động gần chúng ta theo một cách đặc biệt, đều có khuynh hướng tạo ra trong chúng ta các rung động tương tự, nếu chúng ta có trong thể tình cảm của chúng ta loại chất liệu thích hợp. Nóng giận khơi dậy nóng giận, tình thương khơi dậy tình thương, sự dịu dàng khơi dậy sự dịu dàng. Khi đã chế ngự được các xúc cảm rồi mà còn cảm thấy dấy lên cơn giận đáp ứng với các rung động vì nóng giận của kẻ khác, chúng ta nên tức khắc xem xét lại sự đáp ứng này, và cứ để cho [402] các cơn nóng giận lao vào chúng ta, trong khi chúng ta vẫn giữ bình tĩnh. Người nào có thể giữ cho thể tình cảm của chính mình được yên tĩnh, trong khi thể tình cảm của những người khác đang rung động mạnh mẽ chung quanh mình, là người ấy đã học được bài học tự kiềm chế. Khi làm được điều này rồi thì y sẵn sàng chọn giai đoạn kế tiếp, đó là đáp ứng với rung động của một tình cảm xấu bằng rung động của tình cảm tốt tương ứng, và như vậy chẳng những y giữ cho chính mình khỏi nóng giận, mà còn đưa ra các rung động có khuynh hướng làm dịu lại các rung động vì nóng giận của kẻ khác. Y đáp trả với sự nóng giận bằng tình thương, với sự thịnh nộ bằng sự dịu dàng.

Trước tiên, sự đáp trả này phải được cân nhắc, theo mục đích đã định, và có thể áp dụng với người hay nóng giận. Mỗi khi có người gặp trường hợp như ta, chúng ta áp dụng cho y. Chắc chắn là lúc đầu, việc cố gắng sẽ thiếu hăng hái và tẻ nhạt, chỉ có ý muốn thương yêu trong đó chứ không có xúc

cảm. Nhưng sau một thời gian, ý muốn thương yêu sẽ tạo ra một ít xúc cảm, và sau một thói quen sẽ được tạo ra, rồi sự ân cần sẽ là đáp ứng tự nhiên cho sự thiếu ân cần. Như thế, việc tập đáp ứng một cách kiên định, có cân nhắc với các rung động của các tình cảm sai trái đến với ta từ bên ngoài [403] sẽ thiết lập được một thói quen trong thể tình cảm, và thói quen này sẽ đáp ứng một cách tự động và một cách chính xác.

Giáo huấn của tất cả các Đại Đạo Sư đều giống nhau: “Hãy lấy đức báo oán” (“Return good for evil”). Và giáo huấn này được căn cứ trên sự hoán đổi các rung động do các tình cảm thương yêu và thù hận tạo ra. Lấy oán báo oán, oán càng mạnh thêm; lấy đức báo oán, sẽ giải được oán thù. Khởi động lòng yêu thương nơi người khác bằng cách gửi cho họ một luồng tình cảm như thế để kích thích tất cả những gì tốt lành nơi họ đồng thời làm yếu đi tất cả những gì xấu xa, đó là cách sử dụng có hiệu quả nhất các tình cảm của chúng ta trong việc phụng sự nhân loại hằng ngày. Lập một chương trình hữu ích là ghi nhớ trong trí một danh sách các tình cảm tương ứng để thực hành một cách đúng lúc, ví dụ đáp trả với sự tự cao bằng sự khiêm tốn, với sự khiếm nhã bằng lòng từ bi, với tính cao ngạo bằng sự phục tùng, với tính lỗ mãng bằng sự dịu dàng, với tính dễ cáu giận bằng sự điềm tĩnh. Nhờ thế, một bản thể được tạo nên đáp ứng với tất cả mọi tình cảm xấu xa bằng các tình cảm tốt lành tương ứng, và tác động như một ân điển (benediction) lên tất cả mọi người chung quanh, làm giảm hạ cái xấu xa nơi họ và tăng cường cái tốt lành. [404]

## 5- Giá trị của xúc cảm trong cơ tiến hóa

Chúng ta đã thấy rằng xúc cảm là mãnh lực thúc đẩy trong con người, và để chuyển đổi nó thành tay trợ giúp trong cơ tiến hóa, chúng ta phải dùng nó để nâng ta lên, chớ không để cho nó hạ ta xuống. Trên con đường tiến hóa, Chân Ngã cần “các điểm để kéo nó” lên, theo cách nói trong quyển “*Tiếng Nói Vô Thinh*”, vì con đường đi lên thì dốc đứng, và một đối tượng thu hút thì ở bên trên chúng ta, mà chúng ta đang phấn đấu về phía đó, là một sự trợ giúp không thể đánh giá quá cao. Rất nhiều khi chúng ta chỉ lê bước trên con đường, và cảm thấy không muốn đi tiếp; hoài bão trở nên bất động, lòng mong muốn vươn lên đã bỏ trốn đâu mất. Lúc bấy giờ chúng ta có thể mời gọi cảm xúc đến giúp chúng ta, bằng cách kết hợp nó chung quanh một đối tượng sùng kính nào đó, và nhờ thế có được sự thúc đẩy mà chúng ta đang cần, lực nâng mà chúng ta đang khát khao.

Hình thức xúc cảm này là cái thường được gọi là sự tôn sùng, đó là mãnh lực khiến ta vô cùng thán phục và yêu thương kẻ mà ta nghĩ là cao quý hơn chính mình, và kẻ nào có thể yêu thương và thán phục như vậy là kẻ đang có sẵn một trong các lực nâng vĩ đại trong cơ tiến hóa của nhân loại. Sự sùng bái thường bị chê bai, bởi vì một lý tưởng hoàn hảo không thể nào tìm thấy được nơi những người còn sống trên trần gian, nhưng một lý tưởng bất toàn [405] có thể được yêu thương và được mô phỏng lại là một sự trợ giúp để đẩy nhanh cơ tiến hóa. Thật ra sẽ có nhiều nhược điểm trong một lý tưởng bất toàn như thế, và cần phải phân biệt giữa các tính chất anh hùng với các nhược điểm đi cùng với chúng, nhưng nên đặt sự chú ý vào các tính chất anh hùng gây phấn khởi, chớ đừng chú ý vào các khuyết điểm vốn làm hại người nào chưa vượt khỏi hàng nhân loại. Nhận thức rằng các nhược điểm đều thuộc về Phi Ngã và không lâu bền, trong khi tính



cao thượng thuộc về Chân Ngã vốn bền bỉ, thương yêu những gì cao cả và biết lướt qua những gì nhỏ nhoi, đó là tinh thần đưa đến quả vị đệ tử của các Đấng Cao Cả. Nếu y tôn vinh cái vĩ đại và không bận tâm đến cái yếu kém thì do lòng tôn sùng, y sẽ có được điều tốt từ lý tưởng của y, và nghiệp quả của các khuyết điểm của riêng người anh hùng sẽ rơi vào chính vị anh hùng đó.

Nhưng có người nói: như vậy, nếu chúng ta nhận thức tính chất cao quý của Chân Ngã nằm trong các yếu đuối của con người, chúng ta chỉ đang làm điều mà chúng ta nên làm với mọi người, và tại sao lại tạo ra một anh hùng từ bất cứ người nào mà trong y vẫn còn có bất cứ sự yếu đuối nào của con người? Bởi vì sự trợ giúp [406] của người anh hùng của chúng ta mang đến cho chúng ta một cảm hứng và một tiêu chuẩn cho sự thành đạt của chính chúng ta. Không một thường nhân nào lại có thể trở thành một thần tượng ngay được; chỉ khi nào Chân Ngã tỏa chiếu với mức rực rỡ hơn người thường thì cái khuynh hướng tôn thờ thần tượng mới nảy sinh. Con người đầu là một thần tượng, vẫn chưa phải là siêu nhân, và các nhược điểm của y chỉ như là các vết đen trong mặt trời. Tục ngữ có câu : “Không ai là anh hùng đối với người hầu phòng của mình”. Kẻ châm biếm cho rằng câu này có nghĩa là người anh hùng nhất là nhờ ở quá xa chúng ta. Nhưng đó không phải là ý nghĩa của câu này. Đúng hơn, câu đó hàm ý rằng tâm hồn của người hầu phòng (valet-soul) chỉ đặt vào độ bóng của đôi giày và nơi đặt của chiếc cà vạt; chớ y không thể đánh giá được những gì tạo ra người anh hùng, nơi y, không có gì có thể ngân lên đồng cảm với các nốt mà người anh hùng đang ngân lên. Vì lẽ có khả năng cảm phục có nghĩa là có khả năng đạt được, còn người nào yêu

thương và tôn kính đối với Đấng Cao Cả là một dấu hiệu chỉ rằng người ấy đang trở nên muốn được như các vị ấy.

Khi nổi lên tình cảm như thế thì chúng ta nên tự phán đoán bằng lý tưởng của chúng ta, biết xấu hổ khi làm hay nghĩ bất cứ điều gì có thể đem lại một tí ưu phiền lên mắt của người mà ta tôn kính. Sự hiện diện của Ngài đối với chúng ta sẽ giống như một tác nhân nâng đỡ, cho đến khi tự mình phán đoán [407] trong ánh sáng của sự thành tựu vĩ đại hơn, chúng ta thấy chính chúng ta cũng đang bắt đầu thành tựu.

Đúng ra là ánh sáng thuần khiết của Chân Ngã không chiếu soi qua kẻ nào còn bước qua các con đường bùn lầy của cõi trần, nhưng có một số người mà qua họ có đủ ánh sáng tỏa chiếu để soi tỏ chỗ tối tăm, và giúp chúng ta thấy được nơi nào để đặt chân. Tốt hơn là phải cảm ơn và tôn vinh những người này, vui mừng và hân hoan đón nhận họ, hơn là đánh giá thấp họ vì họ chưa hoàn toàn thánh thiện, bởi vì một chút ít nhược điểm của con người vẫn còn vướng nơi chân họ. Thật là phúc cho những ai có trong họ bản chất anh hùng và do đó nhận biết được bậc huynh trưởng của họ; cánh cổng rộng mở đưa đến các tầng mức cao siêu đang chờ họ, và họ càng thương yêu, càng thể hiện sự tôn vinh, thì họ càng mau tới gần cái cổng đó. Không có nhân quả nào tốt hơn cho một người là tìm thấy người anh hùng, để vị này có thể mang y làm bạn đồng hành tiến vào cửa đạo. Không có một nhân quả nào đáng buồn hơn là đã thấy được thần tượng, trong một lúc giác ngộ, và rồi loại bỏ người ấy đi, vì bị mù quáng bởi một sự bất toàn mà y đang chán bỏ.[408]



## Chương VI

### Ý Chí

#### 1- Ý Chí Giành Lại Sự Tự Do của Nó

Giờ đây chúng ta trở lại xem xét về quyền năng trong con người mà chúng ta đã bắt đầu – Ý Chí (Will). Đạo sinh sẽ nhớ lại đoạn trước có nói rằng chính Ý Chí của Bản Ngã, của Bản Ngã được biệt ngã hóa (individualized Self) – được biệt ngã hóa, mặc dù cho đến nay Bản Ngã này vẫn không biết về việc biệt lập ngã tính của nó – đã đưa Chân Ngã vào biểu lộ. Không do sự bắt buộc, không do nhu cầu bên ngoài, không do bất cứ gì đối kháng với Chân Ngã từ bên ngoài, mà là do Ý Chí vĩ đại, mà trong đó Ý Chí riêng của Chân Ngã chỉ là một phần (Ý Chí của Chân Ngã được biệt ngã hóa thành một trung tâm, nhưng chưa được chu vi của vật chất tách rời ra), đang đập nhịp nơi y giống như giòng máu mang sự sống của người mẹ đang đập nhịp trong đứa bé chưa ra đời, Chân Ngã hướng tới sự biểu lộ, mong mỗi một cách mơ hồ sự rung động phong phú của sự sống được che đậy trong [409] vật chất, luyện tập các khả năng đang khao khát hoạt động, kinh nghiệm của các cõi đầy các hoạt động hỗn độn này. Điều mà Thượng Đế muốn một cách hữu thức – Thượng Đế muốn lâm phạm trong một vũ trụ – thì mọi trung tâm của sự sống được biệt ngã hoá bên trong Ngài cũng muốn, mặc dầu nó có vẻ mù quáng và đang dò dẫm hướng về một sự sống sung mãn hơn. Đó là Ý Muốn linh hoạt, Ý Muốn hiểu biết, và Ý Muốn tách ra đó bắt đầu biểu lộ.

Chúng ta đã thấy rằng Ý Chí này, là Quyền Năng của Chân Ngã, trở thành cái mà chúng ta gọi là Dục Vọng trên cõi vật chất trọng trược, và do vật chất làm cho mù quáng nên không thể thấy được con đường của mình, mà chỉ theo hướng định đoạt của các lực thu hút và các lực đẩy do các đối tượng bên ngoài tác động lên nó. Do đó ở giai đoạn này chúng ta không thể nói rằng nó tự điều khiển; nó bị điều khiển bởi các lực thu hút và các lực đẩy tác động tới nó ở ngoại biên. Hơn nữa, chúng ta đã thấy rằng khi Dục Vọng tiếp xúc với Trí Tuệ, và cả hai trạng thái này của Chân Ngã tác động lên nhau, thì các xúc động nảy sinh, cho thấy các dấu vết về dòng dõi của chúng, về Mẹ-Dục-Vọng và Cha-Trí Tuệ của chúng. Và chúng ta đã nghiên cứu các phương pháp mà [410] theo đó xúc động có thể được kiềm chế, sử dụng nó vào các việc chính đáng, và như thế làm cho nó thành hữu dụng thay vì thành nguy hại cho sự tiến hóa của nhân loại.

Bây giờ chúng ta phải xem xét cách thức mà Ý Chí này, cái Năng Lực ẩn tàng vốn luôn luôn thôi thúc hoạt động mặc dầu hoạt động đó chưa được kiểm soát, từ từ giành lại sự tự do, nghĩa là giành lại sự tự định đoạt. Chúng ta sẽ xem xét trong phút chốc từ ngữ “tự do” (“freedom”) có nghĩa là gì.

Về mặt bản thể và về căn bản thì cội nguồn của Ý Chí dưới hình thức Quyền Năng của Chân Ngã chính là tự do, sau đó Ý Chí trở nên bị ràng buộc và bị hạn chế trong các cố gắng của nó để chế ngự vật chất mà Chân Ngã đã tiến nhập vào.

Chúng ta không cần phải lưỡng lự khi nói rằng vật chất chi phối Chân Ngã chớ không phải Chân Ngã chi phối vật chất, và sở dĩ vật chất làm được điều này là do bởi Chân Ngã xem vật chất như là chính nó, tự đồng hóa nó với vật chất. Vì Chân Ngã mong muốn xuyên qua vật chất, tưởng nghĩ xuyên

qua vật chất, hành động cũng xuyên qua vật chất, nên đối với Chân Ngã, vật chất thật sự trở thành Chân Ngã, và một cách đại dột, Chân Ngã kêu lên: “Tôi là cái này!”, và trong khi vật chất hạn chế và trói buộc Chân Ngã, thì y tưởng vật chất là chính y, nên lại kêu lên: “Tôi được tự do”. Tuy nhiên việc Chân Ngã bị vật chất chế ngự chỉ là điều tạm thời, vì vật chất luôn thay đổi, đến rồi đi, vô thường, [411] luôn luôn bị nhào nặn và bị lôi cuốn vòng quanh một cách vô ý thức, và bị loại bỏ bởi các mãnh lực đang khai mở của Chân Ngã, là cái thường tồn ở giữa cái vô thường.

Chúng ta hãy đi đến giai đoạn tiến hóa của nhân loại, mà trong đó ký ức đã phát triển mạnh hơn là bản năng hướng ngoại tới điều thích ý và sự rút ra khỏi điều đau khổ. Trong giai đoạn này, Trí Tuệ chi phối Dục Vọng, và lý trí đã chiến thắng sự thôi thúc. Kết quả của sự tiến hóa rất dài lâu này sẽ được thu hoạch, và một phần của kết quả đó là sự tự do.

Trong khi Ý Chí tự biểu lộ dưới hình thức Dục Vọng và sự điều khiển nó được định đoạt bởi những thu hút bên ngoài, hiển nhiên là nó không được tự do, mà bị ràng buộc rất rõ ràng. Y hệt như bất cứ sinh vật nào có thể bị kéo lê bởi một mãnh lực lớn hơn là chính sức mạnh của nó theo một hướng không do nó chọn lựa, thì cũng thế Ý Chí bị lôi kéo bởi sức hút của các đối tượng, bị kéo lê theo con đường hứa hẹn đưa tới lạc thú, vốn dễ dàng để theo. Nó không linh hoạt như một lực do Chân Ngã quyết định, mà trái lại Chân Ngã bị lôi kéo theo hướng khác bởi một sự thu hút hấp dẫn ở bên ngoài. [412]

Dưới các hoàn cảnh này, không một minh họa nào về Chân Ngã có thể được đưa ra một cách sống động hơn là minh họa được trích dẫn trước đây trong một Kinh Sách xưa

của Ấn Giáo, trong đó Chân Ngã được mô tả như là người đánh xe, còn các giác quan, bị các đối tượng mang lại vui thích thu hút, là những con ngựa bất trị đang kéo cái xe tượng trưng cho xác thân và người đánh xe bất lực ở trong xe. Mặc dầu Ý Chí chính là Quyền Năng của Chân Ngã, song chừng nào mà Chân Ngã còn bị những con ngựa bất trị này lôi đi, thì Chân Ngã còn bị ràng buộc mạnh mẽ chớ không có tự do. Thật là vô ích khi nói đến tự do Ý Chí nơi một người trong khi người này còn là nô lệ cho các đối tượng quanh y. Y luôn bị ràng buộc, y không thể chọn lựa được. Mặc dầu chúng ta có thể nghĩ là một người như thế đang chọn đi theo con đường mà những sự thu hút kéo y theo, mà thực ra, không có sự chọn lựa mà cũng không có ý tưởng chọn lựa nào. Bao giờ mà những sự thu hút và những xô đẩy còn định đoạt con đường, mọi điều nói về tự do đều trống rỗng và đại dột. Thậm chí dù một người nào đó cảm thấy như y đang chọn được đối tượng ưa thích đi nữa, thì cái cảm tưởng tự do đó chỉ là ảo tưởng, vì y bị lôi kéo bởi sức thu hút của đối tượng và bởi nỗi khát khao tìm vui thích nơi chính y. Dù ít dù nhiều [413] thì y cũng tự do, giống như sắt được thoải mái di chuyển đến đá nam châm. Chuyển động này được định đoạt bởi sức mạnh của nam châm, và bản chất của sắt đang đáp ứng với sức hút của nam châm đó.

Muốn hiểu điều mà chúng ta muốn nói về tự do của Ý Chí, chúng ta phải xua tan cái khó khăn sơ khởi mà chúng ta gặp phải trong từ ngữ “chọn lựa” (“choice”). Khi chúng ta có vẻ được tự do lựa chọn, thì cái gọi là sự tự do lựa chọn đó có phải là tự do Ý Chí hay không? Hoặc là có đúng không khi nói rằng tự do lựa chọn chỉ có nghĩa là không có ngoại lực nào buộc chúng ta phải chọn cái này hay cái khác trong nhiều khả năng? Nhưng câu hỏi quan trọng nằm đằng sau điều này

là: “Cái gì khiến chúng ta lựa chọn?” Việc chúng ta tự do hành động khi chúng ta đã chọn là một việc rất khác với việc chúng ta được “tự do” chọn lựa, hoặc sự chọn lựa được định đoạt bởi một điều gì đó nằm đằng sau.

Thường khi chúng ta nghe câu nói như là một bằng chứng của sự tự do Ý Chí sau đây: “Tôi được tự do để chọn liệu tôi sẽ rời khỏi phòng này hay không; Tôi được tự do để chọn liệu tôi có buông quả cân này ra hay không”. Nhưng cách biện luận như thế nằm ngoài câu hỏi. Không người nào phủ nhận quyền lực của một người, không bị ép buộc về mặt thể chất, để rời khỏi một phòng hoặc ở lại [414] trong đó, để thả một quả cân hoặc giơ nó lên cao. Vấn đề lý thú là: “Tại sao tôi chọn lựa?” Khi phân tích việc chọn lựa, chúng ta thấy rằng nó được định đoạt bởi động lực, và người quyết định tranh luận: “Bắp thịt của bạn có thể giơ cao hoặc thả rơi quả cân, nhưng nếu có một đồ vật có giá trị và dễ hỏng ở bên dưới, thì bạn sẽ không chọn cách thả quả cân xuống. Cái có quyền quyết định việc bạn chọn cách không buông quả cân xuống chính là sự hiện diện của món đồ dễ vỡ đó. Việc chọn lựa của bạn được định đoạt bởi các động cơ và động cơ mạnh nhất điều khiển nó”. Vấn đề không phải là: “Tôi có tự do để hành động hay không?”, mà là: “Tôi có tự do theo ý muốn không?” Và chúng ta thấy rõ rằng Ý Chí được động cơ mạnh nhất định đoạt, và rằng, ở chừng mực nào đó, người theo thuyết tiền định (determinist) là đúng.

Thực ra, sự kiện rằng Ý Chí được định đoạt bởi động cơ mạnh nhất vốn là nền tảng của mọi Xã Hội có tổ chức, của mọi luật pháp, của mọi hình phạt, của mọi trách nhiệm, của mọi nền giáo dục. Người nào mà ý chí của y không được định đoạt như thế thì là vô trách nhiệm, điên rồ. Y là một sinh vật không thể được yêu cầu, không thể được thuyết phục,

không thể được tin cậy, một người không có lý trí, lập luận, hay trí nhớ, không có các thuộc tính [415] của con người. Theo luật pháp, một người được xem như là vô trách nhiệm khi không có động cơ nào lay chuyển được y, khi không có các lý do thông thường nào có ảnh hưởng đến y; y mất trí và không phải chịu các hình phạt của luật pháp được. Một Ý Chí vốn là một năng lượng nhắm vào bất cứ hướng nào, thúc đẩy tới hành động mà không cần động lực, không cần lý lẽ, không cần ý thức, thì có lẽ có thể được gọi là “tự do”, nhưng điều này không phải là điều được hàm ý bởi “sự tự do Ý Chí”. Ý Chí đó được quyết định bằng động lực mạnh nhất, phải được coi như là đúng trong bất cứ cuộc bàn thảo lành mạnh nào về sự tự do Ý Chí.

Vậy thì ý nghĩa của tự do Ý Chí là gì? Tối đa thì nó chỉ có thể là một sự tự do có điều kiện, một sự tự do tương đối, vì Bản Ngã tách biệt <sup>(1)</sup> là một thành phần của một Tổng Thể, và cái Tổng Thể phải vĩ đại hơn, phải chế ngự tất cả các thành phần của nó. Và điều này cũng đúng đối với Chân Ngã và các thể mà Chân Ngã được bao bọc trong đó. Điều chắc chắn là các thể này ở trong lãnh vực của thiên luật và hoạt động trong thiên luật, chỉ có thể hoạt động theo thiên luật, còn cái tự do hoạt động mà các thể đó có được chỉ có liên quan với nhau và nhờ sự tương tác của vô số các lực vốn không ngừng quân bình lẫn nhau theo cách thức khác nhau, [416] và trong cái đa dạng và vô hạn này hiện ra vô số khả năng, và như vậy có sự tự do hoạt động bên trong cái bó buộc khắt khe. Và Chân Ngã cũng ở trong một lĩnh vực của thiên luật, không,

---

<sup>1</sup> Bản Ngã tách biệt: Separated Self. Chữ “tách biệt” hàm ý rời khỏi Từ Phụ hay Đại Ngã. (ND)



Chân Ngã là chính thiên luật, vì là thành phần của bản thể vốn là Đấng Chí Tôn của mọi sinh linh. Không có Bản Ngã tách rời nào có thể thoát ra khỏi Đại Ngã vốn là tất cả, và tuy Bản Ngã này có thể tự do hoạt động với các Bản Ngã tách rời khác, nó vẫn không thể hoạt động bên ngoài Sự Sống đang làm linh hoạt nó, Sự Sống đó vốn là bản thể và định luật của nó, mà trong đó nó sống và hoạt động. Các thành phần này không có quyền chế ngự các thành phần khác, các Chân Ngã tách rời không thể chế ngự được các Chân Ngã tách rời khác. Nhưng Tổng Thể chế ngự và kiểm soát được các thành phần, Đại Ngã (Self) chế ngự và kiểm soát được các Chân Ngã (Selves). Tuy nhiên ngay cả ở đây, vì các Chân Ngã vốn thuộc về Đại Ngã, nên cái tự do bắt đầu từ giữa cái bó buộc hiển nhiên, và “không còn cái nào khác bó buộc nữa”.

Tự Do này là tự do của một phần tử đối với các phần tử khác trong khi vẫn ở trong cảnh ràng buộc vào tổng thể, có thể được nhận thấy một cách rõ rệt trong bản chất hồng trần. Chúng ta là những phần tử của một bầu thể giới đang xoay tròn qua không gian, đồng thời cũng đang quay tròn trên chính trục của nó, bao giờ cũng quay về hướng Đông. Chúng ta không biết chút gì về việc này, [417] vì chuyển động của nó mang chúng ta theo cùng với nó và tất cả đều đồng thời di chuyển cùng nhau và theo một hướng duy nhất. Chúng ta quay về hướng Đông cùng với bầu hành tinh của chúng ta và tuyệt nhiên chúng ta không thể làm gì để thay đổi hướng của chúng ta được. Tuy nhiên chúng ta có thể di chuyển tự do và thay đổi các vị trí tương đối của chúng ta so với những người khác và so với các vị trí chung quanh ta. Ví dụ, chúng ta có thể đi về phía Tây của một người hay một nơi chốn, mặc dầu cả chúng ta cùng với người đó hoặc chốn đó đều không ngừng chuyển động thật nhanh về hướng Đông. Và tôi sẽ biết

được sự chuyển động của một phần tử này so với một phần tử khác, dù cho sự chuyển động đó có nhỏ bé và chậm chạp thế nào đi nữa, trong khi đó đối với cái chuyển động vô cùng nhanh đang đưa mọi phần tử tiến về hướng Đông và mãi mãi về phía trước, tôi hoàn toàn không biết và sẽ nói theo sự dốt nát của tôi: “Hãy xem, tôi di chuyển về hướng Tây”. Còn các vị Thần Minh cao cả có thể cười coi thường sự vô minh của sinh vật nhỏ bé kia đang nói về hướng chuyển động của mình, mà không biết rằng nhờ sự minh triết, các Ngài biết được những vận động bên trong sự chuyển động, đồng thời biết được cái sự thực vốn sai nhưng lại đúng đó.

Và tuy thế một lần nữa chúng ta có thể thấy cách thức mà Ý Chí vĩ đại tiến tới theo đúng con đường tiến hóa, và bắt buộc mọi người đi theo con đường đó, và vẫn để [418] cho mỗi người chọn phương pháp để đi cho y, và cách hoạt động không ý thức của y. Muốn xúc tiến điều đó, Ý Chí cần mọi cách thức hoạt động và mọi phương pháp tiến hành, và hiểu và sử dụng tất cả. Một người tạo cho y một tính cách cao thượng, và nuôi dưỡng các hoài bão cao quý, luôn luôn tìm cách phụng sự đồng loại của mình một cách trung thành và có trách nhiệm; bấy giờ y sẽ được sinh vào nơi mà các cơ hội phụng sự dành cho những người hoạt động, và Ý Chí sẽ được y thể hiện trong một quốc gia cần sự giúp đỡ như thế, và y sẽ làm tròn vai trò của một vị anh hùng. Đấng Sáng Tạo vĩ đại viết ra vai diễn; khả năng hoàn thành vai diễn đó thuộc về sự thực hiện của chính người đó. Hoặc là y chịu thua mọi cám dỗ và thường dễ theo điều xấu, và y dùng quyền năng như thế một cách tồi tệ khi y có nó, và bất chấp lòng nhân từ, sự công bằng và lẽ phải theo các cách vật vãn và trong đời sống hằng ngày; bấy giờ y sẽ được sinh ra ở nơi nào cần có sự áp bức, sự hung bạo và các đường lối xấu xa, và Ý Chí sẽ

được y thể hiện ra cũng trong một quốc gia đang trang trải các hậu quả của một quá khứ xấu xa, và y sẽ ở trong số những kẻ yếu đuối áp chế một cách độc ác và đê tiện, và làm ô danh quốc gia đang cứu mang họ. Một lần nữa vai trò đã được vị Sáng Tạo vĩ đại soạn thảo, [419] và năng lực hoàn thành nó là thuộc về việc làm của chính người đó. Như thế các Ý Chí nhỏ bé hoạt động bên trong Ý Chí vĩ đại.

Kế đó, khi thấy rằng Ý Chí được quyết định bởi động cơ, bị chi phối bởi các giới hạn của vật chất đang che bọc Chân Ngã-tách rời, và bởi Chân Ngã mà Chân Ngã vận dụng Ý Chí chỉ là một phần – vậy thì chúng ta muốn hàm ý điều gì khi nói đến tự do Ý Chí? Chắc chắn rằng chúng ta muốn nói rằng tự do phải được quyết định từ bên trong, còn sự lệ thuộc thì được quyết định từ bên ngoài. Ý Chí được tự do khi Chân Ngã, do muốn hoạt động, nên rút động cơ của nó dành cho ý muốn đó từ các cội nguồn nằm trong chính nó, chớ không có động cơ nào tác động lên y từ các cội nguồn ở bên ngoài.

Và đây là sự tự do đích thực, vì Đại Ngã mà y đang hoạt động trong đó vốn là một với y, “Ta là Cái Đó” (“I am That”). Và Đại Ngã Bao La (vaster Self) mà Đại Ngã (greater Self) đang hoạt động trong đó vốn là một với Đại Ngã bao la hơn nữa, và cũng nói: “Ta là Cái Đó”; và cứ thế tiếp diễn, trong các tầm mức ngày càng đồ sộ, nếu kể đến các hệ thống thế giới và các hệ thống vũ trụ. Tuy nhiên liệu cái “Ngã” thấp nhất có thể biết được rằng chính y quay vào bên trong chớ không hướng ra ngoài, và biết y là một với Nội Ngã (Inner Self), [420] là Pratygatma, Đấng Duy Nhất, và do đó thực sự tự do hay không. Khi nhìn ra ngoài, y luôn luôn bị ràng buộc, mặc dầu các giới hạn của sự lệ thuộc của y lùi xa vô tận, vô giới hạn. Khi nhìn vào trong, y luôn luôn tự do, vì y là Brahman, Đấng Vĩnh Hằng (Eternal).

Khi một người được tự quyết (Self-determined), lúc đó, chúng ta có thể nói rằng người ấy được tự do theo mọi ý nghĩa mà từ ngữ “tự do” này có thể có giá trị, và sự tự quyết của y không phải là sự lệ thuộc theo bất kỳ ý nghĩa quấy rầy nào của từ ngữ đó. Tôi sẽ làm những gì ở tận thâm tâm Bản Ngã của tôi, những gì mà không có ai khác ép buộc tôi, những gì mang dấu vết phân biệt giữa tự do và ràng buộc. Theo ý nghĩa này của chữ tự do, ta có thể nói rằng Ý Chí của chúng ta được tự do bao xa trong chúng ta? Vì đối với phần lớn thì chỉ một ít người trong chúng ta có thể đòi hỏi cái tự do này một phần nhỏ mà thôi. Ngoài sự lệ thuộc đã nói ở trước đối với các mãnh lực hút và đẩy ra, chúng ta còn bị trói buộc bên trong các con kênh (channels) được tạo ra bởi các suy nghĩ đã qua của chúng ta, bởi các thói quen của chúng ta – hầu hết là do các thói quen tư tưởng của chúng ta – do các tính chất và việc thiếu các tính chất được mang lại từ các tiền kiếp, do các điểm mạnh và [421] các điểm yếu bẩm sinh của chúng ta, do sự giáo dục của chúng ta và môi trường chung quanh ta, do các cưỡng bách độc đoán của giai đoạn trong tiến hóa của chúng ta, do sự di truyền thể chất của chúng ta, và các truyền thống chủng tộc và quốc gia của chúng ta. Do đó, chỉ một con đường hẹp được để lại cho chúng ta mà Ý Chí của chúng ta có thể đi qua, Ý Chí đó luôn luôn va vào dĩ vãng vốn hiện ra như những bức tường trong hiện tại.

Gần như là Ý Chí của chúng ta không có tự do. Nó chỉ ở trong tiến trình trở nên tự do. Ý Chí chỉ sẽ được tự do khi Chân Ngã đã hoàn toàn chế ngự được các hiện thể và dùng các hiện thể đó cho các mục tiêu riêng của nó, khi mọi hiện thể trở thành một hiện thể duy nhất, hoàn toàn đáp ứng với mọi xung lực của Chân Ngã, không còn là một con thú đang

vật lộn, bị thương tích, với các đục vọng riêng của nó<sup>(1)</sup>. Khi Chân Ngã đã vượt qua được sự vô minh, đánh bại được các thói quen vốn là các dấu vết của sự vô minh trước kia, bấy giờ Chân Ngã mới được tự do, và bấy giờ người ta mới hiểu được ý nghĩa của câu nói nghịch lý này: “Sự tự do hoàn toàn ở trong việc phụng sự kẻ khác” (“in whose service is perfect freedom”). Vì lúc bấy giờ người ta mới nhận thức rằng không phải là sự chia rẽ nào cả, không phải Ý Chí tách rời nào cả, mà vì Thiên Tính (Divinity) vốn có sẵn của chúng ta, Ý Chí của chúng ta là một phần của Ý Chí Thiên Liêng, và rằng chính Ý Chí Thiên Liêng này đã ban cho chúng ta sức mạnh trong suốt cuộc tiến hóa lâu dài của chúng ta để xúc tiến cơ tiến hóa đó, và thực hiện sự hợp nhất Ý Chí là thực hiện sự tự do.

Chính nhờ theo các đường lối suy tư này mà một số người đã tìm được việc kết thúc cuộc tranh luận lâu đời giữa “sự tự do” của Ý Chí với thuyết định-mệnh, và, khi nhận ra chân lý mà thuyết định mệnh bênh vực, những người này cũng đã bảo tồn và bào chữa cho cái cảm giác cố hữu này: “Tôi được tự do, tôi không bị trói buộc gì cả”. Ý tưởng về năng lượng tự phát đó, về mãnh lực tuôn tràn ra từ các ngõ ngách bên trong của bản thể chúng ta, được dựa trên chính cái bản chất của tâm thức, dựa trên cái “Ngã” (“I”) vốn là Chân Ngã (Self), mà Chân Ngã đó tự do vì nó thiêng liêng.

## 2- Lý do có quá nhiều đấu tranh.

---

<sup>1</sup> Điều này chỉ có thể làm được khi sự sống của Chân Ngã làm linh hoạt vật chất của các hiện thể của Chân Ngã, thay vì để cho loài tinh chất hành khí đang nỗ lực đi xuống (downward-striving elemental essence) làm cho linh hoạt, nghĩa là, khi định luật Tinh Thần của Sự Sống thay thế luật tội lỗi và tử vong.

Khi chúng ta nghiên cứu con đường tiến hóa lâu dài, tức diễn trình phát triển chậm chạp [423] của Ý Chí, thì trong trí tất nhiên nảy sinh các câu hỏi: “Tại sao có mọi sự đấu tranh và khó khăn này? Tại sao có quá nhiều lỗi lầm và quá nhiều thất bại? Tại sao có sự lệ thuộc lâu dài này trước khi có thể đạt đến tự do?”

Trước khi trả lời các câu hỏi này, cần phải đưa ra một quan điểm tổng quát. Đó là, để trả lời cho bất cứ câu hỏi nào, các giới hạn của câu hỏi đó phải được ghi nhớ, và câu trả lời đừng nên vội bị cho là không thích hợp chỉ vì nó không giải đáp được cho một câu hỏi khác lúc nào cũng có sẵn ở sau. Một câu trả lời cho một câu hỏi có thể là thích hợp, nhưng không phải là câu trả lời cuối cùng cho mọi câu hỏi, đồng thời sự thích hợp của nó không được đánh giá đúng nếu nó bị gạt sang một bên, giống như là không trả lời cho một câu hỏi kế tiếp có thể được đưa ra.

Hết phân nửa sự không hài lòng của nhiều đạo sinh là do sự bồn chồn thiếu nhẫn nại, mà lại không có liên quan gì đến các câu hỏi theo bất cứ loại trật tự nào đang đến tới tấp trong trí, mà chỉ đòi hỏi rằng tất cả các câu hỏi đó cần được trả lời ngay, và câu trả lời cho một câu hỏi phải bao hàm luôn tất cả các câu hỏi khác. Sự thích hợp của các phương tiện phải được phán đoán dựa theo cứu cánh mà các phương tiện này được [424] thiết kế để mang lại. Trong mọi trường hợp, câu trả lời phải được xét đoán bằng sự thích hợp của nó đối với câu hỏi được nêu ra, chớ không phải bằng việc trả lời không của nó đối với một số câu hỏi có liên quan khác nằm ở phía sau thế trí.

Như vậy sự thích đáng của bất cứ phương tiện nào hiện có trong một vũ trụ phải được định đoạt bằng một cứu cánh xét thấy là phải được nhắm tới trong vũ trụ đó, và chúng

đừng nên được phán đoán như thế chỉ được trình bày dưới hình thức một câu trả lời cho câu hỏi thêm nữa: “Tại sao có vũ trụ?” Câu hỏi này thực ra có thể được hỏi và trả lời, nhưng bằng chứng về sự thích hợp của một phương tiện trong một vũ trụ đưa tới một mục đích, được thấy là cần phải nhắm tới trong vũ trụ đó, sẽ không phải là câu trả lời đó. Và không có bằng chứng nào cho thấy là câu trả lời cho câu hỏi ban đầu đó là không thích đáng, nếu người hỏi đáp lại: “Vâng, nhưng tại sao phải có một vũ trụ?”

Khi trả lời cho câu hỏi này: “Tại sao có các lỗi lầm và sa đoạ khi bước lên con đường tiến hóa?”, thì chúng ta phải xem vũ trụ như là có thực, như là một sự kiện mà ta phải bắt đầu và phải nghiên cứu nó, ngõ hầu khám phá ra mục tiêu, hay là, ít nhất là một trong các mục tiêu mà việc nghiên cứu đang hướng tới. Tại sao nó có khuynh hướng về phía đó, như đã nói, [425] là một câu hỏi tiếp theo, và là một trong các câu hỏi đáng quan tâm nhiều nhất; nhưng chính là để khám phá mục tiêu này mà chúng ta phải phán đoán các phương tiện được dùng để đạt tới nó.

Thậm chí một nghiên cứu qua loa về phần vũ trụ mà chúng ta ở trong đó cũng cho chúng ta thấy rằng, ít nhất, một trong các mục tiêu của nó – nếu không nói là mục tiêu của nó – là để tạo ra ra các sinh linh có trình độ trí tuệ cao siêu và có ý chí mạnh mẽ, có khả năng đảm nhận một vai trò tích cực trong việc xúc tiến và hướng dẫn các hoạt động của Thiên Nhiên, và của việc hợp tác trong hệ thống tiến hóa chung. Việc nghiên cứu sâu xa hơn, được xúc tiến nhờ việc khai mở các đặc tính bên trong và được xác nhận bởi các kinh sách cổ xưa, cho chúng ta thấy rằng thế giới này không phải có một mình, mà chỉ là một trong một chuỗi thế giới, nhân loại thuộc thế giới này đã được trợ giúp trong việc tiến hóa nhờ bởi

những con người đã tiến hóa trước, và thế giới này phải sản xuất ra những con người phát triển cao của riêng nó để trợ giúp cho các thế giới non trẻ hơn hãy còn chưa ra đời. Hơn nữa, việc nghiên cứu đó cũng cho thấy rằng có một huyền giai rộng lớn, gồm các Đấng siêu nhân loại, đang hướng dẫn và dẫn dắt sự tiến hóa, và Thượng Đế Ba Ngôi, tức Đấng Cai Quản (Ruler) và là Đấng Chủ Tể của Thái Dương Hệ của Ngài, giữ vai trò là trung tâm vũ trụ của Ngài. Việc nghiên cứu cũng cho thấy rằng thành quả của một Thái Dương Hệ không những chỉ có một huyền giai vĩ đại các Đấng [426] Thông Tuệ Đại Hùng, với các đẳng cấp có sự huy hoàng càng lúc càng giảm trải ra bên dưới các Ngài, mà còn có sự hoàn thiện tối cao của một Thượng Đế, là đỉnh cao nhất của tất cả. Việc nghiên cứu này cũng mở ra hết viễn tượng này đến viễn tượng khác ngày càng huy hoàng hơn, các vũ trụ, mà mỗi Thái Dương Hệ chỉ như là một thế giới, và cứ như thế tiếp tục, trong phạm vi ngày càng mở rộng với sự toàn vẹn huy hoàng vô giới hạn của sự sống vô tận. Và bây giờ nảy sinh câu hỏi: “Các Đấng Đại Hùng này tiến hóa bằng cách nào, các Đấng vốn leo lên từ hạt bụi đến các ngôi sao, và từ các ngôi sao này (vốn là hạt bụi của các hệ thống còn lớn hơn) đến các ngôi sao, mà so với các hệ thống đó, các sao này giống như là vũng bùn của chúng ta so với mặt trời chúng ta?”

Cứ nghiên cứu như thế, thì trí tưởng tượng không thể tìm thấy một con đường mà theo đó các Đấng tự chủ (Self-poised), tự quyết (Self-determined) này có thể đạt đến sự thăng bằng hoàn hảo và sự chính xác vững chắc của mình triết, vốn làm cho các Ngài thích hợp để trở thành “khuôn mẫu” (“nature”) của một hệ thống tiến hóa (system), chỉ ngoại trừ con đường đấu tranh và kinh nghiệm mà theo đó ngày nay chúng ta đang phấn đấu.



Vì liệu có thể có một Thượng Đế ngoại vũ trụ (extra-cosmic God) với bản chất nào khác hơn bản chất của Chân Ngã mà chúng ta thấy đang khai mở chung quanh chúng ta trong sự chắc chắn hài hòa của một trình tự có liên kết, với bản chất không có qui luật và bất thường, hay thay đổi và độc đoán, không thể lường trước được, thì bấy giờ [427] từ trong sự hỗn mang đó, có thể nảy ra một thực thể được gọi là “hoàn hảo”, nhưng thực ra là bất toàn nhất, vì bị hạn chế nhất, thực thể này không có chút kinh nghiệm nào đằng sau y; và do đó không có lý trí và không biết xét đoán, có thể hoạt động “một cách chính xác” (nghĩa là phù hợp với) trong bất cứ hệ thống đã định nào, và làm việc cật lực, như một cái máy, đúng theo trình tự chuyển động đã được sắp xếp cho nó. Nhưng một thực thể như thế chỉ thích hợp với hệ thống của riêng y, và ngoài nơi đó ra, y sẽ trở nên vô dụng, thiếu khả năng. Ở đây cũng không có sự sống nào, vốn là sự tự thích ứng bằng cách thay đổi theo các tình trạng đổi thay mà không có sự mất mát, sự tan rã của trung tâm của nó. Nhờ con đường đầy trở ngại mà chúng ta đang leo lên này, chúng ta đang được chuẩn bị cho mọi trường hợp cấp thiết trong các vũ trụ vị lai mà chúng ta có thể phải làm việc với chúng, và đó là một kết quả xứng đáng với các thử thách mà chúng ta được đặt vào.

Chúng ta cũng đừng quên rằng chúng ta ở đây là vì chúng ta đã quyết chí khai mở các quyền năng của chúng ta qua các kinh nghiệm của sự sống trên các cõi thấp; đừng quên rằng số phận của chúng ta là do ta tự chọn chớ không phải bị áp đặt; đừng quên rằng chúng ta đang ở tại cõi này là thể theo kết quả của “Ý-Muốn-[428] Linh-Hoạt” (“Will-to-Live”) của chính chúng ta (của chính Chân Thần chúng ta-ND), đừng quên rằng nếu Ý-Muốn đó bị thay đổi – mặc dù

trong thực tế nó không thay đổi như thế – thì chúng ta sẽ chấm dứt việc sống ở cõi này và trở lại chốn An Bình (the Peace), mà không thu lượm được kết quả nào mà vì đó, ta mới đến cõi này, “Không có ai khác ép buộc được ta” (“None else compels”).

### 3- Quyền năng của Ý Chí.

Quyền năng này – trong Huyền Linh Học (Occultism), được nhận biết dưới hình thức năng lượng tinh thần trong con người, nó cùng loại với năng lượng đang xạ ra, đang nâng đỡ và đang phát ra trong các cõi giới – mà hiện nay đang được thế giới bên ngoài dò dẫm tìm kiếm, và đang được nhiều người sử dụng gần như một cách vô thức như một phương tiện mang lại các kết quả không thể đạt được bằng cách nào khác. Các trường phái của Khoa Học Cơ Đốc, Khoa Tâm Thần Học, Chữa Trị Tâm Thần v.v..., tất cả đều dựa vào quyền năng đang tuôn ra của Ý Chí này cho các kết quả của chúng. Nhiều bệnh tật nhùng nhẽ cho dòng năng lượng đó, chứ không chỉ các xáo trộn thần kinh như một số người tưởng như thế. Các xáo trộn thần kinh chịu thua dễ dàng nhất, bởi vì hệ thần kinh đã được định hình cho sự biểu lộ của các quyền năng tâm linh trên cõi trần. Các kết quả nhanh chóng nhất khi nào hệ thần kinh [429] giao cảm được tác động trước tiên, vì đó là hệ thống có liên quan trực tiếp với trạng thái Ý Chí dưới hình thức Dục Vọng, trong khi hệ thần kinh não tủy có liên hệ trực tiếp hơn với trạng thái Nhận Thức và trạng thái Ý Chí thuần túy. Việc làm tan các khối u (tumours), các ung thư (cancers) v.v..., và việc phá hủy các nguyên nhân của chúng, việc chữa trị các vết thương và các chỗ gãy xương, trong hầu hết trường hợp đều hàm ý có sự hiểu biết đáng kể về phía người chữa trị. Tôi nói “hầu hết”

bởi vì có thể là Ý Chí được dẫn dắt từ cõi cao, thậm chí ở nơi mà kiến thức ở cõi trần không có, như trong trường hợp của một nhà giải phẫu ở trình độ tiến hóa cao. Khi có sự hiểu biết đó thì phương pháp chữa trị sẽ như sau: nhà giải phẫu sẽ dùng thể trí tạo ra một hình ảnh hoàn toàn khỏe mạnh của cơ quan cần chữa trị, y tạo ra phần đó trong chất trí bằng sự tưởng tượng, kế đó y đắp thêm chất cảm dục vào hình ảnh đó, nhờ thế làm cho hình ảnh dày đặc hơn, rồi kế đó dùng từ lực làm cô đặc thêm nữa bằng chất dĩ thái, đắp các chất liệu trọng trọc hơn như các chất khí, lỏng và đặc vào cái khuôn này bằng cách dùng các chất liệu có sẵn trong thể xác và bổ sung từ bên ngoài vào bất cứ chỗ khiếm khuyết nào. [430] Trong mọi việc này, Ý Chí là năng lượng hướng dẫn, còn việc vận dụng chất liệu như thế chỉ là một vấn đề hiểu biết, dù cho ở cõi này hay trên các cõi cao. Không có nguy hiểm nào trong các chữa trị được tiến hành theo phương pháp này, vốn đi kèm với những phương pháp được thực hiện bởi một hệ thống dễ dàng hơn, và do đó, thông thường hơn, bằng việc tác động trên hệ thần kinh giao cảm đã nói ở trên.

Trong một số phương pháp được phổ biến hiện nay, mọi người được khuyên tập trung tư tưởng vào bí huyết nhật tùng (solar plexus) và “sống dưới sự kiểm soát của bí huyết này”. Hệ thần kinh giao cảm chi phối các tiến trình sự sống – như việc hoạt động của tim, phổi, bộ máy tiêu hóa – và nhật tùng tạo thành bí huyết quan trọng nhất của hệ giao cảm. Như đã giải thích ở trước (Phần I, ch.X, 1) việc hoạt động của các tiến trình sự sống này được đặt dưới sự kiểm soát của hệ thần kinh giao cảm theo tiến trình tiến hóa hiện nay, trong khi hệ thần kinh não tủy trở nên ngày càng quan trọng hơn. Việc phục hồi sự kiểm soát của hệ giao cảm bằng Ý Chí, bằng tiến trình tập trung tư tưởng vào đó, là một thoái bộ chớ

không phải là một bước tiến, cho dầu nó thường mang lại [431] một mức độ nhãn thông nào đó. Như đã nói, phương pháp này được nhiều người ở Ấn Độ trong hệ-phái được gọi là Hatha Yoga đi theo, và môn sinh học cách kiểm soát sự hoạt động của tim, phổi và bộ máy tiêu hóa. Như vậy y có thể ngăn cản tim đập, làm phổi ngưng thở, có thể đảo ngược nhu động (1) v.v... Khi làm được điều này, một câu hỏi nảy sinh: Với sự thành công đó, bạn thu lượm được gì? Một lần nữa, bạn đưa vào, dưới sự kiểm soát của Ý Chí, một hệ thống mà trong diễn trình tiến hóa, hệ thống đó đã được làm cho trở thành tự động, đem lại tiện lợi rất nhiều cho người chủ của các chức năng thấp kém này, và như thế là một sự tụt hậu trong cơ tiến hóa. Khi làm được điều này có nghĩa là cuối cùng sẽ thất bại, cho dù có thể tạm thời có một kết quả rõ rệt để phô trương.

Hơn nữa, việc tập trung tư tưởng vào một trung tâm của hệ thần kinh giao cảm, và nhất là vào bí huyết nhật tùng, có nghĩa là tạo ra một nguy hiểm nghiêm trọng cho thể xác, trừ phi hành giả được đặt dưới sự theo dõi trực tiếp của sư phụ y, hoặc là hành giả có thể nhận được và đưa qua bộ óc xác thịt các giáo huấn từ [431] cõi cao được ban xuống cho y. Việc định trí vào bí huyết nhật tùng có khuynh hướng gây ra bệnh tật thuộc loại khó trị. Bệnh phát ra ở tình trạng u uất sâu sắc, hầu như không thể loại bỏ, trong những cơn trầm cảm khủng khiếp, và đôi khi ở một hình thức tê liệt.

Một môn sinh nghiêm túc muốn có sự hiểu biết về Chân Ngã thì không nên đi theo các đường lối này. Khi có được sự hiểu biết đó thì xác thân trở thành khí cụ mà Chân Ngã có thể

---

<sup>1</sup> Nhu động: hoạt động co thắt của ruột, giống hình con sâu (nhu) đang di chuyển, để loại bỏ chất ra ngoài cơ thể. (ND)

tác động lên, và trong khi chờ đợi, tất cả những gì cần làm là thanh luyện và thanh lọc xác thân, sao cho xác thân đó có thể hòa hợp được với các thể cao, và được chuẩn bị để rung động nhịp nhàng với các thể cao đó. Như thế bộ óc sẽ trở nên dễ đáp ứng hơn, và nhờ việc suy tư cần mẫn và thực hành thiền định – không phải dựa trên bộ óc, mà là dựa trên các ý tưởng cao siêu – bộ óc sẽ dần dần được cải thiện. Bộ óc trở thành một cơ quan hoàn hảo hơn khi nó được luyện tập, và điều này thì ở trên đường tiến hóa. Trái lại, tác động trực tiếp trên mạng lưới thần kinh của hệ giao cảm là ở trên con đường thoái hóa. Nhiều người đến, cầu xin được giải cứu khỏi các hậu quả của những cách thực hành này, và người ta chỉ có thể trả lời một cách buồn bã: “Phải mất nhiều năm mới xóa bỏ được sự tổn hại này”. Có thể đạt được kết quả mau lẹ [433] bằng cách đi lùi lại, nhưng tốt hơn là tìm hướng đi lên, và tiếp theo là vận dụng cái khí cụ hồng trần từ bên trên, chớ không phải từ bên dưới.

Trong việc chữa trị bệnh tật bằng Ý Chí, có một vấn đề khác cần được xem xét, đó là nguy hiểm của việc đuổi bệnh tật vào một thể cao khi đuổi nó ra khỏi thể xác. Thường thường bệnh tật là thể hiện cuối cùng của một điều tệ hại (evil) vốn có trước đây trên các cõi cao, và bấy giờ tốt hơn hết là để cho nó thể hiện hơn là ngăn trở nó bằng sức mạnh và ném nó trở lại vào thể tinh anh hơn. Đó là sự thể hiện cuối cùng của một ham muốn tệ hại hay tư tưởng xấu xa, và trong trường hợp này, việc dùng phương tiện vật lý để chữa trị lại an toàn hơn là dùng phương tiện trí não, vì cách trước không thể ném bệnh tật trở lại các cõi cao, trong khi cách sau có thể làm được như thế. Chữa trị bằng thôi miên không lâm vào cái nguy hiểm này vì nó thuộc về cõi trần. Bất cứ người nào có đời sống, tư tưởng và ham muốn trong sạch đều có thể sử

dụng phương pháp này. Nhưng vào lúc mà các mãnh lực của Ý Chí được tuôn đổ vào thể xác, thì có một mối nguy hiểm của sự phản ứng và của việc đẩy bệnh tật trở lại các thể tinh anh mà từ đó nó xuất phát. [434]

Nếu việc chữa trị bằng trí được thi hành bằng cách thanh lọc tư tưởng và dục vọng, và sự tác động yên tĩnh tự nhiên của các tư tưởng và dục vọng đã được thanh lọc lên thể xác không thể gây ra hậu quả tai hại nào. Phục hồi sự hài hòa cho thể xác bằng cách tạo hài hòa cho thể trí và thể cảm dục là một phương pháp đúng để chữa trị bằng trí, nhưng nó không nhanh như cách chữa trị bằng Ý Chí và khó hơn nhiều. Thể trí có trong sạch thì thể xác mới lành mạnh; và chính ý tưởng này – trí được trong sạch, xác mới được lành mạnh – đã đưa nhiều người đến chỗ chấp nhận các phương pháp chữa trị bằng trí này.

Người nào có thể trí hoàn toàn trong sạch và hoàn toàn quân bình, sẽ không làm nảy sinh bệnh hoạn mới trong thể xác, mặc dầu người ấy có thể có nghiệp quả chưa cạn kiệt nào đó cần được trang trải, hoặc là người đó có thể thu nhận vào chính mình một số các bất hài hòa do kẻ khác gây ra. Trong sạch và khỏe mạnh quả thật đi đôi với nhau.

Khi có trường hợp một vị thánh nào đó chịu đau đớn về xác thân, thì đó là trường hợp hoặc là vị này đang thanh toán hậu quả của tư tưởng thiếu tốt lành trong quá khứ, hoặc là đang mang trong chính ngài cái gì đó bất hài hòa của thế gian, chuyển qua cho chính ngài các mãnh lực bất hài hòa đó, làm cho chúng thành hài hòa trong chính các hiện thể của ngài [435] và phóng chúng ra lại dưới hình thức các luồng an bình và thiện chí. Nhiều người lấy làm khó hiểu khi thấy có người cao thượng nhất và trong sạch nhất chịu đau khổ cả về trí tuệ lẫn xác thân. Họ đau khổ vì người khác chớ không

phải vì chính họ, và họ thực sự là các nhà Huyền linh học (White Magicians), đang chuyển hóa bằng thuật giả kim tinh thần, trong các lò luyện bằng xác thân gánh chịu đau khổ của chính họ, các kim loại thường, là các đam mê của con người, thành vàng ròng, là bác ái và an bình.

Ngoài câu hỏi về các cách tác động lên xác thân bằng Ý Chí, một câu hỏi khác nảy sinh trong đầu óc biết suy tư: Có nên dùng Ý Chí theo cách này để tự giúp chính mình không? Phải chăng không có việc giảm giá trị khi dùng quyền năng cao siêu nhất của Đấng Thánh Linh (Divine) bên trong chúng ta vào việc phụng sự xác thân chúng ta, để mang lại chỉ một tình trạng sức khỏe tốt đẹp mà thôi? Có tốt đẹp chẳng khi Đức Thánh Linh nên biến đá thành bánh mì và vì thế sa ngã dưới chính sự cám dỗ mà Đức Christ đã chống lại? Câu chuyện này có thể được xem là có thật hay là huyền thoại đều không thành vấn đề. Nó có chứa một chân lý tâm linh sâu xa và một ví dụ về việc tuân theo một định luật huyền linh. Câu trả lời của [436] kẻ bị thử thách vẫn đúng: “Con người không phải sống chỉ bằng bánh mì, mà còn bằng mọi lời nói phát ra từ miệng của Thượng Đế”. Câu nói đạo đức này dường như thuộc về cõi cao siêu hơn là cõi đang ràng buộc Thánh Linh vào việc phụng sự thể xác. Một trong các nguy hại của thời nay là tôn thờ xác thân, đặt xác thân lên tận đỉnh cao – đây là một phản ứng lại việc khổ hạnh thái quá. Khi dùng Ý Chí phụng sự xác thân là chúng ta biến Ý Chí thành nô lệ cho xác thân. Và khi lúc nào cũng dùng Ý Chí để xua đi những cái đau nho nhỏ, thì vô tình làm mất đi tính chất cao siêu của việc chịu đựng. Người nào hành động như thế thường thì hay nổi nóng vì những cái khó chịu nhỏ ở xác thân mà Ý Chí không thể xua đi được, và cái quyền năng cao siêu của Ý Chí vốn có thể kiểm soát xác thân và nâng đỡ nó trong công việc

của nó, mặc dù nó đang đau khổ, lại bị hủy hoại đi. Việc do dự khi dùng quyền năng của Ý Chí cho việc trợ giúp nhu cầu xác thân không xuất phát từ bất cứ sự nghi ngờ nào đối với sự hợp lý của tư tưởng, tính xác thực của định luật mà hành động như thế dựa vào; mà là xuất phát từ một sự e ngại rằng con người có thể sa ngã dưới sự cám dỗ của việc dùng những gì có thể nâng họ lên đến các lĩnh vực tâm linh như là vị mục sư của [437] thể xác, và như vậy có thể trở thành những kẻ nô lệ của xác thân, và trở nên vô dụng khi mà xác thân không giúp họ được trong lúc cần thiết.

Có một định luật huyền linh ràng buộc mọi Điểm đạo đồ, ấy là y không được phép dùng quyền năng huyền bí để trợ giúp chính y; nếu làm thế vị Đạo Đồ sẽ mất đi năng lực giúp đỡ kẻ khác, và thật là không đáng chút nào khi mất đi cái lớn mà chỉ lấy được cái nhỏ. Câu chuyện thường được nói đến về sự cám dỗ của Đức Christ có một ý nghĩa cao xa hơn là hầu hết mọi người hiểu. Nếu Ngài đã dùng năng lực huyền bí của Ngài để biến đá thành bánh mì hầu giúp cho Ngài qua cơn đói, thay vì dùng nghị lực kiên nhẫn chờ thực phẩm do các Thiên Thần (Shining Ones) mang lại, thì sau này Ngài sẽ không có khả năng chịu đựng được sự hy sinh huyền bí trên Thập Giá. Bởi đó, lời châm chọc được hướng vào Ngài có chứa đựng một chân lý huyền linh: “Ngài đã cứu những kẻ khác, mà Ngài không thể cứu chính Ngài”. Ngài không thể dùng cái quyền năng đã làm sáng mắt người mù và chữa lành người hủi để tránh cho chính Ngài sự đau khổ được. Những ai muốn tự cứu mình thì phải từ bỏ cái sứ mệnh thiêng liêng trở thành các Đấng Cứu Thế. Họ phải chọn giữa nhiệm vụ này với nhiệm vụ kia khi họ tiến hóa. Nếu trong lúc [438] tiến hóa, họ chọn nhiệm vụ thấp, và dùng các quyền năng to tát mà họ đã đạt được để phụng sự cho chính họ và



cho xác thân họ, thì bấy giờ họ phải từ bỏ nhiệm vụ cao cả hơn của việc dùng các quyền năng đó cứu độ nhân loại. Hiện nay có một hoạt động trí tuệ rộng lớn đến nỗi có nhu cầu lớn lao cho việc sử dụng các quyền năng của trí tuệ vào các mục tiêu cao cả nhất.

#### 4- Huyền linh thuật và Hắc thuật.

Huyền thuật (magic) là việc sử dụng Ý Chí để hướng dẫn các quyền năng của thiên nhiên bên ngoài, và thật ra, như tên của nó hàm ý, là một khoa học vĩ đại. Ý chí con người, là quyền năng của Đấng Thánh Linh trong con người, có thể khuất phục và kiểm soát các năng lượng thấp kém, và như vậy mang lại các kết quả mong muốn. Sự dị-biệt giữa Chánh Thuật (White Magic) với Hắc Thuật (Black Magic) nằm trong động cơ quyết định Ý Chí. Khi Ý Chí đó được khởi động để đem lợi ích cho người khác, để trợ giúp và ban phúc cho tất cả những ai đến trong phạm vi của Ý Chí đó, thì bấy giờ người đó là Nhà Huyền Linh thuật (White Magician), và các kết quả mà người này mang lại bằng việc thực hành Ý Chí có huấn luyện của y có lợi ích, và giúp vào dòng tiến hóa của nhân loại. [439] Nhờ thực hành như thế, nhà huyền linh thuật luôn luôn mở rộng, trở nên ngày càng ít tách ra khỏi đồng loại của y, và là một trung tâm cứu trợ rộng lớn.

Nhưng khi Ý Chí được dùng cho cái lợi của phàm ngã, khi nó được dùng cho các mục đích và mục tiêu cá nhân, thì bấy giờ người đó là một Nhà Hắc Thuật, một mối nguy cho nhân loại, và các kết quả của y chỉ gây cản trở và trì hoãn sự tiến hóa của nhân loại. Do hành động như thế, y luôn luôn co rút lại, và ngày càng tách khỏi đồng loại của y, tự nhốt kín trong một cái vỏ vốn cô lập y, và cái vỏ này trở nên ngày càng dày đặc và trọng trực hơn theo cùng với việc thực hành các

quyền năng mà y đã luyện tập. Ý Chí của Nhà Pháp Thuật (Magician) bao giờ cũng mạnh, nhưng Ý Chí của Nhà Huyền Linh Thuật thì mạnh theo cùng với sức mạnh của sự sống, uyển chuyển khi cần, cứng rắn khi cần, nhưng bao giờ cũng đồng hóa với Ý Chí vĩ đại, với Thiên Luật của vũ trụ. Ý Chí của Nhà Hắc Thuật có sức mạnh sắt đá, luôn luôn hướng về mục đích cá nhân, chống lại với Ý Chí vĩ đại, không sớm thì muộn cũng tự vỡ tan thành từng mảnh trước Thiên Ý. Chính vì cái nguy hại của Hắc Thuật mà đạo sinh Huyền linh học được Thiên luật bảo vệ để chống lại Hắc Thuật, Thiên Luật ngăn cấm đạo sinh dùng các quyền năng huyền bí của y cho [440] chính y, vì không một ai trở thành Nhà Hắc Thuật nếu kẻ đó không cố tâm lấy Ý Chí cá nhân của mình chống lại Thiên Luật, ai cũng nên biết rõ cái bản chất của Hắc Thuật và nên ngăn chặn từ chính lúc bắt đầu sự ác.

Như đã nói ở trên, vị thánh làm hài hòa các mãnh lực bất hài hòa trong chính Ngài, thực sự là Nhà Huyền Linh Thuật, còn nếu vị này dùng tất cả các sức mạnh có được nhờ hiểu biết, đưa chúng vào việc phụng sự cho tính chất chia rẽ của riêng mình, làm tăng thêm sự bất hài hòa của thế gian bằng sự tham lam ích kỷ của mình, trong khi tìm cách bảo toàn sự hài hòa trong các hiện thể riêng của mình, thì đó là Nhà Hắc Thuật.

### 3- Tiến vào cõi an bình.

Khi Chân Ngã đã trở nên đứng vững trước các hiện thể mà y trú ngụ trong đó đến nỗi những rung động của các hiện thể đó không còn ảnh hưởng đến y nữa; khi y có thể dùng các hiện thể này vào bất cứ mục tiêu nào; khi cái thấy của trở nên thấu suốt hoàn toàn; khi các hiện thể không còn tỏ ra đối kháng nữa vì sự sống hành khí (elemental life) đã rời khỏi

chúng rời và chỉ có sự sống đang tuôn tràn từ chính Chân Ngã làm sinh động các hiện thể, thì lúc bấy giờ sự an bình (Peace) mới bao phủ [441] Chân Ngã và mục tiêu của sự đấu tranh lâu dài mới được đạt tới. Một người an trụ vào Chân Ngã thì không còn lằm lộn y với các hiện thể của y nữa. Chúng giở đây là các dụng cụ để cho Chân Ngã tùy ý hoạt động và sử dụng. Lúc đó y đã nhận thức được sự an bình của Chân Sư, Đấng hoàn toàn làm chủ các hiện thể của Ngài, do đó làm chủ được sự sống và cái chết. Một người như thế có khả năng thu nhận vào các hiện thể của mình sự xáo trộn của thế gian và có khả năng đưa sự xáo trộn đó vào hài hoà. Một người như thế có khả năng cảm nhận, xuyên qua các hiện thể của mình, những nỗi đau của kẻ khác mà chính mình không bị đau khổ nhờ đã tách mình ra khỏi mọi phong ba. Tuy nhiên, bao giờ người này cũng có thể cúi xuống đi vào con bão để nhắc kẻ khác lên mà không mất đi chỗ đặt chân của mình trên tảng đá của Đấng Thánh Linh, nhờ biết rõ chính mình là chính Đấng Thánh Linh. Các Chân Sư thật ra là như thế, và sự an bình của các Ngài đôi khi được cảm nhận, ít nhất là trong một lúc, bởi những người đang cố gắng bước lên cùng con đường, tuy những người này chưa đạt đến cùng tảng đá của Đấng Thánh Linh Hữu Ngã thức (Self-conscious Divine).

Sự hợp nhất đó của Ý Chí riêng rẽ với Ý Chí duy nhất để giúp đỡ thế gian là mục tiêu dường như đáng đạt đến hơn là bất cứ điều gì có thể có được ở thế gian. [442] Đừng tách biệt khỏi con người, mà hãy hợp nhất với họ; đừng giành lấy sự an bình và phúc lạc một mình, mà hãy nói với Đấng Chân Phước người Trung Hoa (Chinese Blessed One): “Tôi sẽ không bao giờ đi vào chốn an bình một mình, mà luôn luôn và ở mọi nơi, tôi sẽ chịu đau khổ và đấu tranh cho đến khi

mọi người cùng vào với tôi” – đó là phần thưởng của nhân loại. Trong sự cân xứng, chúng ta có thể hiểu được rằng sự đau khổ và sự đấu tranh càng hữu hiệu hơn khi chúng ta chỉ đau khổ trong những đau khổ của kẻ khác, chớ không cảm thấy đau cho chính chúng ta, thì chúng ta sẽ leo lên vào Đấng Thánh Linh, sẽ bước lên “con đường đạo mỏng như dao cạo” mà các Đấng Cao Cả đã bước lên, và sẽ thấy rằng Ý Chí (vốn đã dẫn dắt chúng ta theo con đường đó, và hiểu được chính nó trong khi bước trên con đường đó) thậm chí đủ mạnh để đau khổ và để đấu tranh, cho đến khi sự đau khổ và sự xung đột đối với mọi người đã chấm dứt, và mọi người cùng nhau tiến vào chốn An Bình./.

## NGUYỄN CẦU VẠN VẬT THÁI BÌNH

(Peace To All Beings)

